

Số: /CPNT2-KHTH

No: /CPNT2 -KHTH

"V/v: CBTT Báo cáo thường niên năm 2025".

Re: Disclosure Information Annual Report 2025.

Đồng Nai, ngày tháng 3 năm 2026

Dong Nai, March 19th, 2026

**CÔNG BỐ THÔNG TIN TRÊN CỔNG THÔNG TIN ĐIỆN TỬ
CỦA ỦY BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC VÀ SỞ GDCK TP.HCM
DISCLOSURES ON THE PORTAL OF THE STATE SECURITIES
COMMISSION OF VIETNAM AND HO CHI MINH CITY STOCK EXCHANGE**

Kính gửi/To:

- Ủy ban Chứng khoán Nhà nước.
State Securities Commission of Vietnam.
- Sở Giao dịch Chứng khoán Việt Nam.
Vietnam Stock Exchange.
- Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh.
Ho Chi Minh City Stock Exchange.

1. Tên Công ty: Công ty Cổ phần Điện lực Dầu khí Nhơn Trạch 2
Company name: Nhon Trach 2 PetroVietnam Power Joint Stock Company
2. Mã chứng khoán/ *Ticker symbol*: NT2
3. Địa chỉ trụ sở chính: Trung tâm Điện lực Dầu khí, xã Đại Phước, tỉnh Đồng Nai
Head office address: PetroVietnam Power Center, Dai Phuoc Commune, Dong Nai province.
4. Điện thoại/*Phone*: 0251. 2225.893 Fax: 0251. 2225.897
5. Người thực hiện CBTT/*Person performing information disclosure*: Nguyen Van Quyen
6. Loại thông tin công bố/*Type of information disclosure*: ☐ 24h ☐ Bất thường/*Request*
☐ Theo yêu cầu/*Abnormal* ☒ Định kỳ/*Periodic*
7. Nội dung của thông tin công bố/*Content of disclosure information*:
Báo cáo thường niên năm 2025/*Annual Report 2025* (Đính kèm/*Attached*)
8. Thông tin này được công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty CP Điện lực Dầu khí Nhơn Trạch 2 vào ngày 19/03/2026 tại địa chỉ: <http://www.pvpnt2.vn/quan-he-co-dong/cong-bo-thong-tin>.

This information was published on the website of Nhon Trach 2 PetroVietnam Power Joint Stock Company on March 19th, 2026, at the following address: <http://www.pvpnt2.vn/quan-he-co-dong/cong-bo-thong-tin>.

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung thông tin đã công bố.

We hereby certify that the information disclosed above is true and correct and we bear full responsibility to the law.

Trân trọng ./.

Respectfully yours./.

Nơi nhận/Recipients:

- Như trên/As above.
- CT. HĐQT/ Chairman of the Board.
- Giám đốc/ Director.
- BKS/ Head of the Board of Supervisors.
- Lưu/Filed: VT; P. TCKT.

Đính kèm/ Attachment:

- Báo cáo thường niên năm 2025/Annual Report 2025



**NGƯỜI ĐƯỢC ỦY QUYỀN
THỰC HIỆN CBTT
AUTHORIZED REPRESENTATIVE FOR
INFORMATION DISCLOSURE**



Nguyễn Văn Quyền

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐIỆN LỰC DẦU KHÍ NHƠN TRẠCH 2



BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN 2025



MỤC LỤC

THÔNG điệp CỦA CHỦ TỊCH HĐQT VÀ GIÁM ĐỐC	8
TẦM NHÌN, SỨ MỆNH, GIÁ TRỊ CỐT LÕI.....	10
1. Tầm nhìn	10
2. Sứ mệnh.....	10
3. Giá trị cốt lõi	10
I. TỔNG QUAN CÔNG TY	10
1. Thông tin khái quát.....	10
2. Quá trình hình thành và phát triển	11
3. Ngành nghề và địa bàn kinh doanh của Công ty	13
3.1 Ngành nghề kinh doanh	13
3.2 Địa bàn kinh doanh	13
4. Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý	13
4.1 Mô hình quản trị	13
4.1.1 Đại hội đồng cổ đông	13
4.1.2 Hội đồng quản trị	14
4.1.3 Ban Kiểm soát	14
4.1.4 Bộ phận kiểm toán nội bộ	14
4.1.5 Ban Điều hành.....	15
4.1.6 Các phòng chức năng và phân xưởng vận hành	15
4.2 Sơ đồ tổ chức.....	16
4.3 Công ty con, công ty liên kết của NT2	16
5. Định hướng phát triển	16
5.1 Các mục tiêu chủ yếu của Công ty	16
5.2 Chiến lược phát triển trung và dài hạn	17
5.3 Các mục tiêu phát triển bền vững	18
5.3.1 Mục tiêu, trách nhiệm về sản xuất và môi trường.....	19
5.3.2 Mục tiêu, trách nhiệm đối với người lao động	20
5.3.3 Mục tiêu, trách nhiệm với cộng đồng và xã hội	20
5.4 Chương trình chính liên quan đến mục tiêu ngắn hạn và trung hạn của Công ty.....	20
5.5 Công tác bảo vệ môi trường và tiết kiệm năng lượng	21
5.5.1 Cơ sở thực hiện công tác bảo vệ môi trường và tiết kiệm năng lượng.....	21

5.5.2 Công tác bảo vệ môi trường	22
5.5.3 Tiết kiệm năng lượng	22
6. Các rủi ro có thể ảnh hưởng đến hoạt động công ty	23
6.1 Rủi ro đặc thù	23
6.1.1 Rủi ro nguyên vật liệu đầu vào.....	24
6.1.2 Rủi ro tỷ giá	24
6.1.3 Rủi ro về cạnh tranh	24
6.2 Rủi ro kinh tế	25
6.3 Rủi ro chính sách, luật pháp	26
6.4 Rủi ro về biến động giá cổ phiếu.....	26
6.5 Rủi ro về môi trường	26
II. TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM	27
1. Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh.....	27
2. Tổ chức và nhân sự	33
2.1 Hội đồng quản trị.....	33
2.1.1 Thành viên Hội đồng quản trị.....	33
2.1.2 Tóm tắt lý lịch cá nhân các thành viên trong Hội đồng quản trị.....	33
2.2 Ban điều hành	34
2.2.1 Thành viên Ban Điều hành.....	34
2.2.2 Tóm tắt lý lịch cá nhân các thành viên trong Ban Điều hành.....	34
2.3 Ban kiểm soát.....	36
2.3.1 Thành viên Ban kiểm soát.....	36
2.3.2 Tóm tắt lý lịch cá nhân các thành viên trong Ban kiểm soát.....	36
2.4 Sự thay đổi Hội đồng quản trị, Ban điều hành và Ban Kiểm soát trong năm 2025	37
2.5 Số lượng lao động và cơ cấu lao động.....	37
2.5.1 Số lượng lao động:	37
2.5.2 Cơ cấu lao động:.....	38
3. Tình hình đầu tư, tình hình thực hiện các dự án lớn	38
4. Tình hình tài chính	39
4.1 Các chỉ tiêu chính.....	39
4.2 Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu	39
5. Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu	40

5.1	Cổ phiếu.....	40
5.2	Cơ cấu cổ đông.....	40
5.2.1	Theo tỷ lệ sở hữu.....	40
5.2.2	Theo loại hình cổ đông.....	41
5.3	Tình hình thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu.....	42
5.4	Giao dịch cổ phiếu quỹ.....	42
5.5	Số lượng cổ phiếu quỹ:	42
5.6	Các chứng khoán khác:	42
III.	BÁO CÁO VÀ ĐÁNH GIÁ CỦA BAN ĐIỀU HÀNH.....	42
1.	Tình hình phát triển ngành Điện.....	42
2.	Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh.....	43
2.1	Đánh giá chung:	44
2.2	Những điểm nổi bật tạo nên thành tích năm 2025.....	45
3.	Tình hình tài chính	46
3.1	Tình hình Tài sản	46
3.2	Nguồn vốn chủ sở hữu	47
3.3	Tình hình nợ phải trả.....	47
3.4	Khả năng sinh lời	47
4.	Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý.....	47
4.1	Nâng cao năng lực bộ phận Kiểm toán nội bộ.....	47
4.2	Nâng cao công tác quản lý kế hoạch, sản xuất kinh doanh	48
4.3	Nghiên cứu ứng dụng và phát triển công nghệ - kỹ thuật	48
4.4	Áp dụng hệ thống ISO 14001 và ISO 45001 vào hoạt động sản xuất kinh doanh.....	49
4.5	Áp dụng vận hành theo ca/kíp	49
5.	Kế hoạch phát triển tương lai.....	49
5.1	Kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2026.....	49
5.2	Kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2026- 2030	50
5.3	Kế hoạch bảo dưỡng, sửa chữa.....	51
5.4	Kế hoạch đầu tư phát triển.....	51
6.	Giải trình của Ban Điều hành đối với ý kiến của kiểm toán (nếu có):.....	52
7.	Báo cáo đánh giá liên quan đến trách nhiệm về môi trường xã hội của Công ty	52
7.1	Đánh giá liên quan đến công tác thực hành tiết kiệm năng lượng	53

7.2	Đánh giá liên quan đến vấn đề người lao động.....	54
7.3	Đánh giá liên quan đến trách nhiệm của doanh nghiệp đối với cộng đồng địa phương.....	54
IV.	ĐÁNH GIÁ HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ.....	55
1.	Về các mặt hoạt động của Công ty.....	55
2.	Về hoạt động của Ban Điều hành.....	56
3.	Các kế hoạch định hướng của Hội đồng quản trị năm 2026.....	58
V.	QUẢN TRỊ CÔNG TY.....	58
1.	Hội đồng quản trị.....	58
1.1	Thành viên và cơ cấu Hội đồng quản trị.....	58
1.2	Sự thay đổi thành viên Hội đồng quản trị và Ban Kiểm soát trong năm 2025.....	58
1.3	Các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị.....	59
1.4	Hoạt động của Hội đồng quản trị.....	59
1.5	Nội dung và kết quả của các cuộc họp Hội đồng quản trị.....	59
1.6	Hoạt động của thành viên độc lập Hội đồng quản trị.....	62
1.7	Hoạt động giám sát của Hội đồng quản trị đối với Ban Điều hành.....	62
1.8	Bồi dưỡng, đào tạo nâng cao kiến thức Quản trị Công ty.....	63
2.	Ban Kiểm soát.....	63
2.1.1	Số lượng cuộc họp của Ban Kiểm soát.....	63
2.1.2	Đánh giá hoạt động của Ban kiểm soát.....	63
2.2	Báo cáo kết quả làm việc của Ban Kiểm soát.....	64
2.2.1	Kết quả giám sát tình hình hoạt động và tài chính của công ty.....	64
2.2.2	Kết quả giám sát đối với thành viên HĐQT, BĐH và các cán bộ quản lý khác của công ty.....	64
3.	Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của HĐQT, Ban Điều hành và Ban Kiểm soát.....	65
3.1	Thù lao, thưởng và các khoản lợi ích khác.....	65
3.2	Các giao dịch cổ phiếu của người nội bộ và người liên quan của người nội bộ công ty.....	65
3.3	Hợp đồng hoặc giao dịch lớn với công ty con:.....	66
3.4	Thực hiện các quy định về Quản trị công ty.....	66
VI.	BÁO CÁO PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG.....	67
1.	Tổng quan về phát triển bền vững.....	67
2.	Định hướng phát triển xanh của công ty.....	68
3.	Các giải pháp triển khai đảm bảo phát triển bền vững.....	68
3.1	Duy trì và cải tiến hệ thống An toàn Sức khỏe Môi trường theo tiêu chuẩn quốc tế.....	68

3.2	Tạo môi trường làm việc sạch sẽ, gọn gàng khi áp dụng phương pháp 5S	69
3.3	Công tác an toàn phòng cháy chữa cháy	69
3.4	Công tác bảo vệ môi trường	70
4.	Sự tham gia của các bên liên quan	70
4.1	Đối với cổ đông	70
4.2	Đối với đối tác	71
4.3	Đối với chính phủ	71
4.4	Đối với cộng đồng	71
4.5	Đối với môi trường	71
5.	Tác động lên môi trường đối với phát thải nhà kính	72
6.	Quản lý nguồn nguyên liệu	73
6.1.	Sử dụng nguồn nguyên liệu	73
6.2.	Tái chế nguồn nguyên liệu	73
7.	Tiêu thụ năng lượng	74
7.1	Nhiên liệu khí và dầu DO	74
7.2	Điện sử dụng	74
7.3	Khí thải	75
8.	Tiêu thụ nước	76
8.1	Nguồn nước cung cấp	76
8.2	Lượng nước tái chế và sử dụng	77
8.3	Biện pháp tiết kiệm nước	77
8.4	Xử lý nước thải	77
9.	Chất thải	80
9.1	Chất thải rắn sinh hoạt	80
9.2	Rác thải phát sinh	80
9.3	Chất thải rắn công nghiệp thông thường	81
9.4	Chất thải nguy hại	81
10.	Tiếng ồn	82
11.	Các sáng kiến sử dụng năng lượng hiệu quả	82
11.1	Các sáng kiến cụ thể	82
11.2	Mức năng lượng tiết kiệm	83
12.	Tuân thủ pháp luật về bảo vệ môi trường	83

13.	Chính sách An toàn Sức khỏe Môi trường	84
14.	Chính sách liên quan đến người lao động.....	84
15.	Số lượng lao động và mức lương bình quân.....	87
16.	Chính sách đối với người lao động nhằm đảm bảo sức khỏe, an toàn	87
17.	Các chương trình đào tạo và số giờ đào tạo	92
17.1	Các chương trình đào tạo	92
17.2	Số giờ đào tạo.....	93
18	Chương trình phát triển kỹ năng người lao động	94
19	Báo cáo liên quan đến trách nhiệm đối với cộng đồng địa phương	94
VII.	BÁO CÁO TÀI CHÍNH	95
1.	Ý kiến kiểm toán.....	95
2.	Báo cáo tài chính được kiểm toán	95
	Báo cáo tài chính đã được kiểm toán cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025 như phụ lục đính kèm.....	95

THÔNG điệp của CHỦ TỊCH HĐQT VÀ GIÁM ĐỐC

Kính gửi: Quý cổ đông, nhà đầu tư và đối tác

Năm 2025 đánh dấu một chặng đường đầy khích lệ của Công ty cổ phần Điện lực Dầu khí Nhơn Trạch 2 “**Sản xuất an toàn, vững vàng tiến bước**”; không chỉ hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ sản xuất kinh doanh mà còn khẳng định được vai trò quan trọng trong việc đảm bảo an ninh năng lượng Quốc gia. Những thành quả đạt được trong năm qua là kết tinh của nỗ lực không ngừng của một tập thể cam kết, có trách nhiệm và khát vọng cống hiến vượt qua khó khăn, thử thách.

Năm 2025 bối cảnh kinh tế thế giới và khu vực tiềm ẩn nhiều bất ổn: Xung đột địa chính trị kéo dài, biến động giá năng lượng, cùng những thách thức nội tại của ngành điện – đặc biệt là tình trạng suy giảm nguồn khí tự nhiên và sự gia tăng nhanh của các nguồn năng lượng tái tạo – đã tạo áp lực lớn đối với hoạt động sản xuất kinh doanh của các doanh nghiệp phát điện khí tại Việt Nam. Bằng nội lực và kinh nghiệm, NT2 bước vào năm 2025 với tâm thế chủ động, kiên định và linh hoạt, Ban Lãnh đạo Công ty xác định khó khăn không chỉ là thách thức, mà còn là phép thử cho năng lực quản trị, điều hành và sức bền nội tại của doanh nghiệp.

Với sự chỉ đạo sát sao của Hội đồng Quản trị, sự điều hành quyết liệt của Ban Điều hành và sự đồng lòng, trách nhiệm của tập thể cán bộ công nhân viên, NT2 đã triển khai đồng bộ nhiều giải pháp trọng tâm: Chủ động bám sát diễn biến thị trường điện; xây dựng phương án chào giá linh hoạt, phù hợp từng thời điểm; tối ưu kế hoạch vận hành các tổ máy; điều chỉnh hợp lý kế hoạch bảo dưỡng, sửa chữa; đồng thời kiểm soát chặt chẽ chi phí sản xuất kinh doanh, đảm bảo an toàn sản xuất, cân đối dòng tiền phù hợp. Những giải pháp này đã giúp Công ty tận dụng hiệu quả các cơ hội thị trường, giảm thiểu tác động bất lợi từ yếu tố đầu vào và nâng cao hiệu quả hoạt động tổng thể.

Kết thúc năm 2025, NT2 ghi nhận kết quả sản xuất kinh doanh tăng trưởng vượt bậc. Sản lượng điện đạt 3.117,5 triệu kWh, tổng doanh thu đạt 8.132,85 tỷ đồng và đặc biệt lợi nhuận sau thuế đạt 1.130,28 tỷ đồng, vượt 405,47% so với kế hoạch năm và tăng mạnh so với năm trước. Đây không chỉ là con số ấn tượng về mặt tài chính, mà còn là minh chứng rõ nét cho năng lực quản trị, khả năng thích ứng và sự đoàn kết thống nhất của tập thể NT2 trong điều kiện thị trường nhiều biến động.

Song song với việc đảm bảo hiệu quả kinh doanh, NT2 luôn thực hiện đầy đủ nghĩa vụ với Nhà nước, cổ đông và cộng đồng. Trong năm 2025, Công ty đã nộp ngân sách Nhà nước 207,65 tỷ đồng, chi trả 15% cổ tức bằng tiền mặt với giá trị 431,81 tỷ đồng cho cổ đông. Công tác an sinh xã hội, chăm lo đời sống người lao động, cũng như các hoạt động vì cộng đồng tiếp tục được triển khai thiết thực, thể hiện trách nhiệm xã hội của doanh nghiệp.

Trên hành trình hơn 18 năm hình thành và phát triển, NT2 đã cung cấp cho hệ thống điện quốc gia hơn 60,48 tỷ kWh điện thương phẩm, khẳng định vai trò là một trong những nhà máy điện khí chu trình hỗn hợp vận hành hiệu quả, tin cậy trong hệ thống điện Việt Nam. Được vinh danh trong Top 100 Doanh nghiệp bền vững, Top 500 Doanh nghiệp lớn nhất Việt Nam, Doanh

nghiệp tiêu biểu vì người lao động và các danh hiệu uy tín khác trong năm 2025 là sự ghi nhận cho những nỗ lực bền bỉ của công ty trong suốt thời gian qua.

Bước sang giai đoạn tới, dự báo nền kinh tế Việt Nam tiếp tục duy trì đà hồi phục, nhu cầu phụ tải điện tăng trưởng trở lại, cùng với lộ trình phát triển thị trường điện cạnh tranh ngày càng rõ nét. Trên nền tảng kết quả đạt được trong năm 2025 “sản xuất an toàn, vững vàng tiến bước”, NT2 sẽ là đơn vị tiên phong, bám sát thị trường điện, chuẩn bị đầy đủ các điều kiện để tham gia hiệu quả thị trường điện bán buôn cạnh tranh, đồng thời tập trung nâng cao năng lực quản trị, tối ưu vận hành và phát triển bền vững. Chúng tôi tin tưởng rằng, với nội lực đã được tôi luyện qua nhiều năm tháng, tài chính minh bạch, đội ngũ CBCNV giỏi, đoàn kết, đồng lòng, cùng sự tin tưởng, đồng hành của Quý cổ đông, nhà đầu tư và các đối tác, NT2 sẽ tiếp tục vững vàng phát triển, hoàn thành tốt các mục tiêu Đại hội đồng cổ đông giao phó, mang lại giá trị lâu dài cho cổ đông và đóng góp tích cực cho sự phát triển chung của ngành điện và nền kinh tế đất nước.

Nhân dịp này, thay mặt Hội đồng Quản trị và Ban Điều hành Công ty, chúng tôi xin trân trọng cảm ơn sự tin tưởng, ủng hộ và đồng hành của Quý cổ đông, nhà đầu tư và các đối tác trong suốt thời gian qua; kính chúc Quý vị sức khỏe, hạnh phúc và thành công.

Trân trọng./.

CHỦ TỊCH HĐQT



Uông Ngọc Hải

GIÁM ĐỐC



Ngô Đức Nhân

TẦM NHÌN, SỨ MỆNH, GIÁ TRỊ CỐT LÕI

1. Tầm nhìn

Công ty cổ phần Điện lực Dầu khí Nhơn Trạch 2 phấn đấu trở thành công ty phát điện độc lập hàng đầu trong thị trường điện Việt Nam.

2. Sứ mệnh

- Đảm bảo cung cấp điện ổn định, an toàn, hiệu quả và thân thiện với môi trường.
- Nâng cao năng lực cán bộ công nhân viên, làm chủ công nghệ.
- Tạo ra những giá trị gia tăng bền vững cho cổ đông, khách hàng và cộng đồng.

3. Giá trị cốt lõi

NT2 trở thành biểu tượng thân thiện, hiệu quả và an toàn:

1. **Thân thiện:** Công nghệ thân thiện với môi trường; thân thiện trong hợp tác, ứng xử; Tạo dựng và phát triển thương hiệu, bản sắc văn hóa doanh nghiệp, với tinh thần xây dựng công ty trở thành “mái nhà chung” cho tập thể CBCNV và địa chỉ đầu tư tin cậy cho các cổ đông.
2. **Hiệu quả:** Tập trung vào hoạt động cốt lõi, đảm bảo sản xuất kinh doanh hiệu quả, cơ cấu bộ máy tổ chức tinh gọn, thực hành tiết kiệm, tìm kiếm cơ hội đầu tư, đem lại hiệu quả thiết thực và bền vững cho công ty và cổ đông.
3. **An toàn:** Đảm bảo nhà máy hoạt động ổn định, tránh các sự cố máy móc thiết bị và con người; nhân sự được trang bị đầy đủ kiến thức an toàn sức khỏe môi trường.

I. TỔNG QUAN CÔNG TY

1. Thông tin khái quát

- Tên giao dịch: Công ty cổ phần Điện lực Dầu khí Nhơn Trạch 2
- Tên tiếng Anh: PetroVietnam Power Nhon Trach 2 Joint Stock Company
- Giấy CNĐKDN: số 3600897316 đăng ký lần đầu ngày 20/06/2007, đăng ký thay đổi lần thứ 13 ngày 21/09/2022.
- Vốn điều lệ: 2.878.760.290.000 đồng.
- Vốn chủ sở hữu tại thời điểm 31/12/2025: 4.859,4 tỷ đồng.
- Địa chỉ: Trung tâm Điện lực Dầu khí, xã Đại Phước, tỉnh Đồng Nai.
- Số điện thoại: (0251) 2225 899
- Số fax: (0251) 2225 897
- Website: www.pvpnt2.vn
- Mã cổ phiếu: NT2

2. Quá trình hình thành và phát triển

Năm 2007

- Ngày 15/06/2007, thành lập Công ty cổ phần Điện lực Dầu khí Nhơn Trạch 2

Năm 2008.

- Ngày 04/09/2008, tổ chức lễ Phát động thi đua san lấp mặt bằng Nhà máy điện Nhơn Trạch 2.

Năm 2009.

- Ngày 27/06/2009, nguyên Chủ tịch nước Nguyễn Minh Triết bấm nút phát động khởi công xây dựng dự án Nhà máy điện Nhơn Trạch 2.

Năm 2010

- Ngày 22/01/2010, cổ phiếu của công ty đã chính thức giao dịch trên sàn giao dịch chứng khoán UPCoM.
- Ngày 31/12/2010, lần đầu phát điện lên lưới quốc gia.

Năm 2011

- Ngày 16/10/2011, phát điện chu trình hỗn hợp, vận hành thương mại toàn bộ Nhà máy điện Nhơn Trạch 2 vượt tổng tiến độ 45 ngày.
- Ngày 12/11/2011, tổ chức lễ khánh thành Nhà máy điện Nhơn Trạch 2 và đón nhận Huân chương Lao động Hạng Ba.

Năm 2012

- Tháng 10/2012, đạt "Giải vàng Châu Á cho Nhà máy điện được xây dựng nhanh nhất" do Hội điện lực Châu Á trao tặng.

Năm 2013:

- Ngày 28/1/2013, NT2 được vinh dự cầm biển 1 trong 10 công trình thanh niên tiêu biểu toàn quốc giai đoạn 2007-2012.
- Ngày 25/9/2013, đạt mốc sản lượng 10 tỷ kWh.

Năm 2014

- Ngày 28/5/2014, ký hợp đồng mua bán điện giá chính thức với Công ty Mua bán điện (EPTC).

Năm 2015

- Ngày 12/06/2015, trao quyết định niêm yết và chào mừng ngày giao dịch chính thức cổ phiếu NT2 trên HoSE.
- Ngày 11/10/2015, đạt mốc sản lượng điện 20 tỷ kWh.

Năm 2016

- Năm 2016, vinh dự nhận Huân chương Lao động hạng Nhì.

Năm 2017

- Ngày 03/10/2017, hoàn thành công tác đại tu nhà máy, vượt tiến độ 06 ngày, công suất tăng 24 MW so với trước đại tu.

- Ngày 26/10/2017, đạt mốc sản lượng điện 30 tỷ kWh.

Năm 2018

- Ngày 14/06/2018, NT2 được vinh danh Top 50 Công ty niêm yết tốt nhất Việt Nam do Forbes bình chọn.

Năm 2019

- Ngày 09/08/2019, NT2 nhận danh hiệu top 3 doanh nghiệp Midcap có hoạt động IR tốt nhất năm 2019.
- Ngày 27/11/2019, NT2 nhận danh hiệu Top 10 doanh nghiệp bền vững Việt Nam.
- Ngày 13/11/2019, NT2 đạt mốc sản lượng điện 40 tỷ kWh.

Năm 2020

- Ngày 21/10, NT2 hoàn thành công tác trung tu mở rộng Nhà máy điện Nhơn Trạch 2 vượt tiến độ 32 giờ.
- Ngày 05/12/2020, NT2 nhận danh hiệu Top 10 Thương hiệu mạnh ASEAN 2020.
- Ngày 10/12/2020, NT2 nhận danh hiệu Top 100 doanh nghiệp bền vững Việt Nam .

Năm 2021

- Ngày 09/12/2021, NT2 nhận danh hiệu Top 100 doanh nghiệp bền vững Việt Nam.
- Ngày 30/12/2021, NT2 nhận danh hiệu Top 500 doanh nghiệp lớn nhất Việt Nam.

Năm 2022

- Ngày 12/07/2022, NT2 đạt mốc sản lượng điện 50 tỷ kWh.
- Ngày 16/11/2022, NT2 nhận Bằng khen Doanh nghiệp tiêu biểu vì người Lao động của Bộ Lao động Thương binh và Xã hội.
- Ngày 01/12/2022, NT2 nhận danh hiệu Top 100 doanh nghiệp bền vững Việt Nam.

Năm 2023

- Ngày 02/11/2023, hoàn thành đại tu Nhà máy điện Nhơn Trạch 2 tại 100k EOH.
- Ngày 13/12/2023, NT2 nhận danh hiệu Top 100 doanh nghiệp bền vững Việt Nam.

Năm 2024

- Ngày 25/06/2024, NT2 nhận Bằng khen Doanh nghiệp tiêu biểu vì Người Lao động.
- Ngày 29/11/2024, NT2 nhận danh hiệu Top 100 doanh nghiệp bền vững Việt Nam.
- Ngày 08/1/2025, NT2 nhận danh hiệu Top 500 doanh nghiệp lớn nhất Việt Nam

Năm 2025

- Ngày 15/08/2025, NT2 nhận Bằng khen Doanh nghiệp tiêu biểu vì Người Lao động.
- Ngày 01/11/2025, NT2 nhận danh hiệu Sao vàng Thương hiệu Quốc gia 2025

- Ngày 05/12/2025, NT2 nhận danh hiệu Top 100 doanh nghiệp bền vững Việt Nam.
- Ngày 13/11/2025, NT2 đạt mốc sản lượng điện 60 tỷ kWh.

3. Ngành nghề và địa bàn kinh doanh của Công ty

3.1 Ngành nghề kinh doanh

- Sản xuất điện.
- Quản lý đầu tư xây dựng và vận hành công trình điện.
- Nhập khẩu nhiên liệu và xuất khẩu vật tư phụ tùng để sản xuất kinh doanh điện.
- Thực hiện các dịch vụ kỹ thuật thương mại trong lĩnh vực sản xuất, kinh doanh điện.
- Đào tạo nguồn nhân lực về quản lý vận hành, bảo dưỡng và sửa chữa các công trình nhiệt điện.

3.2 Địa bàn kinh doanh

- Trụ sở Công ty và Nhà máy điện Nhơn Trạch 2 đặt tại Trung tâm Điện lực Dầu khí, xã Đại Phước, tỉnh Đồng Nai.

4. Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý

4.1 Mô hình quản trị

- Đại hội đồng cổ đông.
- Hội đồng quản trị: 04 thành viên gồm: 01 chủ tịch Hội đồng quản trị và 03 thành viên Hội đồng quản trị (Trong đó có 01 thành viên độc lập Hội đồng quản trị).
- Ban kiểm soát: 03 thành viên, trong đó 01 Trưởng Ban kiểm soát và 02 thành viên Ban kiểm soát.
- Ban Điều hành: 05 thành viên, trong đó 01 Giám đốc, 03 Phó Giám đốc và 01 Kế toán trưởng.
- Các Phòng chức năng và Phân xưởng Vận hành.

4.1.1 Đại hội đồng cổ đông

Đại hội đồng cổ đông (ĐHĐCĐ) gồm tất cả cổ đông có quyền biểu quyết, là cơ quan có quyền quyết định cao nhất của Công ty cổ phần Điện lực Dầu khí Nhơn Trạch 2. ĐHĐCĐ họp thường niên mỗi năm một lần và trong thời hạn 04 tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính. ĐHĐCĐ có nhiệm vụ thông qua định hướng phát triển của công ty; Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban Kiểm Soát; thông qua báo cáo tài chính hàng năm; Quyết định sửa đổi, bổ sung Điều lệ của công ty; xem xét, xử lý các vi phạm của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát gây thiệt hại cho công ty và cổ đông; Bầu, bãi nhiệm, miễn nhiệm thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát; Thực hiện các quyền và nhiệm vụ khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty.

4.1.2 Hội đồng quản trị

Hội đồng quản trị (HĐQT) là cơ quan quản lý công ty, có quyền nhân danh công ty để quyết định, thực hiện các quyền và nghĩa vụ của công ty, trừ các quyền và nghĩa vụ thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông. HĐQT thực hiện các quyền và nhiệm vụ:

- Quyết định chiến lược, kế hoạch phát triển trung hạn và kế hoạch kinh doanh hàng năm của công ty.
- Kiến nghị loại cổ phần và tổng số cổ phần được quyền chào bán của từng loại.
- Quyết định phương án đầu tư và dự án đầu tư trong thẩm quyền và giới hạn theo quy định của pháp luật.
- Quyết định cơ cấu tổ chức, quy chế quản lý nội bộ của công ty, quyết định thành lập công ty con/chi nhánh, văn phòng đại diện và việc góp vốn mua cổ phần của doanh nghiệp khác.
- Trình Báo cáo tài chính hằng năm đã được kiểm toán lên đại hội đồng cổ đông.
- Các quyền và nhiệm vụ khác theo quy định của pháp luật và điều lệ NT2.

4.1.3 Ban Kiểm soát

Ban Kiểm soát (BKS) do ĐHCĐ bầu ra, là cơ quan thay mặt cổ đông để giám sát HĐQT, BDH trong việc quản lý và điều hành công ty chịu trách nhiệm trước ĐHCĐ trong việc thực hiện các nhiệm vụ được giao. Ban Kiểm soát có quyền và nghĩa vụ đề xuất, kiến nghị Đại hội đồng cổ đông phê duyệt danh sách tổ chức kiểm toán được chấp nhận kiểm toán Báo cáo tài chính của công ty, quyết định tổ chức kiểm toán được chấp nhận thực hiện kiểm tra hoạt động của công ty, bãi miễn kiểm toán viên được chấp thuận khi xét thấy cần thiết. BKS chịu trách nhiệm trước cổ đông về hoạt động giám sát của mình. BKS thực hiện các quyền và nhiệm vụ khác theo quy định của pháp luật và điều lệ NT2.

4.1.4 Bộ phận kiểm toán nội bộ

Bộ phận kiểm toán nội bộ thực hiện công tác kiểm toán nội bộ với phạm vi công việc bao gồm:

- Đưa ra đảm bảo thông qua việc kiểm tra và đánh giá tính đầy đủ và hiệu quả của quản trị, quản lý rủi ro và kiểm soát nội bộ nhằm giúp công ty đạt được các mục tiêu chiến lược, hoạt động, tuân thủ và tài chính.
- Đưa ra các phân tích và các kiến nghị dựa trên đánh giá dữ liệu và các quy trình của công ty.
- Đưa ra các tư vấn, kiến nghị một cách độc lập và khách quan, thực hiện các hoạt động tư vấn liên quan đến quy trình quản trị, quản lý rủi ro và kiểm soát nội bộ phù hợp với công ty.
- Thực hiện kiểm toán trước, kiểm toán đồng thời và kiểm toán sau khi thực hiện các dự án, kế hoạch hoạt động của các bộ phận/đơn vị được kiểm toán nhằm đánh giá các

công việc một cách khách quan, tránh các thiếu sót, sai lệch, đảm bảo thực hiện các công tác đúng quy định.

- Tư vấn cho công ty trong việc lựa chọn, kiểm soát sử dụng dịch vụ kiểm toán độc lập đảm bảo tiết kiệm, hiệu quả.
- Kiểm tra và đánh giá các hoạt động cụ thể theo yêu cầu của Ban Điều hành và Hội đồng quản trị công ty.

4.1.5 Ban Điều hành

Ban Điều hành (BDH) của công ty bao gồm: Giám đốc, 03 Phó Giám đốc và Kế toán trưởng do HĐQT bổ nhiệm. Giám đốc điều hành chung toàn bộ hoạt động đầu tư, sản xuất kinh doanh của công ty, chịu trách nhiệm trước HĐQT và ĐHCĐ về tất cả các quyết định của mình liên quan đến hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty. Các Phó Giám đốc và Kế toán trưởng giúp việc cho Giám đốc, cụ thể:

- Quyết định các vấn đề liên quan đến công việc kinh doanh hằng ngày của NT2 mà không thuộc thẩm quyền của HĐQT.
- Tổ chức thực hiện các nghị quyết, quyết định của HĐQT.
- Tổ chức thực hiện kế hoạch kinh doanh và phương án đầu tư của NT2.
- Kiến nghị phương án cơ cấu tổ chức, quy chế quản lý nội bộ của NT2.
- Bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm các chức danh quản lý trong công ty, trừ các chức danh thuộc thẩm quyền của HĐQT.
- Các quyền và nhiệm vụ khác theo quy định của pháp luật và điều lệ NT2.

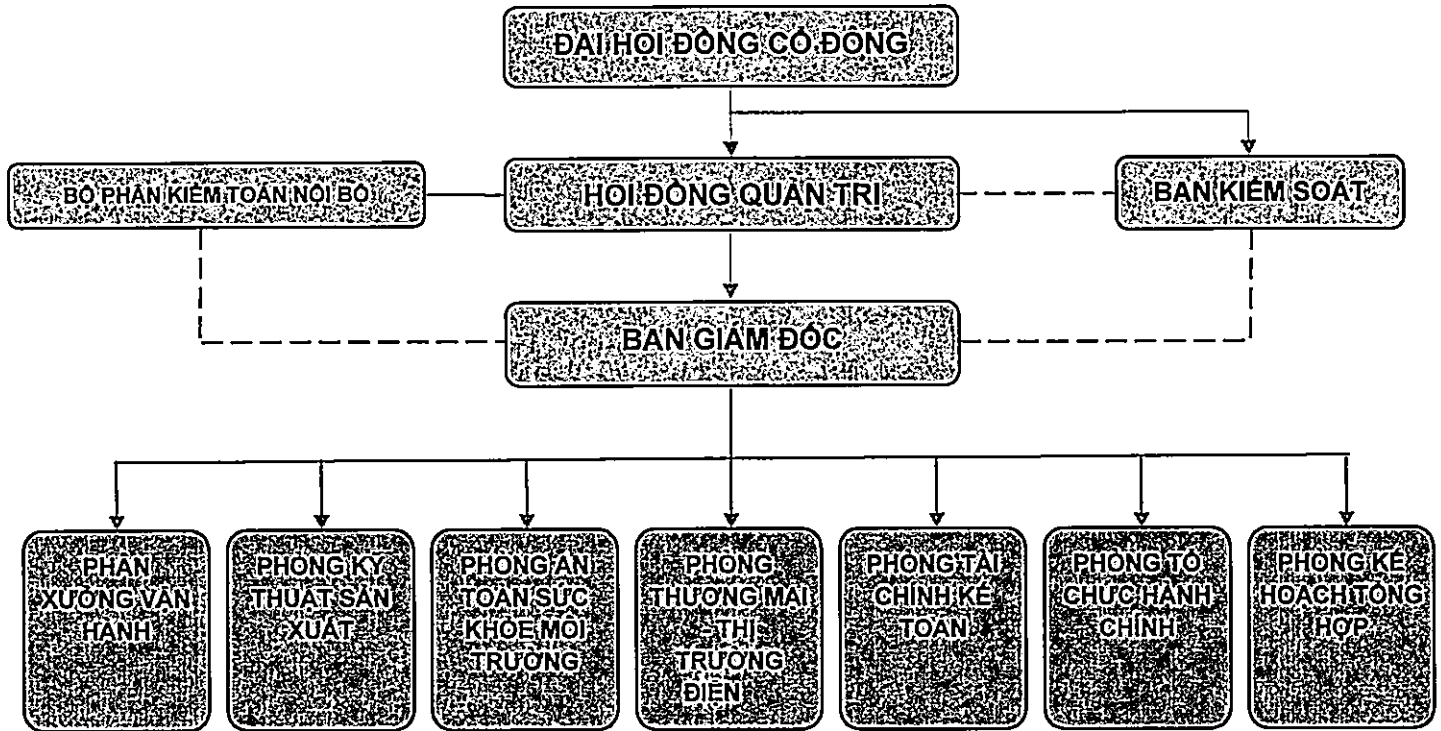
4.1.6 Các phòng chức năng và phân xưởng vận hành

NT2 có 06 phòng chức năng và 01 phân xưởng vận hành: Phòng Tổ chức hành chính, Phòng Tài chính kế toán, Phòng Kế hoạch tổng hợp, Phòng Kỹ thuật sản xuất, Phòng Thương mại – Thị trường điện, Phòng An toàn sức khỏe môi trường và Phân xưởng vận hành. Các phòng chức năng được phân công nhiệm vụ cụ thể:

- Xây dựng mục tiêu, chiến lược phát triển, kế hoạch dài hạn, trung hạn và ngắn hạn của công ty.
- Xây dựng các quy chế, quy định và các văn bản về các vấn đề thuộc chức năng nhiệm vụ của phòng/phân xưởng.
- Tổ chức xử lý, giải quyết các công việc thuộc nhiệm vụ và theo thẩm quyền của phòng/phân xưởng; đề xuất thực hiện các vấn đề thuộc chức năng/nhiệm vụ của phòng/phân xưởng.
- Phân tích, tổng hợp, cập nhật thông tin và đánh giá tình hình hoạt động của công ty theo định kỳ và/hoặc theo yêu cầu của lãnh đạo công ty.
- Tham gia phối hợp với các phòng/phân xưởng liên quan để giải quyết các vấn đề thuộc chức năng/nhiệm vụ của phòng/phân xưởng. Phòng/phân xưởng chủ trì, chủ

động giải quyết công việc, xin ý kiến của phòng/phân xưởng liên quan khi thấy cần thiết hoặc theo yêu cầu của lãnh đạo công ty.

4.2 Sơ đồ tổ chức



4.3 Công ty con, công ty liên kết của NT2

- Lĩnh vực sản xuất kinh doanh của công ty con, công ty liên kết: Hiện nay, NT2 chưa có công ty con hoặc công ty liên kết.
- Tỷ lệ sở hữu tại công ty con và công ty liên kết: NT2 chưa có công ty con hoặc công ty liên kết.
- Hoạt động, tình hình tài chính của công ty con và công ty liên kết: Không đề cập vì NT2 không sở hữu công ty con và công ty liên kết.

5. Định hướng phát triển

5.1 Các mục tiêu chủ yếu của Công ty

5.1.1 Mục tiêu chiến lược và thị trường

- Bảo đảm vận hành nhà máy an toàn, ổn định và tin cậy, góp phần giữ vững an ninh năng lượng quốc gia và đáp ứng nhu cầu phát triển kinh tế – xã hội.
- Phát triển Công ty trở thành đơn vị cung cấp điện uy tín, có năng lực cạnh tranh trong hệ thống điện quốc gia.
- Bám sát thị trường điện, tìm kiếm các hộ tiêu thụ lớn, chuẩn bị các điều kiện tham gia thị trường điện bán buôn cạnh tranh.

5.1.2 Mục tiêu tài chính và tăng trưởng

- Đảm bảo tăng trưởng bền vững, tối đa hóa lợi nhuận và gia tăng giá trị cho cổ đông.
- Thực hiện đầy đủ nghĩa vụ với ngân sách nhà nước, duy trì hệ thống tài chính minh bạch, hiệu quả.

5.1.3 Mục tiêu quản trị doanh nghiệp

- Nâng cao năng lực quản trị, tạo sự chuyển biến rõ rệt trong điều hành và củng cố hình ảnh, thương hiệu NT2.
- Đẩy mạnh phong trào phát huy sáng kiến, cải tiến khoa học kỹ thuật áp dụng vào thực tiễn sản xuất.

5.1.4 Mục tiêu phát triển nguồn nhân lực

- Xây dựng môi trường làm việc chuyên nghiệp, nâng cao thu nhập và phúc lợi cho người lao động.
- Đào tạo nhân lực theo hướng tập trung – chuyên sâu, tăng cường các khóa đào tạo kỹ thuật, vận hành, và thị trường điện cạnh tranh.

5.1.5 Mục tiêu văn hóa – xã hội – phát triển bền vững

- Xây dựng văn hóa doanh nghiệp vững mạnh, thống nhất, hướng đến giá trị cốt lõi của Công ty.
- Thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ nộp ngân sách nhà nước,
- Thực hiện trách nhiệm với cộng đồng và xã hội, đồng thời phát triển doanh nghiệp theo định hướng bền vững.

5.2 Chiến lược phát triển trung và dài hạn

Dự báo giai đoạn 2026-2030 là giai đoạn tình hình địa chính trị, kinh tế thế giới, khu vực dự báo vẫn phức tạp và khó lường. Thị trường tài chính quốc tế, thị trường ngoại hối luôn biến động, điều hành chính sách tiền tệ trái chiều giữa các nền kinh tế lớn; Tranh chấp chủ quyền biển, đảo diễn biến phức tạp, đe dọa hòa bình, ổn định khu vực; Giá dầu thô vẫn sẽ có nhiều biến động, tiếp tục ảnh hưởng đến hoạt động SXKD. Nội lực nền kinh tế có những cải thiện đáng kể, mô hình kinh tế mới về chuyển đổi số, chuyển đổi xanh, kinh tế tuần hoàn, hay các ngành công nghiệp mới nổi như sản xuất chip, bán dẫn, ... phục hồi và phát triển. Tuy nhiên, vẫn còn những khó khăn, thách thức như: sản xuất kinh doanh của các doanh nghiệp trong nước còn nhiều khó khăn, đầu tư khu vực tư nhân, sức mua phục hồi chậm; Áp lực cạnh tranh trong nước và nước ngoài kéo theo áp lực về tín dụng, nợ xấu; Các vấn đề thiên tai, dịch bệnh, biến đổi khí hậu... có thể gây những tác động lớn đến nền kinh tế. Đặc biệt năm 2025, thiên tai bão lũ diễn ra khắp mọi nơi ảnh hưởng rất nhiều đến nền kinh tế trong thời gian tới.

NT2 vẫn còn nhiều thách thức đối mặt với tình trạng thiếu khí (Gas) và sự gia tăng nguồn năng lượng tái tạo làm ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty. Tuy nhiên, nhờ vận hành nhà máy ổn định và có phương án chào giá hợp lý, năm 2025 NT2 có kết quả sản xuất kinh doanh thuận lợi.

NT2 kiên định tập trung vào giá trị cốt lõi là sản xuất kinh doanh điện năng, luôn phấn

đầu hoàn thành các mục tiêu đề ra, bám sát chiến lược phát triển của công ty. NT2 phấn đấu là công ty hàng đầu trong lĩnh vực Điện khí và là đơn vị có uy tín trong hệ thống điện quốc gia. NT2 đề ra chiến lược phát triển trong vòng 05 năm và trên 05 năm linh hoạt theo từng giai đoạn và bám sát mục tiêu đã đề ra.

Phát triển năng lượng phải gắn liền với chiến lược phát triển kinh tế - xã hội của đất nước và đảm bảo đi trước một bước với tốc độ cao, bền vững, đồng bộ, đi đôi với đa dạng hóa các nguồn năng lượng và công nghệ. Tiết kiệm năng lượng là nhiệm vụ trọng tâm trong suốt thời kỳ công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước.

Phát triển doanh nghiệp phải thực hiện theo hướng chủ trương, đường lối phát triển kinh tế xã hội của Đảng và Nhà nước, chiến lược quy hoạch tập đoàn đã được phê duyệt và tận dụng tối đa sự hỗ trợ từ PVN/PV Power.

Điện năng là một trong những nền tảng quan trọng để phát triển kinh tế quốc gia. Phải luôn đề cao tinh thần trách nhiệm luôn đảm bảo nguồn điện ổn định, tin cậy, giá cả cạnh tranh, hợp lý nhằm đảm bảo lợi ích của cổ đông nói riêng và lợi ích quốc gia nói chung. Chú trọng công tác phát triển nhân sự, tiết kiệm chi phí, triển khai các công việc đạt hiệu quả tối ưu trong sản xuất và trong kinh doanh.

Phát huy, tận dụng tối đa mọi nguồn lực sẵn có để tập trung vào sản xuất điện nhằm tăng năng suất và hiệu quả kinh tế cho công ty, đảm bảo lợi ích của cổ đông nói riêng và lợi ích quốc gia nói chung.

Tiếp tục tìm kiếm những cơ hội đầu tư phát triển mới thông qua việc sử dụng tối ưu các nguồn lực sẵn có, phát huy thế mạnh về cơ sở hạ tầng, năng lực và kinh nghiệm của bộ máy.

Tích cực và chủ động tham gia thị trường phát điện cạnh tranh và sẵn sàng tham gia thị trường bán buôn, bán lẻ điện cạnh tranh theo lộ trình phát triển các cấp độ thị trường điện lực tại Việt Nam.

NT2 xây dựng các chỉ tiêu cho giai đoạn 2026 - 2030 như sau:

Stt	Chỉ tiêu	Đvt	KH 2026-2030	Ghi chú
1	Sản lượng điện	Tr.kWh	14.600	
2	Tổng doanh thu	Tỷ đồng	34.960	
3	Tổng chi phí	Tỷ đồng	32.515	
4	Lợi nhuận trước thuế	Tỷ đồng	2.444	

5.3 Các mục tiêu phát triển bền vững

Khi kinh tế càng phát triển vấn đề phát triển bền vững càng được thúc đẩy để đảm bảo tính cân bằng, toàn diện. Đặc biệt yếu tố môi trường được quan tâm hàng đầu bởi công nghiệp càng phát triển, môi trường càng bị đe dọa ô nhiễm. Và hơn hết, trách nhiệm với cộng đồng, quan tâm đến đời sống con người, trong đó đời sống cán bộ công nhân viên

được đảm bảo. NT2 thực hiện phát triển bền vững theo bộ chỉ số CSI, chia hệ thống đánh giá theo lĩnh vực sản xuất. Đánh giá các chỉ tiêu kinh tế, môi trường, xã hội. Bộ chỉ số CSI ghi nhận những điều chỉnh, cập nhật mới các nội dung liên quan đến cam kết quốc tế và các thay đổi quan trọng trong khung khổ pháp lý trong nước, các chỉ số chỉ ra các khía cạnh toàn diện: hiệu quả kinh tế - quản trị doanh nghiệp - xã hội - môi trường.

Nhận thức được tầm quan trọng của phát triển bền vững nên trong suốt quá trình hoạt động sản xuất kinh doanh, NT2 luôn tạo điều kiện tốt nhất cho người dân xung quanh khu vực nhà máy, không ngừng thực hiện các chủ trương an sinh xã hội để thúc đẩy, tạo điều kiện tốt hơn cho cộng đồng. Bên cạnh đó, NT2 còn tạo điều kiện cho lực lượng lao động địa phương có việc làm ổn định tại nhà máy, góp phần nâng cao đời sống cho người dân trong khu vực. Trong quá trình phát triển, NT2 hướng tới các mục tiêu cụ thể như sau:

- Sử dụng nhiên liệu sạch để hạn chế khí phát thải góp phần bảo vệ môi trường.
- Nâng cao và cải thiện đời sống cho CBCNV và thường xuyên thực hiện an sinh xã hội tại địa phương.
- Phát triển năng lượng tái tạo để bảo vệ môi trường.
- Vận hành ổn định, hiệu quả nhà máy để góp phần phát triển kinh tế đất nước và khu vực.

Về các mục tiêu phát triển bền vững, NT2 tập trung vào các nội dung:

- Mục tiêu về sản xuất và môi trường.
- Mục tiêu với người lao động.
- Mục tiêu với cộng đồng và xã hội.

5.3.1 Mục tiêu, trách nhiệm về sản xuất và môi trường

NT2 tập trung sản xuất điện năng nhưng song song đó thực hiện tốt công tác bảo vệ môi trường.

- Sản xuất điện với nguồn nguyên liệu sạch, góp phần bảo vệ môi trường theo định hướng phát triển của Ngành, chính sách của Nhà nước và xu thế chung của thế giới, đảm bảo thực hiện phát triển năng lượng một cách bền vững.
- Đầu tư vào công nghệ hiện đại, tiên tiến vừa tiết kiệm năng lượng trong hoạt động sản xuất kinh doanh vừa đảm bảo môi trường chung cho toàn xã hội.
- Kiên trì mục tiêu giữ vững hoạt động, tiến tới phát triển an toàn bền vững, bảo vệ lợi ích nhà đầu tư, lợi ích cổ đông.
- Tiết kiệm năng lượng.
- Xây dựng thương hiệu NT2 theo đúng phương châm “ Thân thiện - Hiệu quả - An toàn”.
- Đề cao công tác an toàn sức khỏe môi trường, không để xảy ra các sự cố nghiêm trọng; giảm phát thải nhà kính.
- Minh bạch thông tin.

- Đảm bảo an sinh xã hội.

5.3.2 Mục tiêu, trách nhiệm đối với người lao động

Nguồn lực lao động luôn là nhân tố quan trọng quyết định sự thành công của công ty. Hiểu rõ vai trò to lớn của người lao động nên Ban Lãnh đạo công ty đặc biệt quan tâm:

- Quan tâm phát triển nguồn nhân lực.
- Tăng cường công tác đào tạo chuyên sâu và nghiệp vụ chuyên môn cho người lao động.
- Chú trọng công tác lao động, tiền lương và chế độ chính sách cho người lao động.
- Thực hiện đúng chế độ chính sách cho người lao động như lương, thưởng, Bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, chế độ bảo hiểm, ốm đau.
- Phối hợp với các tổ chức Công đoàn, Đoàn Thanh niên phát động các phong trào văn hóa thể thao cho toàn thể cán bộ công nhân viên công ty.

5.3.3 Mục tiêu, trách nhiệm với cộng đồng và xã hội

Thông qua công tác An sinh xã hội, NT2 hướng tới cộng đồng, xã hội như một lời cam kết phát triển bền vững. Bên cạnh sản xuất kinh doanh hiệu quả, NT2 luôn đồng hành và có trách nhiệm với cộng đồng. Đến nay, NT2 đã đóng góp ngân sách nhà nước 3.872,84 tỷ đồng, trong đó năm 2025 là 207,65 tỷ đồng. Thực hiện công tác An sinh xã hội 40,13 tỷ đồng, trong đó năm 2025 là 2,58 tỷ đồng.

NT2 tổ chức các hoạt động thực tế, tuyên truyền đến mỗi CBCNV công ty. Mỗi người lao động NT2 đều ý thức sâu sắc với tinh thần tương thân tương ái đối với các hoàn cảnh khó khăn bằng các việc làm cụ thể như sau:

- Ủng hộ quỹ tương trợ Dầu khí thông qua việc tổ chức và hưởng ứng làm thêm giờ, ngày công.
- Ủng hộ đồng bào gặp thiên tai, lũ lụt bằng cách làm thêm giờ, ngày công.
- Ủng hộ xây trường học tại các địa phương gặp khó khăn.
- Hỗ trợ một số hộ nghèo tại Đồng Nai.
- Hỗ trợ bà con vùng bão lũ.
- Tham gia chương trình hiến máu nhân đạo.
- Nộp ngân sách nhà nước đầy đủ.

5.4 Chương trình chính liên quan đến mục tiêu ngắn hạn và trung hạn của Công ty.

- Tập trung vận hành Nhà máy điện Nhơn Trạch 2 ổn định, an toàn.
- Tích cực và chủ động tham gia thị trường phát điện cạnh tranh và sẵn sàng tham gia thị trường bán buôn, bán lẻ điện cạnh tranh theo lộ trình phát triển của thị trường điện Việt Nam.
- Tìm kiếm những cơ hội hợp tác dựa trên các nguồn lực sẵn có, phát huy thế mạnh

- về cơ sở hạ tầng, năng lực và kinh nghiệm của CBCNV công ty.
- Chủ động chiến lược chào giá hợp lý trong thị trường điện để đạt hiệu quả cao nhất.
 - Nâng cao công tác xây dựng kế hoạch sản xuất kinh doanh.
 - Tăng cường công tác quản lý kỹ thuật, vận hành.
 - Tăng cường công tác An toàn, vệ sinh lao động và PCCC.
 - Tăng cường công tác quan hệ cổ đông.
 - Tăng cường công tác quản lý vật tư.
 - Tăng cường công tác đào tạo và phát triển nguồn nhân lực.
 - Đẩy mạnh nghiên cứu, ứng dụng khoa học công nghệ và phát huy sáng kiến cải tiến kỹ thuật.
 - Chú trọng phát triển công nghệ môi trường, công nghệ sạch, công nghệ năng lượng mới.
 - Thực hành tiết kiệm, chống lãng phí.
 - Thực hiện tốt công tác an sinh xã hội.

5.5 Công tác bảo vệ môi trường và tiết kiệm năng lượng

5.5.1 Cơ sở thực hiện công tác bảo vệ môi trường và tiết kiệm năng lượng

Công tác bảo vệ môi trường và tiết kiệm năng lượng thực hiện dựa trên Luật Bảo vệ môi trường, Luật Sử dụng năng lượng và tiết kiệm hiệu quả. Luật Bảo vệ môi trường cũng định nghĩa: “Phát triển bền vững là phát triển đáp ứng được nhu cầu của thế hệ hiện tại mà không làm tổn hại đến khả năng đáp ứng nhu cầu đó của các thế hệ tương lai trên cơ sở kết hợp chặt chẽ, hài hòa giữa tăng trưởng kinh tế, bảo đảm tiến bộ xã hội và bảo vệ môi trường”. Đây là định nghĩa có tính tổng quát, nêu bật những yêu cầu và mục tiêu trọng yếu nhất của phát triển bền vững, phù hợp với điều kiện và tình hình ở Việt Nam.

Vấn đề bảo vệ môi trường luôn là vấn đề nóng trên các diễn đàn quốc tế, Việt Nam kinh tế, công nghiệp ngày càng phát triển nên phát triển bền vững càng được quan tâm. NT2 sản xuất và kinh doanh điện năng luôn hướng tới phát triển bền vững, đặc biệt công tác bảo vệ môi trường và tiết kiệm năng lượng. Hoạt động Phát triển bền vững của NT2 càng thực sự có ý nghĩa hơn khi gắn liền với hoạt động sản xuất kinh doanh.

NT2 đề cao công tác bảo vệ môi trường và tiết kiệm năng lượng. Hoạt động bảo vệ môi trường trong suốt quá trình sản xuất kinh doanh luôn được NT2 duy trì và cải tiến liên tục. Công ty luôn duy trì công tác quản lý môi trường, tuân thủ tuyệt đối các quy định của pháp luật về công tác bảo vệ môi trường, áp dụng công nghệ sản xuất hiện đại, kiểm soát và xử lý phát thải, nâng cao ý thức của tất cả CBCNV trong vấn đề bảo vệ môi trường. Hằng năm, NT2 phối hợp với đơn vị có chức năng tổ chức kiểm tra, lập báo cáo thực hiện kế hoạch năm về sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả cho công ty.

5.5.2 Công tác bảo vệ môi trường

Các công tác bảo vệ môi trường luôn được tuân thủ đúng quy định. NT2 phân công nhiệm vụ cụ thể trong Ban Điều hành và các phòng chức năng/ phân xưởng vận hành công tác liên quan đến môi trường. Phối hợp với đơn vị tư vấn tiến hành khảo sát, quan trắc môi trường không khí, khí thải, nước thải, nước mặt và lập báo cáo công tác bảo vệ môi trường năm 2025. Cán bộ, kỹ sư phòng An toàn Sức khỏe Môi trường có trình độ chuyên môn, kinh nghiệm trong công tác môi trường. Công ty ban hành chính sách An toàn sức khỏe môi trường, sổ tay An toàn sức khỏe môi trường và các tài liệu hướng dẫn liên quan công tác bảo vệ môi trường để áp dụng thống nhất trong công ty.

Kết quả quan trắc môi trường năm 2025 được thực hiện nhằm mục đích đánh giá chất lượng môi trường làm việc. Công tác kiểm tra giám sát môi trường luôn được quan tâm chú trọng nhằm theo dõi diễn biến chất lượng môi trường, cũng như có các biện pháp giảm thiểu và xử lý các tác động môi trường tiêu cực.

Luôn tuân thủ các quy định, pháp luật về lĩnh vực bảo vệ môi trường.

Thường xuyên cung cấp số liệu thông tin về hiện trạng môi trường của NT2 cho cơ quan quản lý môi trường theo quy định.

NT2 tuân thủ pháp luật bảo vệ môi trường và có đầy đủ các hồ sơ pháp lý liên quan:

Báo cáo tác động môi trường số 132/QĐ-BTNMT do Bộ Tài Nguyên và Môi trường cấp ngày 22/01/2008;

Giấy phép môi trường số 44/GP-BNNMT ngày 03/04/2025 được cấp bởi Bộ Nông nghiệp và Môi trường;

Giấy phép khai thác, sử dụng nước mặt số 381/GP-BTNMT ngày 27/09/2024 được cấp gia hạn lần 1 bởi Bộ Tài nguyên và Môi trường.

Hợp đồng thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải nguy hại, chất thải công nghiệp thông thường số 51/NT2.ATSKMT – VINAUSEN/2025/DV ngày 30 tháng 07 năm 2025.

Hợp đồng thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải sinh hoạt số 48/NT2.ATSKMT-HTXLONGTHO/2025/DV ngày 22 tháng 07 năm 2025.

5.5.3 Tiết kiệm năng lượng

a. Sử dụng năng lượng hệ thống chiếu sáng

Nhu cầu sử dụng năng lượng cho hệ thống chiếu sáng của công ty rất lớn. Hệ thống chiếu sáng được bố trí tại khu vực nhà máy điện Nhơn Trạch 2, khu vực vận hành, tòa nhà hành chính và khuôn viên. Để tiết kiệm năng lượng tối đa nhưng vẫn đảm bảo đủ ánh sáng để làm việc hiệu quả, hệ thống đèn chiếu sáng toàn nhà máy được điều chỉnh theo Timer và cảm biến quang. Các thiết bị điều chỉnh đóng cắt chiếu sáng được cài đặt phù hợp theo mùa nhằm tiết kiệm tối đa điện năng và phù hợp điều kiện chiếu sáng. Công ty quán triệt đến từng bộ phận, CBCNV về việc thực hành tiết kiệm chống lãng phí. Các phòng làm việc tận dụng tối đa ánh sáng tự nhiên vào ban ngày để giảm năng lượng sử dụng. Công tác chiếu sáng trong khu vực làm việc văn phòng, hành lang, phòng điều khiển trong tòa nhà được bố

trí theo từng nhóm, tùy theo nhu cầu sử dụng cần thiết thì công tắc vị trí đó được bật.

b. Giải pháp chuyển đổi sang sử dụng đèn Led

Hệ thống đèn chiếu sáng được thay thế bằng đèn công nghệ mới, tiết kiệm năng lượng. Thiết kế và bố trí hệ thống đèn hợp lý đạt được hiệu quả tiết kiệm tối đa năng lượng.

Hiệu quả năm 2025 từ tiết kiệm điện năng tiêu thụ:

Stt	Nội dung	Đơn vị/tính	Giá trị
1	Lượng điện tiết kiệm/ngày	kWh	1.340
2	Thời gian chiếu sáng hằng năm	Ngày	365
3	Lượng điện tiết kiệm/năm	kWh	489.100
4	Đơn giá điện trung bình	Đồng/kWh	2.200
5	Số tiền tiết kiệm được năm 2025	Đồng	1.076.020.000

Kết quả thực hiện tiết kiệm chung:

Năm 2025, nền kinh tế toàn cầu nói chung và Việt Nam nói riêng vẫn chưa khởi sắc, NT2 vẫn bị chịu ảnh hưởng bởi nhu cầu phụ tải thấp, giá khí cao... tuy nhiên, NT2 luôn vận hành an toàn, vững vàng tiến bước, gặt hái một năm thắng lợi. Ngay từ đầu năm, Ban Lãnh đạo NT2 đã chỉ đạo lập kế hoạch, triển khai thực hành tiết kiệm, chống lãng phí sâu rộng đến các phòng ban/phân xưởng vận hành. Tổng tiết kiệm, tiết giảm chi phí trong năm 2025 đạt được 90,67 tỷ đồng. Chi phí tiết kiệm, tiết giảm góp phần hoàn thành kế hoạch lợi nhuận năm 2025. Công tác tiết kiệm bao gồm tiết kiệm chi phí nguyên vật liệu, vật tư thiết bị, đầu tư xây dựng, tiết kiệm chi phí quản lý... Mọi khoản thu chi, hạch toán đều được NT2 thực hiện tuân thủ theo quy định của pháp luật.

Công tác thực hành tiết kiệm được đánh giá định kỳ thông qua các hội thảo kế hoạch để kịp thời điều chỉnh, thực hiện tốt công việc được giao.

NT2 đã chủ động nghiên cứu và thực hiện triệt để thực hành chống lãng phí trong lĩnh vực sử dụng năng lượng, ban hành quy chế quản lý năng lượng và chính sách năng lượng, lập báo cáo sử dụng tiết kiệm năng lượng và lập kế hoạch sử dụng năng lượng cho các giai đoạn. Các vấn đề về môi trường: xác định rủi ro môi trường, mối nguy, xử lý chất thải, khí thải... thực hiện đúng quy định. Thông qua các đợt kiểm tra của các cơ quan chuyên ngành, NT2 luôn được đánh giá cao công tác môi trường và không có vi phạm trong lĩnh vực môi trường. Trong vấn đề bảo vệ môi trường, NT2 chủ trương phối hợp chặt chẽ giữa các phòng chức năng, các đơn vị liên quan để mang lại hiệu quả tốt nhất.

Nhận thức sâu sắc tầm quan trọng công tác thực hành tiết kiệm, NT2 đã thực hiện tốt công tác tiết kiệm, tránh gây thất thoát, lãng phí, tạo tài chính lành mạnh cho công ty và mang đến hiệu quả tốt nhất cho cổ đông.

6. Các rủi ro có thể ảnh hưởng đến hoạt động công ty**6.1 Rủi ro đặc thù**

6.1.1 Rủi ro nguyên vật liệu đầu vào

Chi phí nguyên vật liệu lớn. Đối với NT2 thì giá nguyên liệu đầu vào từ khí và dầu là một trong những yếu tố ảnh hưởng trực tiếp đến kết quả hoạt động kinh doanh của công ty. Nhà máy nhiệt điện Nhơn Trạch 2 với công suất lớn (750 MW) sử dụng nguồn nguyên liệu đầu vào chính là khí tự nhiên (GAS) và nguyên liệu dự phòng là dầu DO; chi phí nhiên liệu khí chiếm khoảng 70% giá thành sản xuất điện. Tình hình sản xuất kinh doanh của NT2 phụ thuộc vào việc cung cấp khí.

Nguồn cung cấp khí đầu vào:

NT2 đã ký Hợp đồng mua bán khí dài hạn với PVGas (Hợp đồng GSA thời hạn 25 năm) với khối lượng khí được cam kết cung cấp hàng năm khoảng 784 triệu Sm³ và chính sách giá khí theo phê duyệt của Chính phủ. Bên cạnh đó, NT2 và Tập đoàn Điện lực Việt Nam (EVN) đã ký kết hợp đồng mua bán điện (PPA) dài hạn với giá điện chính thức được tính toán trên cơ sở bao gồm tất cả các chi phí đầu vào của NT2, đồng thời cho phép công ty chuyển những rủi ro của chi phí vào giá bán điện bao gồm: giá khí, chi phí lãi vay, khấu hao và chi phí lao động.

Như vậy, khối lượng khí đầu vào của NT2 được PVGas cam kết đảm bảo. PVGas có trách nhiệm tìm kiếm, bổ sung các nguồn khí mới khi các mỏ khí đang khai thác suy giảm. Ngoài các mỏ khí cung cấp cho NT2 hiện nay, trong những năm tới sẽ có thêm các nguồn khí mới hoặc LNG,...

Mặc dù nguồn cung cấp khí ổn định nhưng giá khí có xu hướng tăng cao sẽ làm ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất kinh doanh của nhà máy. Tuy nhiên, NT2 có chiến lược chào giá hợp lý nhằm gia tăng sản lượng và tối đa hóa lợi nhuận nên đã kiểm soát được yếu tố rủi ro nhiên liệu khí đầu vào một cách hợp lý.

6.1.2 Rủi ro tỷ giá

Rủi ro tỷ giá sẽ phát sinh đối với những doanh nghiệp có khoản vay liên quan đến ngoại tệ. Khoản chênh lệch tỷ giá đối với khoản vay ngoại tệ của doanh nghiệp trong năm bao gồm khoản chênh lệch thanh toán cho phần ngoại tệ thực hiện trả nợ trong năm (khoản chênh lệch tỷ giá thực hiện). NT2 không chịu rủi ro về tỷ giá liên quan khoản vay ngoại tệ.

Hiện nay, trong thành phần giá điện của NT2 cũng như các công ty nhiệt điện khí khác, chi phí nhiên liệu khí được quy đổi theo giá khí tính bằng đồng USD và tỷ giá ngày xuất hóa đơn định kỳ hàng tháng theo thông báo của Bên bán khí. Như vậy, theo cơ chế giá khí được chuyển ngang vào giá điện nên tỷ giá USD thanh toán theo giá khí hàng tháng không ảnh hưởng đến NT2.

6.1.3 Rủi ro về cạnh tranh

Ngành điện hoạt động trong thị trường điện cạnh tranh, thị trường điện bước đầu đã có sự cạnh tranh giữa các đơn vị cung cấp điện. Hiện nay, giá bán điện cho EVN vẫn đang được tính toán trong khung giá của Bộ Công thương, trong đó có quy định rõ mức giá trần

và giá sàn cho từng loại hình nhà máy sản xuất điện. Do đó, nếu có rủi ro về biến động giá nguyên liệu đầu vào thì hoạt động của công ty vẫn được đảm bảo và duy trì được mức lợi nhuận tối thiểu. Trong dài hạn khi các doanh nghiệp tham gia sản xuất và cung cấp điện ngày càng nhiều thì tính cạnh tranh trong ngành càng cao. Tuy nhiên, các nhà máy nhiệt điện đầu tư sau NT2 đều có giá bán điện cao hơn, mặt khác không phải nhà máy điện nào cũng có tính năng vận hành linh hoạt vượt trội và vị trí “vàng” trong hệ thống điện như NT2, do đó tính cạnh tranh của NT2 vẫn được đảm bảo trong dài hạn.

Khi thị trường bán buôn điện chính thức vận hành, NT2 có thể ký hợp đồng mua bán điện trực tiếp với nhiều khách hàng khác ngoài EVN. Ngoài các khách hàng là các Tổng Công ty điện lực, còn có các khách hàng tiềm năng mua điện trực tiếp như Khu công nghệ cao, SAMSUNG, HYOSUNG (250MW), sân bay quốc tế Long Thành, các Khu Công nghiệp hoặc các nhà máy sản xuất tiêu thụ điện lớn.... Khi đó, ngoài bán điện trên thị trường giao ngay thông qua EVN như hiện nay (đơn vị phát điện chào bán và Khách hàng chào mua) NT2 có thể chào bán điện cho các khách hàng lớn khác trên thị trường bán buôn điện nhằm linh hoạt trong việc mua bán điện và gia tăng hiệu quả hoạt động sản xuất kinh doanh cho NT2.

6.2 Rủi ro kinh tế

Trong năm 2025, kinh tế thế giới nói chung và Việt Nam nói riêng tiếp tục chịu tác động từ những bất ổn địa chính trị và xung đột kéo dài tại một số khu vực, gây ảnh hưởng đến chuỗi cung ứng, giá năng lượng và hoạt động thương mại toàn cầu. Tuy nhiên, Việt Nam quan điểm trung lập, tăng cường phát triển kinh tế trong nước, kết nối với thế giới, khắc phục khó khăn, thúc đẩy tăng trưởng kinh tế với GDP năm 2025 tăng 8,02%.

Tăng trưởng kinh tế: Năm 2025, GDP của Việt Nam ước tăng 8,02%, được xem là mức tăng trưởng cao so với giai đoạn 5 năm gần đây. Cụ thể, tăng trưởng GDP các năm lần lượt là: năm 2020 đạt 2,91%, năm 2021 đạt 2,58%, năm 2022 đạt 8,02%, năm 2023 đạt 5,05% và năm 2024 đạt 7,09%. Bước sang năm 2025, nền kinh tế ghi nhận nhiều tín hiệu tích cực nhờ các chính sách hỗ trợ doanh nghiệp được triển khai đồng bộ, nền kinh tế tiếp tục mở cửa, hoạt động thương mại và giao thương quốc tế dần phục hồi. Nền tảng kinh tế vĩ mô ổn định cùng định hướng cải cách mạnh mẽ của Chính phủ được kỳ vọng sẽ tiếp tục tạo dư địa tăng trưởng trong thời gian tới.

Lạm phát: Trong năm 2025, lạm phát cơ bản có xu hướng giảm so với năm 2024. Trong giai đoạn 2020–2024, chỉ số lạm phát lần lượt ở mức 2,8% (năm 2020), 1,84% (năm 2021), 3,15% (năm 2022), 3,25% (năm 2023) và 3,63% (năm 2024); đến năm 2025, lạm phát được kiểm soát ở mức khoảng 3,31%. Mặc dù tình hình chính trị thế giới tiếp tục tiềm ẩn nhiều rủi ro, giá dầu và giá vàng biến động mạnh gây áp lực lên mặt bằng giá chung, song Chính phủ Việt Nam đã triển khai các biện pháp điều hành tiền tệ và kiểm soát lạm phát một cách chủ động. Việc lạm phát được kiểm soát hiệu quả góp phần hỗ trợ doanh nghiệp trong công tác quản lý chi phí, tạo điều kiện thuận lợi cho hoạt động sản xuất kinh doanh trong các năm tiếp theo.

Lãi suất: Trong năm 2025, mặt bằng lãi suất huy động có xu hướng ổn định và giảm

nhẹ, đặc biệt trong nửa cuối năm khi chính sách tiền tệ được điều hành theo hướng nới lỏng nhằm hỗ trợ tăng trưởng kinh tế. Đối với Công ty, NT2 đã hoàn thành nghĩa vụ đối với các khoản vay nước ngoài, do đó không còn phát sinh rủi ro liên quan đến biến động lãi suất và tỷ giá ngoại tệ, góp phần giảm thiểu rủi ro tài chính và nâng cao tính ổn định trong hoạt động.

6.3 Rủi ro chính sách, luật pháp

NT2 hoạt động theo mô hình công ty cổ phần, là công ty đại chúng niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh. NT2 chịu sự điều chỉnh của Luật Doanh nghiệp, Luật Điện lực, Luật Thương mại, Luật Chứng khoán, Bộ Luật lao động... và các văn bản quy phạm pháp luật liên quan. Luật và các văn bản dưới luật trong các lĩnh vực này đang trong quá trình hoàn thiện, sự thay đổi về mặt chính sách luôn có thể xảy ra dẫn đến ít nhiều ảnh hưởng tới hoạt động quản trị và kinh doanh của Công ty.

Rủi ro về luật pháp đối với ngành điện không cao do đây là ngành được Nhà nước khuyến khích đầu tư. Tuy nhiên, do hệ thống luật của Việt Nam thường có sự thay đổi về chính sách ưu đãi đầu tư, thuế..., điều này có thể có ảnh hưởng đến hoạt động của công ty. Là một Công ty cổ phần hoạt động theo luật Doanh nghiệp, bất cứ sự thay đổi nào về pháp luật và môi trường pháp lý đều tác động đến hoạt động kinh doanh của công ty.

6.4 Rủi ro về biến động giá cổ phiếu

Rủi ro về biến động giá cổ phiếu NT2 là điều khó tránh khỏi. Giá cổ phiếu trên thị trường được xác định bởi quan hệ cung cầu của thị trường. Mỗi quan hệ cung cầu này phụ thuộc vào nhiều yếu tố như: Tình hình hoạt động của công ty, tình hình chính trị, xã hội, tình hình kinh tế trong nước và quốc tế, cũng như các thay đổi trong luật và những quy định trên thị trường chứng khoán cũng ảnh hưởng đến giá cổ phiếu. Ngoài ra, giá cổ phiếu còn phụ thuộc vào tâm lý của nhà đầu tư trên thị trường. Chính vì vậy, sự tăng giảm giá cổ phiếu của công ty sẽ là một yếu tố rủi ro mà các nhà đầu tư cần lường trước, tương tự như đối với các mã chứng khoán khác.

Năm 2025, thị trường chứng khoán tăng cao, hoạt động sản xuất kinh doanh của NT2 tốt, cổ phiếu NT2 tăng. Những năm qua, NT2 vẫn trả cổ tức đều đặn cho cổ đông.

6.5 Rủi ro về môi trường

Môi trường luôn gắn liền với hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp, một số rủi ro mang tính bất khả kháng tuy ít có khả năng xảy ra, nhưng nếu xảy ra cũng sẽ ảnh hưởng lớn đến tình hình hoạt động kinh doanh của công ty. Bão lớn, hỏa hoạn, động đất có thể gây thiệt hại, ảnh hưởng đến nhà máy (mặc dù thiết kế xây dựng của

nhà máy chống được động đất xảy ra). Đây là những rủi ro ít gặp trong thực tế nhưng khi xảy ra thường gây thiệt hại rất lớn về vật chất đối với Công ty. Công ty đã thường xuyên tham gia mua bảo hiểm cho các loại tài sản, hàng hóa, bảo hiểm gián đoạn sản xuất kinh doanh của công ty và của khách hàng nhằm hạn chế bớt các rủi ro này.

Các ảnh hưởng về môi trường như khí hậu, nguồn nước, chất thải, dịch bệnh... đều

ảnh hưởng đến sức khỏe người lao động, ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất của công ty. Vì vậy, công ty đã bố trí phòng An toàn Sức khỏe Môi trường chuyên môn để phụ trách và đặc biệt quan tâm, hạn chế tối đa rủi ro do môi trường gây ra.

II. TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM

1. Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh

1.1 Những thuận lợi và khó khăn tác động đến hoạt động sản xuất kinh doanh 2025

Tình hình sản xuất kinh doanh năm 2025 phải đối mặt với nhiều khó khăn trong hoạt động sản xuất kinh doanh: (i) Nguồn khí bị suy giảm; (ii) Giá khí đầu vào tăng cao, nguồn năng lượng tái tạo luôn được ưu tiên nên làm giảm tính cạnh tranh và hiệu quả trong thị trường điện; (iii) Công tác thanh toán tiền điện của EVN hàng tháng còn chậm so với quy định Hợp đồng ảnh hưởng trực tiếp đến công tác cân đối dòng tiền phục vụ sản xuất kinh doanh. Với những yếu tố khó khăn ảnh hưởng trực tiếp đến kết quả sản xuất kinh doanh như trên, Ban Lãnh đạo Công ty đã chủ động khắc phục mọi khó khăn, phấn đấu hết mình trong công tác điều hành, xây dựng các phương án chào giá hợp lý, đảm bảo vận hành các tổ máy ổn định linh hoạt phù hợp với thị trường điện, đặc biệt bằng các giải pháp như: (1) Định kỳ hàng tháng/hàng quý, tổ chức các cuộc họp về công tác phân kỳ kế hoạch kết hợp công tác thị trường điện, rà soát các nội dung, đánh giá mức độ hoàn thành công việc để có giải pháp điều chỉnh kịp thời các phương án vận hành; (2) Nâng cao hiệu quả công tác tài chính, hiệu quả sử dụng vốn; (3) Quản lý tốt công tác hiệu năng, suất hao nhiệt của nhà máy, chú trọng và tăng cường công tác sáng kiến cải tiến kỹ thuật áp dụng thực tế hiệu quả vào sản xuất kinh doanh; (4) Xử lý cân đối khí phù hợp với tình hình vận hành; (5) Nâng Qc từ 2,13 lên 3,48 tỷ kWh; (6) Thu hồi phí dịch vụ môi trường rừng; (7) Ghi nhận chênh lệch tỷ giá từ 2019-2021; (8) Điều chỉnh kế hoạch tiêu thụ để nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh; (9) Thực hiện tốt công tác tiết kiệm chi phí để xuất sắc hoàn thành vượt mức chỉ tiêu lợi nhuận năm 2025 với các chỉ tiêu cụ thể như sau:

- Lợi nhuận trước thuế đạt 409,37% kế hoạch 2025 tương ứng 1.267,96 tỷ đồng trong bối cảnh sản lượng điện huy động chỉ là 3.117,5 Tr.kWh, đạt 89,91% KH 2025. Đây được xem là điểm sáng chứng minh sự đồng lòng vượt qua khó khăn của Ban Lãnh đạo cùng toàn thể CBCNV-NLĐ Công ty trong năm 2025, tạo cơ sở vững chắc và đà phát triển mạnh mẽ của Công ty cho các năm tiếp theo.
- Đảm bảo cân đối dòng tiền đáp ứng nhu cầu sản xuất kinh doanh. Hoàn thành trả 8% cổ tức còn lại năm 2023 vào ngày 12/02/2025; Trả 7% cổ tức bằng tiền từ nguồn lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế của Công ty vào ngày 31/10/2025.
- Thực hiện nghĩa vụ nộp ngân sách nhà nước đầy đủ và đúng quy định. Nộp ngân sách nhà nước năm 2025 là 207,65 tỷ đồng, đạt 115% kế hoạch 2025.
- Công tác vận hành, công tác thương mại thị trường điện và các công tác khác được thực hiện tốt mang lại hiệu quả kinh tế cao nhất cho Công ty.
- Kiểm soát tốt thực tế so với định mức Kinh tế kỹ thuật được phê duyệt.

- Phối hợp với các bên liên quan đảm bảo đủ nhiên liệu, sẵn sàng huy động các tổ máy theo thị trường điện.
- Thực hiện tốt kết quả tiết kiệm tiết giảm trong năm 2025 với giá trị là 90,67 tỷ đồng.

1.2 Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2025 như sau:

Stt	Chỉ tiêu	ĐVT	TH 2024	KH 2025	TH 2025	Đánh giá	
						TH 2025/ KH 2025	TH 2025/ TH 2024
1	Sản lượng điện	Tr.kWh	2.742,21	3.467,50	3.117,5	89,91%	113,69%
2	Tổng doanh thu	Tỷ đồng	6.116,83	8.211,51	8.132,85	99,04%	132,96%
3	Tổng chi phí	Tỷ đồng	6.012,87	7.901,78	6.864,88	86,88%	114,17%
4	Lợi nhuận sau thuế	Tỷ đồng	82,89	278,76	1.130,28	405,47%	1.363,53%

1.3 Đánh giá các hoạt động chính trong năm 2025:

1.3.1 Công tác vận hành, sửa chữa bảo dưỡng

Công tác vận hành được đảm bảo ổn định, tin cậy, khả dụng theo thị trường điện. NT2 đã xây dựng phương án vận hành linh hoạt, hợp lý, hiệu quả bám sát thị trường để gia tăng lợi nhuận góp phần vượt chỉ tiêu lợi nhuận năm 2025 trong bối cảnh nền kinh tế của cả nước hết sức khó khăn.

NT2 luôn chủ động bám sát tình hình hệ thống điện, thị trường điện, nắm bắt thông tin kịp thời để lập chiến lược, có phương án chào giá đảm bảo vận hành tối ưu, hiệu quả.

Công tác sửa chữa bảo dưỡng luôn được kiểm tra, giám sát đáp ứng yêu cầu sản xuất, đảm bảo an toàn cho con người và thiết bị. Hoàn thành công tác tiểu tu Nhà máy điện Nhơn Trạch 2 vào ngày 11/09/2025, vượt tiến độ 48 giờ đạt chất lượng tốt, an toàn tuyệt đối.

Công tác phối hợp với các đơn vị NSMO, EPTC, EVN, PV Gas được thực hiện rất linh hoạt, góp phần vận hành tối ưu, hiệu quả.

1.3.2 Công tác kế hoạch, quản lý chi phí, công tác tiết kiệm

Nhận thức được các khó khăn trong việc triển khai hoạt động sản xuất kinh doanh trong năm, ngay từ đầu năm Ban Lãnh đạo công ty luôn quan tâm, giám sát chặt chẽ các hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty. Định kỳ hàng tháng công ty tổ chức các cuộc họp về công tác kế hoạch kết hợp công tác thị trường điện rà soát các nội dung, đánh giá mức độ hoàn thành công việc để có cơ sở triển khai, điều chỉnh kịp thời các phương án vận hành. Định kỳ bằng đăng ký phân kỳ chi tiết hàng tháng được công ty tính toán và đưa ra phương án hoạt động sản xuất kinh doanh linh hoạt đạt hiệu quả cao nhất đồng thời tiết giảm được các chi phí góp phần nâng cao lợi nhuận

sản xuất kinh doanh cho công ty.

Năm 2025, NT2 đã tập trung thực hiện tốt công tác bảo dưỡng phòng ngừa đối với các thiết bị trong sản xuất - yếu tố quan trọng để giảm thiểu sự cố ngừng máy. Bên cạnh đó, việc rà soát, hiệu chỉnh và áp dụng các bộ định mức có hiệu quả rõ rệt. Công tác thực hành tiết kiệm chống lãng phí luôn được chủ động nhằm đem lại hiệu quả thiết thực nhất trong quá trình hoạt động sản xuất kinh doanh, NT2 chủ động triển khai, thực hiện nghiêm túc những quy định luật pháp về công tác thực hành tiết kiệm chống lãng phí nhằm đem lại hiệu quả thiết thực nhất trong quá trình hoạt động sản xuất kinh doanh. Kết quả tiết kiệm, chống lãng phí năm 2025 đạt 90,67 tỷ đồng. Điều này đã góp phần rất lớn đến việc hoàn thành chỉ tiêu lợi nhuận sau thuế năm 2025 của công ty.

1.3.3 Công tác thị trường điện

Năm 2025 công tác tham gia thị trường điện của NT2 gặp rất nhiều khó khăn, cụ thể như sau:

Phụ tải HTĐ tăng trưởng rất thấp khoảng (4,5%) chỉ bằng 37% so với dự kiến tăng trưởng (12,2%) của Bộ Công thương, bằng 45% năm 2024 (năm 2024 tăng trưởng 10,1%).

Đồng thời, năm 2025, điều kiện thủy văn tốt, NSMO ưu tiên huy động các nhà máy thủy điện có giá thành rẻ dẫn tới Giá thị trường toàn phần năm 2025 rất thấp khoảng 891 đ/kWh, thấp hơn chi phí nhiên liệu bình quân của Nhà máy, bằng 62% so với giá thị trường toàn phần năm 2024 (1.426 đ/kWh).

Thay đổi cơ cấu nguồn điện và biểu đồ phụ tải do các nguồn điện năng lượng tái tạo tăng trưởng đột biến: Các giờ ban ngày điện mặt trời chiếm rất cao (đỉnh điểm chiếm 40% phụ tải miền Nam), các nguồn NLTT nằm ngoài TTĐ nên ảnh hưởng làm giảm nhu cầu huy động các nhà máy trong TTĐ, làm giảm giá thị trường, giảm các giờ chu kỳ cao điểm từ khoảng 9h/ngày xuống còn khoảng 3h/ngày ảnh hưởng đến doanh thu và hiệu quả của nhà máy.

Các Nguồn khí nội địa suy giảm, không đủ đáp ứng nhu cầu HTĐ khi cao điểm: Năm 2025 khí khu vực Đông nam Bộ là 2,6 tỷ Sm³, trung bình ngày cấp được 7-8 Tr.Sm³ chỉ đạt khoảng 40% công suất thiết kế của các NMD khu vực Đông Nam bộ (21Tr.Sm³/ngày). Tính cả LNG là 13-14 Tr.Sm³/ngày, chỉ đáp ứng 60% tổng CS khả dụng các NMD ĐNB (chưa kể NT3&4)

Mặc dù bối cảnh công tác thị trường điện năm 2025 gặp rất nhiều bất lợi, khó khăn. Tuy nhiên Ban lãnh đạo và cán bộ công nhân viên NT2 đã nỗ lực hết mình, trên tinh thần dám nghĩ, dám làm, quyết liệt thực hiện các nhiệm vụ trọng tâm trong công tác sản xuất kinh doanh và đã hoàn thành vượt mức kế hoạch lợi nhuận sau thuế năm 2025.

1.3.4 Công tác thương mại hợp đồng

Hợp đồng mua bán điện: Công tác theo dõi, thực hiện hợp đồng được các bên phối hợp thực hiện tốt. Công tác thanh toán và thu hồi tiền bán điện được quan tâm hàng

dầu và phối hợp chặt chẽ để triển khai thực hiện. Tuy nhiên, việc thanh toán tiền điện của EVN/EPTC còn chậm. Ngày 09/12/2025, PVPower NT2 và EPTC-EVN ký Hợp đồng sửa đổi bổ sung số 17 về việc thanh toán tiền dịch vụ môi trường rừng.

Bên cạnh đó, công tác phối hợp với các đơn vị NSMO, EPTC, EVN, Gas được thực hiện rất linh hoạt góp phần thuận lợi triển khai sản xuất, vận hành tối ưu, hiệu quả.

Hợp đồng mua bán khí: Phối hợp chặt chẽ trong công tác thanh toán, hoàn thiện các hợp đồng sửa đổi đồng bộ với PPA. Công tác phối hợp vận hành và xử lý sự cố đã được các bên phối hợp chặt chẽ, kiểm tra và thanh toán nhiên liệu khí được thực hiện nghiêm túc.

Hợp đồng bảo trì sửa chữa định kỳ, Hợp đồng bảo trì sửa chữa thường xuyên: Công tác theo dõi, thực hiện hợp đồng được các bên phối hợp thực hiện tốt góp phần đảm bảo NMD NT2 vận hành an toàn hiệu quả:

Công tác mua sắm vật tư, thiết bị phục vụ SXKD thực hiện đúng theo quy định. Công tác quản lý hợp đồng được thực hiện đúng tiến độ đã ký kết, đảm bảo chất lượng, tiết kiệm chi phí đảm bảo ổn định hoạt động SXKD.

1.3.5 Công tác tài chính

Tích cực thu hồi công nợ và đảm bảo cân đối dòng tiền đáp ứng nhu cầu SXKD.

Hoàn thành trả 8% cổ tức còn lại năm 2023 vào ngày 12/02/2025 cho cổ đông; Trả 7% cổ tức bằng tiền từ nguồn lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế của Công ty vào ngày 31/10/2025.

Thực hiện tốt các quy chế, quy định về công tác quản lý chi tiêu đảm bảo có hiệu quả, hợp lý và tiết kiệm.

Thực hiện tốt các quy chế, quy định về công tác quản lý chi tiêu đảm bảo có hiệu quả, hợp lý và tiết kiệm.

Tiếp tục thực hiện công tác thu hồi công nợ, tiền điện hàng tháng để đảm bảo dòng tiền phục vụ SXKD.

1.3.6 Công tác quan hệ nhà đầu tư

Năm 2025, NT2 luôn thực hiện tốt các công tác liên quan đến hoạt động IR, xây dựng thương hiệu NT2 thành thương hiệu mạnh trên thị trường chứng khoán, đảm bảo quyền lợi cao nhất cho cổ đông và nhà đầu tư; tổ chức thành công sự kiện: Đại hội cổ đông thường niên, gặp gỡ nhà đầu tư... Bộ phận IR đã tăng cường các hoạt động tiếp xúc gián tiếp qua kênh trực tuyến nhằm đảm bảo thông tin liên tục, kịp thời về kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh tới cổ đông, nhà đầu tư. Công tác công bố thông tin được tuân thủ chặt chẽ theo quy định của thị trường chứng khoán, đảm bảo quyền lợi cổ đông. Website Công ty cập nhật thường xuyên, đầy đủ và kịp thời thông tin hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty. Bộ phận IR tiếp tục duy trì phát hành định kỳ hàng quý thông báo/bản tin Nhà đầu tư về kết quả hoạt động của công ty. Thực hiện các chương trình hợp tác với các tổ chức môi giới, các cơ quan truyền thông đầu tư tài chính nhằm chuyển tải và phản hồi kịp thời, minh bạch các thông tin về NT2 ra thị trường. Duy trì kết

nổi hợp tác với các cổ đông chủ chốt và các tổ chức đầu tư tài chính lớn trong và ngoài nước... phản hồi thông tin nhanh chóng đến nhà đầu tư và các đối tác liên quan, thực hiện xử lý thông tin một cách kịp thời, minh bạch. Quảng cáo tiếp thị thu hút nhà đầu tư tiềm năng; quảng bá, nâng cao hình ảnh của Công ty trên thị trường chứng khoán, đưa mã NT2 trở thành cổ phiếu tin cậy, có giá trị tới các nhà đầu tư trong và ngoài nước. Nhờ những nỗ lực trong suốt một năm qua NT2 vinh dự được bình chọn Doanh nghiệp niêm yết đạt chuẩn công bố thông tin trên thị trường chứng khoán năm 2025.

1.3.7 Công tác tổ chức lao động, khoa học công nghệ

Lao động cuối kỳ: 170 người.

Công tác khoa học công nghệ:

- Luôn quan tâm đến hoạt động khoa học công nghệ và sáng kiến cải tiến kỹ thuật để giảm chi phí SXKD. Công ty có Quyết định công nhận 17 sáng kiến cải tiến kỹ thuật cho các tác giả năm 2025, cụ thể như sau:
- ✓ Cải tiến giải pháp chống ẩm cho mạch điện tử các đầu dò khói tại các hầm cáp nhà máy điện Nhơn Trạch 2.
- ✓ Cải tiến hệ thống làm mát cho tủ điều khiển 2 lò thu hồi nhiệt 11/12CPC21/22 nhà máy điện Nhơn Trạch 2.
- ✓ Cải tiến cải tạo tủ điện điều khiển hệ thống quạt thông thoáng nhà sấy clo - TBTH nhà máy điện Nhơn Trạch 2.
- ✓ Cải tiến thiết kế, gia công thùng vớt rác kênh nước làm mát trạm bơm nước tuần hoàn nhà máy điện Nhơn Trạch 2.
- ✓ Cải tiến Thiết kế, lắp đặt mới đường nước dự phòng cho bơm rửa lưới quay rác trạm bơm nước tuần hoàn tại nhà máy điện Nhơn Trạch 2.
- ✓ Cải tiến thiết kế, gia công lắp đặt thang đứng đi lên mái Turbine tại nhà máy điện Nhơn Trạch 2.
- ✓ Cải tiến Thiết kế lắp đặt mới tủ nguồn động lực 3 pha 100A phục vụ công tác kiểm định định kỳ các thiết bị sân trạm 220kV nhà máy điện Nhơn Trạch 2.
- ✓ Cải tiến hệ thống bơm nước nhà công vụ nhà máy điện Nhơn Trạch 2.
- ✓ Cải tiến Giải pháp quản lý thông tin bằng Trợ lý ảo Google NotebookLM nhà máy điện Nhơn Trạch 2.
- ✓ Cải tiến thay động cơ nạp lò xo cho máy cắt kích từ ST nhà máy điện Nhơn Trạch 2.
- ✓ Cải tiến mạch logic trên SPPA-T3000 tránh bảo vệ Shutdown tổ máy khi 01 module Analog Input bị lỗi nhà máy điện Nhơn Trạch 2.
- ✓ Cải tiến mạch logic trên SPPA-T3000 tránh bảo vệ ngừng bơm nước làm mát chính (MCWP A/B) khi các kênh đo nhiệt độ trên mỗi bơm bị lỗi nhà máy điện Nhơn Trạch 2.
- ✓ Cải tiến thay thế Bulong kim loại bằng Bulong nhựa có độ bền cao cho khu vực chứa hóa chất của hệ thống xử lý nước nhà máy điện Nhơn Trạch 2.

- ✓ Cải tiến lắp đường thoát của hệ thống rửa mắt khẩn cấp đi vào bể thu gom nước thải tại hệ thống XLN nhà máy điện Nhơn Trạch 2.
- ✓ Cải tiến lắp hệ thống hút hơi cho bể chứa nước xả Blowdown và bể tiếp nhận nước thải tại khu vực XLNT nhà máy điện Nhơn Trạch 2.
- ✓ Cải tiến đường xả nước chèn bơm Main Cooling NMD NT2
- ✓ Lắp thêm ống góp xả drain kết hợp hiển thị mực bồn dầu rò hệ thống nhiên liệu dầu NMD NT2.
- Ban hành các quy chế, quy định để khuyến khích, động viên người lao động thi đua sáng kiến cải tiến kỹ thuật góp phần vào sự phát triển cho đơn vị.

1.3.8 Công tác an toàn sức khỏe môi trường và phòng cháy chữa cháy

Công tác an toàn, sức khỏe, môi trường luôn đảm bảo.

Hoàn thành tốt công tác huấn luyện về ATVSLĐ cho người lao động; huấn luyện sơ cấp cứu; huấn luyện ứng phó sự cố tràn dầu; diễn tập phương án PCCC & cứu nạn cứu hộ, diễn tập UPSC cố tràn dầu, hóa chất, môi trường; hưởng ứng tháng hành động về ATVSLĐ, ngày toàn dân PCCC, ngày môi trường thế giới.

Trang bị đầy đủ trang thiết bị bảo vệ cá nhân, cứu hộ cứu nạn.

Tổ chức khám sức khỏe định kỳ cho CBCNV-NLĐ.

Công tác Y tế và công tác An toàn vệ sinh lao động được đảm bảo.

Hàng tháng thực hiện kiểm tra chéo công tác an toàn lao động, vệ sinh lao động trong toàn tại Công ty và Nhà công vụ 12 tầng; Mỗi tháng một lần thực hiện công tác kiểm tra định kỳ hệ thống Phòng cháy và Chữa cháy trong Nhà máy Điện Nhơn Trạch 2.

1.3.9 Công tác an sinh xã hội

Mặc dù gặp nhiều khó khăn trong sản xuất kinh doanh năm 2025 nhưng NT2 luôn tích cực triển khai thực hiện các chương trình an sinh xã hội trên khắp cả nước, thể hiện trách nhiệm của doanh nghiệp với cộng đồng xã hội trong một năm đầy khó khăn và thách thức. Năm 2025, NT2 đã thực hiện một số công tác An sinh xã hội như: Tặng quà cho các gia đình có hoàn cảnh khó khăn nhân dịp Tết nguyên đán, xây nhà tình nghĩa, ủng hộ đồng bào lũ lụt, đặc biệt tài trợ cho các vùng sâu, vùng xa – nơi có hoàn cảnh khó khăn. Thông qua các chương trình này NT2 với mong muốn đóng góp một phần cho sự phát triển chung của xã hội, đồng thời đã lan tỏa sự yêu thương, gắn kết giữa tập thể cán bộ công nhân viên Công ty đến những địa phương, cá nhân có hoàn cảnh khó khăn cần sự giúp đỡ. NT2 luôn là lá cờ đầu trong lĩnh vực điện khí về các hoạt động an sinh xã hội, trách nhiệm với cộng đồng, năm 2025 NT2 đã đóng góp 2,58 tỷ đồng cho công tác an sinh xã hội, lũy kế đến nay đã đóng góp 40,13 tỷ đồng.

1.3.10 Các giải thưởng tiêu biểu

Tiếp tục kế thừa thành công của những năm qua, năm 2025 liên tiếp được vinh danh và nhận các giải thưởng, để ghi nhận nỗ lực của toàn thể cán bộ công nhân viên trong năm

2025.

- Top 100 Doanh nghiệp bền vững.
- Doanh nghiệp tiêu biểu vì người lao động
- Top 500 Doanh nghiệp lớn nhất Việt Nam.
- Doanh nghiệp đạt chuẩn niêm yết năm 2025

2. Tổ chức và nhân sự

2.1 Hội đồng quản trị

2.1.1 Thành viên Hội đồng quản trị

Họ và tên	Chức vụ
Ông Ưông Ngọc Hải	Chủ tịch Hội đồng quản trị
Ông Ngô Đức Nhân	Thành viên Hội đồng quản trị
Ông Lương Ngọc Anh	Thành viên Hội đồng quản trị
Bà Phan Thị Thúy Lan	Thành viên độc lập Hội đồng quản trị

2.1.2 Tóm tắt lý lịch cá nhân các thành viên trong Hội đồng quản trị

1. Ông Ưông Ngọc Hải

Chủ tịch Hội đồng quản trị

Ngày tháng năm sinh

: 28/10/1972

Quốc tịch

: Việt Nam

Dân tộc

: Kinh

Trình độ chuyên môn

: Kỹ sư cơ khí, Kỹ sư cầu đường, Thạc sĩ QTKD

Sở hữu cổ phần

: 101.878.003 cổ phần, chiếm 35,39% vốn điều lệ.

- Số lượng cổ phần đại diện phần vốn của PV Power

: 101.835.833 cổ phần, chiếm 35,375% vốn điều lệ

- Số lượng cổ phần sở hữu cá nhân

: 42.170 cổ phần, chiếm 0,015% vốn điều lệ

2. Ông Ngô Đức Nhân

Thành viên Hội đồng quản trị kiêm Giám đốc

Ngày tháng năm sinh

: 05/10/1966

Quốc tịch

: Việt Nam

Dân tộc

: Kinh

Trình độ chuyên môn

: Kỹ sư Cơ khí, Kỹ sư Kinh tế

Sở hữu cổ phần

: 69.141.950 cổ phần, chiếm 24,018% VDL

- Số lượng cổ phần đại diện phần vốn của PV Power

: 69.090.246 cổ phần, chiếm 24% vốn điều lệ.

- Số lượng cổ phần sở hữu cá nhân : 51.704 cổ phần, chiếm 0,018% vốn điều lệ.

3. Ông Lương Ngọc Anh

Thành viên Hội đồng quản trị

Ngày tháng năm sinh : 09/02/1962

Quốc tịch : Việt Nam

Dân tộc : Kinh

Trình độ chuyên môn : Kỹ sư Hóa

Sở hữu cổ phần : 23.796.115 cổ phần, chiếm 8,27% vốn điều lệ

- Số lượng cổ phần đại diện phần vốn của Công ty TNHH Phát triển Công nghệ : 23.796.115 cổ phần, chiếm 8,27% vốn điều lệ
- Số lượng cổ phần sở hữu cá nhân : 0 cổ phần, chiếm 0% vốn điều lệ.

4. Phan Thị Thúy Lan

Thành viên độc lập Hội đồng quản trị

Ngày tháng năm sinh : 27/03/1959

Quốc tịch : Việt Nam

Dân tộc : Kinh

Trình độ chuyên môn : Cử nhân kinh tế

Sở hữu cổ phần : 0 cổ phần, chiếm 0% vốn điều lệ

- Số lượng cổ phần đại diện : 0 cổ phần, chiếm 0% vốn điều lệ
- Số lượng cổ phần sở hữu cá nhân : 0 cổ phần, chiếm 0% vốn điều lệ.

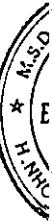
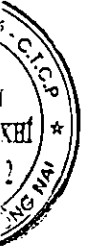
2.2 Ban điều hành

2.2.1 Thành viên Ban Điều hành

Tên	Chức vụ	Lý do thay đổi
Ông Ngô Đức Nhân	Giám đốc	
Ông Nguyễn Trung Thu	Phó Giám đốc	
Bà Nguyễn Thị Hà	Phó Giám đốc	
Ông Nguyễn Văn Quyền	Phó Giám đốc	
Ông Lê Việt An	Kế toán trưởng	

2.2.2 Tóm tắt lý lịch cá nhân các thành viên trong Ban Điều hành

- 1. Ông Ngô Đức Nhân** Thành viên Hội đồng quản trị kiêm Giám đốc
- Ngày tháng năm sinh : 05/10/1966
- Quốc tịch : Việt Nam
- Dân tộc : Kinh
- Trình độ chuyên môn : Kỹ sư Cơ khí, Kỹ sư Kinh tế
- Sở hữu cổ phần : 69.141.950 cổ phần, chiếm 24,018% VDL
- Số lượng cổ phần đại diện phần vốn của PV Power : 69.090.246 cổ phần, chiếm 24% vốn điều lệ.
 - Số lượng cổ phần sở hữu cá nhân : 51.704 cổ phần, chiếm 0,018% vốn điều lệ.
- 2. Ông Nguyễn Trung Thu** Phó Giám đốc
- Ngày tháng năm sinh : 07/10/1969
- Quốc tịch : Việt Nam
- Dân tộc : Kinh
- Trình độ chuyên môn : Kỹ sư cơ khí
- Sở hữu cổ phần : 0 cổ phần, chiếm 0% vốn điều lệ.
- Số lượng cổ phần đại diện phần vốn : 0 cổ phần, chiếm 0% vốn điều lệ
 - Số lượng cổ phần sở hữu cá nhân : 0 cổ phần, chiếm 0% vốn điều lệ
- 3. Bà Nguyễn Thị Hà** Phó Giám đốc
- Ngày tháng năm sinh : 06/03/1979
- Quốc tịch : Việt Nam
- Dân tộc : Kinh
- Trình độ chuyên môn : Cử nhân Ngoại thương, Cử nhân Anh văn, Thạc sĩ Tài chính – Ngân hàng
- Sở hữu cổ phần : 07 cổ phần, chiếm 0% vốn điều lệ
- Số lượng cổ phần đại diện phần vốn : 0 cổ phần, chiếm 0% vốn điều lệ
 - Số lượng cổ phần sở hữu cá nhân : 07 cổ phần, chiếm 0% vốn điều lệ.
- 4. Ông Nguyễn Văn Quyền** Phó Giám đốc
- Ngày tháng năm sinh : 14/03/1969
- Quốc tịch : Việt Nam
- Dân tộc : Kinh



Trình độ chuyên môn : Cử nhân Kế toán công nghiệp, Thạc sĩ kinh tế.

Sở hữu cổ phần : 0 cổ phần, chiếm 0% vốn điều lệ

- Số lượng cổ phần đại diện phần vốn : 0 cổ phần, chiếm 0% vốn điều lệ
- Số lượng cổ phần sở hữu cá nhân : 0 cổ phần, chiếm 0% vốn điều lệ.

5. Ông Lê Việt An **Kế toán trưởng**

Ngày tháng năm sinh : 27/06/1984

Quốc tịch : Việt Nam

Dân tộc : Kinh

Trình độ chuyên môn : Cử nhân Kinh tế; Thạc sĩ Tài chính Ngân hàng

Sở hữu cổ phần : 0 cổ phần, chiếm 0% vốn điều lệ.

- Số lượng cổ phần đại diện phần vốn : 0 cổ phần, chiếm 0% vốn điều lệ
- Số lượng cổ phần sở hữu cá nhân : 0 cổ phần, chiếm 0% vốn điều lệ

2.3 Ban kiểm soát

2.3.1 Thành viên Ban kiểm soát

	Chức vụ	Lý do thay đổi
Ông Nguyễn Hữu Minh	Trưởng Ban kiểm soát	
Ông Nguyễn Văn Kỳ	Thành viên Ban Kiểm soát	
Bà Phan Lan Anh	Thành viên Ban Kiểm soát	

2.3.2 Tóm tắt lý lịch cá nhân các thành viên trong Ban kiểm soát

1. Ông Nguyễn Hữu Minh **Ban kiểm soát**

Ngày tháng năm sinh : 13/07/1971

Quốc tịch : Việt Nam

Dân tộc : Kinh

Trình độ chuyên môn : Thạc sĩ Quản trị Kinh doanh; Cử nhân Kinh tế

Sở hữu cổ phần : 51.044 cổ phần, chiếm 0,01% vốn điều lệ

- Số lượng cổ phần đại diện phần : 0 cổ phần, chiếm 0% vốn điều lệ

vốn

- Số lượng cổ phần sở hữu cá nhân : 51.044 cổ phần, chiếm 0,01% vốn điều lệ

2. Ông Nguyễn Văn Kỳ

Thành viên Ban Kiểm soát

Ngày tháng năm sinh : 05/10/1981

Quốc tịch : Việt Nam

Dân tộc : Kinh

Trình độ chuyên môn : Cử nhân Kế toán

Sở hữu cổ phần : 0 cổ phần, chiếm 0% vốn điều lệ.

- Số lượng cổ phần đại diện phần vốn : 0 cổ phần, chiếm 0% vốn điều lệ

- Số lượng cổ phần sở hữu cá nhân : 0 cổ phần, chiếm 0% vốn điều lệ

3. Bà Phan Lan Anh

Thành viên Ban Kiểm soát

Ngày tháng năm sinh : 29/7/1986

Quốc tịch : Việt Nam

Dân tộc : Kinh

Trình độ chuyên môn : Thạc sĩ Quản lý Kinh tế

Sở hữu cổ phần : 0 cổ phần, chiếm 0% vốn điều lệ

- Số lượng cổ phần đại diện phần vốn : 0 cổ phần, chiếm 0% vốn điều lệ

- Số lượng cổ phần sở hữu cá nhân : 0 cổ phần, chiếm 0% vốn điều lệ

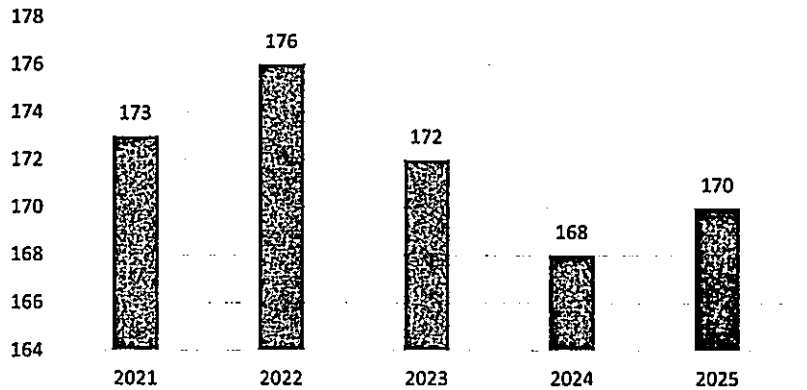
2.4 Sự thay đổi Hội đồng quản trị, Ban điều hành và Ban Kiểm soát trong năm 2025

Trong năm 2025, NT2 không có sự thay đổi về nhân sự trong HĐQT, Ban điều hành và Ban Kiểm soát.

2.5 Số lượng lao động và cơ cấu lao động

2.5.1 Số lượng lao động:

Số lượng (người)



Năm	2021	2022	2023	2024	2025
Số lượng (người)	173	176	172	168	170

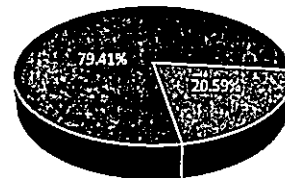
2.5.2 Cơ cấu lao động:

Phân theo trình độ



- 1. Trên Đại học
- 2. Đại học
- 3. Cao đẳng/Trung cấp
- 4. Công nhân Kỹ thuật/Lao động phổ thông

Phân theo giới tính



- 1. Nam
- 2. Nữ

Tiêu chí	Số lượng	Tỷ lệ
I. Phân theo trình độ	170	100%
1. Trên Đại học	13	7,65%
2. Đại học	117	68,82%
3. Cao đẳng/Trung cấp	13	7,65%
4. Công nhân Kỹ thuật/Lao động phổ thông	27	15,88%
II. Phân theo giới tính	170	100%
1. Nam	135	79,41%
2. Nữ	35	20,59%

3. Tình hình đầu tư, tình hình thực hiện các dự án lớn

NT2 luôn tập trung vào giá trị cốt lõi sản xuất kinh doanh điện năng. Năm 2025, NT2

không thực hiện dự án lớn mà tập trung lập kế hoạch và thực hiện các giải pháp để nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh như:

- Vận hành nhà máy điện Nhơn Trạch 2 ổn định, hiệu quả và an toàn.
- Tham gia thị trường điện bán buôn và bán lẻ cạnh tranh theo lộ trình quy định.
- Nghiên cứu sử dụng các nguồn cung cấp khí bổ sung, đảm bảo hoạt động ổn định nhà máy.
- Phối hợp với các nhà máy thuộc Trung tâm điện lực Nhơn Trạch để tìm kiếm cơ hội đầu tư phát triển theo hướng gia tăng lợi nhuận sản xuất kinh doanh cho công ty.
- Nghiên cứu nâng công suất nhà máy nhằm gia tăng hiệu quả sản xuất kinh doanh.
- Nghiên cứu nâng cao hiệu suất các tổ máy, giảm công suất tối thiểu các tổ máy để gia tăng hiệu quả sản xuất điện khi giá thị trường thấp.

4. Tình hình tài chính

4.1 Các chỉ tiêu chính

Stt	Chỉ tiêu	ĐVT	TH năm 2024	TH năm 2025	% so với năm trước
1	Tổng giá trị Tài sản	Tỷ đồng	8.697,85	9.273,31	106,62%
2	Doanh thu thuần về bán hàng	Tỷ đồng	5.943,68	7.958,22	133,89%
3	Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	Tỷ đồng	31,63	1.266,91	4.005,04%
4	Lợi nhuận trước thuế	Tỷ đồng	103,96	1.267,96	1.219,70%
5	Lợi nhuận sau thuế	Tỷ đồng	82,89	1.130,28	1.363,53%

4.2 Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu

Stt	Chỉ tiêu	ĐVT	Năm 2024	Năm 2025	Tăng/giảm
I	Khả năng thanh toán				
1	Hệ số thanh toán ngắn hạn	lần	1,28	1,82	0,54
2	Hệ số thanh toán nhanh	lần	1,21	1,74	0,53
II	Cơ cấu nguồn vốn				
1	Hệ số Nợ/Tổng Tài sản	%	51,84	47,60	-4,24
2	Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu	%	107,63	90,83	-16,80

Stt	Chỉ tiêu	ĐVT	Năm 2024	Năm 2025	Tăng/giảm
III	Năng lực hoạt động				
1	Vòng quay Hàng tồn kho	vòng	19,87	19,54	(0,33)
2	Vòng quay Tổng Tài sản	vòng	0,69	0,89	0,20
IV	Khả năng sinh lời				
1	Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	%	1,39	14,20	12,81
2	Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu	%	1,94	24,98	23,04
3	Lợi nhuận sau thuế/Tổng Tài sản	%	0,97	12,58	11,61
4	Lợi nhuận từ HĐKD/Doanh thu thuần	%	0,53	15,92	15,39

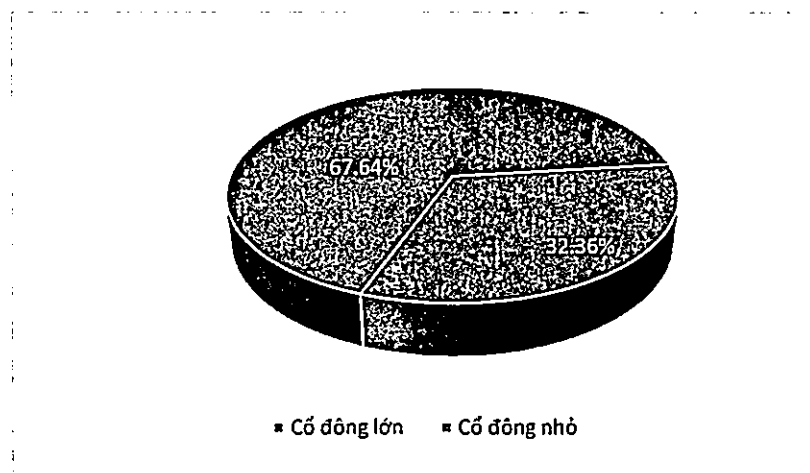
5. Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu

5.1 Cổ phiếu

- Tổng số cổ phiếu đã phát hành: 287.876.029 cổ phiếu
- Loại cổ phiếu phát hành: cổ phiếu phổ thông.
- Số lượng cổ phiếu chuyển nhượng tự do : 287.876.029 cổ phiếu
- Số lượng cổ phiếu hạn chế chuyển nhượng: 0 cổ phiếu

5.2 Cơ cấu cổ đông

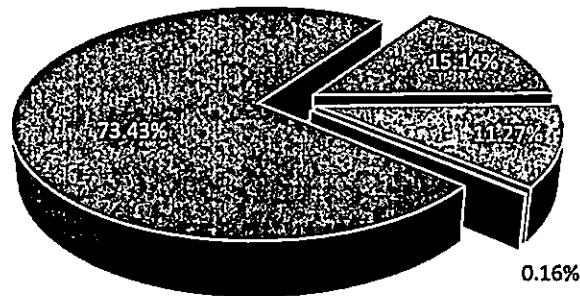
5.2.1 Theo tỷ lệ sở hữu



Nguồn: DSCĐ tại ngày 22/10/2025

Cổ đông	Số lượng cổ đông	Số lượng CP	Tỷ lệ
Cổ đông lớn	2	194.722.195	67,64%
Cổ đông nhỏ	7.897	93.153.834	32,36%
Tổng cộng	7.899	287.876.029	100,00%

5.2.2 Theo loại hình cổ đông



- Tổ chức trong nước
- Cá nhân trong nước
- Tổ chức nước ngoài
- Cá nhân nước ngoài

Nguồn: DSCĐ tại ngày 22/10/2025

Cổ đông	Số lượng cổ đông	Số lượng cổ phiếu	Tỷ lệ
Cổ đông trong nước	7.711	254,968,383	88,57%
Cá nhân	7.676	43,570,487	15,14%
Tổ chức	35	211,397,896	73,43%
Cổ đông nước ngoài	188	32,907,646	11,43%
Cá nhân	144	474,979	0,16%
Tổ chức	44	32,432,667	11,27%
Tổng cộng	7.899	287,876,029	100%

Nguồn: DSCĐ tại ngày 22/10/2025

Cổ đông	Số lượng cổ đông	Số lượng CP	Tỷ lệ
Cổ đông nhà nước	2	178.048.000	61,85%
Cổ đông khác	7.897	109.828.029	38,15%
Tổng cộng	7.899	287.876.029	100,00%

5.3 Tình hình thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu

Tình hình thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu trong năm 2025: Không phát sinh

Vốn điều lệ ban đầu: 2.560.000.000.000 đồng

Năm 2014: NT2 phát hành cổ phiếu để trả cổ tức (7%): 2.739.198.430.000 đồng

Năm 2015: NT2 phát hành cổ phiếu để trả cổ tức (4%): 2.848.760.290.000 đồng

Năm 2017: NT2 phát hành cổ phiếu theo chương trình lựa chọn cho người lao động (3.000.000 CP): 2.878.760.290.000 đồng

5.4 Giao dịch cổ phiếu quỹ

Không phát sinh. Không giao dịch cổ phiếu quỹ.

5.5 Số lượng cổ phiếu quỹ: 0 cổ phiếu

5.6 Các chứng khoán khác: Không phát sinh.

III. BÁO CÁO VÀ ĐÁNH GIÁ CỦA BAN ĐIỀU HÀNH

1. Tình hình phát triển ngành Điện

Ngành điện thế giới đã trải qua hơn 150 năm phát triển với nhiều xu hướng đầu tư, từ thủy điện, nhiệt điện nhiên liệu hóa thạch, nhiệt điện khí, năng lượng hạt nhân và năng lượng tái tạo. Ngành Điện Việt Nam đã luôn khẳng định được vai trò chủ đạo trong việc đảm bảo cung cấp điện phục vụ phát triển kinh tế - xã hội của đất nước, đời sống sinh hoạt của nhân dân và góp phần đảm bảo quốc phòng, an ninh.

Viện Năng lượng báo cáo kết quả về quy hoạch phát triển Điện lực Quốc gia thời kỳ 2021 – 2030, tầm nhìn đến năm 2045 trong Quy hoạch điện VIII như sau:

Dự báo phát triển Kinh tế xã hội và dự báo phụ tải: Tăng trưởng GDP của Việt Nam giai đoạn 2021 – 2030 đạt bình quân 6,6%/năm, giai đoạn 2031 – 2045 bình quân 5,7%/năm; dự báo điện thương phẩm năm 2030 đạt 491 tỷ kWh, năm 2045 đạt 877 tỷ kWh.

Chương trình phát triển nguồn điện: Tới năm 2030, tổng công suất đặt nguồn điện của Việt Nam đạt 137,2GW (Trong đó nhiệt điện than 27%, nhiệt điện khí 21%, thủy điện 18%, điện gió, mặt trời và năng lượng tái tạo khác 29%, nhập khẩu khoảng gần 4%, thủy điện tích năng và các loại thiết bị lưu trữ năng lượng khác khoảng 3%). Cơ cấu

nguồn điện cho thấy Quy hoạch điện VIII khuyến khích phát triển mạnh mẽ năng lượng tái tạo (ngoài thủy điện), từ khoảng 13% năm 2020 lên tới gần 30% năm 2030 và 44% năm 2045. Đây là xu hướng phù hợp với sự phát triển của các nước trên thế giới.

Chương trình phát triển lưới điện: Quy hoạch điện VIII đề xuất tiếp tục xây dựng hệ thống truyền tải điện 500kV để truyền tải điện từ các trung tâm nguồn điện lớn tại Tây Nguyên, Nam Trung Bộ, Bắc Trung Bộ về các trung tâm phụ tải lớn của Việt Nam tại TP. Hồ Chí Minh và đồng bằng sông Hồng. Tăng cường lưới điện truyền tải liên kết để hỗ trợ truyền tải công suất ba miền Bắc – Trung – Nam. Vấn đề truyền tải bằng đường

dây một chiều cũng đã được đặt ra và nghiên cứu, xem xét trong quy hoạch điện VIII. Trong đó giai đoạn 2021 – 2030 cần xây dựng thêm tổng cộng khoảng 86 GVA công suất trạm 500 kV và gần 13.000 km ĐZ, giai đoạn 2031 – 2045 cần xây dựng thêm khoảng 103 GVA công suất trạm 500kV và gần 6.000 km ĐZ. Lưới điện 220kV tương ứng cần xây dựng 95 GVA, gần 21.000 km ĐZ và 108 GVA, hơn 4000 km ĐZ. Việc áp dụng lưới điện thông minh, áp dụng công nghệ 4.0 trong truyền tải điện cũng được nghiên cứu, tính toán và đề xuất trong quy hoạch điện.

Tổng vốn đầu tư và phân tích kinh tế phương án phát triển điện lực: Tổng vốn đầu tư phát triển điện lực giai đoạn 2021 – 2030 khoảng 128,3 tỷ USD, trong đó: cho nguồn điện là 95,4 tỷ USD, cho lưới điện khoảng 32,9 tỷ USD. Cơ cấu trong bình vốn đầu tư nguồn và lưới là 74%/26%. Giai đoạn 2021 đến 2030, trung bình mỗi năm cần đầu tư khoảng 12,8 tỷ USD (9,5 tỷ cho nguồn và 3,3 tỷ cho lưới). Tổng vốn đầu tư phát triển điện lực giai đoạn 2031-2045 khoảng 192,3 tỷ USD, trong đó: cho nguồn điện là 140,2 tỷ USD, cho lưới điện khoảng 52,1 tỷ USD. Cơ cấu trung bình vốn đầu tư nguồn và lưới là 73%/27%. Giai đoạn 2031- 2045 trung bình mỗi năm cần đầu tư khoảng 12,8 tỷ USD (9,3 tỷ USD cho nguồn và 3,4 tỷ USD cho lưới). Chi phí biên bình quân cho phần nguồn sản xuất điện là 8,8 UScent/kWh giai đoạn 2021 – 2030 và 9,6 UScent/kWh giai đoạn 2031 – 2045, chi phí biên bình quân đến lưới phân phối là 11,4 UScent/kWh giai đoạn 2021 – 2030 và 12,3 UScent/kWh giai đoạn 2031 – 2045.

2. Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh

Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2025 như sau:

Stt	Chỉ tiêu	ĐVT	KH năm 2025	TH năm 2025	Tỷ lệ (%)
1	Sản lượng điện	Tr.kWh	3.467,50	3.117,5	89,91%
2	Tổng doanh thu	Tỷ đồng	8.211,51	8.132,85	99,04%
3	Tổng chi phí	Tỷ đồng	7.901,78	6.864,88	86,88%
4	Lợi nhuận sau thuế	Tỷ đồng	278,76	1.130,28	405,47%

2.1 Đánh giá chung:

Tình hình SXKD năm 2025 phải đối mặt với nhiều khó khăn trong hoạt động SXKD: (i) Nguồn khí bị suy giảm; (ii) Giá khí đầu vào tăng cao, nguồn năng lượng tái tạo luôn được ưu tiên nên làm giảm tính cạnh tranh và hiệu quả trong thị trường điện; (iii) Công tác thanh toán tiền điện của EVN hàng tháng còn chậm so với quy định Hợp đồng ảnh hưởng trực tiếp đến công tác cân đối dòng tiền phục vụ SXKD. Với những yếu tố khó khăn ảnh hưởng trực tiếp đến kết quả SXKD như trên, Ban Lãnh đạo Công ty đã chủ động khắc phục mọi khó khăn, phấn đấu hết mình trong công tác điều hành, xây dựng các phương án chào giá hợp lý, đảm bảo vận hành các tổ máy ổn định linh hoạt phù hợp với thị trường điện, đặc biệt bằng các giải pháp như: (1) Định kỳ hàng tháng/hàng quý, tổ chức các cuộc họp về công tác phân kỳ kế hoạch kết hợp công tác thị trường điện, rà soát các nội dung, đánh giá mức độ hoàn thành công việc để có giải pháp điều chỉnh kịp thời các phương án vận hành; (2) Nâng cao hiệu quả công tác tài chính, hiệu quả sử dụng vốn; (3) Quản lý tốt công tác hiệu năng, SHN của nhà máy, chú trọng và tăng cường công tác sáng kiến cải tiến kỹ thuật áp dụng thực tế hiệu quả vào SXKD; (4) Xử lý cân đối khí phù hợp với tình hình vận hành; (5) Nâng Qc từ 2,13 lên 3,48 tỷ kWh; (6) Thu hồi phí dịch vụ môi trường rừng; (7) Ghi nhận chênh lệch tỷ giá từ 2019-2021; (8) Điều chỉnh kế hoạch tiêu tu để nâng cao hiệu quả SXKD; (9) Thực hiện tốt công tác tiết kiệm chi phí để xuất sắc hoàn thành vượt mức chỉ tiêu lợi nhuận năm 2025

Kết quả, trong năm 2025, NT2 đạt sản lượng điện 3.117,5 triệu kWh, tương đương 89,91% kế hoạch năm, Tổng doanh thu đạt 8.132,85 tỷ đồng, hoàn thành 99,04% kế hoạch, trong khi tổng chi phí được kiểm soát ở mức 6.864,88 tỷ đồng, chỉ bằng 86,88% kế hoạch. Nhờ đó, lợi nhuận sau thuế đạt 1.130,28 tỷ đồng, vượt 405,47% so với kế hoạch năm 2025 và tăng đột biến so với năm trước.

Kết quả vượt trội về lợi nhuận năm 2025 không mang tính nhất thời, mà là kết tinh của nhiều giải pháp điều hành quyết liệt và kịp thời của Ban Lãnh đạo Công ty. Song song đó, Công ty tiếp tục triển khai nghiêm túc và đồng bộ công tác thực hành tiết kiệm, chống lãng phí trong toàn hệ thống, góp phần trực tiếp nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh.

Bên cạnh kết quả tài chính, NT2 tiếp tục thực hiện đầy đủ nghĩa vụ đối với Nhà nước, cổ đông và các bên liên quan. Trong năm 2025, Công ty đã nộp ngân sách Nhà nước 207,65 tỷ đồng, vượt 114,53% kế hoạch năm; hoàn thành chi trả 15% cổ tức từ tiền mặt, qua đó khẳng định uy tín và vị thế của NT2 trên thị trường chứng khoán. Lợi nhuận sau thuế năm 2025 đạt 405,47% so với kế hoạch năm 2025, Đây được xem là minh chứng rõ ràng nhất thể hiện được khả năng “**Sản xuất an toàn, vững vàng tiến bước**” của NT2 trong năm 2025.

Có thể khẳng định, năm 2025 là năm ghi dấu sự chuyển biến rõ nét trong năng lực điều hành và hiệu quả quản trị của NT2, thể hiện khả năng thích ứng linh hoạt trước biến động thị trường, đồng thời tạo nền tảng tài chính vững chắc cho các kế hoạch phát triển trong giai đoạn tiếp theo. Những kết quả đạt được là tiền đề quan trọng để

Công ty tiếp tục củng cố vị thế trong hệ thống điện quốc gia, sẵn sàng tham gia sâu hơn vào thị trường điện cạnh tranh và hướng tới mục tiêu phát triển ổn định, bền vững trong các năm tới.

Những thay đổi, biến động về thị trường và nguồn cung cấp

Nguồn cung cấp: Các mỏ khí suy giảm và chưa có mỏ khí mới bổ sung nên tình trạng chung thiếu khí không thay đổi. Vào những lúc cao điểm của thị trường thì NT2 không được cung cấp đủ khí nên điều này đã làm sụt giảm phần doanh thu cũng như lợi nhuận tương ứng mà NT2 có thể thu được trong thị trường. Ban Điều hành nhận định xu thế sử dụng nhiên liệu LNG để bù đắp cho sự suy giảm các mỏ cung cấp khí là khả quan, và đang nghiên cứu áp dụng sớm để đảm bảo sản xuất kinh doanh ổn định và hiệu quả trong thời gian tới.

Ảnh hưởng chênh lệch tỷ giá hối đoái đến kết quả kinh doanh của Công ty.

Công ty thực hiện một số giao dịch có gốc ngoại tệ. Theo đó, Công ty sẽ chịu rủi ro khi có biến động về tỷ giá. Công ty chủ yếu chịu ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá của Đô la Mỹ và Euro. Trong năm 2025, Công ty đã trả hết các khoản công nợ/vay có gốc ngoại tệ nên tại thời điểm cuối năm không còn rủi ro trọng yếu về tỷ giá.

Hiện nay, trong thành phần giá điện của NT2 cũng như các công ty nhiệt điện khí khác, chi phí nhiên liệu khí được quy đổi theo giá khí tính bằng đồng USD và tỷ giá ngày xuất hóa đơn định kỳ hàng tháng theo thông báo của Bên bán khí. Như vậy, theo cơ chế giá khí được chuyển ngang vào giá điện nên tỷ giá USD thanh toán theo giá khí hàng tháng không ảnh hưởng đến NT2. Đối với thành phần giá điện tính từ khoản vay ngoại tệ để đầu tư nhà máy, hiện nay tất cả các đơn vị phát điện đều chưa được áp dụng thanh toán từng kỳ theo tỷ giá. Tuy nhiên, theo quy định của Bộ Công thương từ năm 2015 các đơn vị phát điện có khoản vay ngoại tệ sẽ được quyết toán khoản chênh lệch tỷ giá thực hiện hàng năm với EVN.

2.2 Những điểm nổi bật tạo nên thành tích năm 2025

- Sản lượng điện lũy kế từ khi vận hành đến hết ngày 31/12/2025 là 60,48 tỷ kWh.
- Lợi nhuận sau thuế năm 2025 vượt 405,47% kế hoạch, đảm bảo tỷ lệ chia cổ tức cho cổ đông – Đây được xem là minh chứng rõ ràng nhất thể hiện tinh thần **“Sản xuất an toàn, vững vàng tiến bước”** của NT2 trong năm 2025.
- Thực hiện chi trả cổ tức 15% bằng tiền mặt tương đương 431,81 tỷ đồng, tiếp tục khẳng định tính ổn định trong sản xuất kinh doanh, nâng cao uy tín công ty trên thị trường chứng khoán trong bối cảnh các doanh nghiệp trên cả nước gặp nhiều khó khăn.
- NT2 luôn thực hiện nghĩa vụ nộp ngân sách nhà nước đầy đủ và đúng quy định, năm 2025 NT2 nộp ngân sách nhà nước 207,65 tỷ đồng vượt 14,53% so với kế hoạch năm.
- Công tác an toàn sức khỏe môi trường: Luôn đảm bảo an toàn và không để xảy ra sự

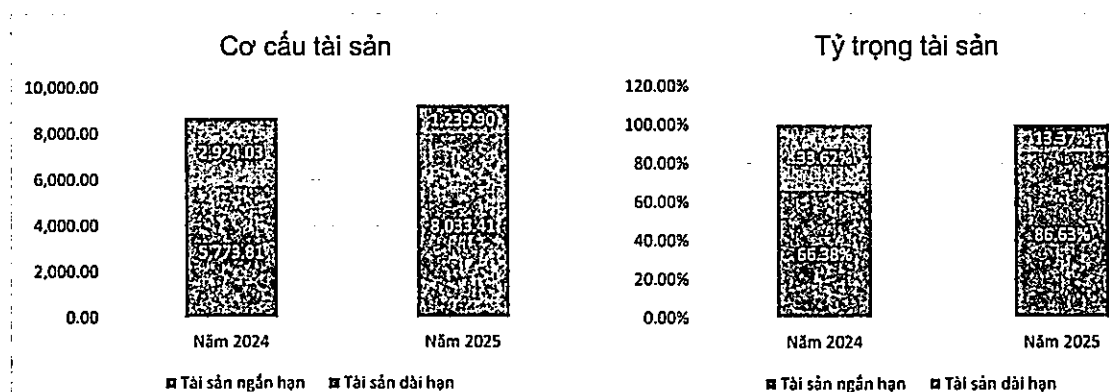
có nào ảnh hưởng đến người lao động và tài sản công ty.

- Công tác lao động, tiền lương, tiền thưởng và chế độ chính sách cho người lao động được lãnh đạo NT2 đặc biệt quan tâm. Các chế độ chính sách cho người lao động như lương, thưởng, BHXH, BHYT, chế độ ốm đau, thai sản được thực hiện đúng theo chế độ
- Công tác khoa học công nghệ: Luôn quan tâm đến hoạt động khoa học công nghệ và sáng kiến cải tiến kỹ thuật để giảm chi phí sản xuất kinh doanh. Ban hành các quy chế, quy định để khuyến khích, động viên người lao động thi đua sáng kiến cải tiến kỹ thuật góp phần vào sự phát triển cho đơn vị.
- NT2 luôn nỗ lực phấn đấu hoàn thành các chỉ tiêu sản xuất kinh doanh đề ra. Nhà máy điện Nhơn Trạch 2 khẳng định được độ tin cậy cao trong thị trường điện, là một trong những nhà máy hiện đại hàng đầu Việt Nam.

3. Tình hình tài chính

Chỉ tiêu	ĐVT	Năm 2024	Năm 2025	Tăng/Giảm	Tỷ lệ tăng/giảm %
Tài sản ngắn hạn	Tỷ đồng	5.773,81	8.033,41	2.259,60	39,14%
Tài sản dài hạn	Tỷ đồng	2.924,03	1.239,90	(1.684,14)	(57,60) %
Tổng Tài sản	Tỷ đồng	8.697,85	9.273,31	575,46	6,62%
Nợ phải trả	Tỷ đồng	4.508,77	4.413,91	(94,86)	(2,1)%
- <i>Nợ ngắn hạn</i>	<i>Tỷ đồng</i>	<i>4.508,77</i>	<i>4.413,91</i>	<i>(94,86)</i>	<i>(2,1)%</i>
Nguồn vốn chủ sở hữu	Tỷ đồng	4.189,08	4.859,40	670,32	16,00%
Tổng Nguồn vốn	Tỷ đồng	8.697,85	9.273,31	575,46	6,62%

3.1 Tình hình Tài sản



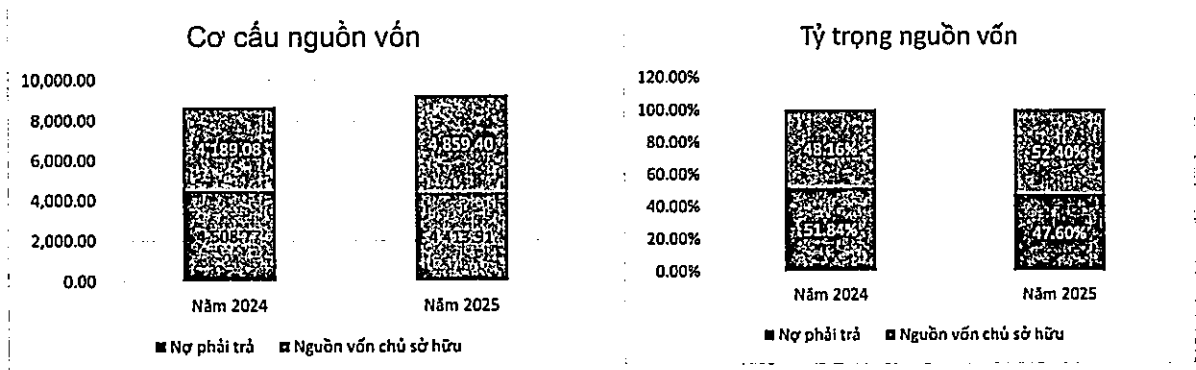
Tổng Tài sản tại thời điểm 31/12/2025 của Công ty đạt: 9.273,31 tỷ đồng, tăng 575,46 tỷ đồng so với cùng thời điểm năm 2024 tương ứng với tỷ lệ tăng 6,62%, trong đó Tài sản ngắn hạn tăng 2.259,60 tỷ đồng, Tài sản dài hạn giảm 1.684,14 tỷ đồng.

Tài sản ngắn hạn năm 2025 đạt 8.033,41 tỷ đồng, tăng 39,14% so với năm 2024:

5.773,81 tỷ đồng, chiếm 86,63% tổng giá trị tài sản.

Tài sản dài hạn năm 2025 đạt 1.239,90 tỷ đồng tương ứng tỷ lệ giảm 57,60% so với năm 2024: 2.924,03 tỷ đồng và chiếm 13,37% tổng giá trị tài sản, nguyên nhân giảm chủ yếu do khấu hao tài sản cố định 556,35 tỷ đồng và chi phí trả trước dài hạn giảm 1.139,25 tỷ đồng.

Nguồn vốn chủ sở hữu



Nguồn vốn chủ sở hữu tại thời điểm 31/12/2025 của NT2 là 4.859,40 tỷ đồng, tăng 670,32 tỷ đồng so với năm 2024 và chiếm 47,60% tổng giá trị nguồn vốn 52,40%. Số liệu sau cùng liên quan đến việc phân phối các quỹ và chia cổ tức từ lợi nhuận sau thuế năm 2025 sẽ được các cổ đông phê duyệt trong Đại hội đồng cổ đông thường niên của Công ty.

3.2 Tình hình nợ phải trả

Tại thời điểm 31/12/2025, nợ phải trả là 4.413,91 tỷ đồng, giảm 94,86 tỷ đồng so với năm 2024: 4.508,77 tỷ đồng và chiếm 47,60% tổng giá trị nguồn vốn.

3.3 Khả năng sinh lời

Năm 2025, tỷ suất lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu (ROE) là 24,98%, tỷ suất lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản (ROA) là 12,58% cho thấy hiệu quả kinh tế của việc sử dụng tài sản trong năm 2025, Công ty vẫn đảm bảo an toàn tài chính.

4. Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý

4.1 Nâng cao năng lực bộ phận Kiểm toán nội bộ

Năm 2025, NT2 tiếp tục nâng cao năng lực bộ phận Kiểm toán nội bộ để thực hiện các nhiệm vụ, chức năng đúng theo quy định. Ổn định bộ máy tổ chức các phòng ban/phân xưởng vận hành đáp ứng tình hình sản xuất kinh doanh của công ty. NT2 có 06 phòng chức năng và 01 phân xưởng vận hành bao gồm: Phòng Tổ chức Hành chính, Phòng Tài chính Kế toán, Phòng Kế hoạch Tổng hợp, Phòng Kỹ thuật sản xuất, Phòng Thương mại Thị trường Điện, Phòng An toàn Sức khỏe Môi trường và Phân xưởng vận hành. Các phòng chức năng/phân xưởng vận hành đảm bảo thực hiện tốt nhiệm vụ sản xuất kinh doanh của công ty.

4.2 Nâng cao công tác quản lý kế hoạch, sản xuất kinh doanh

Công ty cổ phần Điện lực Dầu khí Nhơn Trạch 2 hoạt động trong 18 năm qua tập trung sản xuất và kinh doanh điện năng; vì vậy, công tác xây dựng chiến lược, định hướng lập kế hoạch hàng năm, công tác thị trường điện, nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh, vận hành theo thị trường điện là vô cùng quan trọng. Định kỳ hàng quý, NT2 tổ chức hội thảo đánh giá tình hình thực hiện kế hoạch, từ đó đưa ra các giải pháp phù hợp cho các tháng/quý tiếp theo đảm bảo bám sát kế hoạch năm đề ra, tối ưu lợi nhuận, đảm bảo lợi ích cho cổ đông/Nhà đầu tư. Từ những giải pháp, mục tiêu kế hoạch hàng tháng/quý đề ra đã mang lại hiệu quả cao trong công tác tiết kiệm, tiết giảm (tiết kiệm đạt 90,67 tỷ đồng).

4.3 Nghiên cứu ứng dụng và phát triển công nghệ - kỹ thuật

❖ Áp dụng công nghệ thông tin vào quản lý, vận hành

Năm 2025, NT2 tiếp tục mở rộng, nâng cao các ứng dụng số hóa trong công tác quản lý và vận hành nhà máy. Hội đồng khoa học công nghệ của NT2 luôn chú trọng phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao, đào tạo chuyên sâu, xem xét thẩm định các sáng kiến, cải tiến kỹ thuật để áp dụng nhằm nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh; áp dụng các thành tựu mới nhất của công nghệ thông tin vào quản lý, vận hành nhằm giảm chi phí sản xuất, kinh doanh.

Nhà máy điện Nhơn Trạch 2 sử dụng công nghệ tuabin khí, chu trình hỗn hợp thể hệ F. Vận hành điều khiển tự động với công nghệ mới với hệ thống điều khiển SPPA-T3000 đáp ứng tính ổn định điều khiển, vận hành nhà máy.

Đặc biệt, trong năm 2025, NT2 đã có nhiều sáng kiến cải tiến kỹ thuật góp phần nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh. Dưới đây là một số sáng kiến cụ thể:

- Cải tiến giải pháp chống ẩm cho mạch điện tử các đầu dò khói tại các hầm cáp Nhà máy điện Nhơn Trạch 2.
- Cải tiến hệ thống làm mát cho tủ điều khiển 02 lò thu hồi nhiệt Nhà máy điện Nhơn Trạch 2
- Cải tiến thiết kế, gia công thùng vớt rác kênh nước làm mát trạm bơm nước tuần hoàn Nhà máy điện Nhơn Trạch 2.

❖ Tiếp tục công tác nghiên cứu đầu tư phát triển

Bên cạnh công tác sản xuất kinh doanh chính, NT2 luôn nghiên cứu và tìm các giải pháp để gia tăng hiệu quả sản xuất kinh doanh, NT2 đang xem xét nghiên cứu thực hiện các giải pháp cụ thể như sau:

- Tham gia thị trường điện bán buôn và bán lẻ cạnh tranh theo lộ trình quy định.
- Nghiên cứu tìm kiếm các nguồn cung cấp khí bổ sung, đảm bảo hoạt động ổn định nhà máy.

- Phối hợp với các nhà máy thuộc Trung tâm Điện lực Dầu khí để tìm kiếm cơ hội đầu tư phát triển theo hướng gia tăng lợi nhuận sản xuất kinh doanh cho công ty.
- Nghiên cứu nâng cao hiệu suất các tổ máy; giảm công suất tối thiểu các tổ máy để gia tăng hiệu quả sản xuất điện khi giá thị trường thấp.
- Phát triển năng lượng tái tạo để góp phần bảo vệ môi trường và hiệu quả trong việc sử dụng điện tự dùng.

4.4 Áp dụng tiêu chuẩn ISO 14001:2015 và ISO 45001:2018 vào hoạt động sản xuất kinh doanh

Năm 2025, NT2 vẫn tiếp tục duy trì hệ thống quản lý an toàn sức khỏe môi trường theo tiêu chuẩn ISO 14001 và ISO 45001. NT2 đã được BSI đánh giá và tái tục cấp chứng nhận đạt chuẩn ISO theo tiêu chuẩn quốc tế. Trước đây, NT2 áp dụng tiêu chuẩn ISO 14001 và OHSAS 18001, từ năm 2021 NT2 thực hiện đánh giá hệ thống quản lý an toàn sức khỏe môi trường theo 2 tiêu chuẩn ISO 14001 và ISO 45001. Hệ thống quản lý môi trường được ban hành lần đầu vào năm 1996 bởi Tổ chức quốc tế về tiêu chuẩn hóa (ISO), tiêu chuẩn ISO hiện đã có mặt tại 138 quốc gia và vùng lãnh thổ. NT2 là một trong những đơn vị triển khai sớm, thực hiện đúng tiêu chuẩn ISO 14001 và ISO 45001 là tiêu chuẩn hệ thống quản lý môi trường hàng đầu của thế giới. Những lợi ích của việc thực hiện tiêu chuẩn này bao gồm giảm sự ảnh hưởng của môi trường, giảm sự lãng phí và việc sử dụng năng lượng cũng như cắt giảm chi phí vận hành doanh nghiệp.

Công ty có các tổ chuyên gia đánh giá nội bộ và đơn vị đánh giá độc lập BSI xem xét đánh giá hằng năm để duy trì hệ thống liên tục. Đồng thời nếu phát hiện ra lỗi/vi phạm thì ngay lập tức sửa chữa kịp thời để đảm bảo Nhà máy điện Nhơn Trạch 2 hoạt động an toàn, không có sự cố xảy ra; đảm bảo sức khỏe người lao động.

4.5 Áp dụng vận hành theo ca/kíp

Thực hiện đúng quy định và đảm bảo điều kiện làm việc cho CBCNV. NT2 thực hiện chế độ 3 ca 5 kíp đảm bảo chế độ làm việc 8 giờ/ngày đối với lực lượng vận hành. Việc áp dụng chế độ làm việc theo ca/kíp trên là phương án tối ưu nhằm đảm bảo sức khỏe cho người lao động; đặc biệt đảm bảo vận hành vận hành máy an toàn, liên tục.

5. Kế hoạch phát triển tương lai

5.1 Kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2026

STT	Chỉ tiêu	Đvt	Kế hoạch 2026
1	Sản lượng điện	Tr.kWh	3.500
2	Khối lượng khí	Tr.Sm3	669,89
3	Tổng Doanh thu	Tỷ đồng	8.170,12

4	Tổng Chi phí	Tỷ đồng	7.632,58
5	LN trước thuế	Tỷ đồng	537,54
6	Cổ tức	%	15

Nhận thức được các khó khăn, thách thức trong thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2025 tiếp tục kéo dài qua năm 2026 như: (i) nguồn khí bị suy giảm; (ii) giá khí đầu vào tăng cao, nguồn năng lượng tái tạo luôn được ưu tiên nên làm giảm tính cạnh tranh và hiệu quả trong thị trường điện; để vượt qua những khó khăn kể trên Ban lãnh đạo NT2 luôn đưa ra các giải pháp để cùng toàn thể CBCNV nỗ lực phấn đấu hoàn thành các chỉ tiêu kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2026 được giao.

5.2 Kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2026- 2030

Phát triển năng lượng phải gắn liền với chiến lược phát triển kinh tế - xã hội của đất nước và đảm bảo đi trước một bước với tốc độ cao, bền vững, đồng bộ, đi đôi với đa dạng hóa các nguồn năng lượng và công nghệ. Tiết kiệm năng lượng là nhiệm vụ trọng tâm trong suốt thời kỳ công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước.

Phát triển doanh nghiệp phải thực hiện theo hướng chủ trương, đường lối phát triển kinh tế xã hội của Đảng và Nhà nước, chiến lược quy hoạch ngành Dầu khí đã được phê duyệt.

Điện năng là một trong những nền tảng quan trọng để phát triển kinh tế quốc gia. Phải luôn đề cao tinh thần trách nhiệm để đảm bảo chất lượng điện ngày càng cao, giá cả cạnh tranh, hợp lý nhằm đảm bảo lợi ích của cổ đông nói riêng và lợi ích quốc gia nói chung. Chú trọng công tác phát triển nhân sự, tiết kiệm chi phí, triển khai các công việc đạt hiệu quả tối ưu trong sản xuất và trong kinh doanh.

Xây dựng các phương án kinh doanh cụ thể có tính thuyết phục cao trước hết dựa vào cơ sở hạ tầng có sẵn của nhà máy. Xây dựng đội ngũ cán bộ công nhân viên giỏi, hiệu quả am hiểu về tương lai thị trường điện, phát triển một số ngành nghề khác mà Công ty đang định hướng phát triển. Kịp thời điều chỉnh chiến lược, thích ứng nhanh với các hoàn cảnh mới, phù hợp với sự phát triển tình hình thực tế.

Luôn đổi mới mình đáp ứng những chuyển biến thay đổi trong ngành điện nói chung và kinh tế xã hội nói chung, luôn chủ động trong hoạt động sản xuất và kinh doanh của doanh nghiệp.

Phát triển bền vững, hiệu quả, an toàn.

Phát huy, tận dụng tối đa mọi nguồn lực sẵn có để tập trung vào sản xuất điện nhằm tăng năng suất và hiệu quả kinh tế cho Công ty nhằm đảm bảo lợi ích của các Cổ đông nói riêng và lợi ích quốc gia nói chung;

Tiếp tục tìm kiếm những cơ hội đầu tư phát triển mới thông qua việc sử dụng tối ưu các nguồn lực sẵn có, phát huy thế mạnh về cơ sở hạ tầng, năng lực và kinh nghiệm

của bộ máy.

Tích cực và chủ động tham gia thị trường phát điện cạnh tranh và sẵn sàng tham gia thị trường bán buôn, bán lẻ điện cạnh tranh theo lộ trình phát triển các cấp độ thị trường điện lực tại Việt Nam.

Trên cơ sở kết quả sản xuất kinh doanh trong những năm qua, dựa trên những thuận lợi và khó khăn, NT2 xây dựng các chỉ tiêu cho giai đoạn 2026-2030 như sau:

Stt	Chỉ tiêu	Đvt	Kế hoạch 2026-2030
1	Sản lượng điện	Tr.kWh	14.600
2	Tổng doanh thu	Tỷ đồng	34.960
3	Tổng chi phí	Tỷ đồng	32.515
4	Lợi nhuận trước thuế	Tỷ đồng	2.444

5.3 Kế hoạch bảo dưỡng, sửa chữa

Công tác bảo dưỡng, sửa chữa kiểm soát bất thường được đánh giá là công tác trọng tâm trong sản xuất kinh doanh của NT2 nhằm đảm bảo sự vận hành tin cậy, liên tục của nhà máy:

Kiểm soát tốt các bất thường thiết bị, hạn chế tối đa việc lên, xuống máy nhiều lần.

- Kiểm soát chặt chẽ việc thực hiện các công tác bảo trì, sửa chữa thường xuyên, từ khâu lập kế hoạch, thực hiện và đánh giá chất lượng thực hiện.
- Công tác xử lý sự cố luôn kịp thời, đảm bảo đưa các thiết bị, tổ máy trở lại trạng thái làm việc trong thời gian ngắn nhất.
- Linh động tối ưu thời điểm thực hiện công tác bảo dưỡng sửa chữa thường xuyên, xử lý các bất thường như lựa chọn thời điểm phụ tải và giá thị trường thấp và kết hợp ngừng dự phòng theo thị trường để xử lý bất thường nhỏ... nhằm đảm bảo thời gian ngừng máy thấp nhất, ngừng máy vào thời điểm ít thiệt hại doanh thu.

5.4 Kế hoạch đầu tư phát triển

NT2 xây dựng kế hoạch phát triển công ty theo từng thời kỳ để gia tăng hiệu quả sản xuất kinh doanh, cụ thể:

- Tham gia thị trường điện bán buôn và bán lẻ cạnh tranh theo lộ trình của Chính phủ.
- Nghiên cứu triển khai tìm kiếm nguồn nhiên liệu phù hợp với tình hình sản xuất kinh doanh của công ty.
- Nghiên cứu, đề xuất thực hiện công tác đầu tư điện mặt trời tại nhà máy.
- Nghiên cứu, áp dụng công nghệ mới để nâng cao hiệu suất các tổ máy nhằm gia tăng hiệu quả sản xuất kinh doanh.

- Nghiên cứu, áp dụng các giải pháp kỹ thuật công nghệ gia tăng hiệu quả sản xuất điện.

6. Giải trình của Ban Điều hành đối với ý kiến của kiểm toán (nếu có):

Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2025, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và đã được đơn vị kiểm toán xem xét, đánh giá, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Vì vậy, Ban Điều hành NT2 không có ý kiến giải trình thêm.

7. Báo cáo đánh giá liên quan đến trách nhiệm về môi trường xã hội của Công ty

NT2 với tiêu chí “Thân thiện - Hiệu quả - An toàn” luôn chú trọng phát triển bền vững, nỗ lực trong công tác nguồn nhân lực, an toàn sức khỏe môi trường và đóng góp an sinh xã hội. Bên cạnh thành tích hoạt động kinh doanh hiệu quả, các chỉ tiêu tài chính lành mạnh, trách nhiệm môi trường xã hội của công ty luôn được quan tâm, nâng cao hằng năm.

Năm 2025, NT2 luôn đảm bảo an toàn và không để xảy ra sự cố nào đáng kể ảnh hưởng đến công tác vận hành nhà máy. Công tác môi trường xã hội được đảm bảo xuyên suốt quá trình hoạt động của NT2. NT2 đã phối hợp với đơn vị tư vấn tiến hành khảo sát, quan trắc môi trường không khí, khí thải, nước thải, nước mặt trong năm qua để đảm bảo các tiêu chí môi trường đạt kết quả tốt nhất.

Nhà máy điện Nhơn Trạch 2 sử dụng công nghệ tiên tiến chu trình hỗn hợp thể hệ F. Ngay từ khi lựa chọn công nghệ ban đầu, nhà máy được sử dụng loại buồng đốt bao gồm 24 vòi đốt đặt theo hình vành khuyên. Kiểu vòi đốt hybrid loại HR3 có thể đốt được cả hai loại nhiên liệu là khí tự nhiên và dầu DO. Loại vòi đốt này được Siemens phát triển nhằm mục đích giảm độ phát thải NOx và tối thiểu sự phát thải CO bằng chế độ đốt hòa trộn trước. Công ty lắp đặt ống khói chính có chiều cao 60m và chiều cao ống khói rẽ nhánh là 35m, đường kính 6,8m để các khí thải được phân tán nhanh và đảm bảo nồng độ các chất ô nhiễm NOx và CO tại đỉnh ống khói luôn thấp hơn QCVN 22:2009/BTNMT (Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp nhiệt điện); Ngoài ra, và hàm lượng các chất ô nhiễm không khí xung quanh thấp hơn QCVN 05:2013/BTNMT; Lắp đặt thiết bị giám sát khói thải tự động tại đỉnh ống khói.

Hệ thống thu gom, xử lý nước thải luôn hoạt động trong quá trình vận hành nhà máy, đảm bảo nước thải đầu ra hệ thống đạt QCVN 40:2011/BTNMT (quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp). Định kỳ mỗi quý công ty tiến hành thuê đơn vị có chức năng tiến hành phân tích chất lượng nước đầu ra của hệ thống xử lý nước thải, các số liệu được lưu tại phòng An toàn Sức khỏe Môi trường.

Tiếng ồn, độ rung: Phát sinh từ quá trình hoạt động của các thiết bị đặt trong khuôn

viên nhà máy. Trong quá trình xây dựng, các khu vực trên đã được thiết kế giảm thiểu độ ồn, độ rung đảm bảo QCVN 26:2010/BTNMT quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn và QCVN 27:2010/BTNMT quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung. Công ty lập và thực hiện các kế hoạch bảo dưỡng định kỳ cho các thiết bị vận hành để giảm tối đa tiếng ồn và độ rung phát sinh, đồng thời trang bị các thiết bị bảo hộ cá nhân chống ồn cho CBCNV làm việc trong nhà máy đặc biệt tại các khu vực có độ ồn cao. Ngoài ra, công ty còn giảm thiểu tiếng ồn bằng hình thức xây tường bao quanh, trồng cây xanh.

Chính vì vậy, các chỉ tiêu do các hoạt động xả nước thải, khí thải, bụi, tiếng ồn, độ rung của nhà máy luôn đạt các quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về môi trường.

Hiện nay, Công ty thiết lập và duy trì hệ thống quản lý An toàn sức khỏe môi trường theo các tiêu chuẩn ISO 14001 và ISO 45001. Việc áp dụng tiêu chuẩn ISO 14001 và ISO 45001 thể hiện sự quan tâm của NT2 đến sức khỏe và sự an toàn của người lao động cũng như trách nhiệm đối với cộng đồng về công tác bảo vệ môi trường.

7.1 Đánh giá liên quan đến công tác thực hành tiết kiệm năng lượng

Năm 2025, NT2 thường xuyên cập nhật và rà soát các khoản mục chi phí thực tế so với kế hoạch để làm cơ sở quản lý chi phí phù hợp tình hình SXKD. Định kỳ hàng quý, tổ chức các cuộc họp về công tác kế hoạch kết hợp công tác thị trường điện rà soát các nội dung, đánh giá mức độ hoàn thành công việc để triển khai, điều chỉnh kịp thời các phương án vận hành. Định kỳ hàng tháng/quý triển khai phân kỳ chi tiết chi phí, lập báo cáo quản trị, báo cáo giá thành nhằm tính toán và đưa ra phương án vận hành

phù hợp, sử dụng chi phí hợp lý. Đồng thời chủ động triển khai, thực hiện nghiêm túc những quy định luật pháp về công tác thực hành tiết kiệm chống lãng phí nhằm đem lại hiệu quả thiết thực nhất trong quá trình hoạt động SXKD nên kết quả tiết kiệm, chống lãng phí năm 2025 đạt được giá trị là 90,37 tỷ đồng.

Về công tác sử dụng tiết kiệm năng lượng cũng là yếu tố trọng tâm trong đánh giá môi trường. Trong đó, nhiên liệu khí tiết kiệm được 185.229 Tr.BTU, điện tự dùng tiết kiệm được 1.929.696 kWh.

- + NT2 đã chủ động nghiên cứu và thực hiện triệt để thực hành chống lãng phí trong lĩnh vực sử dụng năng lượng.
- + NT2 ban hành quy chế quản lý năng lượng và chính sách năng lượng.
- + NT2 lập báo cáo sử dụng tiết kiệm năng lượng và lập kế hoạch năng lượng 05 năm.

Công ty luôn tuân thủ theo pháp luật các quy định về môi trường như:

- + Thực hiện đo đạc lấy mẫu quan trắc môi trường định kỳ hàng năm theo quy định của pháp luật và báo cáo đánh giá tác động môi trường.
- + Công ty đã được tái tục cấp giấy tái chứng nhận ISO 14001 và ISO 45001.

Thông qua các đợt kiểm tra của các cơ quan chuyên ngành, NT2 được đánh giá cao

công tác môi trường và không bị xử lý bất cứ vi phạm nào.

7.2 Đánh giá liên quan đến vấn đề người lao động

NT2 luôn xem nguồn nhân lực là yếu tố trọng tâm để phát triển công ty. Đội ngũ lao động NT2 trẻ, có chuyên môn cao, năng động và nhiệt huyết. Công tác phát triển, nâng cao đội ngũ nguồn nhân lực luôn được NT2 đặc biệt quan tâm và xem đó là nhân tố quyết định mọi thành bại trong hoạt động sản xuất kinh doanh tại doanh nghiệp. Năm 2025, NT2 có tổng 170 cán bộ công nhân viên – người lao động. Lực lượng lao động của NT2 rất tinh gọn. Là công ty sản xuất và kinh doanh hoạt động đặc thù, NT2 luôn xác định người lao động là tài sản quý, là giá trị cốt lõi của doanh nghiệp. NT2 luôn tuân thủ pháp luật lao động đối với người lao động của Công ty. 100% người lao động của Công ty đều được tham gia BHXH, BHYT, BHTN ... theo đúng quy định. Ngoài ra, người lao động công ty còn được tham gia các bảo hiểm chăm sóc sức khỏe nâng cao, bảo hiểm hưu trí tự nguyện, bảo hiểm nhân thọ. Cùng với các chế độ bảo hiểm trên, người lao động Công ty được hưởng các chế độ phụ cấp khác như: nhiên liệu, tiền ăn ca, hỗ trợ nhà ở...

Bên cạnh chế độ đãi ngộ với mức lương, thưởng hấp dẫn, công ty còn xây dựng môi trường làm việc đoàn kết và cạnh tranh thi đua, học tập để người lao động phát huy hết khả năng sáng tạo, năng động trong công việc, mang lại hiệu quả cao trong hoạt động sản xuất kinh doanh.

Để nâng cao chất lượng nguồn nhân lực công ty, công ty nêu cao vai trò của người lao động nhằm khơi dậy khả năng sáng tạo, chủ động các công tác của người lao động. Với phương châm “Thân thiện, hiệu quả, an toàn”, NT2 chủ động xây dựng môi trường làm việc thân thiện, trang thiết bị đầy đủ, khuyến khích, tạo điều kiện cho người lao động phát huy được năng lực chuyên môn, khả năng sáng tạo trong công việc.

Bộ phận Y tế phục vụ khám bệnh, cấp phát thuốc và sơ cứu cấp cứu tại chỗ. Triển khai thực hiện đầy đủ các chương trình khám sức khỏe định kỳ hàng năm để đảm bảo sức khỏe của người lao động luôn được chăm sóc tốt nhất.

Công tác An toàn Sức khỏe Môi trường luôn được đặc biệt quan tâm, trang bị, cấp phát đồng phục, bảo hộ lao động, đào tạo huấn luyện và diễn tập phòng cháy chữa cháy.

Công ty tổ chức các chương trình du lịch nghỉ dưỡng hàng năm giúp CBCNV tái tạo sức lao động.

7.3 Đánh giá liên quan đến trách nhiệm của doanh nghiệp đối với cộng đồng địa phương

Trong nhiều năm qua, NT2 bên cạnh sản xuất kinh doanh hiệu quả, thì trách nhiệm với cộng đồng địa phương luôn được quan tâm. NT2 luôn lấy lợi ích cộng đồng là khởi sự cho mọi hoạt động. Xác định công tác an sinh xã hội, trách nhiệm với cộng

đồng là một phần không thể thiếu đối với doanh nghiệp. Tổng giá trị đóng góp công tác an sinh xã hội trong những năm qua là 40,13 tỷ đồng. Năm 2025, NT2 tích cực trong các hoạt động thiện nguyện, ủng hộ đồng bào thiên tai, bão lũ, ủng hộ các gia đình nghèo tại địa phương tỉnh Đồng Nai. Tính riêng năm 2025, NT2 đóng góp an sinh xã hội 2,58 tỷ đồng. Mặc dù, sản xuất kinh doanh vẫn phải đối mặt với một số khó khăn nhưng NT2 quản trị biến động tốt, luôn cam kết đảm bảo lợi ích cho cổ đông và có trách nhiệm với cộng đồng, địa phương.

Các hoạt động thiện nguyện của NT2 thể hiện trách nhiệm của một doanh nghiệp đối với cộng đồng. Hằng năm, công ty phát động phong trào hiến máu cứu người và thực hiện định kỳ. Tất cả các phong trào quyên góp, làm thêm tình nguyện để ủng hộ quỹ tương trợ đồng bào thiên tai, lũ lụt, hỗ trợ kinh tế cho địa phương đều được NT2 đóng góp với tinh thần tương thân, tương ái.

Luôn nỗ lực vì sự phát triển chung cùng cộng đồng và xã hội, NT2 trong nhiều năm qua đã có nhiều đóng góp tích cực thể hiện trách nhiệm của doanh nghiệp với cộng đồng địa phương, đó là định hướng phát triển xuyên suốt của NT2 trong quá trình hoạt động sản xuất kinh doanh, hướng tới mục tiêu phát triển bền vững.

IV. ĐÁNH GIÁ HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

1. Về các mặt hoạt động của Công ty

Có thể nói, năm 2025 NT2 như một điểm sáng của ngành Điện “**sản xuất an toàn, vững vàng tiến bước**”, vượt qua khó khăn chung của nền kinh tế khi nhiều yếu tố bất lợi ảnh hưởng trực tiếp đến hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty.

Ngay từ đầu năm 2025, NT2 đã lên chương trình hành động, quản trị tốt các chỉ tiêu nhằm đảm bảo hoạt động sản xuất kinh doanh hiệu quả, hoàn thành kế hoạch đề ra. Đối mặt với nhiều thách thức như: Sản lượng điện huy động thấp; Giá khí tăng cao; Sự gia tăng của nguồn năng lượng tái tạo, chưa thu hồi được chi phí đầu tư trên đất đã bàn giao cho Nhà máy điện Nhơn Trạch 3 & 4 ; Chưa thu hồi được tiền chênh lệch tỷ giá còn lại từ 2019-2021....Tập thể NT2 cùng nỗ lực, phấn đấu hoàn thành nhiệm vụ, chỉ tiêu được Đại hội đồng cổ đông giao. Hội đồng quản trị tuân thủ các quy định của pháp luật và theo điều lệ của công ty để thực hiện, kiểm tra, giám sát, đồng thời hỗ trợ Ban Điều hành công ty trong quá trình triển khai các hoạt động sản xuất kinh doanh. Toàn thể Ban Lãnh đạo và CBCNV vượt qua khó khăn, thách thức, quản trị biến động, hoàn thành tốt nhiệm vụ sản xuất kinh doanh.

Trên cơ sở kế hoạch hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2025 đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt, Hội đồng quản trị đã ban hành các Nghị quyết/Quyết định chỉ đạo Ban Điều hành triển khai thực hiện nhiệm vụ một cách khẩn trương, hiệu quả.

Về mặt quản trị công ty, Hội đồng quản trị và Ban Điều hành công ty đã hoàn thiện hệ thống quy chế, quy định nội bộ, rà soát cơ cấu tổ chức và nhân sự. Hội đồng quản trị chỉ đạo, quan tâm sát sao công tác quản lý kế hoạch, thương mại, thị trường điện và

công tác tài chính... Công ty thường xuyên tổ chức hội thảo công tác thực hiện kế hoạch, vận hành theo thị trường điện và lên kế hoạch phương án vận hành cho từng Quý/tháng tiếp theo. Công tác mua sắm vật tư trang thiết bị đúng theo quy định và quản lý hợp đồng theo tiến độ đã ký kết, đảm bảo chất lượng, tiết kiệm chi phí.

Năm 2025, Nhà máy điện Nhơn Trạch 2 vận hành ổn định, khả dụng theo yêu cầu của thị trường. Điều ấn tượng năm 2025 của NT2 khi tăng sản lượng điện hợp đồng Qc lên 3,48 tỷ kWh, thu hồi dịch vụ môi trường rừng, thực hành tiết kiệm, gia tăng lợi nhuận cho công ty, hoàn thành tốt nhiệm vụ sản xuất kinh doanh năm 2025. NT2 luôn cam kết, đồng hành cùng cổ đông, mang lại những lợi ích tốt nhất cho cổ đông. Năm 2025, NT2 đã hoàn thành thanh toán cổ tức bằng tiền mặt 15% với giá trị 431,81 tỷ đồng cho cổ đông. Công tác tài chính, kế toán minh bạch, rõ ràng, thực hiện chặt chẽ theo đúng quy định. NT2 luôn đảm bảo nguồn tài chính lành mạnh, đảm bảo dòng tiền cân đối, tạo sự phát triển bền vững cho công ty.

Công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ công ty theo kế hoạch, đúng quy trình, quy định. Công tác an sinh xã hội luôn được công ty quan tâm và hưởng ứng tích cực, công ty đã thực hiện tốt nhiều chương trình An sinh xã hội và được Hội đồng quản trị phê duyệt. Năm 2025, NT2 đóng góp ngân sách nhà nước 207,65 tỷ đồng và an sinh xã hội 2,58 tỷ đồng. Sau hơn 14 năm vận hành thương mại, sản lượng điện lũy kế NT2 đã sản xuất được là 60,48 tỷ kWh. Tính riêng năm 2025, tổng sản lượng điện đạt 3.117,5 triệu kWh, tổng doanh thu đạt 8.132,85 tỷ đồng, lợi nhuận sau thuế năm 2025 đạt 1.130,28 tỷ đồng, vượt 405,47% so với kế hoạch và tăng đột biến so với năm trước.

Nhờ các thành quả đạt được, NT2 được vinh danh và nhận các giải thưởng tiêu biểu: Top 100 Doanh nghiệp bền vững Việt Nam, Top 50 doanh nghiệp xuất sắc thuộc Top 500 Doanh nghiệp lớn nhất Việt Nam, Doanh nghiệp tiêu biểu vì người lao động. NT2 tiếp tục khẳng định được thương hiệu là đơn vị đầu ngành trong lĩnh vực sản xuất kinh doanh điện, đặc biệt trên thị trường phát điện cạnh tranh. NT2 thực hiện theo đúng chiến lược đã đề ra, thực hiện đúng cam kết với cổ đông, tuân thủ nghiêm ngặt các quy định về công tác an toàn sức khỏe môi trường và chính sách pháp luật trong quá trình hoạt động công ty. Sản xuất an toàn, vững vàng tiến bước, năm 2025 – một năm thắng lợi, NT2 đã hoàn thành chỉ tiêu lợi nhuận vượt kế hoạch, đảm bảo quyền lợi cho cổ đông. Trong bối cảnh khó khăn và thử thách, việc hoàn thành vượt kế hoạch chỉ tiêu lợi nhuận trong năm 2025 là nỗ lực rất lớn của Ban Lãnh đạo và toàn thể CBCNV công ty.

2. Về hoạt động của Ban Điều hành

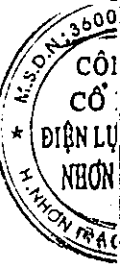
Hội đồng quản trị NT2 đánh giá cao những thành tích đạt được của Ban Điều hành cùng toàn thể CBCNV công ty đã hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ sản xuất kinh doanh năm 2025. Một năm thắng lợi nhưng không kém phần thử thách khi các yếu tố bất lợi như sản lượng điện hợp đồng (Qc), giá khí tăng cao, cạnh tranh của nguồn năng

lượng tái tạo vẫn tồn tại. Để công ty hoạt động sản xuất kinh doanh hiệu quả, Hội đồng quản trị và Ban Điều hành luôn thống nhất và đồng lòng trong các phương diện. Hội đồng quản trị thực hiện nhiệm vụ chỉ đạo, giám sát hoạt động của Ban Điều hành công ty trong công tác sản xuất kinh doanh nhằm phù hợp với mục tiêu, kế hoạch đã được Đại Hội đồng cổ đông thông qua. Hội đồng quản trị đánh giá cao sự nỗ lực, cố gắng của Ban Điều hành trong điều hành hoạt động của công ty, hoàn thành tốt nhất kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2025 được giao.

Thống nhất ý kiến chỉ đạo, Ban Điều hành đã triển khai kịp thời các Nghị quyết của Hội đồng quản trị, hoạt động đúng chức năng, nhiệm vụ, đúng quy chế, phù hợp với Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty. Ban Điều hành đã duy trì thường xuyên lịch họp giao ban tuần, tháng nhằm giải quyết, tháo gỡ các khó khăn, vướng mắc trong hoạt động sản xuất kinh doanh. Hội đồng quản trị cùng Ban Điều hành công ty đã thực hiện đúng, đầy đủ chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn được quy định, cùng nỗ lực chỉ đạo các hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty nhằm hoàn thành vượt mức các chỉ tiêu kế hoạch đề ra.

Sản xuất an toàn, vững vàng tiến bước, NT2 vận hành Nhà máy điện Nhơn Trạch 2 hoạt động hiệu quả, an toàn trong thị trường phát điện cạnh tranh và liên tục khẳng định vị thế trong ngành. Bên cạnh đó, công ty phối hợp tốt với các bên liên quan để đàm phán các hợp đồng đảm bảo lợi ích cao nhất cho công ty và cổ đông. Năm 2025, hợp đồng mua bán điện được thực hiện tốt. Công ty luôn bám sát, kịp thời nắm bắt thông tin tình hình hệ thống điện, tổ chức hội nghị vận hành thị trường điện hàng quý để có giải pháp chào giá phù hợp; hợp kế hoạch rà soát chi phí, thực hành tiết kiệm nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh. Sản xuất an toàn, điều đó được khẳng định rõ trong công tác an toàn sức khỏe môi trường được đánh giá cao và không có sự cố nào xảy ra. Công ty không bị phạt vi phạm nào về sự cố môi trường. Trong nhiều năm liền, NT2 được vinh danh là Top 100 Doanh nghiệp bền vững. Song song bên cạnh hoạt động sản xuất kinh doanh, Ban Điều hành NT2 luôn có trách nhiệm với cộng đồng địa phương, đóng góp an sinh xã hội 2,58 tỷ đồng năm 2025 hỗ trợ đồng bào bị thiên tai, hỗ trợ các hộ nghèo tại địa phương tỉnh Đồng Nai.

Trong công tác chỉ đạo, điều hành, Hội Đồng quản trị và Ban Điều hành luôn có sự nhất trí cao, đưa ra những giải pháp, quyết sách phù hợp trong từng trường hợp. Ban Điều hành năng động, sáng tạo, dám nghĩ, dám làm, chỉ đạo công việc một cách quyết liệt, đúng đắn, góp phần hoàn thành các chỉ tiêu sản xuất kinh doanh trong năm qua với tổng doanh thu NT2 đạt 8.132,85 tỷ đồng, lợi nhuận sau thuế năm 2025 đạt 1.130,28 tỷ đồng, đảm bảo lợi ích cho cổ đông. Hội đồng quản trị đánh giá cao và trân trọng những cố gắng của Ban Điều hành đã nỗ lực chỉ đạo trong hoạt động sản xuất kinh doanh nhằm hoàn thành xuất sắc các chỉ tiêu kế hoạch đề ra trong bối cảnh còn nhiều khó khăn trong năm 2025.



3. Các kế hoạch định hướng của Hội đồng quản trị năm 2026

Tiếp đà phát triển của năm 2025, Hội đồng quản trị NT2 xác định mục tiêu “sản xuất an toàn, vững vàng tiến bước” nhằm đưa ra kế hoạch và định hướng hoạt động rõ ràng trong năm 2026:

- Chỉ đạo vận hành nhà máy điện Nhơn Trạch 2 an toàn, liên tục và hiệu quả.
- Phê duyệt chi tiết và giám sát, chỉ đạo công ty thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2026 trình Đại hội đồng cổ đông thông qua.
- Tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2026 thành công.
- Chỉ đạo điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty an toàn, hiệu quả và phấn đấu hoàn thành vượt chỉ tiêu kế hoạch được Đại hội đồng cổ đông giao.
- Chỉ đạo công ty thu hồi công nợ kịp thời, đảm bảo cân đối dòng tiền trong hoạt động sản xuất kinh doanh.
- Chỉ đạo nghiên cứu, áp dụng công nghệ mới để nâng cao hiệu suất các tổ máy nhằm gia tăng hiệu quả sản xuất kinh doanh.
- Tăng cường phối hợp với các bên liên quan để đảm bảo đủ nhiên liệu vận hành theo hướng cân đối giữa sản lượng điện và lợi nhuận sản xuất kinh doanh,
- Đẩy mạnh công tác thực hành tiết kiệm, chống lãng phí.
- Đôn đốc công ty đẩy mạnh công tác nghiên cứu, áp dụng các giải pháp kỹ thuật công nghệ gia tăng hiệu quả sản xuất điện.
- Thực hiện công tác giám sát, kiểm tra các hoạt động của Ban Điều hành và công ty đúng chức năng của Hội đồng quản trị theo Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty.

V. QUẢN TRỊ CÔNG TY

1. Hội đồng quản trị

1.1 Thành viên và cơ cấu Hội đồng quản trị

Họ và Tên	Chức vụ	Số cổ phiếu sở hữu	Tỷ lệ	Ghi chú
Ông Ưông Ngọc Hải	Chủ tịch HĐQT	42.170	0,015%	
Ông Ngô Đức Nhân	Thành viên HĐQT	51.704	0,018%	
Ông Lương Ngọc Anh	Thành viên HĐQT	0	0%	
Bà Phan Thị Thúy Lan	Thành viên độc lập HĐQT	0	0%	

1.2 Sự thay đổi thành viên Hội đồng quản trị và Ban Kiểm soát trong năm 2025

Năm 2025, NT2 không có sự thay đổi thành viên Hội đồng Quản trị công ty

1.3 Các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị

Hội đồng quản trị không thành lập các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị mà phân công nhiệm vụ cho từng thành viên theo Quy chế tổ chức và hoạt động của Hội đồng quản trị theo Quyết định số 51/QĐ-CPNT2 ngày 17/11/2021 của HĐQT Công ty.

Đối với các công việc quan trọng, cần nguồn nhân lực nhiều hơn để tập trung chỉ đạo, thực hiện và giám sát thì Hội đồng quản trị sẽ ra quyết định thành lập Hội đồng chuyên môn.

1.4 Hoạt động của Hội đồng quản trị:

Số lượng cuộc họp của Hội đồng quản trị:

Stt	Họ và tên	Chức vụ	Số buổi họp HĐQT tham dự	Tỷ lệ tham dự họp	Lý do không tham dự họp
1	Ông Uông Ngọc Hải	Chủ tịch HĐQT	04	100%	
2	Ông Ngô Đức Nhân	Thành viên HĐQT	04	100%	
3	Ông Lương Ngọc Anh	Thành viên HĐQT	04	100%	
4	Bà Phan Thị Thúy Lan	Thành viên độc lập HĐQT	04	100%	

Hội đồng quản trị luôn thực hiện đầy đủ chức trách và nhiệm vụ được giao, chủ động cùng Ban Điều hành trong công tác điều hành mọi hoạt động của công ty nhằm đạt mục tiêu hoàn thành kế hoạch sản xuất kinh doanh mà Đại hội đồng cổ đông đã phê duyệt. Hội đồng quản trị chỉ đạo, điều hành và giám sát hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty, đảm bảo tuân thủ các quy định của pháp luật hiện hành.

1.5 Nội dung và kết quả của các cuộc họp Hội đồng quản trị

Hội đồng quản trị luôn thực hiện đầy đủ chức trách và nhiệm vụ được giao, chủ động cùng Ban điều hành trong công tác điều hành mọi hoạt động của Công ty nhằm đạt mục tiêu hoàn thành kế hoạch SXKD mà Đại hội cổ đông đã phê duyệt. Hội đồng quản trị chỉ đạo, điều hành và giám sát hoạt động SXKD của Công ty, đảm bảo tuân thủ các quy định của doanh nghiệp, của Nhà nước và pháp luật hiện hành.

Thường xuyên tổ chức, chủ trì tham gia các cuộc họp của HĐQT, Ban điều hành cụ thể:

- + Tổ chức các cuộc họp HĐQT để giải quyết các công việc theo thẩm quyền
- + Tổ chức thành công ĐHĐCĐ thường niên năm 2025
- + Chủ trì nhiều cuộc họp quan trọng liên quan đến các hoạt động sản xuất kinh doanh, đầu tư, tài chính, nhân sự...

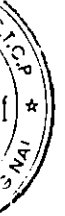
Trong năm 2025, Hội đồng quản trị đã tổ chức thành công Đại hội cổ đông thường niên, ban hành 13 Nghị quyết và 56 Quyết định theo đề xuất của Công ty, làm căn cứ pháp lý cũng như tạo điều kiện thuận lợi cho Ban điều hành công ty thực hiện tốt công việc, hoàn thành nhiệm vụ kế hoạch đã được Đại hội cổ đông thông qua.

Hội đồng quản trị cùng Ban Điều hành Công ty đã thực hiện đúng, đầy đủ chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn được quy định tại Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty, các Quy chế của NT2.

Các Nghị quyết/Quyết định của Hội đồng quản trị:

STT	Số NQ/QĐ	Ngày ký	Nội dung	Tỷ lệ thông qua
Nghị quyết/Resolution				
1	01/NQ-HĐQT	8/1/2025	Nghị quyết chi trả cổ tức còn lại năm 2023	100%
2	02/NQ-HĐQT	26/2/2025	Nghị quyết triệu tập cuộc họp ĐHĐCĐ thường niên năm 2025	100%
3	04/NQ-HĐQT	8/4/2025	Nghị quyết điều chỉnh kế hoạch tổ chức ĐHĐCĐ thường niên năm 2025 của NT2	100%
4	05/NQ-HĐQT	29/4/2025	Nghị quyết thông qua một số nội dung tại kỳ họp HĐQT thường kỳ lần 1 ngày 29/4/2025	100%
5	07/NQ-HĐQT	22/7/2025	NQ thông qua một số nội dung tại kỳ họp HĐQT thường kỳ lần II ngày 22/7/2025.	100%
6	09/NQ-HĐQT	12/09/2025	Chủ trương gia hạn các HĐ khung cung cấp nhiên liệu dầu DO cho NMĐ NT2	100%
7	11/NQ-HĐQT	10/10/2025	Chi trả cổ tức từ nguồn lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế của NT2	100%
8	12/NQ-HĐQT	24/10/2025	NQ thông qua một số nội dung tại kỳ họp HĐQT thường kỳ lần III ngày 14/10/2025	100%
9	13/NQ-HĐQT	24/12/2025	Thông qua một số nội dung tại kỳ họp HĐQT thường kỳ ngày lần IV ngày 24/12/2025.	100%
Quyết định/Decision				
1	01/QĐ-CPNT2	6/1/2025	Phê duyệt kế hoạch kiểm toán nội bộ năm 2025	100%
2	04/QĐ-CPNT2	10/1/2025	Phê duyệt Quy trình kiểm toán nội bộ của NT2	100%

3	06/QĐ-CPNT2	14/1/2025	QĐ đánh giá mức độ hoàn thành công việc 6 tháng cuối năm 2024 của HĐQT và Trường BKS	100%
4	09/QĐ-CPNT2	17/1/2025	QĐ phê duyệt dự toán và KH LCNT gói thầu mua sắm lọc gió tuabin khí thay thế định kỳ năm 2025	100%
5	10/QĐ-CPNT2	20/1/2025	QĐ phê duyệt sửa đổi, bổ sung Quy chế trả lương	100%
6	14/QĐ-CPNT2	14/2/2025	QĐ phân công nhiệm vụ phụ trách lĩnh vực chuyên môn và giám sát hoạt động của công ty trong HĐQT	100%
7	20/QĐ-CPNT2	19/3/2025	QĐ phê duyệt dự toán và KH LCNT gói thầu mua sắm vật tư tiêu hao sửa chữa thường xuyên đợt 1 năm 2025.	100%
8	21/QĐ-CPNT2	19/3/2025	QĐ phê duyệt dự toán và KH LCNT gói thầu mua sắm vật tư phục vụ xử lý bất thường phần Điện và CI đợt 1 năm 2025 cho NMĐ NT2	100%
9	24/QĐ-CPNT2	14/4/2025	QĐ phê duyệt dự toán và KH LCNT gói thầu mua sắm vật tư dự phòng thay thế dịp ngừng máy tiểu tu năm 2025	100%
10	25/QĐ-CPNT2	17/4/2025	QĐ phê duyệt danh mục vật tư xử lý thu hồi	100%
11	31/QĐ-CPNT2	4/6/2025	QĐ phê duyệt thanh lý và hủy bỏ tài sản cố định, công cụ dụng cụ theo báo cáo kiểm kê tại ngày 01/1/2025.	100%
12	34/QĐ-CPNT2	18/6/2025	QĐ phê duyệt thực hiện An sinh xã hội hỗ trợ kinh phí xây dựng trung tâm văn hóa học tập cộng đồng xã Xuân Lũng-khu phố 8- huyện Lâm Thao- tỉnh Phú Thọ	100%
13	36/QĐ-CPNT2	27/6/2025	QĐ phê duyệt KQ LCNT gói thầu dịch vụ soát xét BCTC 6 tháng đầu năm 2025 và kiểm toán BCTC năm 2025	100%
14	37/QĐ-CPNT2	14/7/2025	Đánh giá mức độ hoàn thành công việc 6 tháng đầu năm 2024 của HĐQT và TBKS.	100%
15	38/QĐ-CPNT2	16/7/2025	Quyết định phê duyệt quy chế lựa chọn nhà thầu của NT2.	100%
16	39/QĐ-CPNT2	17/7/2025	Sửa đổi, bổ sung Quy chế chi tiêu nội bộ của NT2	100%
17	40/QĐ-CPNT2	13/8/2025	Nội dung phụ lục HĐ của HĐ ủy thác chi trả dịch vụ môi trường rừng của NT2.	100%



18	41/QĐ-CPNT2	18/8/2025	Quy trình hoạt động PCCC và CNCH của Công ty.	100%
19	43/QĐ-CPNT2	28/8/2025	Bổ nhiệm lại chức danh Phó Giám Đốc NT2 - Nguyễn Văn Quyền	100%
20	44/QĐ-CPNT2	04/09/2025	Bộ định mức nhân công bảo dưỡng sửa chữa thường xuyên NMD NT2	100%
21	45/QĐ-CPNT2	9/9/2025	Thanh lý tài sản cố định, công cụ dụng cụ, vật tư hư hỏng kém phẩm chất theo báo cáo kiểm kê tại 0h ngày 01/7/2025.	100%
22	46/QĐ-CPNT2	17/9/2025	Quy chế đảm bảo an toàn an ninh mạng Hệ thống thông tin phục vụ hoạt động SXKD của NT2 và Quy chế bảo đảm an toàn an ninh mạng hệ thống điều khiển công nghiệp DCS SPPA-T3000	100%
23	47/QĐ-CPNT2	17/9/2025	Cho thuê và biểu phí cho thuê mặt bằng, căn hộ tại Nhà công vụ NT2	100%
24	50/QĐ-CPNT2	21/10/2025	Nội dung gia hạn các HĐ khung cung cấp nhiên liệu dầu DO cho NMD NT2	100%
25	51/QĐ-CPNT2	02/12/2025	Nội dung hợp đồng sửa đổi bổ sung số 17 HĐ mua bán điện Nhà máy điện Nhơn Trạch 2	100%
26	52/QĐ-CPNT2	15/12/2025	Phương án thanh lý tài sản, công cụ dụng cụ vật tư	100%
27	53/QĐ-CPNT2	25/12/2025	Tạm giao kế hoạch SXKD năm 2026 cho NT2	100%
28	54/QĐ-CPNT2	29/12/2025	Định mức kinh tế kỹ thuật năm 2026 của NT2	100%
29	55/QĐ-CPNT2	29/12/2025	Kế hoạch kiểm toán nội bộ năm 2026 của NT2	100%

1.6 Hoạt động của thành viên độc lập Hội đồng quản trị:

Thành viên độc lập Hội đồng quản trị công ty làm việc theo nhiệm vụ được Hội đồng quản trị phân công, mang lại hiệu quả tích cực trong vai trò của thành viên độc lập Hội đồng quản trị:

- Nâng cao tính khách quan của Hội đồng quản trị trong các nghị quyết và quyết định định hướng và chỉ đạo công ty.
- Tăng cường được tính minh bạch trong quá trình tổ chức hoạt động của Hội đồng quản trị, của công ty.
- Nâng cao hiệu quả chất lượng quyết định của Hội đồng quản trị.

1.7 Hoạt động giám sát của Hội đồng quản trị đối với Ban Điều hành

Trong năm 2025, Hội đồng quản trị đã tổ chức thành công Đại hội cổ đông thường niên,

ban hành 13 Nghị quyết và 56 Quyết định theo đề xuất của Công ty, làm căn cứ pháp lý cũng như tạo điều kiện thuận lợi cho Ban điều hành công ty thực hiện tốt công việc, hoàn thành nhiệm vụ kế hoạch đã được Đại hội cổ đông thông qua.

Hội đồng quản trị ban hành quy chế để làm cơ sở triển khai hoạt động thống nhất trong Hội đồng quản trị. Các thành viên Hội đồng quản trị làm việc theo nhiệm vụ được Hội đồng quản trị thống nhất phân công. Việc giám sát, chỉ đạo Ban Điều hành thực hiện các công việc liên quan đến hoạt động sản xuất, kinh doanh, trên cơ sở các quyết định, nghị quyết đã ban hành.

Việc cho ý kiến góp ý về các nội dung theo Phiếu xin ý kiến bằng văn bản của Chủ tịch Hội đồng quản trị trên cơ sở đề xuất của Ban Điều hành được thực hiện đầy đủ, kịp thời nhằm tạo điều kiện thuận lợi cho Ban Điều hành thực hiện tốt kế hoạch hoạt động sản xuất kinh doanh đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua.

Hội đồng quản trị đã thực hiện giám sát, kiểm tra, nắm bắt tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty. Hội đồng quản trị và Ban Điều hành thường xuyên và kịp thời trao đổi và cung cấp thông tin quá lại trên tinh thần hợp tác hỗ trợ, tạo thuận lợi cho nhau làm việc vì lợi ích chung của Công ty.

1.8 Bồi dưỡng, đào tạo nâng cao kiến thức Quản trị Công ty

Công ty luôn chú trọng trong công tác bồi dưỡng, đào tạo để nâng cao kiến thức cho Hội đồng quản trị, Ban Điều hành cũng như Cán bộ công nhân viên Công ty, đặc biệt là kiến thức về Quản trị công ty.

2. Ban Kiểm soát

2.1.1 Số lượng cuộc họp của Ban Kiểm soát

Họ và Tên	Chức vụ	Số lần họp BKS	Tỷ lệ tham dự	Lý do không tham dự
Ông Nguyễn Hữu Minh	Trưởng BKS	04	100%	
Ông Nguyễn Văn Kỳ	Thành viên Ban Kiểm soát	04	100%	
Bà Phan Lan Anh	Thành viên Ban Kiểm soát	03	75%	

2.1.2 Đánh giá hoạt động của Ban kiểm soát

Hoạt động của Ban kiểm soát tuân thủ chặt chẽ theo quy chế hoạt động của Ban Kiểm soát đã ban hành. Trong năm 2025, Ban Kiểm soát đã triển khai thực hiện tốt kế hoạch hoạt động đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua. Ban Kiểm soát đề ra các chương trình hành động cụ thể, trong đó chú trọng công tác giám sát và phối hợp với Hội đồng quản trị và Ban Điều hành trên tinh thần tuân thủ Điều lệ Công ty, Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông, tuân thủ quy chế, quy trình hoạt động và các quy định của pháp luật.

Định kỳ, Ban Kiểm soát điều hợp và lấy ý kiến thông qua các vấn đề của công ty như: Thông qua Báo cáo tài chính định kỳ hàng quý, bộ phận Tài chính kế toán phối hợp với Ban Kiểm soát để thông qua việc lựa chọn đơn vị thực hiện kiểm toán báo cáo tài chính theo ủy quyền của Đại hội đồng cổ đông, và việc tuân thủ các quy chế, quy trình, công tác kiểm tra, giám sát của Ban Kiểm soát được thực hiện liên tục, có hệ thống nhằm nắm bắt kịp thời thực trạng, hiệu quả hoạt động của công ty.

Ban kiểm soát đã tham dự đầy đủ các cuộc họp giao ban công ty, các cuộc họp Hội đồng quản trị. Phối hợp với Hội đồng quản trị, Ban Điều hành trong việc góp ý, xây dựng các quy chế của công ty nhằm làm cơ sở pháp lý cho công tác quản lý điều hành sản xuất kinh doanh.

2.2 Báo cáo kết quả làm việc của Ban Kiểm soát

2.2.1 Kết quả giám sát tình hình hoạt động và tài chính của công ty

Hội đồng quản trị, Ban Điều hành đã thực thi đúng quyền hạn và nhiệm vụ với tinh thần trách nhiệm cao, vì lợi ích hợp pháp của Công ty và cổ đông. HĐQT đã bám sát các mục tiêu, định hướng Đại hội đồng cổ đông, triển khai các nhiệm vụ cụ thể để đạt được kết quả tốt nhất.

Định kỳ, Ban Kiểm soát đều thực hiện thẩm tra Báo cáo tài chính quý, Báo cáo tài chính 06 soát xét và báo cáo kiểm toán của Công ty, công tác thực hiện không chỉ bao gồm kiểm tra chứng từ, hợp đồng thực hiện và các hồ sơ liên quan mà còn đưa ra các kiến nghị bằng văn bản đối với Hội đồng quản trị và ban điều hành nhằm tuân thủ, hoàn thiện các quy chế, quy định liên quan tình hình hoạt động và tài chính của Công ty. Các nội dung kiến nghị của Ban Kiểm soát đã được Hội đồng quản trị và Ban Điều hành ghi nhận và thống nhất chấn chỉnh để công tác quản lý tốt hơn nữa.

Trong năm, công ty không có phát sinh các tranh chấp liên quan đến hoạt động sản xuất kinh doanh, Ban Kiểm soát cũng không nhận được đơn thư kiến nghị hoặc đề xuất của cổ đông đề nghị kiểm tra, xác minh các vấn đề liên quan đến hoạt động quản lý, điều hành công ty.

Công ty đã chấp hành tốt các quy định về công bố thông tin đối với công ty niêm yết, báo cáo tài chính, báo cáo quản trị, báo cáo thường niên, báo cáo về giao dịch cổ phiếu của cổ đông nội bộ, chi trả và tạm ứng cổ tức...được công bố kịp thời, đầy đủ, tạo điều kiện cung cấp thông tin chính thống cho cổ đông, nhà đầu tư.

2.2.2 Kết quả giám sát đối với thành viên Hội đồng quản trị, Ban Điều hành và các cán bộ quản lý khác của công ty

❖ Hoạt động của Hội đồng quản trị

Hội đồng quản trị triển khai thực hiện nghiêm túc các Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông. Định kỳ Hội đồng quản trị tiến hành họp đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh và đưa ra chiến lược, định hướng nhằm hoàn thành kế hoạch sản xuất kinh doanh đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua. Đối với các vấn đề đột xuất Hội

đồng quản trị thực hiện gửi phiếu lấy ý kiến thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng quản trị.

Trong năm 2025, Hội đồng quản trị đã tổ chức thành công cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên, ban hành 13 Nghị quyết và 56 Quyết định theo đề xuất của Công ty, làm căn cứ pháp lý cũng như tạo điều kiện thuận lợi cho Ban điều hành công ty thực hiện tốt công việc, hoàn thành nhiệm vụ kế hoạch đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua, để có cơ sở mua sắm vật tư thiết bị, các quy chế, quy định nội bộ phù hợp với chế độ chính sách hiện hành của Nhà nước, làm cơ sở pháp lý cũng như tạo điều kiện thuận lợi cho Ban Điều hành công ty thực hiện tốt kế hoạch sản xuất kinh doanh đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua. Hội đồng quản trị triển khai thực hiện nghiêm túc các Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông. Định kỳ Hội đồng quản trị tiến hành họp đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh và đưa ra chiến lược, định hướng nhằm hoàn thành kế hoạch sản xuất kinh doanh đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua. Đối với các vấn đề đột xuất Hội đồng quản trị thực hiện gửi phiếu lấy ý kiến thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng quản trị.

❖ Hoạt động của Ban Điều hành

Ban Các Quyết định/Nghị quyết của Hội đồng quản trị được ban hành kịp thời để tuân thủ theo đúng quy định hiện hành.

Điều hành luôn chủ động đưa ra các giải pháp và đề xuất ý kiến với Hội đồng quản trị về các vấn đề thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị.

Ban Điều hành luôn tuân thủ, phối hợp và tạo điều kiện để Ban Kiểm soát thực hiện chức năng của mình, các cuộc họp giao ban định kỳ hàng tuần của Ban Điều hành đều có sự tham gia của Ban Kiểm soát, các ý kiến của Ban kiểm soát luôn được Ban Điều hành phản hồi đầy đủ và kịp thời.

3. Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng quản trị, Ban Điều hành và Ban Kiểm soát

3.1 Thù lao, thưởng và các khoản lợi ích khác

Hội đồng Quản trị, Ban Điều hành và Ban Kiểm soát được hưởng thù lao theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông và quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị và Ban Kiểm soát.

3.2 Các giao dịch cổ phiếu của người nội bộ và người liên quan của người nội bộ công ty cụ thể như sau:

STT	Người thực hiện giao dịch	Quan hệ với người nội bộ	Số cổ phiếu sở hữu đầu kỳ		Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ		Lý do tăng, giảm (mua, bán, chuyển đổi, thường)
			Số cổ phiếu	Tỷ lệ (%)	Số cổ phiếu	Tỷ lệ (%)	
1	Ông Lương Ngọc Anh	Cổ đông nội bộ	24.510	0,0085%	0	0%	Bán cổ phiếu
2	Ông Trịnh Quốc Thắng	Cổ đông nội bộ	13.300	0,0046%	0	0%	Bán cổ phiếu
3	Bà Đặng Thị Ngọc Bích	Người liên quan của NNB	0	0%	1.617.250	0,56%	Mua cổ phiếu

3.3 Hợp đồng hoặc giao dịch lớn với công ty con: Không có.

3.4 Thực hiện các quy định về Quản trị công ty

NT2 luôn tuân thủ đầy đủ các quy định của pháp luật về Quản trị công ty niêm yết:

Công ty được thành lập và hoạt động dưới hình thức Công ty cổ phần từ năm 2007, trở thành công ty đại chúng từ năm 2009 và cổ phiếu được niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Tp.Hồ Chí Minh từ năm 2015. Cơ cấu điều hành và quản trị Công ty được thiết lập và tuân thủ theo các quy định của Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán và các quy định pháp luật chuyên ngành có liên quan.

Đảm bảo tỷ lệ thành viên Hội đồng quản trị không điều hành và thành viên độc lập Hội đồng quản trị.

Tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông tuân thủ đầy đủ quy định của Pháp luật doanh nghiệp. Tổ chức họp và thông qua ý kiến Hội đồng quản trị đúng quy định của Điều lệ Công ty và Luật doanh nghiệp.

Thực hiện đầy đủ và đúng hạn tất cả các nghĩa vụ công bố thông tin định kỳ và bất thường đối với công ty đại chúng, niêm yết.

Báo cáo thường niên và các báo cáo trình Đại hội đồng cổ đông được lập với đầy đủ nội dung và thông tin về kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh và công tác quản trị, điều hành, giám sát của Công ty.

Tuân thủ chặt chẽ các quy định về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán và các quy định về quản trị doanh nghiệp niêm yết.

Hội đồng quản trị đã xây dựng và ban hành đầy đủ các quy chế quản trị nội bộ, quy chế phối hợp giữa Hội đồng quản trị và Ban Điều hành, Ban kiểm soát, ban hành Quy chế đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ. Về nâng cao năng lực quản trị công ty, hướng tới các chuẩn mực quản trị quốc tế khu vực và quốc tế: Thực hiện/tham gia các khóa đào tạo cho các thành viên Ban điều hành/Ban kiểm soát/các thành viên trong Hội đồng quản trị

Như vậy, Hội đồng quản trị đã thực hiện đầy đủ trách nhiệm theo quy định và không có việc nào chưa thực hiện theo quy định pháp luật về quản trị công ty. Các hoạt động quản trị của công ty luôn tuân thủ quy định hiện hành và được công nhận doanh nghiệp đạt chuẩn công bố thông tin do Vietstock công bố.

VI. BÁO CÁO PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG

1. Tổng quan về phát triển bền vững

Phát triển bền vững là một quá trình phát triển nhằm đáp ứng các nhu cầu của thế hệ hiện tại mà không làm tổn hại đến khả năng này của các thế hệ tương lai. Vấn đề mang tính toàn cầu chứ không chỉ một quốc gia và một doanh nghiệp. Phát triển bền vững hướng đến tăng trưởng kinh tế; bảo đảm công bằng xã hội; bảo vệ môi trường. Những năm gần đây, vấn đề phát triển bền vững cấp thiết và rất được quan tâm.

Thực tế cho thấy kinh tế càng tăng trưởng thì tình trạng khan hiếm các loại nguyên nhiên liệu, năng lượng do sự cạn kiệt các nguồn tài nguyên không tái tạo được càng tăng thêm, môi trường thiên nhiên càng bị hủy hoại, cân bằng sinh thái bị phá vỡ, thiên nhiên gây ra những thiên tai vô cùng thảm khốc. Liên tục thiên tai, dịch bệnh ảnh hưởng đời sống, kinh tế; mỗi quốc gia, cộng đồng, doanh nghiệp, từng cá nhân phải nhận thức rõ hơn trách nhiệm đối với bản thân, giữ gìn cho người thân, cộng đồng, nhất là trách nhiệm toàn cầu, cũng như các vấn đề an ninh phi truyền thống, biến đổi khí hậu trong tương lai. Vấn đề phát triển bền vững càng được tuyên truyền và thực hiện rộng rãi. Điều đó thể hiện sự phát triển về mọi mặt trong xã hội hiện tại mà vẫn phải bảo đảm sự tiếp tục phát triển trong tương lai xa.

Đây là mục tiêu hướng tới nhiều quốc gia trên thế giới. Mỗi quốc gia sẽ dựa theo đặc thù kinh tế, xã hội, chính trị, địa lý, văn hóa... riêng để hoạch định chiến lược phù hợp nhất với quốc gia đó. Vấn đề phát triển bền vững là nhu cầu tất yếu và là thách thức cho mọi quốc gia trong điều kiện toàn cầu hóa, hội nhập kinh tế quốc tế. Các nước phát triển và đang phát triển thì vấn đề này càng được đặt ra ngày một cấp thiết với nhu cầu hội nhập kinh tế toàn cầu.

Hội nghị Thượng đỉnh liên hiệp quốc về phát triển bền vững tại New York - Mỹ đã thông qua chương trình nghị sự toàn cầu về phát triển bền vững đến năm 2030 với 17 mục tiêu về phát triển bền vững (SDGs) và 169 chỉ tiêu chỉ tiêu nhằm chấm dứt đói nghèo, chống bất bình đẳng và chống biến đổi khí hậu. Phát triển bền vững có tác động qua lại lẫn nhau giữa các yếu tố: Con người, xã hội và môi trường. Giải quyết các vấn đề trên một cách toàn diện gồm phát triển kinh tế, quan tâm về môi trường và trách nhiệm với xã hội, phát triển nguồn nhân lực. Ở đây con người luôn là trọng tâm trong các vấn đề phát triển bền vững. Các doanh nghiệp tại Việt Nam cần đặt ra các mục tiêu sản xuất hiệu quả đồng thời chú ý đến vấn đề môi trường, an sinh xã hội, con người.

Qua hơn 18 năm phát triển, Công ty cổ phần Điện lực Dầu khí Nhơn Trạch 2 luôn

hướng đến sản xuất hiệu quả gắn liền với phát triển bền vững. Ngoài các mục tiêu doanh thu, lợi nhuận hằng năm, công ty còn đóng góp lớn đến an sinh xã hội 40,13 tỷ đồng, nguồn đóng ngân sách nhà nước lên tới hơn 3.872,84 tỷ đồng. Công ty quan tâm đến vấn đề môi trường, luôn bố trí cán bộ làm công tác chuyên trách về môi trường. Vấn đề phát triển bền vững là xuyên suốt trong mọi hoạt động sản xuất kinh doanh của NT2 thông qua việc triển khai thực hiện công tác tiết kiệm, chống lãng phí, mỗi việc làm của người lao động đều hướng tới một tương lai tốt đẹp, bền vững.

2. Định hướng phát triển xanh của công ty

Trong bối cảnh biến đổi khí hậu và yêu cầu giảm phát thải toàn cầu ngày càng trở nên cấp thiết, ngành năng lượng đang bước vào một giai đoạn chuyển mình mạnh mẽ. Là đơn vị vận hành nhà máy điện khí, NT2 xác định phát triển xanh không chỉ là xu thế, mà là cam kết dài hạn đối với cộng đồng, xã hội và công ty.

So với các nguồn điện truyền thống khác, điện khí (Gas) phát thải CO₂, SO_x và bụi mịn thấp hơn đáng kể, giúp giảm tác động tiêu cực đến môi trường và sức khỏe con người. NT2 sử dụng công nghệ tuabin khí chu trình hỗn hợp cho hiệu suất cao, tiết kiệm nhiên liệu và giảm phát thải. Đây là một trong những công nghệ tiên tiến nhất hiện nay trong ngành điện khí. NT2 sử dụng nguyên liệu khí Gas thân thiện với môi trường.

Phát triển xanh không chỉ là công nghệ mà còn cách thức vận hành, tổ chức, đến con người. Công ty sản xuất an toàn, xây dựng hệ thống quản lý môi trường theo tiêu chuẩn quốc tế (ISO 14001), liên tục giám sát: Khí thải, nước thải, tiếng ồn, định mức tiêu thụ nhiên liệu, giám sát tác động môi trường.

Ngoài vận hành nhà máy, NT2 còn hoàn thiện cơ cấu doanh nghiệp, tham gia các chương trình theo lộ trình phát triển của chính phủ: Thị trường điện bán buôn cạnh tranh, Net Zero, chuyển đổi số... Đồng thời, đảm bảo công tác an toàn sức khỏe môi trường, có trách nhiệm với cộng đồng và xã hội.

3. Các giải pháp triển khai đảm bảo phát triển bền vững

3.1 Duy trì và cải tiến liên tục hệ thống An toàn Sức khỏe Môi trường theo tiêu chuẩn quốc tế

NT2 cũng như các doanh nghiệp khác trong hoạt động công nghiệp đều ít nhiều tác động đến môi trường. Những tác động đến môi trường với những mức độ ảnh hưởng khác nhau dựa trên loại hình, quy mô, xả thải... Và NT2 cũng không là ngoại lệ. Tuy nhiên, NT2 đã kiểm soát các rủi ro quản lý, giảm thiểu tác động lên môi trường của mình. NT2 đã nhiều năm áp dụng tốt hệ thống quản lý môi trường theo tiêu chuẩn ISO 14001 và ISO 45001 theo tiêu chuẩn quốc tế. Năm 2025, NT2 được đánh giá và tái tục được cấp giấy chứng nhận ISO 14001 và ISO 45001. Tiêu chuẩn ISO 14001 về Hệ thống quản lý môi trường được ban hành lần đầu vào năm 1996 bởi Tổ chức quốc tế về tiêu chuẩn hóa (ISO), tiêu chuẩn ISO 14001 hiện đã có mặt tại 138 quốc gia và vùng lãnh thổ. NT2 là một trong những đơn vị triển khai sớm, thực hiện đúng tiêu chuẩn ISO 14001 và ISO 45001 là tiêu chuẩn hệ thống quản lý môi trường hàng đầu của thế giới. Những lợi ích của việc thực hiện tiêu chuẩn này bao gồm giảm sự ảnh

hưởng của môi trường, giảm sự lãng phí và việc sử dụng năng lượng cũng như cắt giảm chi phí vận hành doanh nghiệp.

Công ty có bộ phận các tổ chuyên gia đánh giá nội bộ và đơn vị đánh giá độc lập BSI xem xét đánh giá hằng năm để duy trì hệ thống liên tục. Đồng thời nếu phát hiện ra lỗi/vi phạm thì ngay lập tức sửa chữa kịp thời để đảm bảo Nhà máy điện Nhơn Trạch 2 hoạt động an toàn, không có sự cố xảy ra; đảm bảo sức khỏe người lao động nên hằng năm NT2 đều được đánh giá cao về Công tác An toàn lao động.

3.2 Tạo môi trường làm việc sạch sẽ, gọn gàng khi áp dụng phương pháp 5S

Môi trường làm việc rất quan trọng đối với người lao động trong quá trình làm việc tại công ty. Để tạo môi trường làm việc sạch sẽ, gọn gàng và khoa học, NT2 đã áp dụng phương pháp quản lý, sắp xếp nơi làm việc theo 5S (Sàng lọc – Sắp xếp – Sạch sẽ – Sẵn sàng – Sẵn sàng). Phương pháp cải tiến đơn giản, dễ hiểu đối với mọi người, dễ thực hiện và ít tốn kém chi phí nhưng thu được hiệu quả rất lớn nên Công ty cổ phần Điện lực Dầu khí Nhơn Trạch 2 đã duy trì thực hiện tốt trong các năm qua. Vai trò của 5S như một công cụ quản lý nhằm điều tiết tạo ra môi trường làm việc khoa học, sạch sẽ, ngăn nắp và sáng tạo từ đó tạo cho CBCNV có được một thói quen, một tinh thần trách nhiệm tự giác, tự quản cao.

Năm 2025, NT2 tiếp tục duy trì thực hiện và áp dụng phương pháp 5S cho toàn thể CBCNV. 5S là một phương pháp quản lý sắp xếp một cách khoa học nơi làm việc. CBCNV tham gia lớp học đào tạo đã áp dụng tốt 5S trong toàn công ty. Sau khi tham gia khóa đào tạo, CBCNV được cung cấp những kiến thức, nguyên tắc cơ bản nhất cũng như những yêu cầu để triển khai áp dụng chương trình đạt kết quả tại từng bộ phận nói chung và toàn công ty nói riêng.

3.3 Công tác an toàn phòng cháy chữa cháy

Công ty cổ phần Điện lực Dầu khí Nhơn Trạch 2 thực hiện tốt công tác an toàn lao động và phòng chống cháy nổ tại đơn vị. Định kỳ hàng tháng, NT2 kiểm tra công tác an toàn lao động, vệ sinh lao động trong toàn công ty; Thực hiện công tác kiểm tra định kỳ hệ thống Phòng cháy và Chữa cháy trong Nhà máy Điện Nhơn Trạch 2.

Tại NT2, công tác an toàn, sức khỏe, môi trường luôn đảm bảo và không để xảy ra sự cố nào ảnh hưởng đến công tác vận hành nhà máy thông qua các đợt diễn tập và huấn luyện để nâng cao nghiệp vụ như sau:

- Tham gia Hội thao ATVSLĐ – PCCN và Hội nghị ATSKMT của PVPOWER.
- Tổ chức diễn tập PCCC cứu hộ cứu nạn và ứng phó sự cố tràn dầu có sự phối hợp nhiều lực lượng.
- Kiểm định các thiết bị có yêu cầu nghiêm ngặt về an toàn lao động theo quy định, thực hiện kiểm tra an toàn công trình nhà xưởng, biển báo trong mùa mưa bão
- Kiểm tra quy trình/quy phạm kỹ thuật, kỹ thuật an toàn, vệ sinh lao động và an toàn

điện. Để đảm bảo an toàn.

- Kiểm tra điện trở tiếp địa toàn nhà máy.
- Cấp phát phương tiện bảo vệ cá nhân năm 2025 cho toàn thể CBCNV.

3.4 Công tác bảo vệ môi trường

Bảo vệ môi trường là trách nhiệm của Công ty cổ phần Điện lực Dầu khí Nhơn Trạch 2. Công tác quan trắc chất lượng môi trường nhằm đánh giá khả năng tác động của hoạt động sản xuất đến sức khỏe con người cũng như ảnh hưởng đến chất lượng môi trường xung quanh. Đây cũng là định hướng trong quá trình phát triển của công ty.

Nhằm đảm bảo sự phát triển kinh tế bền vững kết hợp bảo vệ môi trường theo xu hướng phát triển bền vững của toàn cầu và thực hiện theo yêu cầu đối với công ty tại Quyết định phê duyệt Báo cáo đánh giá tác động môi trường của dự án “Nhà máy điện chu trình hỗn hợp Nhơn Trạch 2” số 132/QĐ – BTNMT do Bộ Tài nguyên và Môi trường cấp. NT2 đã phối hợp với đơn vị tư vấn tiến hành khảo sát, quan trắc môi trường không khí, khí thải, nước thải, nước mặt trong năm qua thực hiện lập báo cáo công tác bảo vệ môi trường năm 2025. Công tác quan trắc môi trường bao gồm:

- Thống kê các nguồn phát sinh nước thải, chất thải, khí thải từ các hoạt động sản xuất, xác định số lượng chất thải (nước thải, chất thải rắn, khí thải...) phát sinh của Nhà máy;
- Khảo sát, thu thập thông tin về các công tác bảo vệ môi trường đã và đang được thực hiện tại Nhà máy;
- Quan trắc thông số tiếng ồn và độ rung trong không khí xung quanh và khu vực sản xuất;
- Quan trắc các thông số ô nhiễm trong khí thải tại nguồn thải;
- Quan trắc các thông số ô nhiễm trong nước thải;
- Quan trắc các thông số ô nhiễm trong nước thải làm mát;
- Quan trắc các thông số ô nhiễm trong nước mặt.
- Quan trắc tự động, liên tục nước thải. Số liệu quan trắc được truyền trực tiếp về Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Đồng Nai.
- Tổ chức tuyên truyền ngày Môi trường thế giới 05/06/2025.

Năm 2025, công tác an toàn, sức khỏe, môi trường luôn đảm bảo và không để xảy ra sự cố nào ảnh hưởng đến công tác vận hành Nhà máy điện Nhơn Trạch 2. Ngoài ra, công ty còn tích cực xây dựng môi trường xanh – sạch – đẹp, trồng nhiều cây xanh quanh khuôn viên công ty.

4. Sự tham gia của các bên liên quan

4.1 Đối với cổ đông

Nhiều năm liên tiếp, NT2 là doanh nghiệp đạt chuẩn công bố thông tin, thực hiện đúng

các cam kết với cổ đông. Công ty công khai, minh bạch thông tin trên các phương tiện thông tin đại chúng, luôn công bố thông tin kịp thời đến cổ đông theo đúng quy định. NT2 luôn đề cao mục tiêu lợi nhuận để đảm bảo quyền lợi cho cổ đông.

Năm 2025, sản xuất an toàn, vững vàng tiến bước, dù vẫn còn đối mặt với nhiều khó khăn thách thức như giá nhiên liệu tăng cao, sự gia tăng của nguồn năng lượng tái tạo, nhưng NT2 đã hoàn thành vượt mức chỉ tiêu kế hoạch lợi nhuận sau thuế. Năm 2025, NT2 đã hoàn thành thanh toán cổ tức bằng tiền mặt 15% với giá trị 431,81 tỷ đồng cho cổ đông.

Hàng tháng, NT2 cập nhật tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh bao gồm sản lượng điện, doanh thu, các sự kiện, hoạt động chính của công ty để cổ đông kịp thời nắm bắt thông tin.

4.2 Đối với đối tác

Với phương châm “Thân thiện – Hiệu quả - An toàn”, NT2 luôn giữ mối quan hệ hài hòa với các bên đối tác, hợp tác hai bên cùng có lợi, đảm bảo lợi ích chung. NT2 luôn phối hợp chặt chẽ với điều độ NSMO/EVN và PVGas nhằm thực hiện tốt chuỗi cung ứng khí – điện, đảm bảo vận hành an toàn, cung cấp điện ổn định lên hệ thống điện Quốc Gia. NT2 từng bước cập nhật các thông tin, quy định, sẵn sàng tham gia thị trường điện bán buôn khi được triển khai.

4.3 Đối với chính phủ

Công ty tuân thủ các quy định của nhà nước và pháp luật. NT2 đảm bảo hoạt động kinh doanh ổn định, tập trung vào giá trị cốt lõi sản xuất và kinh doanh điện năng; không đầu tư dàn trải, gây thất thoát lãng phí.

Nguồn điện từ Nhà máy điện Nhơn Trạch 2 góp phần đảm bảo an ninh năng lượng quốc gia. NT2 thực hiện các ca kíp vận hành nhà máy liên tục 24/7 đảm bảo kịp thời cung cấp điện theo yêu cầu của hệ thống.

4.4 Đối với cộng đồng

Công tác an sinh xã hội, trách nhiệm với cộng đồng luôn là nhiệm vụ được NT2 đề cao. Năm 2025, NT2 nộp ngân sách 207,65 tỷ đồng, đóng góp an sinh xã hội 2,58 tỷ đồng. Qua quá trình hình thành và phát triển, NT2 đã nộp ngân sách hơn 3.872,68 tỷ đồng, công tác an sinh xã hội 40,13 tỷ đồng. Công tác an sinh xã hội được thực hiện đều hằng năm. Công ty thường xuyên hỗ trợ các vùng bị thiên tai, tặng quà, hỗ trợ các gia đình khó khăn tại Đồng Nai.

4.5 Đối với môi trường

Đề cao phát triển bền vững, công tác môi trường là vấn đề trọng tâm được công ty thực hiện xuyên suốt. NT2 thực hiện kiểm tra thường xuyên công tác môi trường và có báo cáo định kỳ cho các bên liên quan. Năm 2024, công tác an toàn sức khỏe môi trường của NT2 được đánh giá cao. Cụ thể, tại NT2 công tác kiểm soát quan trắc môi trường được thực hiện thường xuyên như sau:

- Tần suất quan trắc các chỉ tiêu môi trường: định kỳ 3 tháng/lần.
- Tần suất lập báo cáo công tác bảo vệ môi trường: định kỳ 1 năm/lần.

Kết quả quan trắc môi trường năm 2024 được thực hiện nhằm mục đích đánh giá chất lượng môi trường Công ty Cổ phần Điện lực Dầu khí

Nhơn Trạch 2. Kết quả giám sát môi trường là cơ sở để theo dõi diễn biến chất lượng môi trường, cũng như có các biện pháp giảm thiểu và xử lý các tác động môi trường tiêu cực.

NT2 luôn tuân thủ các yêu cầu của pháp luật về lĩnh vực bảo vệ môi trường và được các cơ quan hữu quan đánh giá cao về kết quả thực hiện bảo vệ môi trường của NT2.

5. Tác động lên môi trường đối với phát thải nhà kính

Khí nhà kính là những khí có khả năng hấp thụ các bức xạ sóng dài (hồng ngoại) được phản xạ từ bề mặt Trái Đất khi được chiếu sáng bằng ánh sáng mặt trời, sau đó phân tán nhiệt lại cho Trái Đất, gây nên hiệu ứng nhà kính. Các khí nhà kính chủ yếu bao gồm: hơi nước, CO₂, CH₄, N₂O, O₃, các khí CFC. Khí nhà kính ảnh hưởng mạnh mẽ đến nhiệt độ của Trái Đất, nếu không có chúng nhiệt độ bề mặt Trái Đất trung bình sẽ lạnh hơn hiện tại khoảng 33 °C (59 °F).

Khí phát thải từ Nhà máy điện Nhơn Trạch 2 chủ yếu là NO_x, CO₂ và CO qua các ống khói. Tuy nhiên, lượng khí thải CO₂ do Nhà máy điện Nhơn Trạch 2 phát ra thấp hơn 30% so với nhà máy điện than có công suất tương tự. Tổng lượng khí nhà kính phát thải năm 2025 là 1.339.837 tấn CO₂ tương đương, tăng 13,83% so với tổng lượng khí nhà kính thải năm 2024 là 1.177.038 tấn CO₂ tương đương. Khí nhà kính phát thải được giám sát chặt chẽ. NT2 sử dụng các biện pháp giảm thiểu khí thải như sau:

- Sử dụng các tua bin khí có công nghệ mới nhằm nâng cao hiệu quả và làm giảm lượng khí thải tính trên mức khí tiêu thụ.
- Tuân thủ nghiêm ngặt lịch bảo trì, bảo dưỡng theo quy định của nhà sản xuất.

Theo thiết kế của nhà sản xuất, tuabin khí được lắp đặt 24 vòi đốt đặt theo hình vành khuyên. Kiểu vòi đốt hybrid loại HR3 có thể đốt được cả hai loại nhiên liệu là khí tự nhiên và dầu DO. Hàm lượng khí phát thải như NO_x, CO và bụi không vượt quá QCVN 22:2009. Ngoài ra, nhà máy còn được thiết kế lắp đặt ống khói chính có chiều cao tối thiểu 60m và chiều cao ống khói rẽ nhánh tối thiểu là 35m, đường kính khoảng 6,8m nên các chất ô nhiễm trong khí thải được phân tán nhanh và đảm bảo nồng độ các chất ô nhiễm NO_x và CO tại đỉnh ống khói luôn thấp hơn QCVN 22:2009 và hàm lượng các chất ô nhiễm không khí xung

quanh thấp hơn QCVN 05:2009. Bên cạnh đó, nhà máy còn lắp đặt thiết bị giám sát khói thải tự động tại đỉnh ống khói để theo dõi, giám sát các thành phần khí thải để kịp thời xử lý, đảm bảo lượng khí thải phát ra phù hợp với quy định QCVN 22:2009.

6. Quản lý nguồn nguyên liệu

6.1. Sử dụng nguồn nguyên liệu

Nguồn nguyên liệu có ảnh hưởng mạnh mẽ đến môi trường, hệ sinh thái và phát triển bền vững nói chung. Công nghiệp hóa, hiện đại hóa kéo theo việc khai thác và sử dụng nguồn nguyên liệu ngày càng nhiều. Việc quản lý, sử dụng nguồn nguyên vật liệu đặc biệt đối với các công ty sản xuất và kinh doanh điện năng như NT2 có tác động liên quan đến môi trường. Vì vậy, Công ty cổ phần Điện lực Dầu khí Nhơn Trạch 2 luôn chú trọng đến vấn đề môi trường, đặc biệt khâu quản lý nguyên liệu.

NT2 là chủ sở hữu quản lý vận hành và khai thác Nhà máy điện Nhơn Trạch 2. NT2 sử dụng nguồn nguyên liệu chính là khí thiên nhiên (Gas) được khai thác từ mỏ Sao Vàng Đại Nguyệt, Hải Thạch Mộc Tinh và Nam Côn Sơn... Bên cạnh nguồn nguyên liệu chính như trên thì nguồn nguyên liệu dự phòng cho nhà máy là dầu DO.

NT2 được đánh giá là nhà máy “thân thiện với môi trường”, với công nghệ tuabin chu trình hỗn hợp không gây nhiều tiếng ồn, sử dụng khí thiên nhiên đảm bảo sạch hơn so với các nhiên liệu khác. Với đặc thù ngành điện, nếu thủy điện ảnh hưởng đến môi trường sinh thái, sử dụng sức nước để sản xuất gây ảnh hưởng môi trường nghiêm trọng. Điện than gây ô nhiễm không khí, ảnh hưởng nguồn nước tẩy rửa, ảnh hưởng môi trường đất. Theo xu thế, nhằm bảo vệ môi trường, hạn chế phát thải nhà kính, các nước ưu tiên phát triển năng lượng tái tạo và điện khí, hạn chế điện than. Theo đánh giá, giai đoạn 2015-2020 sử dụng điện than chiếm 40% thì xu thế đến năm 2040 sẽ giảm xuống 29%, trong khi đó, điện năng lượng tái tạo tăng từ 22% đến 29%, điện khí như NT2 sẽ tăng từ 22% lên 28% (nguồn: www.eia.gov).

Nhà máy điện Nhơn Trạch 2 sử dụng nhiên liệu chính là khí tự nhiên, dầu DO chỉ là nhiên liệu dự phòng. Tổng lượng nguyên liệu năm 2025 NT2 sử dụng là 608,53 triệu Sm³. Bên cạnh nguồn nguyên liệu đầu vào, sản phẩm của NT2 là điện năng đặc thù được phát lên lưới điện quốc gia, không tồn kho nên không tốn nguyên vật liệu để lưu trữ như các ngành tiêu dùng, xây dựng, dược phẩm,...góp phần bảo vệ môi trường chung.

6.2. Tái chế nguồn nguyên liệu

Do nguồn nguyên liệu của NT2 là nguyên liệu đặc thù khí tự nhiên; khí tự nhiên được dẫn theo đường ống vào và sản xuất ra điện năng, nguồn khí vào được đốt sản sinh ra điện nên không phát sinh việc tồn trữ, tái chế gây ảnh hưởng môi trường như các nguồn nguyên liệu khác. Ngoài ra nhà máy điện Nhơn Trạch 2 sử dụng công nghệ tua bin khí chu trình hỗn hợp, toàn bộ lượng khí đầu vào được chuyển hóa điện năng,

không gây xả thải và giảm thiểu làm tăng nhiệt độ môi trường.

7. Tiêu thụ năng lượng

7.1 Nhiên liệu khí và dầu DO

Nguyên liệu chính Nhà máy điện Nhơn Trạch 2 sử dụng là khí thiên nhiên được khai thác từ mỏ Sao Vàng Đại Nguyệt, Hải Thạch Mộc Tinh và Nam Côn Sơn. Để bảo vệ môi trường, hướng đến phát triển bền vững thì ngày nay các nước đang tập trung phát triển điện khí và nguồn điện từ năng lượng tái tạo: Điện gió, điện mặt trời. Đó là một xu thế chung để phát triển bền vững bởi trong quá trình sản xuất điện năng, thủy điện làm ảnh hưởng tài nguyên rừng, điện than ô nhiễm môi trường ngày càng nghiêm trọng, đặc biệt ảnh hưởng đến sức khỏe người lao động trong môi trường độc hại, khói bụi. Điện khí, năng lượng tái tạo ngày càng được ưu tiên. Tuy nhiên, nguồn nhiên liệu khí ngày càng khan hiếm, tài nguyên dần cạn kiệt; vì vậy, chúng ta cần khai thác và sử dụng nhiên liệu khí hợp lý, đồng thời tăng cường tìm kiếm nguồn nguyên liệu mới thay thế.

Khối lượng khí tiêu thụ năm 2025 là 608,53 triệu Sm^3 , tăng 14,41% so với lượng khí tiêu thụ năm 2024 (năm 2024 tiêu thụ 530,7 triệu Sm^3). Năm 2025, Nhà máy không tiêu thụ dầu DO.

❖ **Tiết kiệm nhiên liệu khí:** Năm 2025, tiết kiệm nhiên liệu khí 185.229 Tr.BTU.

❖ **Tiết kiệm điện tự dùng:** Năm 2025, tiết kiệm điện tự dùng 1.928.696 kWh.

7.2 Điện sử dụng

Liên tiếp nhiều năm liền NT2 được đánh giá Top 100 doanh nghiệp bền vững. NT2 luôn chú trọng công tác bảo vệ môi trường, sử dụng năng lượng tiết kiệm, hiệu quả. Toàn công ty có 170 cán bộ công nhân viên – người lao động tập trung làm việc tại tòa nhà hành chính và khu vực vận hành nên lượng điện sử dụng không nhiều. NT2 sử dụng điện chiếu sáng cho các khu vực: Nhà bảo vệ, khu vực hành chính, căn tin, phòng điều khiển trung tâm, các gian máy GT5, GT6, ST4, lò thu hồi nhiệt, trạm bơm dầu, nhà kho, đèn chiếu an ninh, đường nội bộ, nhà xe bảo vệ.

Nhu cầu sử dụng năng lượng cho hệ thống chiếu sáng của công ty rất lớn. Hệ thống chiếu sáng được bố trí tại khu vực nhà máy điện Nhơn Trạch 2, khu vực vận hành, tòa nhà hành chính và khuôn viên. Để tiết kiệm năng lượng tối đa nhưng vẫn đảm bảo đủ ánh sáng để làm việc hiệu quả, hệ thống đèn chiếu sáng toàn nhà máy được điều chỉnh theo Timer và cảm biến quang. Các thiết bị điều chỉnh đóng cắt chiếu sáng được cài đặt phù hợp theo mùa nhằm tiết kiệm tối đa điện năng và phù hợp điều kiện chiếu sáng. Công ty quán triệt đến từng bộ phận, CBCNV về việc thực hành tiết kiệm chống lãng phí. Các phòng làm việc tận dụng tối đa ánh sáng tự nhiên vào ban ngày để giảm năng lượng sử dụng. Công tắc chiếu sáng trong khu vực làm việc văn phòng, hành lang, phòng điều khiển trong tòa nhà được bố trí theo từng nhóm, tùy theo nhu cầu sử dụng cần thiết thì công tắc vị trí đó được bật.

Đối với khu vực nhà xưởng, gian máy, lối đi nội bộ, đèn chiếu sáng sử dụng chủ yếu là các bóng cao áp Sodium 250W, 400W, đèn pha 200W và các bóng T8 loại thường và loại chống cháy. Chủ yếu công ty sử dụng bóng đèn compact và bóng T5 và một số đèn Led tiết kiệm năng lượng, đồng thời bố trí xen kẽ cho việc đóng ngắt nhằm giảm lượng điện tiêu hao khi khu vực không có nhu cầu sử dụng.

Để bảo vệ môi trường, tiết kiệm điện năng, công ty đang xem xét giải pháp thay thế nhiều đèn Led bởi hệ thống đèn Led giúp tiết kiệm điện năng lên đến 50%.

Do đặc thù sản xuất và kinh doanh điện năng nên nguồn điện mua ngoài rất ít. NT2 đã tận dụng nguồn điện do Nhà máy điện Nhơn Trạch 2 sản xuất được để vận hành một số thiết bị của nhà máy và điện sinh hoạt cho công ty, tiết kiệm được nguồn năng lượng, bảo vệ môi trường. Đồng thời, hệ thống đèn chiếu sáng của NT2 hướng tới sử dụng thiết bị đèn led thay thế đèn huỳnh quang, tiết kiệm điện năng. Các tổ máy vận hành nhiên liệu khí được tối ưu hóa khi sử dụng điện.

7.3 Khí thải

7.3.1 Khí thải từ các phương tiện

❖ Tác động:

Khí thải từ các phương tiện sử dụng của NT2 mặc dù không nhiều nhưng cũng ảnh hưởng một phần đến môi trường. Khí thải phát sinh từ các phương tiện vận chuyển nguyên, nhiên liệu tại cảng nhập dầu và vận chuyển nội bộ trong nhà máy. Các phương tiện vận tải với nhiên liệu tiêu thụ chủ yếu là xăng và dầu diesel thải ra môi trường một lượng khói thải chứa các chất ô nhiễm không khí. Thành phần chủ yếu là CO_x , NO_x , SO_2 , cacbua hydro, aldehyd và bụi. Nguồn ô nhiễm này phân bố rải rác và không đáng kể.

❖ Biện pháp:

Do số lượng phương tiện vận chuyển của Nhà máy không nhiều, khí thải từ phương tiện vận chuyển là nguồn thải phân tán, không đều đặn. NT2 đề ra các biện pháp giảm thiểu khí thải đã được nhà máy thực hiện như sau:

- Thường xuyên kiểm tra và bảo trì các phương tiện vận chuyển nhằm tối ưu hóa hiệu suất làm việc, tránh thất thoát nhiên liệu, đảm bảo tình trạng kỹ thuật tốt;
- Bổ sung thêm các chậu cây cảnh, cây xanh trong khuôn viên công ty để góp phần điều hòa không khí được tốt hơn.

7.3.2 Khí thải từ các tuabin

❖ Tác động:

Nhà máy hoạt động với 2 tua bin khí hoạt động theo chu trình hỗn hợp, phát sinh một lượng khí thải chủ yếu là NO_x , CO, bụi và một lượng nhỏ SO_2 , do nhiên liệu chính là khí thiên nhiên được xem là nguyên liệu đốt thân thiện với môi trường. Dầu DO là nguồn nhiên liệu dự phòng trong trường hợp nguồn cung cấp khí bị gián đoạn. Dầu

DO được dự trữ trong bồn chứa 8.000 m³. Tuy nhiên trường hợp này rất ít khi xảy ra. Các khí phát sinh từ hoạt động đốt dầu DO chủ yếu là NO_x, SO_x, CO và bụi.

❖ **Biện pháp:**

Hoạt động của các tua bin khí thải thường xuyên ra môi trường một lượng NO_x, CO₂ và CO qua các ống khói. Các biện pháp giảm thiểu khí thải từ các tua bin khí được áp dụng như sau:

- Sử dụng các tua bin khí có công nghệ mới nhằm nâng cao hiệu quả và làm giảm lượng khí thải tính trên mức khí tiêu thụ;
- Tuân thủ nghiêm ngặt lịch bảo trì, bảo dưỡng theo quy định của nhà sản xuất;
- Theo thiết kế của nhà sản xuất, tuabin khí được lắp đặt 24 vòi đốt đặt theo hình vành khuyên. Kiểu vòi đốt hybrid loại HR3 có thể đốt được cả hai loại nhiên liệu là khí tự nhiên và dầu DO. Hàm lượng khí phát thải như NO_x, CO và bụi không vượt quá QCVN 22:2009. Ngoài ra, nhà máy còn được thiết kế lắp đặt ống khói chính có chiều cao tối thiểu 60m và chiều cao ống khói rẽ nhánh tối thiểu là 35m, đường kính khoảng 6,8m nên các chất ô nhiễm trong khí thải được phân tán nhanh và đảm bảo nồng độ các chất ô nhiễm NO_x và CO tại đỉnh ống khói luôn thấp hơn QCVN 22:2009 và hàm lượng các chất ô nhiễm không khí xung quanh thấp hơn QCVN 05:2009. Bên cạnh đó, nhà máy còn lắp đặt thiết bị giám sát khói thải tự động tại đỉnh ống khói để theo dõi, giám sát các thành phần khí thải để kịp thời xử lý, đảm bảo lượng khí thải phát ra phù hợp với quy định QCVN 22:2009.

❖ **Tổng lượng khí thải:**

Tổng lượng khí thải năm 2025 là 23.321.860.380 m³, giảm 39,6% so với tổng lượng khí thải năm 2024 38.624.522.040 m³. Đây là nỗ lực của công ty trong việc bảo vệ môi trường, chống phát thải nhà kính.

8. Tiêu thụ nước

8.1 Nguồn nước cung cấp

Nhà máy điện Nhơn Trạch 2 sử dụng hai nguồn nước chính đó là nước thủy cục và nước mặt. Nước thủy cục phục vụ cho sản xuất và sinh hoạt NT2 được cung cấp bởi Công ty cấp nước Đồng Nai. Lượng nước thủy cục tiêu thụ năm 2025 của NT2 là 81.606 m³. Nước mặt dùng để làm mát thiết bị nhà máy, được khai thác từ sông Đồng Tranh theo Giấy phép khai thác, sử dụng nước mặt số 381/GP-BTNMT cấp ngày 27/09/2024. Tổng lượng nước khai thác sử dụng năm 2025 là 340.896.552 m³.

Theo thống kê, Việt Nam chủ yếu trước năm 2015 là thủy điện, tiếp đến là điện than, tiêu thụ rất nhiều nước. Hầu hết tất cả các hoạt động sản xuất, phân phối, tiêu thụ và tiêu hủy sau vòng đời của các nhà máy điện đều có liên quan đến việc sử dụng nguồn nước hoặc gây ô nhiễm nguồn nước.

Nếu như mỗi giai đoạn trong vòng đời của than từ khai thác – xử lý – vận chuyển – đốt than sản xuất điện ở nhà máy điện than đều có tác động tiêu cực tới nguồn nước

thì ngược lại điện khí như nhà máy điện Nhơn Trạch 2 lại có những ưu điểm nổi bật trong việc bảo vệ môi trường nước.

8.2 Lượng nước tái chế và sử dụng

Do đặc thù sản xuất điện, NT2 chủ yếu chỉ sử dụng nước để làm mát, không tái chế, được xử lý theo tiêu chuẩn nên không ảnh hưởng đến môi trường.

8.3 Biện pháp tiết kiệm nước

Nguồn nước sạch ngày càng bị thu hẹp do ô nhiễm, xả thải... Nhận thức được điều đó, NT2 đưa biện pháp tiết kiệm nước không chỉ trong sản xuất điện mà cả sinh hoạt hằng ngày. NT2 áp dụng hệ thống quản lý ISO 14001 trong kiểm soát môi trường, trong đó chú trọng kiểm soát nguồn nước.

Để tiết kiệm và tránh lãng phí nước, NT2 kiểm tra đường ống thường xuyên tránh thất thoát nước, lắp đặt đồng hồ nước có kiểm định, theo dõi thống kê hàng tháng, tuyên truyền sử dụng tiết kiệm nước. NT2 thường xuyên kiểm tra các đường ống xem có bị rò rỉ hay không, tiến hành kiểm tra số nước trên công tơ trước và sau 2 giờ không sử dụng nước. Nếu phát hiện bị rò rỉ sẽ sửa chữa ngay để tránh thất thoát nước.

Ngoài ra, NT2 hằng năm lập kế hoạch, định mức nước sử dụng cho nhà máy và nước sinh hoạt.

8.4 Xử lý nước thải

NT2 được Bộ Nông nghiệp và Môi trường cấp Giấy phép môi trường số 44/GP-BNNMT ngày 03/04/2025. Tuân thủ nguyên tắc bảo vệ môi trường và giảm thiểu tác động môi trường, Nhà máy điện Nhơn Trạch 2 đã tuân thủ thực hiện việc quan trắc nước thải định kỳ đầy đủ theo quy định của pháp luật và theo yêu cầu của Giấy phép môi trường. Ngoài ra nhà máy cũng đã lắp đặt hệ thống quan trắc tự động, liên tục nước thải làm mát làm mát, nước thải sản xuất và sinh hoạt để theo dõi chất lượng nước thải.

Tất cả nước thải từ nhà máy được xử lý theo tiêu chuẩn TCVN trước khi thải ra môi trường. Nguồn nước thải trong khu vực nhà máy bao gồm: nước thải nhiệt, nước thải nhiễm dầu, hóa chất, nước thải sinh hoạt... Hệ thống thu gom nước thải phát sinh về trạm xử lý nước thải để xử lý đạt chuẩn xả thải trước khi thải ra môi trường.

a) Nước thải sinh hoạt:

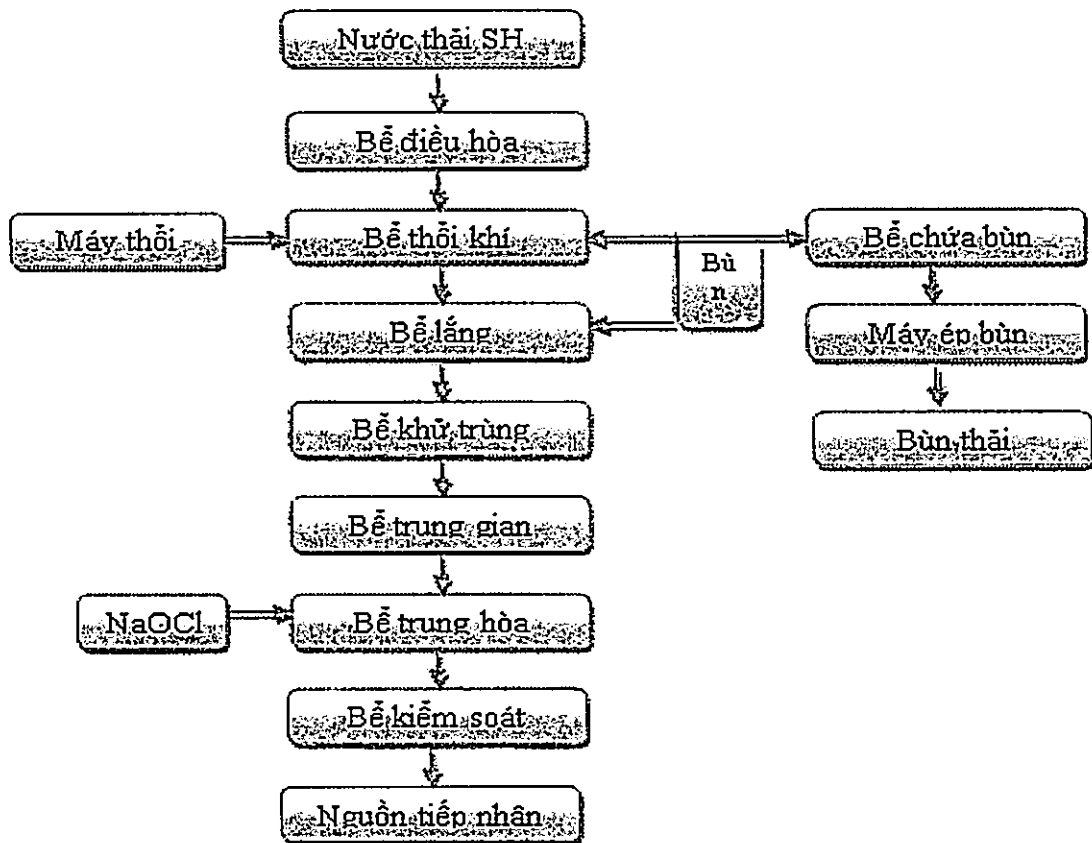
❖ Tác động:

- Lượng nước cấp cho sinh hoạt bình quân trong năm 2025 là 25 m³/ngày đêm (tính theo định mức sử dụng được tính theo TCXDVN 33:2006 - Mục 3.7 – Bảng 3.4: Tiêu chuẩn cấp nước dùng cho cơ sở sản xuất công nghiệp).
- Như vậy, lượng nước thải sinh hoạt trung bình khoảng 20 m³/ngày. Sự có mặt với hàm lượng chất hữu cơ cao và lượng vi sinh vật trong nước thải dẫn đến suy giảm

nồng độ oxy hòa tan trong nước gây ảnh hưởng đến đời sống thủy sinh và đến khả năng tự làm sạch của sông.

❖ **Biện pháp:**

Để giảm thiểu các tác động do nước thải sinh hoạt, Nhà máy điện Nhơn Trạch 2 đã áp dụng quy trình xử lý nước thải sinh hoạt như sau:



b) Nước thải sản xuất:

❖ **Nước thải làm mát**

• **Tác động:**

Nước làm mát được lấy từ sông Đồng Tranh qua hệ thống bơm nước làm mát chính lấy nước với công suất lớn nhất là 16,4 m³/s. Nước làm mát không tham gia vào quá trình công nghệ mà chỉ được dùng với mục đích trao đổi nhiệt, do đó nước làm mát được xếp loại là nước thải sạch, không cần phải xử lý trước khi thải ra môi trường.

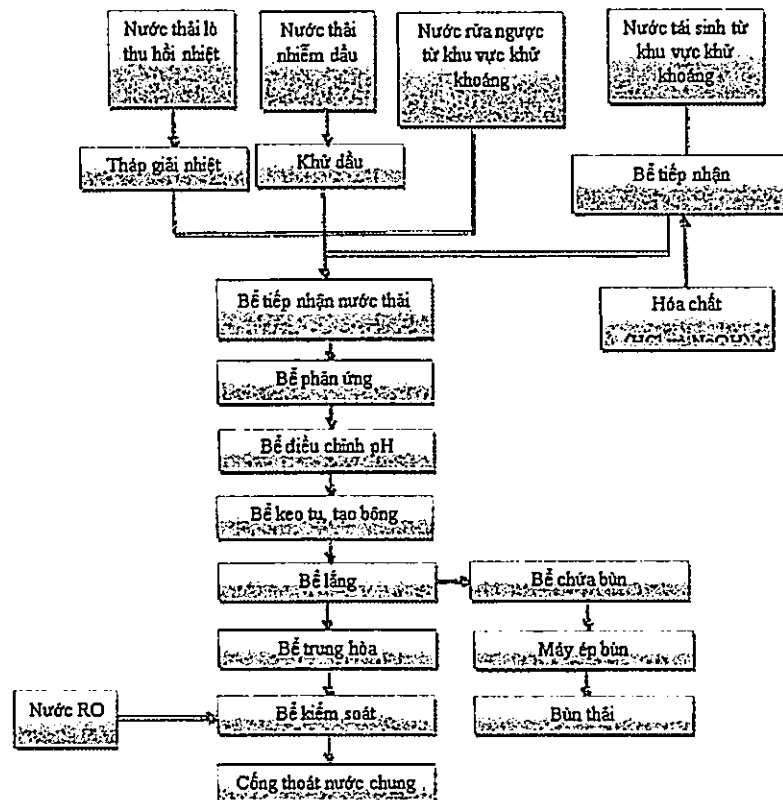
Nhu cầu sử dụng nước làm mát trung bình trong năm 2025 khoảng: 973.990 m³/ngày.đêm, giảm so với năm 2024 (Năm 2024 khoảng: 884.039 m³/ngày.đêm).

• **Biện pháp:**

Vị trí lấy nước và xả nước làm mát cách nhau tối thiểu 1km, mương thải tạo sóng để làm tăng khả năng phát tán nhiệt và tránh hiện tượng quẩn nhiệt nước thải nóng;

Điều tiết lưu lượng thải hợp lý nhằm làm tăng khả năng thải nhiệt cũng như tăng khả năng trao đổi nhiệt với môi trường tiếp nhận. Theo dõi và giám sát thường xuyên nhiệt độ lấy nước vào và thải nước ra tại điểm xả của nhà máy và môi trường nước bên ngoài để đảm bảo chênh lệch nhiệt độ không vượt quá 5 0C và có thể xử lý kịp thời trong các trường hợp xấu nhằm đảm bảo đạt QCVN 40:2011/BTNMT.

Việc Clo hóa nước được thực hiện để ngăn ngừa việc bám rong rêu trong hệ thống nước làm mát. Clo được bơm vào với 1 tỉ lệ mà khi thải ra mức còn lại của chúng thấp hơn 0,02 ppm tại ống xả. Với hàm lượng này Clo không gây tác động đáng kể nào tại điểm thải. Riêng hàm lượng TSS có thể tăng lên khoảng 15-20% so với ban đầu nhưng vẫn luôn luôn nhỏ hơn hoặc bằng với hàm lượng TSS của sông Lòng Tàu (do có quá trình sơ lắng các chất lơ lửng trong hệ thống kênh dẫn và hố bơm). Trong trường hợp pH của sông Đồng Tranh bị phèn hóa (vào mùa mưa), nước làm mát được phun một lượng vừa đủ NaOH để đảm bảo nước làm mát có pH luôn lớn hơn hoặc bằng 6. Do vậy dù nước thải làm mát có pH, TSS và nhiệt độ khác nhau với môi trường nhưng vẫn không gây ảnh hưởng đáng kể nào đến chất lượng nước sông Lòng Tàu.



Hình: Quy trình xử lý nước thải sản xuất

❖ **Tổng lượng nước thải**

Năm 2025, tổng lượng nước thải công nghiệp và sinh hoạt NT2 đã thải ra 35.330 m³, giảm 9,66% so với năm 2024 (năm 2024 là 39.107 m³). Tổng công suất hệ thống xử lý nước thải sản xuất là 859 m³/ngày; tỉ lệ nước thải được xử lý 100%. Trong đó, số đợt giám sát nước thải 04 lần.

Tổng lượng nước làm mát nhà máy điện Nhơn Trạch 2 là 340.896.552 m³ với nhiệt độ trung bình 34°C.

Tất cả lượng nước thải và quá trình xử lý đều đạt theo tiêu chuẩn QCVN 40:2011.

9. Chất thải

9.1 Chất thải rắn sinh hoạt

❖ **Nguồn phát sinh:**

Rác thải phát sinh từ hoạt động sinh hoạt hàng ngày của CBCNV Công ty và rác vớt từ sông Đồng Tranh tại vị trí lưới chắn rác trạm bơm tuần hoàn nước làm mát của nhà máy.

9.2 Rác thải phát sinh

Rác thải phát sinh từ hoạt động sinh hoạt hàng ngày của CBCNV Công ty. Thành phần chất thải rắn sinh hoạt phát sinh tại khu vực nhà máy bao gồm:

- Chất hữu cơ: thực phẩm dư thừa, rau quả...
- Các sản phẩm có nguồn gốc từ giấy: giấy, bìa carton, báo...
- Chất vô cơ: chất dẻo, PVC, thủy tinh...
- Kim loại: thùng, hộp kim loại...

Rác thải sinh hoạt nếu không được thu gom, xử lý theo đúng quy định sẽ gây ảnh hưởng đến khu vực làm việc nói riêng và môi trường nói chung. Sự phân hủy các chất thải sinh hoạt như thực phẩm, rau quả dư thừa sẽ phát sinh mùi hôi gây khó chịu và ô nhiễm môi trường. Các loại rác thải khó phân hủy như túi nilon, giấy, vỏ lon khi thải vào môi trường tự nhiên sẽ gây tích tụ trong môi trường đất, nước, làm mất mỹ quan và ảnh hưởng đến giao thông thủy. Về lâu dài, các chất này sẽ phân hủy thành các hợp chất gây độc cho môi trường đất, nước, ảnh hưởng đến sự sinh trưởng phát triển của vi sinh vật trên cạn và dưới nước.

❖ **Biện pháp:**

Để khống chế ô nhiễm do chất thải rắn sinh hoạt, nhà máy đã thực hiện các biện pháp sau:

- Chọn vật liệu thích hợp, ít phát sinh rác hoặc có thể tái sử dụng nếu có thể;
- Phân loại chất thải rắn ngay tại nguồn thải để có biện pháp thu xử lý và thải thích hợp;

- Bố trí các thùng thu gom chất thải rắn tại những vị trí thích hợp kèm theo bảng hướng dẫn nhằm tạo điều kiện thuận lợi cho các công tác thu gom và tránh rơi vãi chất thải trong Nhà máy;
- NT2 đã ký Hợp đồng với Hợp tác xã Dịch vụ Môi trường Long Thọ để thu gom và xử lý theo quy định.

❖ **Tổng lượng chất thải rắn sinh hoạt**

Năm 2025, tổng khối lượng chất thải rắn là 74.130 kg và đã được xử lý 100%, giảm 1,7% so với năm 2024 là 75.410 kg. NT2 đã thuê nhà thầu Hợp tác xã Dịch vụ Môi trường Long Thọ xử lý chất thải nêu trên.

9.3 Chất thải rắn công nghiệp thông thường

❖ **Nguồn phát sinh:**

Chất thải rắn công nghiệp thông thường phát sinh chủ yếu các đợt sửa chữa lớn của nhà máy, bao gồm: lọc gió thải; bao bì đựng vật tư, thiết bị; pallet, thùng gỗ, ván ép, xỉ lò,... Lượng chất thải này được Công ty Cổ phần Môi trường Việt Úc đến thu gom, vận chuyển và xử lý theo đúng quy định.

❖ **Biện pháp:**

NT2 đã ký Hợp đồng với Công ty Cổ phần Môi trường Việt Úc thu gom vận chuyển và xử lý chất thải rắn công nghiệp thông thường theo đúng Nghị định 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 về việc quy định chi tiết về một số Điều của Luật Bảo vệ môi trường.

Chất thải phát sinh được thu gom phân loại theo từng chủng loại rồi bàn giao cho nhà thầu thu gom, vận chuyển và xử lý theo quy định của pháp luật hiện hành.

❖ **Tổng lượng chất thải rắn công nghiệp thông thường:**

Trong năm 2025, tổng khối lượng chất thải rắn công nghiệp thông thường phát sinh là 19.050 kg, tăng 2.336% so với năm 2024 (Năm 2024 phát sinh 782 kg) do năm 2025 Công ty thực hiện sửa chữa bảo dưỡng nhà máy định kỳ, tất cả khối lượng chất thải phát sinh được đã xử lý 100%.

9.4 Chất thải nguy hại

❖ **Nguồn phát sinh:**

Chất thải nguy hại phát sinh từ hoạt động của Nhà máy đặc biệt là trong các đợt sửa chữa lớn, bao gồm: Bùn thải; Vật liệu lọc, giẻ lau, vải bảo vệ thải nhiễm các thành phần nguy hại; bóng đèn huỳnh quang thải; bao bì cứng bằng kim loại; bao bì cứng bằng nhựa nhiễm thành phần nguy hại thải; xỉ hàn có các kim loại nặng hoặc các thành phần nguy hại; Dầu nhớt thải động cơ; cặn sơn, sơn và vecni thải có dung môi hữu cơ hoặc các thành phần nguy hại; xỉ lò;... Lượng chất thải này được Công ty Cổ phần Môi trường Việt Úc đến thu gom, vận chuyển và xử lý theo đúng quy định.

❖ **Biện pháp:**

NT2 đã được Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Đồng Nai cấp sổ đăng ký sổ chủ nguồn thải chất thải nguy hại số 358/SĐK- CCBVMT ngày 05/12/2013 (cấp lần 3).

NT2 đã ký Hợp đồng với Công ty Cổ phần Môi trường Việt Úc thu gom vận chuyển và xử lý chất thải nguy hại theo đúng quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường hiện hành.

Chất thải nguy hại phát sinh tại nguồn thải được thu gom, phân loại theo từng chủng loại trong các bao bì thích hợp, lưu trữ tại kho chất thải nguy hại của Công ty, có biển báo chất thải nguy hại, đáp ứng các yêu cầu về an toàn kỹ thuật, ký hiệu rõ ràng theo quy định của cơ quan nhà nước có thẩm quyền trước khi bàn giao cho đơn vị có chức năng vận chuyển xử lý.

Kiểm tra, xác nhận chất thải nguy hại trong quá trình thu gom, vận chuyển, lưu giữ, xử lý, tiêu huỷ có đến đúng địa điểm, cơ sở theo quy định của Hợp đồng.

❖ **Tổng lượng chất thải nguy hại:**

Trong năm 2025, tổng khối lượng chất thải nguy hại phát sinh là 12.494 kg tăng 72,54% so với năm 2024 (Năm 2024 phát sinh 7.241 kg) do năm 2025 Công ty thực hiện sửa chữa bảo dưỡng nhà máy định kỳ, tất cả khối lượng chất thải phát sinh được đã xử lý 100%.

NT2 đã thuê nhà thầu Công ty Cổ phần Môi trường Việt Úc thu gom vận chuyển và xử lý chất thải nguy hại theo đúng Nghị định 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022.

10. Tiếng ồn

Nhà máy điện Nhơn Trạch 2 được thiết kế tiêu chuẩn làm giảm tối đa tiếng ồn đảm bảo cho CBCNV làm việc tại NT2 và khu vực xung quanh.

Trong điều kiện vận hành bình thường tiếng ồn giới hạn dưới 85 dB(A) ở khoảng cách 1m cách xa thiết bị gây ồn và cao 1,5m trên mức bề mặt thiết bị gây ồn.

NT2 sử dụng các biện pháp nhằm giới hạn tiếng ồn đảm bảo điều kiện lao động và đạt chuẩn đối với môi trường sống xung quanh:

- Các tuabin khí được cách âm.
- Ống dẫn không khí của Tuabin khí được lắp cách âm.

Những bộ phận máy móc nhỏ được thiết kế chống ồn và được bọc vỏ cách âm phụ. Ngoài ra, dầu bôi trơn, dầu điều khiển các bộ phận được đặt trong buồng tách lọc. Những bức tường của gian tuabin khí và tuabin hơi được thiết kế cách âm và gia công làm tăng khả năng hấp thụ. Nhà máy điện Nhơn Trạch 2 được thiết kế tiêu chuẩn làm giảm tối đa tiếng ồn đảm bảo cho CBCNV làm việc tại NT2 và khu vực xung quanh.

11. Các sáng kiến sử dụng năng lượng hiệu quả

11.1 Các sáng kiến cụ thể

NT2 luôn khuyến khích CBCNV phát huy các sáng kiến, cải tiến kỹ thuật góp phần

bảo vệ môi trường. Công ty thường xuyên khuyến khích cán bộ công nhân viên phát huy sáng kiến cải tiến kỹ thuật, trong đó sáng kiến liên quan công tác tiết kiệm năng lượng được quan tâm hàng đầu. Để khuyến khích phong trào này, NT2 đã thành lập Hội đồng Khoa học Công nghệ, ban hành các quy chế, quy định để khuyến khích, động viên CBCNV thi đua sáng tạo, góp phần vào sự phát triển bền vững của công ty. Năm 2025, NT2 tiết kiệm được 90,67 tỷ đồng, trong đó một phần tiết kiệm được từ việc sử dụng năng lượng hiệu quả.

Sáng kiến thứ nhất, các phòng làm việc của công ty thiết kế mở, thoáng, có kính và rèm xung quanh nên ngày làm việc có thể tận dụng ánh sáng tự nhiên làm việc, giảm bớt điện phát sáng.

Sáng kiến thứ hai, công ty sử dụng Timer và cảm biến quang, cài đặt phù hợp theo mùa để điều khiển đóng cắt tự động hệ thống chiếu sáng trong toàn nhà máy nhằm tiết kiệm điện năng nhưng vẫn đủ ánh sáng cho công việc.

Sáng kiến thứ ba, công ty sử dụng toàn bộ đèn tiết kiệm năng lượng thế hệ mới cho toàn bộ hệ thống chiếu sáng.

NT2 khẳng định tiêu chí “thân thiện” trong phát triển bền vững của doanh nghiệp. Thêm vào đó, Công ty chú trọng triển khai mạnh mẽ các thành tựu mới của công nghệ thông tin vào quản lý, vận hành nhằm tiết giảm chi phí sản xuất kinh doanh đồng thời sử dụng năng lượng hiệu quả, bảo vệ môi trường.

11.2 Mức năng lượng tiết kiệm

Thực hiện tiết kiệm năng lượng trong hoạt động sản xuất kinh doanh là phương châm xuyên suốt của Ban điều hành Công ty trong việc tiết giảm các chi phí và bảo vệ môi trường, cụ thể năm 2025, Công ty Cổ phần Điện lực Dầu khí Nhơn Trạch 2 đã thực hiện vận hành tiết kiệm như sau

- ❖ Tiết kiệm nhiên liệu khí: Năm 2025, tiết kiệm nhiên liệu khí 185.229 Tr.BTU.
- ❖ Tiết kiệm điện tự dùng: Năm 2025, tiết kiệm điện tự dùng 1.928.696 kWh.

12. Tuân thủ pháp luật về bảo vệ môi trường

Năm 2025, 10 năm liên tiếp, NT2 được vinh danh là doanh nghiệp bền vững, luôn tuân thủ pháp luật về bảo vệ môi trường, kiểm soát ô nhiễm; tái chế chất thải; tiết kiệm tài nguyên... Nhà nước ban hành luật bảo vệ môi trường cùng những quy định, thủ tục đi kèm để bảo vệ và cải tạo môi trường nhằm tránh những tác động, hậu quả xấu có thể xảy ra trong tương lai, để lại môi trường trong lành cho thế hệ sau tồn tại và phát triển. Vì vậy, bên cạnh việc tuân thủ các quy định pháp luật hiện hành như Luật Doanh nghiệp, Bộ Luật Lao động, Luật Bảo vệ môi trường, Luật Thanh tra kiểm tra... thì việc tuân thủ các quy định trong lĩnh vực môi trường là trách nhiệm và nghĩa vụ được NT2 đặt lên hàng đầu. Tất cả các hành động của NT2 đều có trách nhiệm đối với tác động tới môi trường và cuộc sống cộng đồng như: kiểm soát ô nhiễm và xử lý, tái chế chất thải, tiết kiệm tài nguyên...

Nhằm bảo vệ môi trường hướng tới phát triển bền vững, NT2 phối hợp cùng đơn vị tư vấn lập báo cáo tác động môi trường của dự án Nhà máy điện Nhơn Trạch 2 số 132/QĐ-BTNMT do Bộ Tài Nguyên và Môi trường cấp ngày 22/01/2008; đồng thời phối hợp với đơn vị tư vấn tiến hành khảo sát, quan trắc môi trường không khí, khí thải, nước thải, trầm tích và thực hiện lập Báo cáo công tác bảo vệ môi trường hàng năm trong quá trình vận hành sản xuất.

Theo đánh giá của các đoàn kiểm tra chuyên ngành các cấp, NT2 luôn được đánh giá cao trong việc tuân thủ các quy định về công tác môi trường. Năm 2025, công tác an toàn sức khỏe môi trường được đánh giá cao. Trong thời gian qua, NT2 chưa bị phạt vi phạm môi trường bởi các cơ quan chức năng. Bên cạnh tuân thủ pháp luật, NT2 còn tuyên truyền và ban hành các quy định sử dụng năng lượng tiết kiệm, bảo vệ môi trường như: tắt các thiết bị điện/nước không cần thiết; giảm ít nhất 50% số lượng đèn chiếu sáng chung ở hành lang, khu vực sảnh; tận dụng tối đa ánh sáng trời và thông thoáng tự nhiên; tổ chức khóa học sử dụng năng lượng tiết kiệm cho tất cả CBCNV công ty.

13. Chính sách An toàn Sức khỏe Môi trường

Chính sách An toàn Sức khỏe Môi trường được CBCNV công ty áp dụng hằng ngày trong các hoạt động. NT2 áp dụng mọi biện pháp thích hợp để loại trừ hoặc giảm thiểu các rủi ro gây ra tai nạn lao động, thiệt hại về tài sản hoặc gây ô nhiễm môi trường.

Để đạt được mục tiêu trên, NT2 cam kết thiết lập và duy trì hệ thống quản lý ATSKMT đảm bảo:

- Tuân thủ pháp luật và đáp ứng yêu cầu của các bên liên quan.
- Cung cấp các nguồn lực cần thiết để quản lý, giám sát rủi ro. Kiểm soát chặt chẽ các yếu tố nguy hiểm có thể gây ra tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp, thiệt hại tài sản và gây ra ô nhiễm môi trường.
- Tạo điều kiện thuận lợi cho việc trao đổi thông tin nội bộ, trao đổi thông tin với bên ngoài. Khen thưởng kịp thời các tập thể, cá nhân có thành tích, xử lý nghiêm các trường hợp có hành vi vi phạm các quy định về ATSKMT.
- Đào tạo cán bộ công nhân viên công ty có kiến thức về ATSKMT để nâng cao nhận thức và trách nhiệm tuân thủ.
- Bảo đảm kế hoạch ứng cứu khẩn cấp luôn được cập nhật, phát huy tính hiệu quả, đủ năng lực ứng cứu trong các trường hợp khẩn cấp.
- Định kỳ kiểm tra xem xét đánh giá công tác ATSKMT tìm cơ hội cải tiến liên tục.
- Toàn thể cán bộ công nhân viên trong công ty có trách nhiệm thực hiện đầy đủ chính sách ATSKMT đã được phê duyệt.

14. Chính sách liên quan đến người lao động

a) Chính sách đào tạo

Công tác đào tạo phát triển nguồn nhân lực luôn đóng vai trò rất quan trọng trong hoạt động sản xuất kinh doanh và phát triển bền vững, NT2 rất quan tâm và xây dựng các cơ chế chính sách, hệ thống các quy chế, quy định đào tạo khoa học và mang tính khuyến khích CBCNV nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ. Công tác đào tạo nội bộ tiếp tục được phát huy và được đánh giá là phương thức thực hiện đào tạo hiệu quả nhất. NT2 đã triển khai kịp thời các khóa tập huấn, cập nhật cho CBCNV về các nội dung, văn bản mới của Luật Lao động, Luật Doanh nghiệp, Luật Đầu tư sửa đổi, Luật chứng khoán ... Nhờ vậy, đội ngũ CBCNV đã tiếp tục duy trì và phát huy năng lực chuyên môn, vận hành Nhà máy Điện Nhơn Trạch 2 an toàn, hiệu quả, làm chủ hệ thống kinh doanh, phân phối và sẵn sàng ứng phó với những thay đổi của tình hình hoạt động.

- Đối với đội ngũ kỹ thuật: Bộ phận kỹ thuật sắp xếp thời gian hợp lý bố trí tổ chức hội thảo đào tạo nội bộ, trước khi thực hiện kế hoạch bảo dưỡng sửa chữa định kỳ của nhà máy. Các cán bộ kỹ thuật lên chương trình đào tạo và hướng dẫn cụ thể cho nhân viên cấp dưới, thường xuyên tổ chức các buổi hội thảo nhằm chia sẻ kinh nghiệm cũng cố thêm kiến thức chuyên sâu về nhà máy.
- Đối với đội ngũ trực tiếp sản xuất (PXVH): Công tác phát triển đội ngũ kế thừa được chú trọng, bồi dưỡng tay nghề một cách liên tục, bài bản. Trước mỗi lần thực hiện công tác bảo dưỡng sửa chữa định kỳ, đội ngũ vận hành sẽ được đào tạo tiếp cận với từng danh mục công việc, nghiên cứu và tham khảo thêm từ các đơn vị cùng ngành đi trước. Thường xuyên tổ chức và tham gia các cuộc thi nâng cao tay nghề, xử lý các tình huống giả định phù hợp với yêu cầu vận hành thiết bị nhà máy, đảm bảo công tác vận hành nhà máy luôn ổn định, an toàn và đạt hiệu quả kinh tế.
- Đối với đội ngũ văn phòng: Các chương trình bồi dưỡng đào tạo năng lực cho từng cá nhân đang từng bước triển khai thay thế dần cho các khóa đào tạo theo kiểu truyền thống. Điều này giúp cho mỗi CBCNV tự định hướng được năng lực của mình và chủ động trong việc tự học, tự đào tạo phát triển, nâng cao chuyên môn nghiệp vụ của bản thân.

Nguồn nhân lực sau đào tạo ở tất cả các lĩnh vực sản xuất kinh doanh đều đã đáp ứng tốt các yêu cầu công việc đặc biệt là đội ngũ vận hành, kỹ thuật của Công ty, nhờ vậy toàn bộ CBCNV đã trưởng thành và có trình độ cao vận hành Nhà máy điện Nhơn Trạch 2 an toàn, hiệu quả, kinh tế và tiết kiệm nhất.

b) Chính sách tiền lương, thưởng

NT2 đã áp dụng thang, bảng lương mới phù hợp với tình hình thực tế của Công ty, theo quy định pháp luật hiện hành, hướng tới việc trả lương theo thị trường nhằm hạn chế hiện tượng chảy máu chất xám và thu hút lao động giỏi. Hệ thống thang, bảng lương thường xuyên được nghiên cứu sửa đổi và điều chỉnh cho phù hợp với các quy định của pháp luật cũng như tình hình thực tế SXKD. Theo đó, việc tổ chức, quản lý,

sắp xếp nhân sự sẽ đảm bảo tính hợp lý, khoa học, đúng người đúng việc, đo lường được năng lực và kết quả công việc của nhân viên và việc trả lương, thưởng sẽ công bằng và chính xác hơn.

Ngoài ra, người lao động còn được hưởng lương, thưởng theo năng suất và hiệu quả công việc dựa trên kết quả bình xét thi đua hàng Quý. Chế độ thưởng cho các tập thể, cá nhân có thành tích xuất sắc, lao động tiên tiến, có sáng kiến trong lao động... được trích từ Quỹ khen thưởng phúc lợi của Công ty. Đồng thời, khuyến khích và thưởng cho người lao động nhân các ngày lễ lớn: Quốc Khánh, Quốc tế Lao động, ngày thành lập Công ty, khen thưởng cho các con em của người lao động có thành tích học tập tốt nhân dịp Quốc tế thiếu nhi,... cũng được trích từ Quỹ khen thưởng phúc lợi của Công ty.

NT2 thực hiện tốt chế độ Bảo hiểm xã hội, Bảo hiểm y tế, Bảo hiểm thất nghiệp, Bảo hiểm tai nạn lao động - bệnh nghề nghiệp, chế độ hưu trí cho người lao động theo đúng các quy định của Luật bảo hiểm xã hội và các Quy định của Chính phủ. Bên cạnh đó, hàng năm tại Hội nghị người lao động Công ty, Người sử dụng lao động và đại diện Công đoàn Công ty ký thỏa ước lao động, thỏa ước lao động hàng năm sẽ được chỉnh sửa bổ sung phù hợp với tình hình thực tế của Công ty. Quy định bao gồm các chính sách phúc lợi áp dụng cho toàn thể CBCNV và một số chính sách có tính đãi ngộ đối với những người lao động giỏi, có trình độ quản lý và chuyên môn cao, bao gồm: Chế độ lương, thưởng, đào tạo, học tập, nghỉ ngơi, lưu trú và các chế độ phúc lợi khác. Nhằm đảm bảo giữ người lao động đối với các vị trí chuyên môn về công nghệ, kỹ thuật quan trọng, NT2 xây dựng quy định về việc công nhận và áp dụng các bậc lương chuyên gia với mức lương cao nhằm thu hút, giữ chân nhân tài.

c) Chính sách tuyển dụng

Công tác tuyển dụng được thực hiện theo đúng quy trình tuyển dụng của Công ty nhằm tuyển chọn nhân sự theo đúng yêu cầu đưa ra, đảm bảo lực lượng lao động ổn định, có chất lượng và đáp ứng được yêu cầu hoạt động kinh doanh của Công ty, đặc biệt ưu tiên tuyển dụng những cá nhân có năng lực và nhân sự giỏi có kinh nghiệm. Hiện nay, NT2 đã có được một đội ngũ CBCNV có đạo đức với trình độ chuyên môn nghiệp vụ tốt góp phần hoàn thành xuất sắc các mục tiêu sản xuất, kinh doanh của Công ty.

d) Các chế độ chính sách khác đối với người lao động

Ngoài việc thực hiện đầy đủ các chế độ cho người lao động theo Bộ Luật lao động, nội quy lao động, thông qua thỏa ước lao động tập thể, hàng năm Công ty tổ chức mua thêm bảo hiểm chăm sóc sức khỏe nâng cao cho 100% CBCNV Công ty; Bảo hiểm nhân thọ và Bảo hiểm hưu trí tự nguyện cho CBCNV nhằm động viên, khuyến khích người lao động cống hiến và gắn bó lâu dài với Công ty. Công ty thành lập Hội đồng bảo hộ lao động, chú trọng đến công tác An toàn vệ sinh lao động, bảo hộ lao động, công tác phòng cháy chữa cháy.

NT2 đầu tư xây dựng và đưa vào sử dụng khu nhà ở Công vụ để CBCNV, người lao động ổn định cuộc sống, yên tâm công tác đồng thời nghiên cứu và xây dựng nhiều chính sách phù hợp khác để giữ chân CBCNV và thu hút thêm nguồn lao động chất lượng cao trong tương lai.

Để tái tạo sức lao động và gắn kết các cá nhân giữa các CBCNV, hàng năm Công ty tổ chức các kỳ nghỉ, các chuyến du lịch, các phong trào thể dục thể thao, văn thể mỹ, ngày hội gia đình truyền thống...để các CBCNV có dịp được gặp gỡ, gần gũi và gắn bó với nhau hơn.

15. Số lượng lao động và mức lương bình quân

15.1 Số lượng lao động:

Năm	2021	2022	2023	2024	2025
Số lượng (người)	173	176	172	168	170

15.1 Thu nhập bình quân

Năm	2021	2022	2023	2024	2025
Thu nhập bình quân của người lao động (triệu/tháng)	24,85	25,87	25,95	26,5	27,2

16. Chính sách đối với người lao động nhằm đảm bảo sức khỏe, an toàn và phúc lợi của người lao động

Mối quan hệ giữa người quản lý lao động và người lao động – Gìn giữ giá trị bền vững

16.1 Đảm bảo chất lượng nguồn nhân lực

Công tác đào tạo của NT2 đã cơ bản đáp ứng yêu cầu cung cấp kiến thức, kỹ năng, cập nhật văn bản pháp luật để phục vụ tốt nhiệm vụ sản xuất kinh doanh và xây dựng Hệ thống quản trị nguồn nhân lực.

Đặc biệt công tác đào tạo đã thực hiện được một số công việc sau:

- Triển khai xây dựng chương trình đào tạo dài hạn, tập trung vào việc đào tạo chuyên sâu cho đội ngũ kỹ thuật vận hành, bảo dưỡng sửa chữa, kỹ sư đầu ngành và cán bộ lãnh đạo, quản lý.
- Tiếp tục đẩy mạnh triển khai áp dụng đào tạo nội bộ.
- Áp dụng hệ thống chức danh công việc cho tất cả CBCNV công ty, rà soát, cập nhật chức năng nhiệm vụ và tiến hành phân tích công việc, sắp xếp công việc theo hệ thống chức danh, định biên lao động của các phòng/phân xưởng. Mỗi cá nhân CBCNV đều có bảng mô tả công việc để làm cơ sở triển khai thực hiện và đánh giá hiệu quả công việc.
- Xây dựng và ban hành quy định về Văn hóa doanh nghiệp.

- Đánh giá năng lực nhân viên: Tổ chức xây dựng, rà soát, tiến hành đánh giá chuyên môn đối với tất cả các chức danh để làm cơ sở đánh giá năng lực nhân viên, lập kế hoạch đào tạo hàng năm.
- Đảm bảo tiền lương, thu nhập cao và ổn định để người lao động yên tâm công tác; Việc trả lương, trả thưởng và các chế độ đãi ngộ khác dựa trên năng lực thực sự và hiệu quả công việc của từng cá nhân.
- Thưởng thành tích định kỳ và đột xuất cho cá nhân và đơn vị, thưởng sáng kiến cải tiến; Thưởng vận hành an toàn; Thưởng nhân các ngày lễ của quốc gia và sự kiện đặc biệt.
- Khám và theo dõi sức khỏe định kỳ.
- Tôn trọng và tuân thủ các tiêu chuẩn về an toàn, sức khỏe và môi trường. NT2 có môi trường làm việc chuyên nghiệp, luôn áp dụng công nghệ tiên tiến và trang thiết bị hiện đại.

Để làm được điều đó, hàng năm Người quản lý lao động và Chủ tịch công đoàn Công ty thực hiện ký kết thỏa ước lao động trong Hội nghị người lao động của Công ty, nhằm đảm bảo các chế độ phúc lợi, lương thưởng cho người lao động như đã ký kết trong thỏa ước lao động tập thể, đồng thời tạo điều kiện để người lao động phát triển năng lực, duy trì và phát triển đội ngũ kế thừa được thực hiện một cách linh hoạt, hiệu quả và phù hợp với từng nhân lực.

Tối ưu hóa nguồn lực nội bộ: NT2 luôn đưa ra các giải pháp tối ưu hóa nguồn nhân lực như: Luân chuyển nội bộ thay thế cho tuyển dụng mới, NT2 mong muốn tạo thêm và duy trì ở mức cao nhất cơ hội việc làm cho người lao động, những người lao động đã gắn bó và tạo nên giá trị cốt lõi cho sự phát triển của NT2.

NT2 ban hành bộ quy tắc ứng xử nhằm góp phần xây dựng và nâng cao giá trị văn hóa của Công ty. Thực hiện tốt quy chế dân chủ với mục đích thiết lập mối quan hệ hài hòa, ổn định giữa Người quản lý lao động với Người lao động để:

- Tạo điều kiện cho người lao động được biết, được tham gia ý kiến, được đóng góp và giám sát những vấn đề liên quan đến quyền, lợi ích, nghĩa vụ và trách nhiệm của người lao động.
- Nâng cao trách nhiệm, nghĩa vụ của người quản lý lao động với người lao động, tạo điều kiện để các tổ chức chính trị - xã hội (Đảng, Công đoàn, Đoàn thanh niên, Hội cựu chiến binh) của công ty hoạt động theo quy định của Pháp luật trong việc thực hiện quyền dân chủ cho người lao động, tổ chức đối thoại với người lao động tại công ty.

16.2 Công tác An toàn Sức khỏe Môi trường

NT2 với ngành nghề kinh doanh đặc thù sản xuất và cung cấp điện năng, nên ngay từ những ngày đầu thành lập NT2 luôn đặt công tác An toàn sức khỏe môi trường lên

hàng đầu, vì đây là một trong những yêu cầu đầu tiên ảnh hưởng trực tiếp đến uy tín và thương hiệu của NT2. Các chỉ số về An toàn sức khỏe môi trường tốt sẽ là lợi thế cạnh tranh trong bối cảnh hợp tác quốc tế hiện nay. Một hệ thống quản lý An toàn sức khỏe môi trường vững mạnh là hệ thống xuyên suốt và đồng nhất giữa các phòng ban, phân xưởng vận hành trong Công ty. Do đó trong hoạt động sản xuất và kinh doanh, NT2 luôn tuân thủ nghiêm ngặt các quy định của pháp luật về công tác An toàn, sức khỏe và bảo vệ môi trường, chủ động ngăn ngừa các thiệt hại về con người, tài sản và môi trường. Cụ thể hàng năm NT2 luôn có chính sách chăm sóc sức khỏe cho CBCNV, trang bị đầy đủ các biện pháp an toàn trong sản xuất và hướng tới một môi trường thân thiện trên cơ sở tuân thủ chặt chẽ luật pháp của Việt Nam và quốc tế.

Không để xảy ra sự cố môi trường và đảm bảo tuân thủ đầy đủ yêu cầu pháp luật về bảo vệ môi trường.

- Nhiệm vụ chính công tác ATSKMT năm 2025:
 - Đảm bảo an toàn tuyệt đối trong quá trình sản xuất.
 - Duy trì điều kiện vệ sinh lao động, khám chữa bệnh định kỳ và bệnh nghề nghiệp cho tất cả CBCNV trong công ty.
 - Củng cố lực lượng ứng cứu khẩn cấp, nâng cao tính sẵn sàng ứng phó sự cố bão lũ nhằm ngăn ngừa, giảm thiểu thiệt hại về người và tài sản trong các cơn bão.
 - Tiết kiệm năng lượng trong sản xuất kinh doanh, tiết kiệm chi phí quản lý.

Những thành tích đã đạt được trong năm 2024 và những mục tiêu đặt ra cho năm 2025 đã khẳng định những nỗ lực không ngừng của ban lãnh đạo và tập thể cán bộ công nhân viên NT2 trong công tác đảm bảo ATSKMT, củng cố thương hiệu và hình ảnh của NT2 vì một tương lai an toàn và phát triển bền vững.

a) Công tác bảo vệ môi trường

NT2 luôn xem công tác An toàn sức khỏe môi trường (ATSKMT) là công tác trọng tâm xuyên suốt trong quá trình vận hành an toàn nhà máy điện Nhơn Trạch 2, do đó công ty đã chủ động thực hiện và luôn tuân thủ theo pháp luật các quy định về môi trường như:

- Điều kiện làm việc và an toàn lao động là một trong những vấn đề quan trọng mà lãnh đạo công ty đặc biệt chú ý quan tâm vì nó ảnh hưởng đến hoạt động kinh doanh của công ty. Đảm bảo điều kiện làm việc và an toàn lao động là hai vấn đề có mối quan hệ khăng khít. Định kỳ hàng năm NT2 thực hiện đo đạc lấy mẫu quan trắc môi trường xung quanh theo quy định của Pháp luật và báo cáo đánh giá tác động môi trường đã được phê duyệt (ĐTM)
- Công ty đã được cấp giấy chứng nhận đạt chuẩn môi trường số 207/TCMT-TĐ ngày 01/03/2012. Bộ tài nguyên Môi trường đã phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường của nhà máy điện chu trình hỗn hợp Nhơn Trạch 2 theo Quyết

định số 132/QĐ-BTNMT ngày 22/01/2008.

Trong năm 2024, NT2 tiếp tục duy trì phương pháp 5S vào tất cả các phòng ban của NT2 với mục đích nâng cao chất lượng môi trường làm việc một cách khoa học, gọn gàng, sạch đẹp, tiện nghi và an toàn sức khỏe cho CBCNV công ty. Đồng thời, NT2 tích cực tham gia các hoạt động bảo vệ môi trường và hưởng ứng chương trình “Giờ trái đất” tại khu nhà công vụ công ty.

Hàng năm, NT2 đều trang bị và bổ sung đầy đủ cơ sở vật chất, các trang thiết bị để phục vụ cho sản xuất kinh doanh và đảm bảo an toàn sức khỏe cho người lao động. Lắp đặt máy điều hòa nhiệt độ, hệ thống quạt hút và thông gió, đảm bảo hệ thống ánh sáng, phòng cháy chữa cháy, đảm bảo môi trường làm việc tốt cho CBCNV. Việc trang bị bảo hộ lao động được thực hiện đầy đủ theo quy định của Bộ Luật lao động. Đồng thời tổ chức các lớp tuyên truyền, giáo dục nâng cao nhận thức về Bảo vệ Môi trường, chấp hành các quy định về thu gom, xử lý chất thải độc hại.

Với những nỗ lực đã đạt được trong công tác ATSKMT, NT2 đã được tổ chức BSI duy trì Giấy chứng nhận ISO 14001 và ISO 45001.

b) Công tác đảm bảo an toàn, phòng cháy chữa cháy và ứng cứu khẩn cấp

Với tiêu chí “An toàn để sản xuất – Sản xuất phải an toàn”, NT2 luôn nâng cao ý thức và trách nhiệm trong vấn đề đảm bảo an toàn, PCCC trong hoạt động sản xuất và kinh doanh. Trong suốt những năm qua, NT2 luôn chú trọng trang bị đầy đủ cơ sở vật chất, trang thiết bị lao động, thường xuyên tổ chức các lớp đào tạo huấn luyện về công tác an toàn vệ sinh lao động, phòng cháy chữa cháy và cứu nạn cứu hộ cho 100% CBCNV công ty giúp nhân viên tăng cường nghiệp vụ và ý thức về công tác an toàn.

Năm 2024, NT2 đã đảm bảo an toàn trong hoạt động vận hành, sản xuất, không để xảy ra tai nạn lao động cũng như sự cố cháy nổ tại Nhà máy.

Các hoạt động đảm bảo an toàn, an ninh, phòng cháy chữa cháy và ứng cứu tình huống khẩn cấp nổi bật trong năm 2024 bao gồm:

- Tiến hành triển khai áp dụng hệ thống quản lý OHSAS 18001-2007&ISO 14001 và ISO 45001 nhằm tăng cường đảm bảo an toàn vận hành của Nhà máy.
- Tổ chức diễn tập phòng cháy chữa cháy tại Nhà máy. Các đơn vị trực thuộc được kiểm tra an toàn phòng cháy chữa cháy định kỳ và đột xuất đảm bảo tuân thủ đầy đủ các yêu cầu pháp luật.
- Tổ chức diễn tập ứng phó sự cố hóa chất, định kỳ hàng năm ít nhất 1 lần theo các phương án đã được phê duyệt trong kế hoạch ứng phó sự cố hóa chất đã được Bộ Công thương phê duyệt.
- Tăng cường công tác an ninh, an toàn và phòng chống cháy nổ trong các dịp lễ, Tết.
- Tổ chức tuyên truyền, phổ biến, quán triệt kịp thời, đầy đủ các quy định có liên quan

đến công tác phòng cháy chữa cháy, cứu nạn cứu hộ theo quy định của pháp luật

Công ty trang bị đầy đủ các trang thiết bị phương tiện phòng cháy chữa cháy như hệ thống chữa cháy bằng nước tự động, hệ thống chữa cháy tự động CO2, hệ thống chữa cháy tự động bằng Foam, tổ chức kiểm tra định kỳ thứ 6 hàng tuần đảm bảo các phương tiện phòng cháy chữa cháy trong tình trạng sẵn sàng tin cậy, thường xuyên kiểm tra đánh giá các trang thiết bị, phương tiện cứu nạn cứu hộ của công ty nhằm đáp ứng sự đầy đủ và tính khả dụng trong an toàn lao động.

Năm 2024, NT2 không để vụ cháy nổ nào xảy ra làm ảnh hưởng đến công tác vận hành nhà máy.

c) Công tác chăm sóc sức khỏe người lao động

Nhằm đảm bảo sức khỏe và ngăn ngừa bệnh nghề nghiệp cho người lao động, NT2 luôn nghiêm túc thực hiện và duy trì các hoạt động sau:

- Trang bị phòng y tế và tủ thuốc sơ cấp cứu trong Công ty.
- Tổ chức khám sức khỏe định kỳ, bệnh nghề nghiệp tại các bệnh viện uy tín cho 100% CBCNV của công ty.
- Tổ chức và cung cấp các bữa ăn đảm bảo dinh dưỡng và vệ sinh an toàn thực phẩm bằng cách kiểm soát chặt chẽ nguồn gốc, thực phẩm sử dụng phải có xuất xứ rõ ràng và được cung cấp bởi các đơn vị có uy tín về chất lượng sản phẩm.

Năm 2025, NT2 đã hoàn thành tốt các công tác chăm sóc sức khỏe người lao động, tiếp tục áp dụng chương trình bảo hiểm chăm sóc sức khỏe cho người lao động, hỗ trợ người lao động khám chữa bệnh và nằm viện. Đồng thời, NT2 đã tăng cường thực hiện nhiều biện pháp nhằm khắc phục và phòng ngừa nhằm đảm bảo sức khỏe cho người lao động làm việc trong môi trường có độ ồn cao. NT2 thực hiện giám sát môi trường lao động và công tác bảo hộ lao động hiệu quả, nhằm đảm bảo sức khỏe cho người lao động và ngăn ngừa bệnh nghề nghiệp.

d) Trang bị phương tiện bảo vệ cá nhân

Trang bị phương tiện bảo vệ cá nhân là biện pháp cần thiết để giúp người lao động giảm thiểu tối đa những tác hại do điều kiện môi trường làm việc mang lại như: Nóng, ồn, bụi, và các điều kiện nguy hiểm, độc hại khác,... Phương tiện vệ sinh cá nhân đáp ứng đầy đủ các yêu cầu về: Tiêu chuẩn chất lượng, mục đích sử dụng, thẩm mỹ và tính năng bảo vệ.

Hàng năm, công ty đều mua sắm, trang bị đầy đủ phương tiện bảo vệ cá nhân cho người lao động theo đúng quy định của pháp luật. Người lao động phải sử dụng phương tiện bảo vệ cá nhân theo đúng quy định trong suốt thời gian làm việc.

e) Công tác an toàn vệ sinh lao động

NT2 duy trì và phát huy hiệu quả hoạt động của mạng lưới an toàn vệ sinh viên. Thường xuyên kiểm tra an toàn vệ sinh lao động tại các khu vực làm việc. Theo dõi

việc ghi chép sổ sách và các biểu mẫu theo quy định. Hàng tháng tổ chức kiểm tra chéo về an toàn vệ sinh lao động giữa các phòng chức năng/phân xưởng vận hành, hợp rút kinh nghiệm và đề xuất các biện pháp hiệu quả nhằm nâng cao hơn nữa chất lượng công tác an toàn vệ sinh lao động tại công ty.

Một số hoạt động về an toàn vệ sinh lao động đã thực hiện trong năm 2024:

- Hưởng ứng tham gia tuần lễ Quốc gia An toàn vệ sinh lao động phong trào xanh – sạch – đẹp.
- Thực hiện công tác đo kiểm môi trường lao động nhằm kiểm soát, cải thiện điều kiện làm việc cho người lao động tại công ty.
- Huấn luyện an toàn vệ sinh lao động cho toàn bộ CBCNV định kỳ theo quy định.
- Huấn luyện 17 nhân viên an toàn hóa chất; 79 nhân viên an toàn điện.
- Huấn luyện 15 người trong mạng lưới an toàn vệ sinh viên.
- Kiểm tra định kỳ an toàn lao động, phòng chống cháy nổ và thoát hiểm, thoát nạn.
- Thực hiện kiểm tra và tái kiểm tra để cấp thẻ an toàn lao động đối với khối vận hành sản xuất và khối hành chính văn phòng.
- Kiểm tra vệ sinh công nghiệp môi trường an toàn lao động tại công ty 12 lượt/năm.
- Tổ chức khám sức khỏe định kỳ cho người lao động.
- Tổ chức khám phát hiện bệnh nghề nghiệp cho lực lượng lao động trực tiếp sản xuất.
- Tổ chức và tham gia các phong trào an toàn vệ sinh viên do các cấp/ngành tổ chức.

17. Các chương trình đào tạo và số giờ đào tạo

17.1 Các chương trình đào tạo

Công tác đào tạo phát triển nguồn nhân lực luôn đóng vai trò quan trọng trong hoạt động sản xuất kinh doanh và hướng tới mục tiêu phát triển bền vững. NT2 luôn quan tâm và xây dựng các chế độ, chính sách, quy định đào tạo khoa học và mang tính khuyến khích CBCNV nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ. Năm 2024, công tác đào tạo nội bộ tiếp tục được phát huy và được đánh giá là phương thức thực hiện đào tạo hiệu quả cao. NT2 đã triển khai kịp thời các khóa tập huấn, cập nhật cho CBCNV về các nội dung, văn bản mới của Luật Lao động, Luật Doanh nghiệp, Luật Đầu tư sửa đổi, Luật chứng khoán ... Do đó, đội ngũ CBCNV NT2 luôn được nâng cao tay nghề, phát huy năng lực chuyên môn, vận hành Nhà máy Điện Nhơn Trạch 2 an toàn, hiệu quả.

- Đối với đội ngũ kỹ thuật: Tổ chức đào tạo nội bộ trước khi thực hiện kế hoạch bảo dưỡng sửa chữa định kỳ của nhà máy. Các cán bộ kỹ thuật lên chương trình đào tạo và hướng dẫn cụ thể cho nhân viên cấp dưới, thường xuyên tổ chức các buổi hội thảo nhằm chia sẻ kinh nghiệm củng cố thêm kiến thức chuyên sâu

về nhà máy.

- Đối với đội ngũ trực tiếp sản xuất (PXVH): Công tác phát triển đội ngũ kế thừa được chú trọng, bồi dưỡng tay nghề một cách liên tục, bài bản. Trước mỗi lần thực hiện công tác bảo dưỡng sửa chữa định kỳ, đội ngũ vận hành sẽ được đào tạo tiếp cận với từng danh mục công việc, nghiên cứu và tham khảo thêm từ các đơn vị cùng ngành đi trước. Thường xuyên tổ chức và tham gia các cuộc thi nâng cao tay nghề, xử lý các tình huống giả định phù hợp với yêu cầu vận hành thiết bị nhà máy, đảm bảo công tác vận hành nhà máy luôn ổn định, an toàn và đạt hiệu quả kinh tế.
- Đối với đội ngũ văn phòng: Các chương trình đào tạo năng lực cho từng cá nhân được chú trọng để bồi dưỡng nguồn nhân lực chất lượng cao. Điều này giúp cho mỗi CBCNV tự định hướng được năng lực của mình và chủ động trong việc tự học, tự đào tạo phát triển, nâng cao chuyên môn nghiệp vụ của bản thân.

Nguồn nhân lực sau đào tạo ở tất cả các lĩnh vực sản xuất kinh doanh đều đáp ứng tốt các yêu cầu công việc đặc biệt là đội ngũ vận hành, kỹ thuật của công ty; nhờ vậy toàn bộ CBCNV đã trưởng thành và có trình độ cao vận hành nhà máy điện Nhơn Trạch 2 an toàn, hiệu quả, kinh tế và tiết kiệm nhất.

17.2 Số giờ đào tạo

NT2 đã triển khai kịp thời các khóa tập huấn, cập nhật cho CBCNV về các nội dung, văn bản mới của Luật Lao động, Luật Doanh nghiệp, Luật Đầu tư sửa đổi, Luật chứng khoán... Giá trị thực hiện năm 2025 là 284,58 triệu đồng với 98 lượt học viên.

Stt	Các khóa đào tạo	Số lượt học viên	Số tiền (Tr.Vnd)
I	Đào tạo về quản lý	4	21,4
1	Chương trình APC-Kế toán viên năm 2025	2	21,4
2	Nâng cao năng lực quản trị doanh nghiệp	2	
II	Đào tạo bồi dưỡng thường xuyên, cập nhật kiến thức CM/NV	94	263,18
1	Đào tạo giảng viên nội bộ	16	120
2	Tập huấn cập nhật các điểm mới, quan trọng của Bộ Luật LĐ, Luật BHXH, Luật BHYT có hiệu lực ngày 01/7/2025	3	4,74
3	Cập nhật chính sách thuế và Quản lý thuế 2025	1	0,8
4	Bồi dưỡng kiến thức về kế toán	2	7
5	Cấp đổi chứng nhận vận hành Nhà máy điện Nhơn Trạch 2	7	0

6	Thẩm định dự án đầu tư	2	9,6
7	Đào tạo các cương vị vận hành	63	121,04
III	Tổng chi phí thực hiện năm 2025	98	284,58

18 Chương trình phát triển kỹ năng người lao động

Nâng cao năng lực cho cán bộ quản lý và cán bộ thuộc diện quy hoạch công ty; cập nhật các nghị định, thông tư, hướng dẫn về công tác báo cáo tài chính, các loại thuế, chính sách, lao động tiền lương, BHYT, BHXH, Luật An toàn vệ sinh lao động... Tổ chức các lớp bồi dưỡng về chuyên môn nghiệp vụ: Chuyên đề về quản lý vận hành, bảo trì bảo dưỡng.

Tổ chức tham quan, học tập và giao lưu với các nhà máy điện trong ngành, ngoài ngành Dầu khí để học hỏi, trao đổi kinh nghiệm, thảo luận để tìm và nghiên cứu các giải pháp sáng tạo phục vụ tốt hơn trong công tác vận hành.

19 Báo cáo liên quan đến trách nhiệm đối với cộng đồng địa phương

Trong những năm qua, NT2 không những làm tốt vai trò là cò đầu của ngành điện khí, luôn hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ sản xuất kinh doanh về doanh thu, lợi nhuận, trích nộp ngân sách nhà nước, làm tròn nghĩa vụ thuế với địa phương, NT2 còn là đơn vị đi đầu trong công tác an sinh xã hội. NT2 luôn ý thức việc thực hiện tốt công tác an sinh xã hội, đền ơn đáp nghĩa. Đó là một trong những nhiệm vụ chính trị quan trọng đối với doanh nghiệp.

- Lãnh đạo công ty luôn quan tâm chăm lo mọi mặt đời sống vật chất tinh thần của tập thể CBCNV, tạo điều kiện thuận lợi để CBCNV ổn định cuộc sống như xây dựng khu nhà ở công vụ khang trang, đầy đủ cơ sở vật chất, khu phức hợp thể thao, là nơi an cư của đa số CBCNV cùng gia đình tại Đồng Nai.
- Thực hiện thăm hỏi tặng quà thân nhân gia đình CBCNV khi ốm đau, hoạn nạn hoặc gặp khó khăn...
- Tặng quà cho các hộ nghèo đón Tết Nguyên đán của 4 xã: Phước Khánh, Phước An, Vĩnh Thanh và Long Thọ.

Có thể nói những nỗ lực của NT2 trong những năm qua về công tác tác an sinh xã hội là nét đẹp văn hóa đầy tính nhân văn cao cả và cũng là truyền thống của thể hệ lãnh đạo và CBCNV công ty. An sinh xã hội đã góp phần mang lại những thành công nhất định trong việc hỗ trợ công tác xóa đói giảm nghèo và đền ơn đáp nghĩa, nhiều xã thuộc địa phương sau khi có sự hỗ trợ của NT2 đã thay đổi diện mạo, đời sống vật chất, văn hóa tinh thần của các hộ nghèo được cải thiện và nâng cao rõ rệt. Năm 2025, NT2 đã đóng góp ngân sách nhà nước 207,65 tỷ đồng, đóng góp an sinh xã hội 2,58 tỷ đồng.

VII. BÁO CÁO TÀI CHÍNH

1. Ý kiến kiểm toán

Ý kiến của Kiểm toán viên – Công ty TNHH Deloitte Việt Nam:

“Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2025, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính”.

2. Báo cáo tài chính được kiểm toán

Báo cáo tài chính đã được kiểm toán cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025 như phụ lục đính kèm.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐIỆN LỰC DẦU KHÍ NHƠN TRẠCH 2
NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT



GIÁM ĐỐC
Ngô Đức Nhân

PVPOWER NHON TRACH 2 JOINT STOCK COMPANY



ANNUAL REPORT 2025



MỤC LỤC

THE CHAIRMAN AND THE DIRECTOR'S MESSAGE.....	7
VISION, MISSION, CORE VALUES	9
1. Vision.....	9
2. Mission	9
3. Core Values	9
I. COMPANY OVERVIEW.....	9
1. General information.....	9
2. Establishment and development process	10
3. Business lines and locations of the business.....	12
3.1 Business lines	12
3.2 Locations of the business.....	12
4. Information about governance model, business organization and managerial apparatus	12
4.1 Information about governance model	12
4.2 General meeting of shareholders.....	12
4.3 Board of directors.....	13
4.4 Board of Supervisors.....	13
4.5 Internal audit department	13
4.6 Board of Management.....	14
4.7 Functional departments and operating workshop.....	14
4.8 Organizational chart.....	15
4.9 Subsidiaries, associated companies.....	16
5. Development orientations	16
5.1 Main objectives of the company.....	16
5.2 Development strategies in medium and long term	17
5.3 Sustainable development objectives.....	18
5.3.1 Objectives for the community and society	19
5.3.2 Objectives and responsibilities for employees.....	19
5.3.3 Objective, responsibilities for community and society	19
5.4 Key programs related to the company's short-term and medium-term objective	20
5.5 Environmental protection and energy saving work.....	20
5.5.1 Environmental protection and energy saving regulations.....	20
5.5.2 Environmental Protection Work.....	21
5.5.3 Energy Saving.....	22
6. Risks that may affect company operations	23
6.1 Specific risks	23

6.1.1	Risks related to input materials	23
6.1.2	Exchange Rate Risk.....	24
6.1.3	Competition risk	24
6.2	Economic Risk	25
6.3	Policy and Legal Risks.....	25
6.4	Stock Price Volatility Risk.....	26
6.5	Environmental Risks	26
II.	OPERATION IN THE YEAR	26
1.	Situation of production and business operations	26
2.	Organization and Human Resource.....	33
2.1	Board of Directors	33
2.1.1	Members of the Board of Directors	33
2.1.2	Curriculum Vitae of the Members of the Board of Directors	33
2.2	Board of Management.....	34
2.2.1	Members of the Board of Management.	35
2.2.2	Curriculum Vitae of the members of the Board of Management.....	35
2.3	Board of Supervisors.....	36
2.3.1	Members of the Board of Supervisors	37
2.3.2	Curriculum Vitae of the members of the Board of Supervisors.....	37
2.4	Changes in the Board of Directors, Board of Management, and Board of Supervisors in 2025.	38
2.5	Number of employees and workforce structure	38
2.5.1	Number of employees	38
2.5.2	Workforce structure.....	39
3.	Investment situation and implementation of major projects.....	39
4.	Financial situation	39
4.1	Key Financial situation indicators.....	39
4.2	Key financial indicators	40
5.	Shareholder structure and changes in owner's equity	41
5.1	Stocks.....	41
5.2	Shareholder structure.....	41
5.2.1	By ownership percentage.....	41
5.2.2	By type of shareholders	42
5.3	Change in owner's equity	43
5.4	Transaction of treasury stocks.	43
5.5	Number of treasury stocks: 0 stocks.....	43
5.6	Other securities: No occurrence.	43
III.	REPORT AND ASSESSMENT OF THE BOARD OF MANAGEMENT.....	43

1.	Power Industry development overview	43
2.	Assessment of operating results	44
2.1	General Assessment.....	45
2.2	Key highlights contributing to the achievements in 2025.....	46
3.	Financial situation	47
3.1	Assets.....	48
3.2	Equity Capital	49
3.3	Debt Payable.....	49
3.4	Profitability.....	49
4.	Improvements in organizational structure, policies, and management.....	49
4.1	Enhancing the capacity of the Internal Audit Department.....	49
4.2	Enhancing business planning and production management	49
4.3	Research, Application, and Development of Technology and Engineering.....	50
4.4	Implementation of ISO 14001 and ISO 45001 in Business and Production Operations	51
4.5	Implementation of Shift-Based Operations	51
5.	Future Development Plans.....	51
5.1	Business and Production Plan for 2026.....	51
5.2	Business production plan for 2026-2030	52
5.3	Maintenance and Repair Plan.....	53
5.4	Investment and Development Plan	54
6.	Explanation of the Board of Management for auditor's opinions (if any)	54
7.	Assessment Report related to environmental and social responsibilities of the Company	54
7.1	Assessment of Energy-Saving Practices	56
7.2	Assessment concerning the Labor Issues	56
7.3	Assessment concerning the Corporate Responsibility for the Local Community	57
IV.	ASSESSING ACTIVITIES OF THE BOARD OF MANAGEMENT.....	58
1.	Assessments of the Board of Directors on the board of Management.	58
2.	Assessment of Board of Directors on the Board of Management performance	60
3.	Plans and orientations of the Board of Directors for 2026	61
V.	CORPORATE GOVERNANCE.....	61
1.	Board of Directors	61
1.1	Members and Structure of the Board of Directors	62
1.2	Changes in the Members of the Board of Directors and the Board of Supervisors in 2025.....	62
1.3	The Committees of the Board of Directors.....	62
1.4	Activities of the Board of Directors.....	62
1.5	Contents and Results of the Board of Directors' Meetings	63
1.6	Activities of the Board of Directors independent members.....	67

1.7	Supervision Activities of the Board of Directors over the Board of Management.....	67
1.8	Training and capacity-building programs for corporate governance.	68
2.	Board of Supervisors.....	68
2.1	Members and structure of the Board of Supervisors	68
2.2	Activities of the Board of Supervisors	68
2.2.1	Number of Meetings of the Board of Supervisors.....	68
2.2.2	Assessing activities of the Board of Supervisors	68
2.3	Report on the Working Results of the Board of Supervisors	69
2.3.1	Results of Supervising the Company's Operations and Financial Situation	69
2.3.2	Results of supervision over the members of the Board of Directors, the Board of Management, and other management personnel of the Company.	70
3.	Transactions, Remuneration, and Benefits of the Board of Directors, Board of Management, and Board of Supervisors	70
3.1	Remuneration, Rewards, and Other Benefits	70
3.2	Share Transactions by Internal Shareholders and the individuals related to the Internal Shareholders are as follows	71*
3.3	Contracts or Transactions with Subsidiaries: None.	71
3.4	Implementation of regulations on corporate governance.....	71
VI.	SUSTAINABLE DEVELOPMENT REPORT	72
1.	Overview of Sustainable Development.....	72
2.	The company's green development orientation	73
3.	Implementation solutions to sustainable development ensurance.	74
4.	Stakeholder Engagement.....	76
4.1	For Shareholders	76
4.2	For Partners	76
4.3	For the Government.....	76
4.4	For the Community.....	77
4.5	For the Environment.....	77
5.	The impact of greenhouse emissions on the environment:	77
6.	Management of materials.....	78
6.1.	Use of materials	78
6.2.	Recycling of materials	79
7.	Energy consumption	79
7.1	DO Gas and Diesel Oil (DO) Fuel.....	79
7.2	Electricity consumption	80
7.3	Emissions	80
8.	Water consumption	82
8.1	Water Supply Source	82

8.2	Recycled and Reused Water Volume	82
8.3	Water-Saving methods.....	82
1.1	Wastewater Treatment.....	83
9.	Waste Management.....	86
9.1	Domestic Solid Waste	86
9.2	Generated Waste	86
9.3	General Industrial Solid Waste.....	87
9.4	Hazardous Waste.....	88
10.	Noise	89
11.	Initiatives of efficiently using energy.	89
11.1	Specific Initiatives.....	89
11.2	Energy Savings Level	90
12.	Compliance with the law on environmental protection.....	90
13.	Environmental Health and Safety Policy	91
14.	Policies related to employees	91
15.	Number of Employees and Average wages of workers.....	94
15.1	Number of Employees:.....	94
15.2	Average Wages of Workers	94
16.	Labor policies to ensure health, safety and welfare of workers.....	94
17.	Training Programs and Training Hours.....	98
17.1	Training Programs.....	98
17.2	Training Hours.....	99
18.	Employee Skill Development Program	100
19.	Report on responsibility for local community	100
VII.	FINANCIAL STATEMENT.....	101
1.	Auditor's opinions.....	101
2.	Audited financial statements	101
	The Audited financial statements for the fiscal year which ended december 31 st , 2025	
	attached as an appendix.....	101

THE CHAIRMAN AND THE DIRECTOR'S MESSAGE

Dear Shareholders, Investors, and Partners

The year 2025 marked an encouraging milestone for PetroVietnam Power Nhon Trach 2 Joint Stock Company under the guiding principle of “Safe production, steady progress”; the Company not only successfully fulfilled its production and business tasks but also reaffirmed its important role in ensuring national energy security. The achievements attained over the past year are the result of the relentless efforts of a committed and responsible collective with a strong aspiration to contribute, overcoming difficulties and challenges.

In 2025, the global and regional economic context remained fraught with uncertainties: prolonged geopolitical conflicts, volatility in energy prices, together with internal challenges of the power sector—particularly the decline in natural gas supply and the rapid expansion of renewable energy sources—exerted significant pressure on the production and business operations of gas-fired power enterprises in Viet Nam. With its internal strengths and accumulated experience, NT2 entered 2025 with a proactive, steadfast, and flexible mindset, as the Company's Leadership determined that difficulties are not only challenges, but also a test of the enterprise's governance, management capability, and internal resilience.

Under the close guidance of the Board of Directors, the decisive leadership of the Board of Management, and the unity and sense of responsibility of all employees, NT2 implemented a series of key measures in a coordinated manner: proactively monitoring developments in the electricity market; formulating flexible bidding strategies tailored to each period; optimizing the operating plans of generating units; reasonably adjusting maintenance and repair schedules; while strictly controlling production and business costs, ensuring safe operations, and maintaining an appropriate cash flow balance. These measures enabled the Company to effectively seize market opportunities, mitigate adverse impacts from input factors, and enhance overall operational efficiency.

By the end of 2025, NT2 recorded remarkable growth in its production and business performance. Power output reached 3,117.5 million kWh, total revenue amounted to 8,132.85 billion VND, and notably, profit after tax reached 1,130.28 billion VND, reaching 405.47% of the plan and increasing sharply compared to the previous year. These results are not only impressive in financial terms, but also serve as clear evidence of NT2's governance capability, adaptability, and the unity and cohesion of its workforce amid a volatile market environment.

In parallel with ensuring business efficiency, NT2 consistently fulfilled its obligations to the State, shareholders, and the community. In 2025, the Company paid 207.65 billion VND to the State budget and distributed a 15% cash dividend with a total value of 431.810 billion VND to shareholders. Social welfare activities, employee care, and community-oriented initiatives continued to be implemented in a practical manner, demonstrating the Company's sense of corporate social responsibility.

Over more than 18 years of formation and development, NT2 has supplied over 60.48 billion kWh of commercial electricity to the national power system, affirming its role as one of the efficient

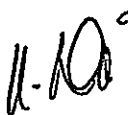
and reliable combined-cycle gas power plants within Viet Nam's power system. Being honored among the Top 100 Sustainable Enterprises, Top 500 Largest Enterprises in Viet Nam, Outstanding Enterprise for Employees, and other prestigious titles in 2025 serves as recognition of the Company's persistent efforts throughout its development journey.

Entering the next phase, Viet Nam's economy is expected to continue its recovery momentum, with electricity demand rebounding and the roadmap for a competitive electricity market becoming increasingly clear. Building on the results achieved in 2025 under the theme "safe production, steady progress." NT2 will take a pioneering role, closely following developments in the electricity market, fully preparing the necessary conditions to participate effectively in the competitive wholesale electricity market, while focusing on enhancing governance capacity, optimizing operations, and pursuing sustainable development. We firmly believe that, with internal strengths forged over many years, transparent financial management, a capable and united workforce, together with the trust and continued support of our valued shareholders, investors, and partners, NT2 will continue to develop steadily, successfully fulfill the objectives assigned by the General Meeting of Shareholders, deliver long-term value to shareholders, and make positive contributions to the overall development of the power sector and the national economy.

On this occasion, on behalf of the Board of Directors and the Board of Management of the Company, we would like to sincerely thank our esteemed shareholders, investors, and partners for their trust, support, and companionship throughout the past period; and wish you good health, happiness, and success.

Respectfully yours.

CHAIRMAN



Uông Ngọc Hải

DIRECTOR



Ngô Đức Nhân

VISION, MISSION, CORE VALUES

1. Vision

PVPower NT2 Joint Stock Company strives to become the leading independent power generation company in the Vietnamese electricity market.

2. Mission

- Ensuring stable, safe, efficient and environmentally friendly electricity supply.
- Improving staff's skill and mastering technology.
- Create sustainable values for customers and shareholders.

3. Core Values

NT2 becomes a mark of friendliness, efficiency and safety.

- **Friendliness:** Environmentally - friendly technology; friendly cooperation and behavior; To create and develop the brand and cultural identity of enterprises with the spirit of building the company to become a "common home" for employees and a reliable investment address for shareholders.
- **Efficiency:** Focusing on core activities, ensuring efficient production and business, streamline organizational structure, practice savings, seek investment opportunities, bring practical and sustainable results to the company and shareholders.
- **Safety:** Ensure the factory operates stably in order to avoid machinery, equipment and human incidents; staffs are fully trained environmental health and safety knowledge.

I. COMPANY OVERVIEW

1. General information

- Company's name: PetroVietNam Power Nhon Trach 2 Joint Stock Company
- Giấy CNĐKDN: số 3600897316 đăng ký lần đầu ngày 20/06/2007, đăng ký thay đổi lần thứ 13 ngày 21/9/2022.
- Business registration certificate: No. 3600897316, first registered certificate was on June 20, 2007 and 13th registeredly changed on June 10th, 2022.
- Charter capital: 2,878,760,290.000 Vietnam Dong (VND).
- NT2's equity at the end of December 31st, 2025: 4,859.40 billion Vietnam Dong (VND).
- Address: PetroVietnam Power Center, Dai Phuoc commune, Dong Nai province.
- Phone number: (0251) 2225 899
- Fax number: (0251) 2225 897
- Website: www.pvpnt2.vn
- Stock code: NT2.

2. Establishment and development process

2007

- Nhon Trach 2 Petro Vietnam Power Joint Stock Company was established On June 15th, 2007.

2008

- The launching ceremony of emulation for groundfilling work of Nhon Trach 2 Power Plant was held on september 4th, 2008.

2009.

- Former President - Nguyen Minh Triet who pressed the button of groundbreaking of the Nhon Trach 2 Power Plant project on June 27, 2009,

2010

- NT2's shares were officially traded on the UPCoM stock exchange on January 22nd, 2010.
- This is first time NT2 has generated electricity to the national grid since December 31st, 2010.

2011

- NT2 Combined cycle power plant that was generated and commercially operated, exceeded the total schedule of 45 days on october 16th, 2011.
- The inauguration ceremony of Nhon Trach 2 Power Plant was held and received the Third Class Labor Medal on November 12th, 2011.

2012

- NT2 won the "Asian gold award for Fastest built Power Plant" awarded by the Asian Electricity Association in october 2012.

2013:

- NT2 was honored to sign one of the 10 typical youth projects in the period 2007-2012 on January 28, 2013.
- NT2 reached the electricity output of 10 billion kWh on september 25th, 2013.

2014

- NT2 signed an official electricity trading contract with the Electricity power trading company (EPTC) on May 28th, 2014.

2015

- NT2 was awarded the listing decision and celebrated the official trading day of NT2's shares at HoSE on June 12th, 2015.
- NT2 reached the electricity output of 20 billion kWh on october 11th, 2015.

2016

- NT2 was honored to receive The Second Class labor medal on november 12th, 2016.

2017

- NT2 power plant's major inspection that was completed 6 days ahead of schedule, NT2's capacity increased by 24 MW on October 3, 2017.
- NT2 reached the electricity output of 30 billion kWh on October 26th, 2017.

2018

- NT2 was honored as Top 50 best listed companies in Vietnam voted by Forbes on June 14th, 2018.

2019

- On August 9th, 2019, NT2 received award of top 3 Midcap enterprises with the best IR activities in 2019.
- NT2 received the award of Top 10 Sustainable Enterprises in Vietnam on November 27th, 2019.
- NT2 reached the electricity output of 40 billion kWh on November 13th, 2019.

2020

- NT2 power plant's central inspection that was completed 32 days ahead of schedule on October 21st, 2020.
- NT2 received the award of Top 10 ASEAN Strong Brands 2020 on December 5th, 2020.
- NT2 received the award of Top 100 Sustainable Enterprises in Vietnam on December 10th, 2020.

2021

- NT2 received the award of Top 100 Sustainable Enterprises in Vietnam on December 09th, 2021.
- NT2 received the award of Top 500 largest enterprises in Vietnam on December 30th, 2021.

2022

- NT2 reached the electricity output of 50 billion kWh on July 12th, 2022.
- NT2 received the certificate of outstanding enterprise for employees on November 16th, 2022.
- NT2 received the award of Top 100 Sustainable Enterprises in Vietnam on December 01th, 2022.

2023

- NT2 power plant's major inspection that was completed at 100k EOH on November 02nd, 2023.
- NT2 received the award of Top 100 Sustainable Enterprises in Vietnam on December 13th, 2023.

2024

- NT2 received the certificate of outstanding enterprise for employees on June 25th, 2024.

- NT2 received the award of Top 100 Sustainable Enterprises in Vietnam on November 29th, 2024.
- NT2 received the award of Top 500 largest enterprises in Vietnam on January 08th, 2025.

Năm 2025

- NT2 received the certificate of outstanding enterprise for employees on August 15th, 2025.
- NT2 received the award of Top 100 Sustainable Enterprises in Vietnam on December 05th, 2025.
- NT2 received the award of national Golden brand 2025 on November 01st, 2025.
- NT2 gained 60 billion kWh on November 13th, 2025.

3. Business lines and locations of the business

3.1 Business lines

- Production, transmission and distribution of electricity.
- Management and investment in construction and operation of electrical projects.
- Importing fuel and exporting materials and spare parts for electricity production and trading.
- Providing commercially technical services in the field of electricity production and trading.
- Training human resources on operation management, maintenance and repair of thermal power projects.

3.2 Locations of the business

- NT2 is located at PetroVietnam Power Center, Dai Phuoc commune, Dong Nai province.

4. Information about governance model, business organization and managerial apparatus

4.1 Information about governance model

General meeting of shareholders

- Board of Directors: 04 members including: 01 chairman of the Board of directors and 03 members of the Board of Directors (including 01 independent member of the Board of directors).
- : 03 members Board of Supervisors, including 01 head of the Board of Supervisors and 02 controllers.
- Board of management: 05 members, including 01 Director, 03 Deputy directors and 01 Chief accountant.
- Functional departments and operational workshop.

4.2 General meeting of shareholders

The General Meeting of Shareholders that includes all shareholders with voting rights, is the highest decision rights of NT2. The general meeting of shareholders is annually held once a year and within 04 months from the end of the fiscal year. The general meeting of shareholders is responsible for approving the company's development orientation; Electing, dismissing, and cancelling members of the Board of Directors and members of the Board of Supervisors; approving annual financial reports; determining to amend and supplement the company's charter; Reviewing and handling violations by the Board of Directors and that cause damage to the company and shareholders; Electing, dismissing and cancelling members of the Board of Directors and members of the Board of Supervisors; implementing other rights and duties according to the provisions of law and the company's charter.

4.3 Board of Directors

The Board of Directors is the company's management agency with the right to represent for NT2 to make decisions and exercise the rights and obligations of NT2, except for the rights and obligations under the authority of the General meeting of shareholders. The Board of Directors exercises the following rights and duties:

- Deciding on the company's strategy, medium-term development plan and annual business plan.
- Proposing the types of shares and the total number of shares authorized to be offered for sale of each type.
- Deciding on investment plans and investment projects within the authority and limits prescribed by law.
- Deciding on the company's organizational structure, internal management regulations, deciding on the establishment of subsidiaries/branches, representative offices and contributing capital to purchase shares of other enterprises.
- Submitting audited annual financial statements to the general meeting of shareholders
- Implementing other rights and duties according to the provisions of law and NT2's charter.

4.4 Board of Supervisors

The Board of Supervisors (BOS) that is voted by the General meeting of Shareholders, represents shareholders to supervise the Board of directors and the Board of Management in the management and operation of the company and is responsible under the General meeting of shareholders. The Board of supervisors has the right and obligation to propose and recommend that the General meeting of shareholders approve the list of audit organizations accepted to audit NT2's financial statements, decide on audit organizations inspect the company's activities, and dismiss approved auditors if it is necessary. The Board of Supervisors is responsible to shareholders for its supervision activities. The Board of Supervisors performs other rights and duties according to the provisions of law and NT2 charter.

4.5 Internal audit department

The internal audit department performs internal audits with a scope of work including:

- Providing assurance via checking and evaluating the adequacy and effectiveness of governance, risk management and internal supervision to help NT2 achieve its strategic, activities, compliance and financial goals.
- Providing analysis and recommendations based on the evaluation of the company's data and processes.
- Providing independent and objective advice and recommendations, performing consulting activities related to governance, risk management and internal supervision that appropriated to the company.
- Conducting pre-audits, concurrent audits and post-audits after implementing projects and business plans of audited departments/units to evaluate the work objectively and avoid deficiency and deviations, and ensure business is performed in accordance with regulations.
- Advising the company in selecting and controlling the use of independent auditing services to ensure savings and efficiency.
- Checking and evaluating specific activities as required by the Board of Directors and the Board of Management of NT2.

4.6 Board of management

NT2's Board of Management includes: Director, 03 Deputy directors and Chief accountant who appointed by the Board of Directors. Director who executes all investment, production and business activities of the company, is responsible to the Board of Directors and the General meeting of shareholders for all his decisions related to the company's production and business activities. The Deputy directors and Chief accountant assist the director to manage all activities, specifically:

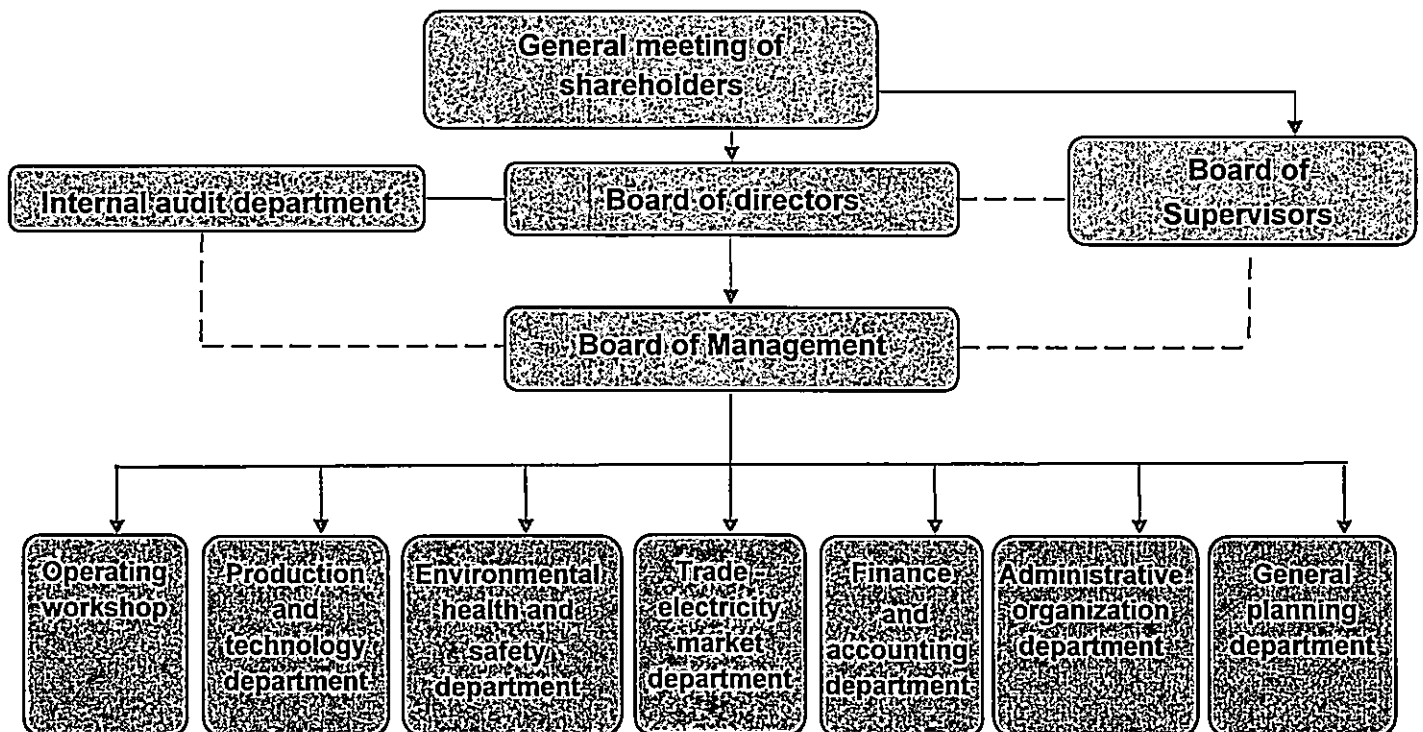
- Deciding on issues related to NT2's daily business that are not under the authority of the Board of Directors.
- Implementating the resolutions and decisions of the Board of Directors.
- Implementating of NT2's business plan and investment plan.
- Proposing the organizational structure and internal management regulations of NT2.
- Appointing, dismissing, and getting rid of management positions in the company, except for positions under the authority of the Board of Directors.
- Implementating other rights and duties as prescribed by law and NT2's charter.

4.7 Functional departments and operating workshop

NT2 has 06 functional departments and 01 operating workshop: Administrative organization department, Finance and accounting department, General planning department, Production and technology Department, Trade - electricity market Department, Environmental health and safety department and Operating workshop. The functional departments have been assigned tasks, specifically:

- Making goals, development strategies, long-term, medium-term and short-term plans of the company.
- Developing regulations, rules and documents on issues within the functions and tasks of departments/operating workshop.
- Solving works within the tasks and authority of departments/operatingworkshop; proposing the implementation of issues within the functions/tasks of the department/operating workshop.
- Analyzing, synthesizing, updating information and evaluating the company's activities periodically and/or following the request of the company's leaders.
- Participating in coordinating with the related departments/operating workshop to resolve issues within the functions/tasks of the department/operating workshop. All works are proactively resolved by the department/operating workshop and asked for opinions from related departments/operating workshop if it is necessary or following the request of the company's leaders.

4.8 Organizational chart



4.9 Subsidiaries, associated companies

- Production and business fields of subsidiaries and associated companies: Currently, NT2 does not have any subsidiaries or associated companies.
- Ownership ratio in subsidiaries and associated companies: NT2 does not have any subsidiaries or associated companies.
- activities and financial situation of subsidiaries and associated companies: Not mentioned because NT2 does not own subsidiaries and associated companies.

5. Development orientations

5.1 Main objectives of the company

5.1.1 Strategic and Market Objectives

- To ensure become a reliably stable and safe power plant, contributing to ensuring energy security and serving the country's social-economic development
- Developing the company to become a reliable electricity supplier and producer that have the capacity to compete within the national power grid.
- Closely following the electricity market, searching for large consumers, and preparing conditions to participate in the competitive wholesale electricity market.

5.1.2 Financial and Growth Objectives

- Ensure sustainable growth to maximize profits, bringing benefits to the company and shareholders.
- Fulfilling all obligations to pay to the state budget and have transparent and clear finances.

5.1.3 Objectives of corporate governance

- Improving management to create clear changes and enhancing NT2's image and brand.
- Promoting the movement to promote initiatives and improve science and technology that applied to production practice.

5.1.4 Resource Development Objectives

- Building a professional work environment and improving the income and benefits of employees.
- Focusing on in-depth human resource training, strengthening training courses in technical skills, operations, and the competitive electricity market

5.1.5 Cultural, social, and sustainable development Objectives

- Building a strong, unified corporate culture that is aligned with the company's core values
- Fulfilling all obligations to pay taxes to the state budget.
- Being responsible to the community and society and building a sustainable business.

5.2 Development strategies in medium and long term

The forecasts for the period 2026-2030 indicate that the geopolitical and economic situation globally and regionally will remain complex and unpredictable. International financial and foreign exchange markets will be volatile, with conflicting monetary policies among major economies; maritime and territorial disputes will become more complex, threatening regional peace and stability; and crude oil prices will continue to fluctuate, impacting production and business activities. The internal strength of the economy has improved significantly, with new economic models such as digital transformation, green transformation, circular economy, and emerging industries like chip and semiconductor manufacturing recovering and developing. However, difficulties and challenges remain, such as: domestic enterprises still face many difficulties in production and business; private sector investment and purchasing power are recovering slowly; domestic and foreign competition pressures lead to pressure on credit and bad debts; natural disasters, epidemics, climate change... could have a significant impact on the economy. Especially in 2025, widespread natural disasters like storms and floods will significantly affect the economy in the coming years.

NT2 still faces many challenges, including gas shortages and the increasing use of renewable energy sources, which affect the company's production and business operations. However, thanks to stable plant operation and a reasonable pricing strategy, NT2 is expected to achieve favorable business results in 2025. NT2 that remains steadfastly focused on the core value of electricity production and trading, without spreading investment. After 18 years of development, we have made every efforts to strive to complete the set goals, closely - following the company's development strategy. NT2 strives to be a leading company in the field of Electricity and a reputable unit in the national electricity system. NT2 sets out a development strategy within 05 years and over 05 years that is flexible in each stage and closely follows the set goals.

Energy development must be associated with the country's socially-economic development strategy and ensuring to go ahead at high speed, sustainability, and synchronization, being suitable with diversification of energy sources and technology. Energy saving is a key task during the period of industrialization and modernization of the country.

Enterprise development must be carried out in accordance with the Party and State's socially-economic development policies and PetroVietnam's planning strategy which approved and take full advantage of support from PVN/PV Power.

Electricity is one of the important foundations for national economic development. Must uphold the sense of responsibility to ensure a stable, reliable power source, competitive and reasonable price in order to ensure the interests of shareholders in particular and national interests in general. Focusing on human resource development, cost savings, and implementing tasks to achieve optimal efficiency in production and business.

Promoting and using the most of all available resources to focus on electricity production to increase productivity and economic efficiency for the company, ensuring the benefits of shareholders in particular and national benefits in general.

Continuing to seek new investment and development opportunities through optimal use of available resources, promoting the strengths of infrastructure, capacity and experience of NT2.

Actively and proactively participating in the competitive electricity generation market and being ready to participate in the competitive electricity wholesale and retail market according to the developing roadmap of electricity market I in Vietnam.

NT2 develops targets for the period 2026-2030 as follows:

No	Target	Unit	Quantity	Note
1	Electricity output	Million kWh	14,600	
2	Gas volume	Million Sm3	2,806	
3	Total revenue	Billion VN dongs	34,960	
4	Total cost	Billion VN dongs	32,515	
5	Profit before tax	Billion VN dongs	2,444	

5.3 Sustainable development objectives

When the economy is developing, the issue of sustainable development is increasingly promoted to ensure balance and comprehensiveness. Especially, the environmental problem is crucially concerned because the more industry develops, the more the environment is threatened with pollution. And above all, responsibility to the community, concern for human life, in which the life of employees is guaranteed. NT2 implements sustainable development according to the CSI index, dividing the assessment system according to the production sector; assessing economic, environmental and social indicators. The CSI index records adjustments and updates to new contents related to international commitments and important changes in the domestic legal framework, with 153 indicators of comprehensive aspects: economic efficiency - corporate governance - society - environment.

Recognizing the importance of sustainable development, throughout the production and business process, NT2 always creates the best conditions for people around the factory area, constantly implementing social security policies to promote and create better conditions for the community. In addition, NT2 also creates conditions for the local workforce to have stable jobs at the factory, improving the lives of people in the area. During the development process, NT2 aims for the following specific objectives:

- Using clean fuel to limit emissions in order to contribute to protect the environment.

- Improving the lives of employees and regularly implementing social security in the locality.
- Developing renewable energy to protect the environment.
- Operating the factory stably and effectively to contribute to the economic development of the country and the region.
- Regarding sustainable development objectives, NT2 focuses on the following contents:
 - Production and environmental objectives.
 - Objectives for employees.

5.3.1 Objectives for the community and society

NT2 focuses on producing electricity and also protecting the environment:

- Producing electricity with clean raw materials, contributing to environmental protection according to the industry's development orientation, State policies and general world trends, ensuring sustainable energy development.
- Investing in modern and advanced technology in order to save energy in production and business activities while ensuring the general environment for the entire society.
- Persisting in the objective of maintaining operations, moving towards safe and sustainable development, protecting investor and shareholder interests.
- Save energy.
- Building the NT2 brand in accordance with the motto "Friendly - Effective - Safe".
- Promoting environmental health and safety, preventing serious incidents from occurring; reducing greenhouse emissions.
- Information transparency.
- Ensure social security.

5.3.2 Objectives and responsibilities for employees

Labor resources are always an important factor that determining the success of a company. Understanding the great role of employees, the company's leaders pay special attention to:

- Focusing on human resource development.
- Strengthen specialized training and professional skills for employees.
- Focusing on labor, salary and policies for employees.
- Implementing policies correctly for employees such as salary, bonus, social insurance, health insurance, and other insurance.
- Coordinating with Trade Union and Youth Union organizations to launch cultural and sports movements for all employees of the company.

5.3.3 Objective, responsibilities for community and society

In addition to effective production and business, NT2 is responsible for the community. NT2 has contributed VND 3,872.84 billion to the state budget, of which VND 207.65 billion in 2025. Implementing social security work is VND 40.13 billion, of which VND 2.58 billion in 2025. Through social security works, NT2 reaches out to the community

and society as a commitment of NT2 that this work will be continuously implemented in the following year.

NT2 organizes practical activities and propagates to each employee of the company. Each NT2's employee is deeply aware of the spirit of mutual love for difficult circumstances via specific actions as follows:

- Supporting the PetroVietnam mutual fund by organizing and participating in working overtime and supporting working days.
- Supporting people who affected by natural disasters and floods by participating in working overtime and supporting working days.
- Supporting the construction of schools in disadvantaged areas.
- Supporting some poor households in Nhon Trach district, Dong Nai province.
- Supporting people in storm and flood areas.
- Participate in the humanitarian blood donation program.
- Paying fully the state budget.

5.4 Key programs related to the company's short-term and medium-term objective

- Focusing on operating Nhon Trach 2 Power Plant stably and safely.
- Actively and proactively participating in the competitive electricity market and be ready to participate in the competitive wholesale and retail electricity market according to the development roadmap of the Vietnamese electricity market.
- Seeking opportunities that cooperate based on available resources, promoting the strengths of infrastructure, capacity and experience of the company's employees.
- Developing proactively a reasonable pricing strategy in the electricity market to achieve the highest efficiency.
- Improving the work of building production and business plans.
- Strengthening technical and operational management.
- Strengthening occupational safety, hygiene and fire fighting prevention.
- Strengthening relations with shareholders.
- Strengthening material management.
- Strengthening training and human resource development.
- Promoting research, application of science and technology and promoting technical innovation initiatives.
- Focusing on developing environmental technology, clean technology, new energy technology.
- Practicing saving, fighting waste.
- Implementing social security work well.

5.5 Environmental protection and energy saving work

5.5.1 Environmental protection and energy saving regulations

The law on Environmental protection also defines: "Sustainable development that meets the needs of the present generation without compromising the ability of future generations on the basis of a close and harmonious combination of economic growth,

social progress ensuring and environmental protection”. This is a general definition that is highlighting the most important requirements and objectives of sustainable development, is suitable for the conditions and situation in Vietnam.

Environmental protection is always a hot issue in international forums. Vietnam's economy and industry are increasingly developing, thus sustainable development is increasingly concerned. NT2 produces and trades electricity, thus always focusing on sustainable development, especially environmental protection and energy saving. NT2's sustainable development activities are more meaningful when linked to production and business activities.

NT2 emphasizes environmental protection and energy saving. Environmental protection activities that are throughout the production and business process are always maintained and continuously improved by NT2. NT2 always maintains environmental management, strictly complies with the provisions of the law on environmental protection, applies modern production technology, controls and treats emissions, and raises awareness of all employees in environmental protection issues. Every year, NT2 coordinates with competent units to organize inspections and prepare reports on the implementation of the annual plan on economical and efficient use of energy for the company.

5.5.2 Environmental Protection Work

Environmental protection work is always carried out in strict compliance with regulations. NT2 assigns specific responsibilities within the Board of Management and functional departments/operating workshops related to environmental matters. The company collaborates with consulting units to conduct surveys, monitor air quality, emissions, wastewater, surface water, and prepare the 2025 environmental protection report.

Officers and engineers of the Safety, Health, and Environment Department possess professional qualifications and experience in environmental management. The company has issued an Environmental, Health, and Safety (EHS) policy, an EHS handbook, and related guidelines on environmental protection to ensure uniform application across the company.

The 2025 environmental monitoring results were conducted to assess the quality of the working environment. Environmental inspection and supervision are always a priority to track changes in environmental quality and implement measures to mitigate and address negative environmental impacts.

Always comply with regulations and laws on environmental protection.

Regularly provide environmental status data of NT2 to regulatory authorities as required.

NT2 complies with environmental protection laws and possesses all relevant legal documents:

The environmental impact assessment report for the Nhon Trach 2 Combined Cycle Power Plant approved by the Ministry of Natural Resources and Environment under Decision No. 132/QĐ-BTNMT dated January 22, 2008.



Environmental permit No. 44/GP-BNNMT dated April 3, 2025, was issued by the Ministry of Agriculture and Environment.

Surface water extraction and usage permit No. 381/GP-BTNMT, issued and renewed for the first time by the Ministry of Natural Resources and Environment on September 27, 2024.

Contract for the collection, transportation, and treatment of hazardous waste and general industrial waste No. 51/NT2.ATSKMT – VINAUSEN/2025/DV, dated July 30, 2025.

Contract for the collection, transportation, and treatment of domestic waste No. 48/NT2.ATSKMT-HTXLONGTHO/2025/DV, dated 2025.

5.5.3 Energy Saving

a. Lighting System Energy Usage

The company's energy demand for the lighting system is substantial. The lighting system is installed across Nhon Trach 2 Power Plant, the operational area, the administrative building, and the surrounding premises. To maximize energy savings while ensuring sufficient illumination for efficient work, the entire plant's lighting system is regulated using timers and light sensors. These control devices are programmed according to seasonal conditions to optimize energy savings while maintaining appropriate lighting levels. The company has instructed all departments and employees to practice energy conservation and minimize waste. Office spaces maximize the use of natural daylight during the day to reduce energy consumption. Light switches in office workspaces, hallways, and control rooms within the building are arranged in separate groups, allowing selective activation based on actual usage needs.

b. Solution for Transitioning to LED Lighting

The lighting system has been replaced with new energy-efficient technology. The design and arrangement of the lighting system have been optimized to achieve maximum energy savings.

Energy savings efficiency in 2025:

No.	Content	Unit	Value
1	Daily Electricity Savings	kWh	1.340
2	Annual Lighting Duration	Day	365
3	Annual Electricity Savings	kWh	489.100
4	Average Electricity Price	VND/kWh	2.200
5	Total Savings in 2025	VND	1.076.020.000

Energy Saving Results

In 2025, the global economy, including Vietnam, continued to face difficulties due to

supply chain disruptions caused by war, low electricity demand, and high gas prices. However, NT2 always operates safely, steadily progresses, and achieves a successful year. From the beginning of the year, NT2's leaders directed the development and implementation of comprehensive cost-saving and waste reduction measures across all departments and operational units. The total savings and cost reductions achieved in 2025 amounted to VND 90.67 billion, contributing significantly to the company's profitability target. Cost-saving efforts included reducing expenses on raw materials, equipment, construction investments, and administrative costs. All financial transactions and accounting activities were strictly carried out in compliance with legal regulations.

The implementation of cost-saving measures is periodically assessed through planning workshops to ensure timely adjustments and strict execution.

NT2 has proactively researched and thoroughly applied waste reduction practices in energy use, issuing energy management regulations and policies, preparing energy-saving reports, and developing energy utilization plans for different periods. Environmental issues, including risk identification, hazard assessment, and waste and emissions management, are strictly adhered to in accordance with regulations. Through inspections conducted by specialized agencies, NT2 has consistently received high evaluations for its environmental efforts and has not been found in violation of any environmental regulations. In environmental protection, NT2 emphasizes close coordination between functional departments and relevant units to achieve the best possible outcomes.

With a deep awareness of the importance of cost-saving practices, NT2 has successfully implemented various measures to prevent losses and waste, ensuring financial stability for the company and delivering optimal benefits to its shareholders.

6. Risks that may affect company operations

6.1 Specific risks

6.1.1 Risks related to input materials

The cost of raw materials is significant. For NT2, the input material prices of coal, gas, and oil are among the key factors directly affecting the company's business performance. The Nhon Trach 2 Thermal Power Plant, with a large capacity of 750 MW, primarily uses natural gas (GAS) as its main input fuel and diesel oil (DO) as a backup fuel. The cost of natural gas accounts for approximately 70% of electricity production costs. NT2's production and business operations depend on the supply of gas.

Input gas supply:

NT2 has signed a long-term Gas Sales Agreement (GSA) with PVGas for a duration of 25 years, with an annual committed gas supply of approximately 784 million Sm³ and a gas pricing policy approved by the Government. Additionally, NT2 has signed a long-term Power Purchase Agreement (PPA) with Vietnam Electricity (EVN), where the official

electricity price calculation includes all of NT2's input costs and allows the company to pass cost-related risks into the electricity selling price, including gas prices, loan interest costs, depreciation, and labor costs.

Thus, NT2's gas supply is secured by PVGas, which is responsible for sourcing and supplementing new gas supplies as existing gas fields deplete. In addition to the gas fields currently supplying NT2, new gas sources or LNG will become available in the coming years.

Although the gas supply remains stable, rising gas prices could impact the plant's production and business operations. However, NT2 employs a strategic pricing approach to increase output and maximize profits, effectively managing fuel price risks.

6.1.2 Exchange Rate Risk

Exchange rate risk arises for businesses with loans denominated in foreign currencies. The exchange rate difference for foreign currency loans includes the difference incurred during repayment within the year (realized exchange rate difference). NT2 is no longer exposed to exchange rate risks associated with the loan.

Currently, in NT2's electricity pricing structure, as well as for other gas-fired power plants, fuel costs are converted based on gas prices quoted in USD and the exchange rate applied at the invoice issuance date, as announced monthly by the gas supplier. However, since the gas price mechanism allows for a direct pass-through into the electricity selling price, the USD exchange rate fluctuations related to gas payments do not affect NT2.

6.1.3 Competition risk

The electricity industry operates in a competitive power market, where initial competition among power suppliers has emerged. Currently, electricity prices sold to EVN are calculated within a price framework set by the Ministry of Industry and Trade, which clearly defines ceiling and floor prices for each type of power plant. As a result, even if there are risks related to fluctuations in input material costs, the company's operations remain stable, ensuring a minimum level of profitability. In the long term, as more companies enter the power production and supply sector, industry competition is expected to increase. However, power plants built after NT2 generally have higher electricity selling prices. Moreover, not all power plants possess NT2's exceptional operational flexibility and strategic "golden" location in the national power grid, ensuring NT2's competitive advantage in the long run.

Once the wholesale electricity market is officially operational, NT2 will have the ability to sign direct power purchase agreements (PPAs) with multiple customers beyond EVN. In addition to electricity corporations, potential direct buyers include high-tech industrial zones, major enterprises such as SAMSUNG and HYOSUNG (250MW), Long Thành International Airport, industrial parks, and large-scale manufacturing plants. In this scenario, beyond selling electricity through EVN's spot market—where generators offer

and buyers bid—NT2 will have the flexibility to sell directly to major customers in the wholesale electricity market, thereby enhancing business efficiency and optimizing profitability.

6.2 Economic Risk

In 2025, the global economy in general and Vietnam's economy in particular will continue to be affected by geopolitical instability and prolonged conflicts in some regions, impacting supply chains, energy prices, and global trade. However, Vietnam has maintained a neutral stance, focusing on strengthening domestic economic development, enhancing international connectivity, overcoming difficulties, and promoting economic growth, with the country's GDP increasing by 8.02% in 2025.

GDP Growth: Vietnam's GDP grew by 8.02% in 2025, marking a significant increase compared to the past five years. The GDP growth rates for previous years 7.08% in 2018, 7.02% in 2019, 2.91% in 2020, 2.58% in 2021, 8.02% in 2022, 5.05% in 2023, and 7.09% in 2024. Moving into 2026, the economy shows positive signs with various support measures for businesses, increased trade activities, and an open economic environment. Macroeconomic stability, fiscal balance, and high GDP growth are expected to continue. Vietnam is set to implement strong reforms to facilitate economic recovery in the coming period.

Inflation: Core inflation in 2025 decreased by 3.31% compared to 2024. Over the past five years (from 2020 to 2024), inflation rates were as follows: 2.73% in 2019, 2.8% in 2020, 1.84% in 2021, 3.15% in 2022, 3.25% in 2023, and 3.36% in 2024. Core inflation in 2025 that was controlled at 3.31%. Despite the continued risks in the global political situation and the volatile oil and gold prices putting pressure on the overall price level, the Vietnamese government has proactively implemented monetary policy and inflation control measures. Effective inflation control has helped businesses manage costs, creating favorable conditions for production and business activities in the coming years.

Interest Rates: In 2025, deposit interest rates are expected to stabilize and slightly decrease, especially in the second half of the year as monetary policy was managed in a looser manner to support economic growth. For the Company, NT2 has fulfilled its obligations regarding foreign loans, thus eliminating risks related to interest rate and exchange rate fluctuations, contributing to minimizing financial risks and enhancing operational stability.

6.3 Policy and Legal Risks

NT2 operates under the joint-stock company model and is a publicly listed company on the Ho Chi Minh City Stock Exchange. NT2 is subject to the regulations of the Law on Enterprises, the Law on Electricity, the Law on Commerce, the Law on Securities, the Labor Code, and other relevant legal documents. The laws and sub-law documents in these fields are continuously being refined, and policy changes may occur, which could impact the company's management and production and business operations to some extent.

Legal risks in the electricity sector are not significant, as this is an industry encouraged for investment by the government. However, due to frequent changes in Vietnam's legal system regarding investment incentives, taxation, and other policies, these changes may impact the company's operations. As a joint-stock company operating under the Law on Enterprises, any legal or regulatory changes will have an effect on the company's business activities.

6.4 Stock Price Volatility Risk

The risk of NT2 stock price volatility is inevitable. Stock prices in the market are determined by supply and demand dynamics, which depend on multiple factors such as the company's performance, political and social conditions, domestic and global economic trends, as well as changes in laws and stock market regulations. Additionally, stock prices are influenced by investor sentiment. Therefore, fluctuations in the company's stock price pose a potential risk that investors should anticipate, similar to other securities.

In 2025, the stock market experienced significant fluctuations. NT2's stock price saw a slight decline due to challenging business conditions. However, over the years, NT2 has consistently paid dividends to its shareholders.

6.5 Environmental Risks

The environment is closely linked to a company's production and business operations. While certain force majeure risks are unlikely to occur, they could significantly impact the company's business activities if they do. Natural disasters such as severe storms, fires, and earthquakes could cause damage and disrupt plant operations (although the plant's design ensures resistance to earthquakes). While these risks are rare, they can lead to substantial material losses if they occur. To mitigate such risks, the company regularly purchases insurance for assets, goods, business interruption coverage, and customer-related risks.

Environmental factors such as climate change, water sources, waste management, and pandemics can all affect employee health and company operations. Therefore, NT2 has established a specialized Health, Safety, and Environment (HSE) department to oversee these matters and take proactive measures to minimize environmental risks.

II. OPERATION IN THE YEAR

1. Situation of production and business operations

1.1 Advantages and difficulties affecting production and business activities in 2025

In 2025, the Company's production and business activities faced numerous challenges: (i) Declining gas supply; (ii) Increasing input gas prices, while renewable energy sources continued to receive priority dispatch, thereby reducing competitiveness and efficiency in the power market; (iii) Delays in monthly electricity payments by EVN compared to contractual

terms, directly affecting cash flow balancing for business operations. Despite these adverse factors directly impacting business performance, the Company's Management Board proactively addressed all difficulties and exerted maximum efforts in operational management. Reasonable bidding strategies were developed to ensure stable and flexible unit operation aligned with market conditions, with key measures including: (1) Holding monthly and quarterly planning meetings integrated with electricity market operations to review performance and promptly adjust operational plans; (2) Enhancing financial efficiency and capital utilization effectiveness; (3) Strengthening plant performance management and heat rate control, while promoting practical and effective technical innovation initiatives; (4) Balancing gas allocation in accordance with operational requirements; (5) Increasing contracted capacity (Qc) from 2.13 to 3.48 billion kWh; (6) Recovering forest environmental service fees; (7) Recognizing foreign exchange differences for the period 2019–2021; (8) Adjusting minor overhaul plans to improve operational efficiency; (9) Implementing cost-saving measures to successfully exceed the 2025 profit target. As a result:

- Profit before tax reached 409.37% of the 2025 plan, equivalent to VND 1,267.96 billion, while dispatched electricity output reached only 3,117.5 million kWh (89.91% of the 2025 plan).
- Cash flow was effectively balanced to meet operational needs. The remaining 8% dividend for 2023 was paid on February 12, 2025. A 7% cash dividend from retained earnings was paid on October 31, 2025.
- State budget contributions totaled VND 207.65 billion, achieving 114.53% of the 2025 plan.
- Electricity market trading, operations, and related activities were effectively implemented, maximizing economic efficiency.
- Actual performance indicators were well controlled against approved techno-economic norms.
- Close coordination ensured sufficient fuel supply and readiness for market dispatch.
- Cost-saving initiatives achieved VND 90.67 billion in savings in 2025.

1.2 Results of business operations in 2025 are as follows:

No	Indicator	Unit	Actual performance in 2024	Planned for 2025	Actual performance in 2025	Evaluate	
						Actual performance in 2025/Planned for 2025	Actual performance in 2025/Actual performance in 2024
1	Electricity output	Million kWh	2,742.21	3,467.50	3,117.5	89.91%	113.69%

2	Total revenue	Billion VND	6,116.83	8,211.51	8,132.85	99.04%	132.96%
3	Total expenses	Billion VND	6,012.87	7,901.78	6,864.88	86.88%	114.17%
4	Net profit after tax	Billion VND	82.89	278.76	1,130.28	405.47%	1,363.53%

1.3 Assessment of key activities in 2025

1.3.1 Operations, Maintenance, and Repairs

Operation activities were ensured to be stable and reliable, meeting the requirements of the electricity market. NT2 developed flexible, reasonable, and effective operating plans closely aligned with market conditions in order to increase profits, contributing to exceeding the profit targets for 2025 in the context of significant difficulties faced by the national economy.

NT2 proactively and closely monitored the power system and electricity market, promptly grasped relevant information to formulate strategies and develop bidding plans to ensure optimal and efficient operation.

Repair and maintenance activities were regularly inspected and supervised by NT2 to meet production requirements and ensure safety for both personnel and equipment.

Maintenance work was carried out periodically in accordance with prescribed procedures, and repair activities were implemented in a timely manner to prevent incidents, ensuring the plant's safe operation, maintaining the availability of generating units to meet market dispatch requirements, and optimizing production and business efficiency.

1.3.2 Cost Planning, Management, and Savings Initiatives

Recognizing the difficulties in implementing production and business activities during the year, from the beginning of the year, the Company's Management closely monitored and strictly supervised the Company's production and business activities. On a monthly basis, the Company organized meetings on planning activities in combination with the electricity market review to examine contents, assess the level of task completion, and serve as a basis for timely implementation and adjustment of operating plans. Periodically, detailed monthly phased registration tables were calculated and developed by the Company to formulate flexible production and business operation plans aimed at achieving the highest efficiency while simultaneously reducing costs, thereby contributing to improving the Company's production and business profits.

In 2025, NT2 focused on effectively implementing preventive maintenance for production equipment, which is a critical factor in minimizing unplanned outages. In addition, the review, adjustment, and application of technical norms and cost norms delivered clear and positive results. Cost-saving and waste prevention practices were proactively implemented to achieve the most practical effectiveness in production and business operations. NT2 actively deployed and strictly complied with legal regulations on cost-

saving and waste prevention, thereby delivering tangible efficiency in production and business activities. As a result, cost savings and waste prevention in 2025 amounted to VND 90.67 billion, which made a significant contribution to the achievement of the Company's profit after tax targets for 2025.

1.3.3 Power Market Operations

In 2025, NT2's power market activities faced numerous difficulties, specifically as follows:

The power system load growth was very low, at approximately 4.5%, equivalent to only 37% of the growth forecast (12.2%) by the Ministry of Industry and Trade, and 45% of the growth rate in 2024 (when the growth reached 10.1%).

At the same time, in 2025, favorable hydrological conditions led NSMO to prioritize the dispatch of hydropower plants with lower generation costs, resulting in a very low average full market price in 2025, at approximately VND 891/kWh, which was lower than the Power Plant's average fuel cost and equivalent to 62% of the full market price in 2024 (VND 1,426/kWh).

Changes in the power source structure and load curve due to the sharp growth of renewable energy sources also had a significant impact. During daytime hours, solar power accounted for a very high proportion (peaking at 40% of the Southern region's load). Renewable energy sources are outside the competitive power market mechanism, which reduced the demand for dispatching power plants participating in the market, leading to lower market prices and a reduction in peak-cycle hours from approximately 9 hours/day to about 3 hours/day, thereby adversely affecting the Power Plant's revenue and operating efficiency.

Domestic gas supply continued to decline and was insufficient to meet peak power system demand. In 2025, gas supply in the Southeast region reached 2.6 billion Sm³, with an average daily supply of 7–8 million Sm³, equivalent to only about 40% of the designed capacity of power plants in the Southeast region (21 million Sm³/day). Including LNG, total gas supply reached approximately 13–14 million Sm³/day, meeting only 60% of the total available capacity of gas-fired power plants in the Southeast region (excluding NT3 & NT4).

Despite the numerous unfavorable conditions and challenges faced in power market activities in 2025, the Board of Management and employees of NT2 made every effort, with a proactive and decisive spirit, to effectively implement key tasks in production and business operations, thereby exceeding the after-tax profit plan for 2025

1.3.4 Contractual and Commercial Activities

Power Purchase Agreement: The monitoring and implementation of the power purchase agreement were well coordinated among the parties. Payment and collection of electricity sales proceeds were given top priority and closely coordinated for implementation. However, electricity payment by EVN/EPTC remained delayed. On 09 December 2025,

PV Power NT2 and EPTC–EVN signed Amendment No. 17 to the Power Purchase Agreement regarding the payment of forest environmental service fees.

Besides, coordination with NSMO, EPTC, EVN, and Gas suppliers was carried out in a flexible manner, contributing to favorable conditions for production implementation and optimal and efficient operation.

Gas Purchase Agreement: Close coordination was maintained in payment activities and in finalizing amendment contracts in line with the PPA. Coordination in operation and incident handling was closely implemented among the parties, while gas fuel inspection and payment were carried out strictly and in accordance with regulations.

Major maintenance contracts and routine maintenance contracts: The monitoring and implementation of these contracts were well coordinated among the parties, contributing to ensuring the safe and efficient operation of the NT2 Power Plant.

Procurement of materials and equipment serving production and business activities was conducted in compliance with regulations. Contract management was implemented in accordance with the signed schedules, ensuring quality, cost efficiency, and the stability of production and business operations.

1.3.5 Financial management

The Company effectively implemented the classification and collection of electricity receivables, ensuring cash flow balance to meet production and business operation requirements.

The Company strictly complied with regulations and internal rules on capital management, internal expenditure management and debt management.

Collectioning proactively debt collection and ensuring cash flow balance to meet production and business operation requirements

The Company completed the payment of 15% cash dividends with a total value of 431.81 billion VND.

1.3.6 Investor Relations Activities

In 2025, NT2 continued to effectively implement investor relations (IR) activities, building the NT2 brand into a strong brand in the securities market, ensuring the highest interests of shareholders and investors, and successfully organizing events such as the Annual General Meeting of Shareholders and investor meetings. The IR Department strengthened indirect engagement activities through online channels to ensure continuous and timely information disclosure on production and business performance to shareholders and investors. Information disclosure activities were strictly complied with in accordance with securities market regulations, ensuring shareholders' rights and interests. The Company's website was regularly, fully, and promptly updated with information on the Company's production and business operations. The IR Department continued to maintain the quarterly issuance of investor notices/newsletters on the Company's

operating results. Cooperation programs were implemented with brokerage firms and financial investment media agencies to ensure timely and transparent communication and feedback of information about NT2 to the market. NT2 maintained cooperative connections with key shareholders and major domestic and foreign financial investment institutions, promptly responding to investors and relevant partners, and handling information in a timely and transparent manner. Marketing and promotional activities were carried out to attract potential investors, promote and enhance the Company's image in the securities market, and position NT2 shares as a reliable and valuable investment for both domestic and foreign investors. As a result of these continuous efforts throughout the year, NT2 was honored to be recognized as a listed company meeting information disclosure standards in the securities market in 2025.

1.3.7 Human Resources and Science & Technology

Workforce

Total employees at year-end: 170 persons.

Science & Technology and Technical Innovations

The Company consistently promotes scientific research and technical innovation initiatives to reduce production and business costs. In 2025, 17 technical improvement initiatives were officially recognized, including:

- ✓ Improvement of anti-humidity solutions for smoke detector electronic circuits in cable tunnels at Nhon Trach 2 Power Plant.
- ✓ Cooling system upgrade for control cabinets of HRSG units 11/12CPC21/22.
- ✓ Renovation of control panels for ventilation fans in the chlorine drying area.
- ✓ Design and fabrication improvement of trash collection baskets for the circulating water pump station cooling canal.
- ✓ Installation of a backup water supply line for trash screen washing pumps at the circulating water pump station.
- ✓ Design and installation of a vertical access ladder to the turbine roof.
- ✓ Installation of a new 100A three-phase power cabinet to support periodic inspection of 220kV switchyard equipment.
- ✓ Improvement of the service building water pumping system.
- ✓ Application of Google NotebookLM virtual assistant for information management.
- ✓ Replacement of spring charging motor for ST excitation circuit breaker.
- ✓ Modification of SPPA-T3000 logic to prevent unit shutdown due to failure of one analog input module.
- ✓ Modification of SPPA-T3000 logic to prevent shutdown of main cooling water pumps (MCWP A/B) due to temperature channel faults.
- ✓ Replacement of metal bolts with high-durability plastic bolts in chemical storage areas.
- ✓ Installation of emergency eyewash drainage connection to wastewater collection tanks.

- ✓ Installation of vapor extraction systems for blowdown water tanks and wastewater receiving tanks.
- ✓ Improvement of main cooling pump sealing water discharge line.
- ✓ Installation of additional drain manifold and oil leak tank level indicator for the fuel oil system.
- ✓ The Company also issued regulations and policies to encourage employees to participate in technical innovation and improvement initiatives contributing to corporate development.

1.3.8 Occupational Health, Safety, and Fire Prevention Activities

As an entity operating in the power generation sector, which involves a high risk of fire and explosion, any fire or explosion incident would result in extremely serious consequences. Therefore, fire prevention and fighting activities have always been given top priority. NT2 consistently identifies the elimination or minimization of risks that may cause harm to human health and life, damage to assets, or the environment as its highest responsibility. On an annual basis, NT2's Occupational Safety, Health, and Environment activities have been continuously improved in terms of content and implementation methods to ensure effectiveness and compliance with safety regulations. Monthly cross-check inspections of occupational safety and industrial hygiene were conducted at the Company and the 12-storey staff accommodation building, while periodic monthly inspections of the fire prevention and fighting system were carried out throughout the Nhon Trach 2 Power Plant. Occupational Safety, Health, and Environment activities have played an active role in preventing accidents and incidents and have made a significant contribution to the achievement of the Company's operational, production and business targets. With the efforts achieved in Occupational Safety, Health and Environment management, NT2 has continued to maintain ISO 14001 and ISO 45001 certifications issued by BSI.

1.3.9 Social Welfare Activities

Despite facing numerous difficulties in production and business operations in 2025, NT2 actively implemented social welfare programs nationwide, demonstrating the Company's responsibility to the community in a year full of challenges and hardships. In 2025, NT2 carried out various social welfare activities such as providing gifts to disadvantaged families during the Lunar New Year, building gratitude houses, supporting flood-affected communities, and particularly sponsoring remote and disadvantaged areas. Through these programs, NT2 aimed to contribute to the overall development of society, while also spreading compassion and strengthening solidarity among the Company's employees and local communities and individuals in need of support. NT2 has consistently been a leading entity in the gas-fired power sector in terms of social welfare activities and community responsibility. In 2025, NT2 contributed 2.58 billion VND to social welfare activities, bringing the cumulative contribution to date to 40.13 billion VND.

1.3.10 Outstanding Awards

Continuing the successes achieved in previous years, in 2025 NT2 was consecutively honored and received various awards in recognition of the efforts of all employees throughout the year, including:

- Top 100 Sustainable Enterprises
- Outstanding enterprise for employees
- Top 500 Largest Enterprises in Vietnam
- Standard Listed Enterprise of 2025

2. Organization and Human Resource

2.1 Board of Directors

2.1.1 Members of the Board of Directors

Full name	Position
Mr. Ông Ngọc Hải	Chairman of the Board of Directors
Mr. Ngô Đức Nhân	Member of the Board of Directors
Mr. Lương Ngọc Anh	Member of the Board of Directors
Ms. Phan Thị Thùy Lan	Independent Member of the Board of Directors

2.1.2 Curriculum Vitae of the Members of the Board of Directors

1. Mr. Ông Ngọc Hải	Chairman of the Board of Directors
Date of Birth	Vietnam
Nationality	: Vietnam
Ethnicity	: Kinh
Professional Qualifications	: Mechanical Engineer, Civil Engineer, Master of Business Administration
Share Ownership	: 101,878,003 shares, accounting for 35.39% of charter capital.
- Number of shares representing PV Power's capital contribution	: 101,835,833 shares, accounting for 35.375% of charter capital
- Number of individually owned shares	: 42,170 shares, accounting for 0.015% of charter capital

2. Mr. Ngô Đức Nhân	Member of the Board of Directors cum
----------------------------	---

Director

Date of Birth	: 05/10/1966
Nationality	: Việt Nam
Ethnicity	: Kinh
Professional Qualifications	: Mechanical Engineer, Economics Engineer
Share Ownership	: 69,141,950 shares, accounting for 24.018% of charter capital
- Number of shares representing PV Power's capital contribution	: 69,090,246 shares, accounting for 24% of charter capital.
- Number of individually owned shares	: 51,704 shares, accounting for 0.018% of charter capital.

3. Mr. Lương Ngọc Anh

Member of the Board of Directors

Date of Birth	: 09/02/1962
Nationality	: Việt Nam
Ethnicity	: Kinh
Professional Qualifications	: Chemical Engineer
Share Ownership	: 23,796,115 shares, accounting for 8.28% of charter capital.
- Number of shares representing the capital portion of Technology Development Co., Ltd.:	: 23,796,115 shares, accounting for 8.27% of charter capital.
- Number of individually owned shares:	: 0 shares, accounting for 0% of charter capital.

4. Ms. Phan Thị Thúy Lan

Independent Member of the Board of Directors

Date of Birth	: 27/03/1959
Nationality	: Việt Nam
Ethnicity	: Kinh
Professional Qualifications	: Bachelor of Economics
Share Ownership	: 0 shares, accounting for 0% of charter capital
- Number of representative shares:	: 0 shares, accounting for 0% of charter capital
- Number of individually owned shares:	: 0 shares, accounting for 0% of charter capital

2.2 Board of Management

2.2.1 Members of the Board of Management.

Full name	Position	Reason for Change
Mr. Ngô Đức Nhân	Director	
Mr Nguyễn Trung Thu	Deputy Director	
Ms. Nguyễn Thị Hà	Deputy Director	
Mr. Nguyễn Văn Quyền	Deputy Director	
Mr. Lê Việt An	Chief Accountant	

2.2.2 Curriculum Vitae of the members of the Board of Management

- 1. Mr. Ngô Đức Nhân** **Director**
- Date of Birth : 05/10/1966
- Nationality : Viet Nam
- Ethnicity : Kinh
- Professional Qualifications : Mechanical Engineer, Economic Engineer
- Share Ownership** : **69,141,950 shares, accounting for 24.018% of charter capital**
- Number of representative shares of contributed capital : 69,090,246 shares, accounting for 24% of charter capital.
- Number of individually owned shares: : 51,704 shares, accounting for 0.018% of charter capital.
- 2. Mr. Nguyễn Trung Thu** **Deputy Director**
- Date of Birth : 07/10/1969
- Nationality : Vietnam
- Ethnicity : Kinh
- Professional Qualifications : Mechanical Engineer
- Share Ownership** : **0 shares, accounting for 0% of charter capital**
- Number of representative shares of contributed capital : 0 shares, accounting for 0% of charter capital
- Number of individually owned shares: : 0 shares, accounting for 0% of charter capital
- 3. Ms. Nguyễn Thị Hà** **Deputy Director**

Date of Birth : 06/03/1979
 Nationality : Vietnam
 Ethnicity : Kinh
 Professional Qualifications : Bachelor of Foreign Trade, Bachelor of English, Master of Finance - Banking
 Share Ownership : 7 shares, accounting for 0% of charter capital
 - Number of representative shares of contributed capital : 0 shares, accounting for 0% of charter capital
 - Number of individually owned shares: : 7 shares, accounting for 0% of charter capital

4. Mr. Nguyễn Văn Quyền Deputy Director

Date of Birth : 14/03/1969
 Nationality : Vietnam
 Ethnicity : Kinh

Professional Qualification	: Bachelor of Industrial Accounting, Master of Economics.
Share Ownership	: 0 shares, accounting for 0% of charter capital

- Number of representative shares of contributed capital : 0 shares, accounting for 0% of charter capital
 - Number of individually owned shares : 0 shares, accounting for 0% of charter capital

5. Mr. Lê Việt An Chief Accountant

Date of Birth : 27/06/1984
 Nationality : Việt Nam
 Ethnicity : Kinh
 Professional Qualifications : Bachelor of Economics; Master of Banking and Finance
 Share Ownership : 0 shares, accounting for 0% of charter capital
 - Number of representative shares of contributed capital : 0 shares, accounting for 0% of charter capital
 - Number of individually owned shares : 0 shares, accounting for 0% of charter capital

2.3 Board of Supervisors

2.3.1 Members of the Board of Supervisors

	Position	Reason for Change
Mr. Nguyễn Hữu Minh	Head of the Board of Supervisors	
Mr. Nguyễn Văn Kỳ	Supervisor	
Ms. Phan Lan Anh	Supervisor	

2.3.2 Curriculum Vitae of the members of the Board of Supervisors
1. Mr. Nguyễn Hữu Minh
Board of Supervisors

Date of Birth : 13/07/1971
 Nationality : Việt Nam
 Ethnicity : Kinh
 Professional Qualifications : Master of Business Administration; Bachelor of Economics
 Share Ownership : 51.044 shares, accounting for 0,01% of charter capital
 - Number of representative shares of contributed capital : 0 shares, accounting for 0% of charter capital
 - Number of individually owned shares: : 51.044 shares, accounting for 0,01% of charter capital

2. Mr. Nguyễn Văn Kỳ
Supervisor

Date of Birth : 05/10/1981
 Nationality : Việt Nam
 Ethnicity : Kinh
 Professional Qualifications : Bachelor of Accounting
 Share Ownership : 0 shares, accounting for 0% of charter capital
 - Number of representative shares of contributed capital : 0 shares, accounting for 0% of charter capital
 - Number of individually owned shares: : 0 shares, accounting for 0% of charter capital

3. Ms. Phan Lan Anh
Supervisor

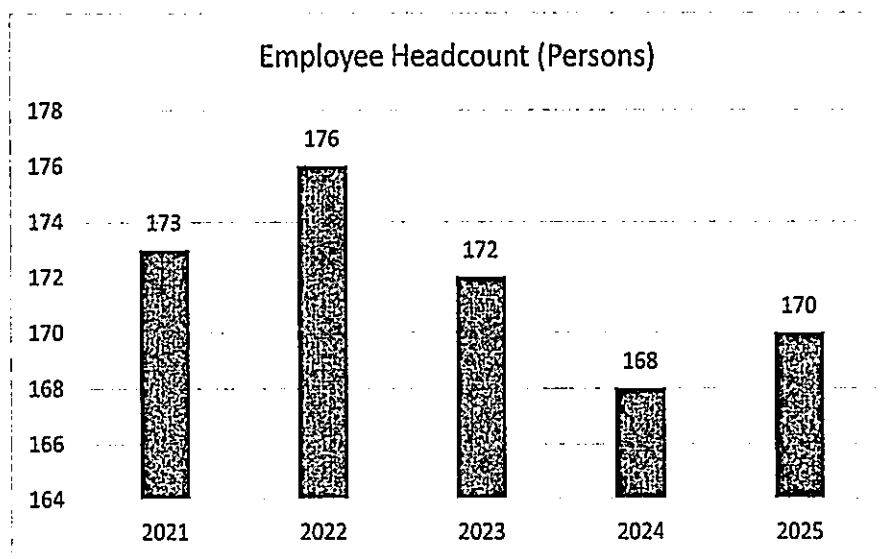
Date of Birth : 29/7/1986
 Nationality : Việt Nam
 Ethnicity : Kinh
 Professional Qualifications : Master of Business Administration
 Share Ownership : 0 shares, accounting for 0% of charter capital
 - Number of representative shares of contributed capital : 0 shares, accounting for 0% of charter capital
 - Number of individually owned shares: : 0 shares, accounting for 0% of charter capital

2.4 Changes in the Board of Directors, Board of Management, and Board of Supervisors in 2025.

In 2025, there is no personnel changes in the Board of Directors, Board of Management, and Board of Supervisors

2.5 Number of employees and workforce structure

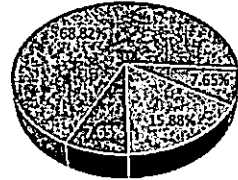
2.5.1 Number of employees



Year	2021	2022	2023	2024	2025
Number (of people)	173	176	172	168	170

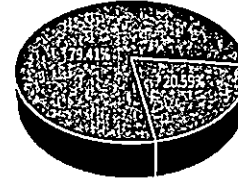
2.5.2 Workforce structure

By Education Level



- 1. Postgraduate
- 2. University
- 3. College/Vocational Education
- 4. Skilled Workers/General Labor

By Gender



- 1. Male
- 2. Female

Standards	Quantity	Ratio
I. Structured by Education Level	170	100%
1. Postgraduate	13	7.65%
2. University	117	68.82%
3. Associate Degree / Technical Diploma	13	7.65%
4. Skilled Workers/Unskilled Labor.	27	15.88%
II. Structured by gender	170	100%
1. Male	135	79.41%
2. Female	35	20.59%

3. Investment situation and implementation of major projects.

NT2 always focuses on its core value of electricity production and business. In 2025, NT2 will not undertake any major projects but will focus on planning and implementing solutions to enhance business efficiency, such as:

- Operating the Nhon Trach 2 power plant stably, efficiently, and safely.
- Participating in the competitive wholesale and retail electricity market according to the prescribed roadmap.
- Researching the use of supplementary gas supply sources to ensure stable plant operation.
- Coordinating with power plants in Nhon Trach Power Center to seek investment opportunities for development, aiming to increase business profitability for the company.
- Researching on increasing plant capacity to enhance business efficiency
- Researching on improving unit efficiency, reducing the minimum capacity of units to enhance electricity production efficiency when market prices are low.

4. Financial situation

4.1 Key Financial situation indicators.

No.	Indicator	Unit	Actual performance in 2024	Actual performance in 2025	% compared to the previous year.
1	Total asset value.	Billion Vnd	8,697.85	9,273.31	106.62%
2	Net revenue from sales.	Billion Vnd	5,943.68	7,958.22	133.89%
3	Net profit from business activities.	Billion Vnd	31.63	1,266.91	4,005.04%
4	Profit before tax	Billion Vnd	103.96	1,267.96	1,219.70%
5	Profit after tax.	Billion Vnd	82.89	1,130.28	1,363.53%

4.2 Key financial indicators

No.	Indicator	Unit	Year 2024	Year 2025	Increase/Decrease
I	Solvency				
1	Current ratio.	times	1.28	1.82	0.54
2	Quick ratio.	times	1.21	1.74	0.53
II	Capital structure.				
1	Debt/Total assets ratio	%	51.84	47.60	-4.24
2	Debt/Owner's equity ratio.	%	107.63	90.83	-16.80
III	Operational efficiency.				
1	Inventory turnover.	Circle	19.87	19.54	(0.33)
2	Total asset turnover.	Circle	0.69	0.89	0.20
IV	Profitability				
1	Profit after tax/Net revenue.	%	1.39	14.20	12.81
2	Profit after tax/Owner's equity	%	1.94	24.98	23.04
3	Profit after tax/Total assets	%	0.97	12.58	11.61

No.	Indicator	Unit	Year 2024	Year 2025	Increase/Decrease
4	Profit from business activities/Net revenue	%	0.53	15.92	15.39

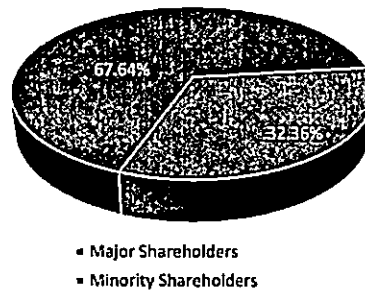
5. Shareholder structure and changes in owner's equity

5.1 Stocks

- Total number of issued stocks: 287,876,029 stocks.
- Type of issued stocks: Common stocks.
- Number of freely transferable stocks: 287,876,029 stocks.
- Number of restricted stocks: 0 stocks.

5.2 Shareholder structure.

5.2.1 By ownership percentage

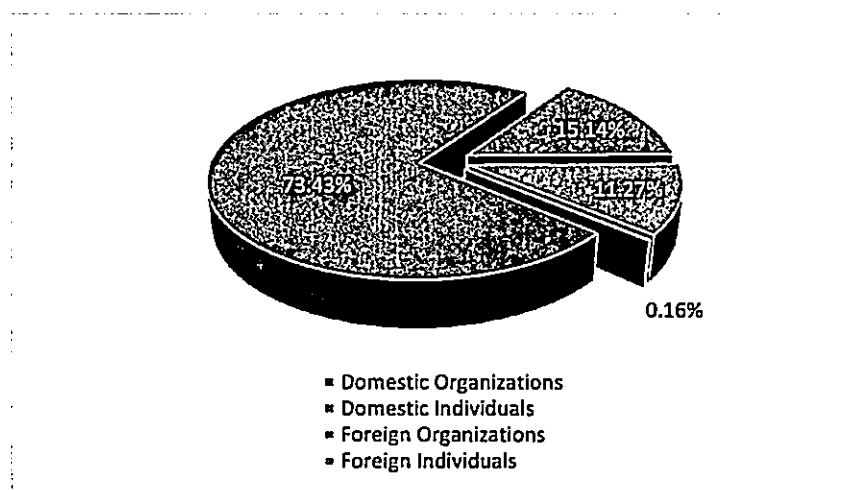


Source: Shareholder Register as of October, 2025.

Shareholder	Number of shareholders	Number of stocks	Percentage
Major shareholders	2	194,722,195	67.64%
Minority shareholders	7,897	93,153,834	32.36%
Total	7,899	287,876,029	100.00%

5.2.2 By type of shareholders

Shareholder structure by type



Source: Shareholder Register as of October, 2025.

Shareholder	Number of shareholders	Number of stocks	Percentage
Domestic shareholders	7,711	254,968,383	88.57%
Individual Shareholder	7,676	43,570,487	15.14%
Institutional Shareholder	35	211,397,896	73.43%
Foreign shareholders	188	32,907,646	11.43%
Individual Shareholder	144	474,979	0.16%
Institutional Shareholder	44	32,432,667	11.27%

Shareholder	Number of shareholders	Number of stocks	Percentage
State shareholder	2	178,048,000	61.85%
Other shareholders	7,897	109,828,029	38.15%
Total	7,899	287,876,029	100.00%

5.3 Change in owner's equity

Change in owner's equity in 2024: No occurrence.

Initial charter capital: 2,560,000,000,000 VND.

In 2014: NT2 issued stocks for dividend payment (7%): 2,739,198,430,000 VND.

In 2015: NT2 issued stocks for dividend payment (4%): 2,848,760,290,000 VND.

In 2017: NT2 issued stocks under the employee stock ownership plan (3,000,000): 2,878,760,290,000 VND.

5.4 Transaction of treasury stocks.

No occurrence. No transaction of treasury stocks.

5.5 Number of treasury stocks: 0 stocks

5.6 Other securities: No occurrence.

III. REPORT AND ASSESSMENT OF THE BOARD OF MANAGEMENT

1. Power Industry development overview

The global power industry has evolved over 150 years, following various investment trends from hydropower, fossil fuel-based thermal power, gas-fired power, nuclear energy, and renewable energy. In Vietnam, the power sector has played a crucial role in ensuring a stable electricity supply, supporting economic and social development, improving living standards, and contributing to national security and defense.

According to the Institute of Energy, the National Power Development Plan for 2021–2030, with a vision to 2045 (Power Development Plan VIII) includes the following projections:

Economic and electricity demand forecasts: Vietnam's GDP growth is projected to average 6.6% per year from 2021 to 2030 and 5.7% per year from 2031 to 2045. Electricity consumption is expected to reach 491 billion kWh by 2030 and 877 billion kWh by 2045.

The Power Development Program projects that by 2030, Vietnam's total installed power capacity will reach 137.2 GW, with coal-fired power accounting for 27%, gas-fired power 21%, hydropower 18%, wind, solar, and other renewables 29%, imported electricity nearly 4%, and pumped-storage hydropower and other energy storage technologies around 3%. The power structure outlined in Power Development Plan VIII strongly encourages the expansion of renewable energy (excluding hydropower), increasing from 13% in 2020 to nearly 30% by 2030 and 44% by 2045, aligning with the global energy transition trend.

The Power Grid Development Program in Power Development Plan VIII proposes the

continued expansion of the 500 kV transmission network to transport electricity from major power hubs in the Central Highlands, South Central, and North Central regions to key load centers in Ho Chi Minh City and the Red River Delta. The plan also emphasizes strengthening inter-regional transmission networks to enhance power flow between the Northern, Central, and Southern regions. Additionally, the potential use of direct current (DC) transmission lines has been proposed for research and evaluation. Between 2021 and 2030, Vietnam will need to construct an additional 86 GVA of 500 kV substation capacity and nearly 13,000 km of transmission lines, while from 2031 to 2045, an additional 103 GVA of 500 kV substation capacity and 6,000 km of transmission lines will be required. Similarly, the 220 kV grid will require 95 GVA and nearly 21,000 km of transmission lines from 2021 to 2030, and 108 GVA with over 4,000 km of transmission lines from 2031 to 2045. The plan also considers the implementation of smart grids and Industry 4.0 technologies to improve transmission efficiency.

The Total Investment capital and Economic Analysis for Power Development estimates that the total investment required for the 2021–2030 period is approximately \$128.3 billion, with \$95.4 billion allocated for power generation and \$32.9 billion for transmission networks, maintaining an average investment structure of 74% for generation and 26% for transmission. During this period, an average of \$12.8 billion per year is needed, with \$9.5 billion for power generation and \$3.3 billion for grid development. For the 2031–2045 period, the total required investment is projected to be \$192.3 billion, with \$140.2 billion for power generation and \$52.1 billion for grid development, maintaining an average investment structure of 73% for generation and 27% for transmission. The annual investment requirement during this phase remains \$12.8 billion, with \$9.3 billion allocated to power generation and \$3.4 billion to the grid. The average marginal cost for electricity generation is estimated at 8.8 US cents/kWh for 2021–2030 and 9.6 US cents/kWh for 2031–2045. Meanwhile, the average marginal cost of electricity delivered to the distribution grid is projected at 11.4 US cents/kWh for 2021–2030 and 12.3 US cents/kWh for 2031–2045.

2. Assessment of operating results

Business and Production Performance Results for 2025 are as follows:

No	Indicator	Unit	Plan for 2025	Actual performance in 2025	Ratio (%)
1	Electricity Output	million kWh	3,467.50	3,117.5	89.91%
2	Total Revenue	billion VND	8,211.51	8,132.85	99.04%
3	Total Cost	billion VND	7,901.78	6,864.88	86.88%
4	Profit After Tax	billion VND	278.76	1,130.28	405.47%

2.1 General Assessment

In 2025, the Company's production and business operations faced numerous challenges, including:

(i) declining gas supply; (ii) increasing input gas prices, while renewable energy sources continued to receive priority dispatch, thereby reducing competitiveness and operational efficiency in the electricity market; and (iii) delays in monthly electricity payment settlements by EVN compared with the provisions stipulated in the Power Purchase Agreement, which directly affected the Company's cash flow balance for production and business activities. Despite these difficulties that directly impacted operating results, the Company's Management Board proactively implemented various solutions to overcome challenges and made every effort in operational management. The Company developed reasonable bidding strategies and ensured stable and flexible operation of generating units in line with electricity market conditions, particularly through the following measures: (1) Organizing monthly and quarterly meetings to review production planning in conjunction with electricity market activities, evaluating performance and promptly adjusting operational plans when necessary; (2) Enhancing financial management efficiency and improving capital utilization effectiveness; (3) Strengthening plant performance management and heat rate control, while promoting technical innovation initiatives effectively applied in production and business activities; (4) Optimizing gas allocation in accordance with operational conditions; (5) Increasing contracted capacity (Qc) from 2.13 billion kWh to 3.48 billion kWh; (6) Recovering forest environmental service fees; (7) Recognizing foreign exchange differences accumulated during the period 2019–2021; (8) Adjusting minor overhaul schedules to improve operational efficiency; (9) Effectively implementing cost-saving measures, thereby successfully exceeding the profit target set for 2025.

As a result, in 2025 NT2 generated 3,117.5 million kWh of electricity, equivalent to 89.91% of the annual plan. Total revenue reached VND 8,132.85 billion, achieving 99.04% of the annual target, while total expenses were well controlled at VND 6,864.88 billion, representing only 86.88% of the planned level. Consequently, profit after tax reached VND 1,130.28 billion, exceeding 405.47% of the 2025 plan and increasing significantly compared with the previous year.

The outstanding profit performance in 2025 was not merely temporary but rather the result of decisive and timely management solutions implemented by the Company's leadership. In parallel, the Company continued to strictly and consistently implement cost-saving and anti-waste practices across the entire system, directly contributing to improved production and business efficiency.

In addition to its financial performance, NT2 continued to fulfill its obligations to the State, shareholders, and other stakeholders. In 2025, the Company contributed VND 207.65 billion to the State budget, exceeding 14.53% of the annual plan, and completed the payment of a 15% cash dividend, further affirming NT2's credibility and position in the stock market.

Profit after tax in 2025 reached 405.47% of the annual plan, clearly demonstrating NT2's capability of "Safe production – steady progress" during the year.

It can be affirmed that 2025 marked a year of significant improvement in NT2's operational management capacity and governance efficiency, demonstrating the Company's ability to adapt flexibly to market fluctuations while establishing a solid financial foundation for future development plans. The achieved results serve as an important premise for the Company to further strengthen its position within the national power system, actively participate in the competitive electricity market, and pursue stable and sustainable development in the coming years.

Changes and movements in the market and supplies

Electricity market activities from the beginning of the year to date have encountered numerous difficulties, including lower-than-expected growth in electricity demand in the Southern region, a high proportion of renewable energy sources (solar and wind power) in the power system, and NSMO's priority dispatch of coal-fired and hydropower sources with lower generation costs, such as low coal prices and favorable hydrological conditions.

Supply sources: Gas fields have continued to decline, and no new gas fields have been brought into operation, resulting in an ongoing general shortage of gas supply. During peak periods of the electricity market, NT2 was not supplied with sufficient gas, which led to a reduction in the revenue and corresponding profit that NT2 could have generated from the market. The Executive Management assesses that the trend of using LNG fuel to compensate for the decline in gas supply from existing fields is promising and is currently studying early implementation solutions to ensure stable and efficient production and business operations in the coming period.

Exchange rate risk.

Some transactions of company are denominated in foreign currencies. Therefore, the company is exposed to exchange rate fluctuations. The company is primarily affected by changes in the exchange rates of the US dollar and the Euro. By 2025, the company had repaid all foreign currency-denominated debts/loans, so at the end of the year there was no longer a significant exchange rate risk.

Currently, in NT2's electricity pricing structure, as well as that of other gas-fired power plants, fuel costs are converted based on gas prices in USD, with the exchange rate applied according to the monthly invoice date as announced by the gas supplier. Since the gas cost is directly incorporated into the electricity price, USD exchange rate fluctuations related to gas payments do not impact NT2. For the electricity price component linked to foreign currency loans for plant investments, power generators have not yet been allowed to adjust pricing per billing cycle based on exchange rate fluctuations. However, according to the Ministry of Industry and Trade's regulations since 2015, power producers with foreign currency loans are eligible for annual settlements of realized exchange rate differences with EVN (Vietnam Electricity).

2.2 Key highlights contributing to the achievements in 2025

- The cumulative electricity output from the commencement of operation to December 31,

2025 reached 60.48 billion kWh.

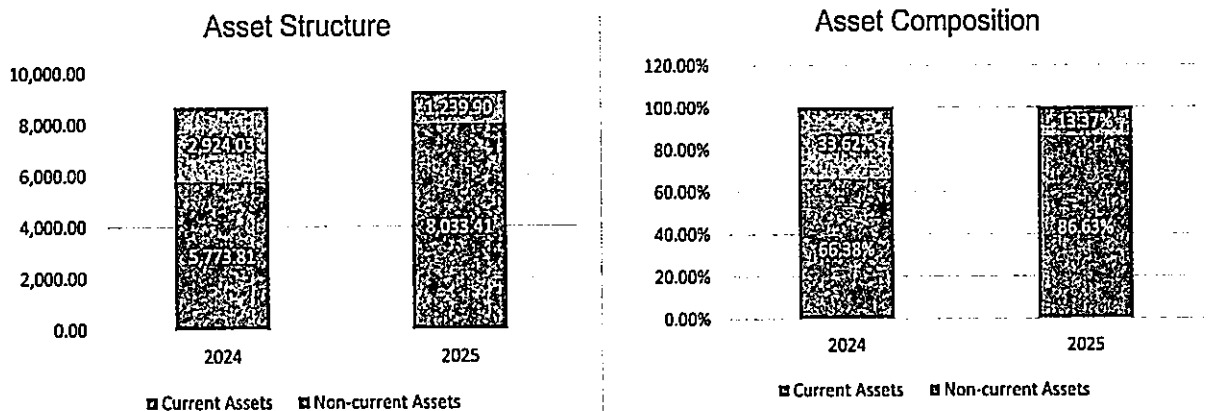
- Profit after tax in 2025 exceeded the plan by 405.47%, ensuring the dividend payment ratio for shareholders. This is regarded as the clearest evidence reflecting NT2's spirit of "Safe production – Steadfast progress" throughout 2025.
- A 15% cash dividend was paid, equivalent to VND 431.81 billion, further affirming the stability of the Company's production and business operations and enhancing its reputation in the stock market amid widespread difficulties faced by enterprises nationwide.
- NT2 fully and timely fulfilled its obligations to the State budget. In 2025, NT2 contributed VND 207.65 billion to the State budget, exceeding the annual plan by 14.53%.
- Occupational health, safety and environmental activities: Safety was consistently ensured, with no incidents affecting employees or company assets.
- Labor, wages, bonuses and employee benefits: These matters received special attention from NT2's leadership. Employee policies, including salaries, bonuses, social insurance, health insurance, sick leave and maternity benefits, were fully implemented in accordance with regulations.
- Science and technology activities: Continuous emphasis was placed on scientific research and technical innovation initiatives aimed at reducing production and business costs. Regulations and incentive mechanisms were issued to encourage employees to propose technical improvement initiatives, contributing to the Company's sustainable development.
- NT2 continuously strives to fulfill its production and business targets. Nhon Trach 2 Power Plant has demonstrated high reliability in the electricity market and is recognized as one of the most modern power plants in Vietnam.

3. Financial situation

Indicator	Unit	In 2024	In 2025	Increase/ Decrease	Growth rate %
Current assets	Billion VND	5,773.81	8,033.41	2,259.60	39.14%
Long-term assets	Billion VND	2,924.03	1,239.90	(1,684.14)	(57.60) %
Total assets	Billion VND	8,697.85	9,273.31	575.46	6.62%
Liabilities	Billion VND	4,508.77	4,413.91	(94.86)	(2.1)%
Short-term liabilities	Billion VND	4,508.77	4,413.91	(94.86)	(2.1)%

Indicator	Unit	In 2024	In 2025	Increase/ Decrease	Growth rate %
Owner's equity	Billion VND	4,189.08	4,859.40	670.32	16.00%
Total equity and liabilities	Billion VND	8,697,85	9,273.31	575.46	6.62%

3.1 Assets

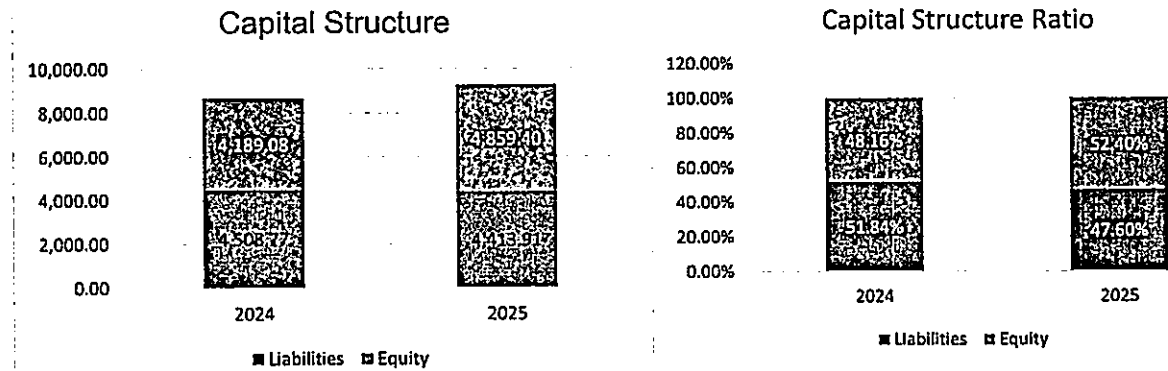


As of December 31, 2025, NT2's total assets reached 9,273.31 billion VND, marking an increase of 575.46 billion VND (6.62%) compared to the same period in 2024, including a 2,259.60 billion VND increase in short-term assets and a 1,684.14 billion VND decrease in long-term assets.

Short-term assets in 2025 amounted to 8,033.41 billion VND, an increase of 39.14% from 5,773.81 billion VND in 2024, accounting for 86.63% % of total assets.

Long-term assets in 2025 reached 1,239.90 billion VND, reflecting a 57.60% decrease from 2,924.03 billion VND in 2024, accounting for 13.37% of total assets. The decrease in long-term assets was mainly due to fixed asset depreciation of 556.35 billion VND and Long-term prepaid expenses decreased by 1,139.25 billion.

3.2 Equity Capital



As of December 31, 2025, NT2's equity capital stood at 4,859.40 billion VND, reflecting an increase of 670.32 billion VND compared to 2024 and accounts for 47.60% of the total capital value 52.40%). The final figures related to fund allocation and dividend distribution from 2025 post-tax profit will be approved by shareholders at the company's Annual General Meeting.

3.3 Debt Payable

As of December 31, 2025, total liabilities amounted to 4,413.91 billion VND, marking an decrease of 94.86 billion VND compared to 4,508.77 billion VND in 2024, accounting for 47.60% of total capital.

3.4 Profitability

In 2025, NT2's Return on Equity (ROE) was 24.98%, while Return on Assets (ROA) reached 12.58%, demonstrating the economic efficiency of asset utilization during the year, ensuring financial stability.

4. Improvements in organizational structure, policies, and management

4.1 Enhancing the capacity of the Internal Audit Department

In 2025, NT2 continued to enhance the capacity of the Internal Audit Department to properly perform its duties and functions in accordance with regulations, while stabilizing the organizational structure of functional departments and the operating division to meet the Company's production and business requirements. Currently, NT2 has six functional departments and one operating division, including the Administration and Human Resources Department, Finance and Accounting Department, Planning and General Affairs Department, Production Engineering Department, Electricity Market and Commercial Department, Health, Safety and Environment Department, and the Operating Division, all of which effectively fulfilled their assigned responsibilities and contributed to the successful implementation of the Company's production and business activities..

4.2 Enhancing business planning and production management

PetroVietnam Power Nhon Trach 2 Joint Stock Company, with more than 18 years of experience in electricity generation and trading, has consistently identified strategic planning, annual business planning orientation, electricity market operations, and efficiency improvement in production and business activities as critical tasks. On a quarterly basis, NT2 organizes review workshops to assess the implementation of production and business plans, thereby proposing appropriate solutions for subsequent months and quarters to ensure close adherence to the annual plan, optimize profits, and safeguard the interests of shareholders and investors. The implementation of these monthly and quarterly planning solutions and targets has delivered significant effectiveness in cost-saving and cost-reduction efforts, with total savings in 2025 amounting to VND 90.67 billion.

4.3 Research, Application, and Development of Technology and Engineering

❖ Applying Information Technology in Management and Operations

In 2025, NT2 continued to expand and enhance the application of digitalization in the management and operation of the power plant. The Science and Technology Council of NT2 consistently focused on developing high-quality human resources through in-depth training, reviewing and appraising initiatives and technical improvements for application in order to improve production and business efficiency, while applying the latest achievements in information technology to management and operation activities to reduce production and business costs.

Nhon Trach 2 Power Plant applies F-class combined-cycle gas turbine technology and is operated under an automated control system using advanced technology, with the SPPA-T3000 control system ensuring stable control performance and safe, reliable plant operation.

In particular, in 2025, NT2 implemented a number of technical initiatives and improvements that contributed to enhancing production and business efficiency. Specific initiatives included:

- Improvement of anti-humidity solutions for electronic circuits of smoke detectors in the cable tunnels at Nhon Trach 2 Power Plant.
- Improvement of the cooling system for the control cabinets of the two heat recovery steam generators at Nhon Trach 2 Power Plant.
- Improvement in the design and fabrication of debris collection baskets for the cooling water channel at the circulating water pump station of Nhon Trach 2 Power Plant.

❖ Continuing Research and Investment in Development

In addition to its core business operations, NT2 continuously explores and implements

strategies to enhance business and production efficiency. The company is currently researching and considering the following initiatives:

- Participating in the competitive wholesale and retail electricity market in accordance with regulatory roadmaps.
- Exploring additional gas supply sources to ensure stable plant operations.
- Collaborating with power plants within the Nhon Trach Power Center to identify investment opportunities that enhance business profitability.
- Improving unit efficiency and reducing minimum load levels to increase production efficiency when market prices are low.
- Developing renewable energy projects to support environmental sustainability and optimize self-consumption power usage.

4.4 Implementation of ISO 14001 and ISO 45001 in Business and Production Operations

In 2025, NT2 continued to maintain its environmental management system in accordance with ISO 14001 and ISO 45001 standards. The company was successfully audited and recertified by BSI, reaffirming compliance with international standards. Before 2019, NT2 implemented ISO 14001 and OHSAS 18001, but since 2021, the company has transitioned to ISO 14001 and ISO 45001 for environmental, health, and safety management. ISO 14001, first introduced in 1996 by the International Organization for Standardization (ISO), is now recognized in 138 countries and territories. NT2 is among the early adopters of these standards, strictly adhering to ISO 14001 and ISO 45001, which are global benchmarks for environmental management systems. Implementing these standards provides significant benefits, including reducing environmental impact, minimizing waste, optimizing energy use, and lowering operational costs, ensuring sustainable and efficient business practices.

The company has internal expert teams and collaborates with the independent certification body BSI to conduct annual evaluations, ensuring the continuous maintenance of its management system. Additionally, any errors or violations identified during audits are immediately corrected to guarantee the safe operation of Nhon Trach 2 Power Plant, prevent incidents, and ensure the health and safety of employees.

4.5 Implementation of Shift-Based Operations

NT2 strictly complies with regulations and ensures optimal working conditions for its employees. The company implements a three-shift, five-crew system, maintaining an 8-hour workday for its operations team. This shift-based work schedule is an optimal solution to safeguard employee health, while also ensuring the safe and continuous operation of the power plant.

5. Future Development Plans

5.1 Business and Production Plan for 2026

No.	Indicator	Unit	Plan for 2026
1	Electricity output	Million kWh	3,400
2	Gas volume	Million Sm3	574.19
	Oil volume	M3	7,018.22
3	Total revenue	Billion VND	6,661.57
4	Total expenses	Billion VND	555.73
5	Profit before tax	Billion VND	444.58
6	Profit after tax	Billion VND	275.09
7	State budget contribution	Billion VND	3,400

Aware of the difficulties and challenges in implementing the 2025 business plan, which will continue into 2026, such as: (i) declining gas supply; (ii) high input gas prices; and the preference for renewable energy sources, which reduces competitiveness and efficiency in the electricity market; to overcome the above difficulties, the NT2 leadership always proposes solutions to work together with all employees to strive to complete the assigned 2026 business plan targets.

5.2 Business production plan for 2026-2030

Energy development must be closely linked to the country's socio-economic development strategy and must take a leading step with high speed, sustainability, and synchronization while diversifying energy sources and technologies. Energy conservation is a key task throughout the country's industrialization and modernization period.

Business development must be carried out in accordance with the guidelines and policies for socio-economic development set by the Party and the State, as well as the approved petroleum industry planning strategy.

Electricity is one of the key foundations for national economic development. It is essential to uphold a strong sense of responsibility to ensure increasingly high-quality electricity at competitive and reasonable prices, safeguarding the interests of shareholders in particular and the nation as a whole. Emphasis must be placed on human resource development, cost-saving measures, and the effective implementation of tasks to achieve optimal efficiency in both production and business operations.

Developing specific and highly persuasive business plans, primarily based on the existing infrastructure of the plant. Build a team of skilled and efficient employees with a deep understanding of the future electricity market while expanding into other industries that

the company is aiming to develop. Adjust strategies in a timely manner, quickly adapting to new circumstances in alignment with real-world developments.

Continuously innovating to adapt to changes in the electricity industry and the socio-economic landscape, proactively managing the company's production and business operations.

Ensuring sustainable, efficient, and safe development.

Maximizing and fully utilize all available resources to focus on electricity production, increasing productivity and economic efficiency for the Company to ensure the benefits of shareholders in particular and national interests in general;

Continueing seeking new investment and development opportunities by optimizing available resources, leveraging strengths in infrastructure, capabilities, and the experience of the organization.

Actively and proactively participating in the competitive power generation market and be ready to enter the competitive wholesale and retail electricity markets according to the development roadmap of the electricity market in Vietnam.

Based on the achievements in the three years from 2021 to 2023 and the estimated results for 2024-2025, along with an understanding of the opportunities and challenges, PV Power NT2 has set the following targets for the 2026-2030 period:

No.	Indicator	Unit	Plan for 2026-2030
1	Electricity output	Million kWh	14.600
2	Gas volume	Million Sm3	2.806
3	Total revenue	Billion VND	34.960
4	Total expenses	Billion VND	32.515
5	Profit before tax	Billion VND	2.444

5.3 Maintenance and Repair Plan

Maintenance and abnormal condition control are considered key priorities in NT2's business and production strategy to ensure reliable and continuous plant operation. The company focuses on:

Strict monitoring of equipment anomalies, minimizing unnecessary start-ups and shutdowns.

- Closely controlling over regular maintenance and repairs, from planning to execution

and quality evaluation.

- Prompt incident response, ensuring that equipment and generating units are restored to operational status in the shortest possible time.
- Proactively negotiating and signing service contracts with contractors for minor maintenance in 2025. Flexibly optimizing maintenance schedules, choosing periods of low market demand and prices to conduct regular servicing and address minor issues. NT2 also aligns maintenance downtime with market-based reserve shutdowns to minimize machine downtime and revenue losses.

5.4 Investment and Development Plan

NT2 develops its company growth strategy in phases to enhance business and production efficiency, with specific initiatives including:

- Participating in the competitive wholesale and retail electricity market as per the government's roadmap.
- Exploring and implementing alternative fuel sources that align with NT2's business operations.
- Researching and proposing the development of solar power at the plant.
- Applying new technologies to improve unit efficiency, thereby boosting production and business performance.
- Implementing advanced technical solutions to further enhance power generation efficiency.

6. Explanation of the Board of Management for auditor's opinions (if any)

The financial statements have been fairly and accurately presented in all material aspects, reflecting the company's financial position as of December 31, 2025, as well as its business performance and cash flow status for the fiscal year ending on the same date. These statements have been reviewed and assessed by the auditing firm, ensuring compliance with Vietnamese Accounting Standards, corporate accounting regulations, and relevant legal provisions regarding the preparation and presentation of financial reports. Therefore, NT2's Board of Management has no further explanations to provide.

7. Assessment Report related to environmental and social responsibilities of the Company

NT2 ensures environmental and social responsibility throughout its operations. In 2025, the company maintained a high level of safety, preventing any significant incidents that could impact plant operations.

The company has completed the Environmental Impact Assessment (EIA) Report for the "Nhon Trach 2 Combined Cycle Power Plant Project", as approved under Decision No. 132/QĐ-BTNMT, issued by the Ministry of Natural Resources and Environment on January 22, 2008. PetroVietnam Power Nhon Trach 2 Joint Stock Company has collaborated with consulting units to conduct environmental surveys and monitoring of air

quality, emissions, wastewater, and surface water over the past year, ensuring that environmental criteria are met with the best possible results.

With the motto "Friendly - Efficient - Safe," NT2 is committed to sustainable development, continuously striving in human resource management, occupational health and safety, and social welfare contributions. In addition to strong business performance and sound financial indicators, the company places great emphasis on environmental and social responsibility, ensuring continuous improvement year after year.

Nhon Trach 2 Power Plant utilizes advanced F-class combined cycle technology. From the initial technology selection phase, the plant was designed with a combustion chamber featuring 24 annularly arranged burners. The HR3 hybrid burner type is capable of operating on both natural gas and diesel oil (DO). This burner design, developed by Siemens, is specifically engineered to reduce NOx emissions and minimize CO emissions through a pre-mixed combustion process, ensuring cleaner and more efficient operation.

The emission levels of NOx, CO, and particulate matter remain within the limits of QCVN 22:2009/BTNMT (National Technical Regulation on Industrial Emissions for Thermal Power Plants). Additionally, the company has installed a main chimney with a minimum height of 60 meters and branch chimneys with a minimum height of 35 meters and a diameter of approximately 6.8 meters. This design ensures rapid dispersion of pollutants, keeping NOx and CO concentrations at the chimney top below QCVN 22:2009/BTNMT standards and ambient air pollutant levels below QCVN 05:2013/BTNMT standards. Furthermore, an automatic emission monitoring system is installed at the chimney top to continuously track and control emissions.

The wastewater collection and treatment system operates continuously during plant operations, ensuring that the treated wastewater meets the standards of QCVN 40:2011/BTNMT (National Technical Regulation on Industrial Wastewater). Quarterly, the company engages a certified third-party organization to analyze the quality of the treated wastewater. All monitoring data is recorded and stored at the Health, Safety, and Environment Department.

Noise and vibration are generated during the operation of equipment within the plant premises. During the construction phase, these areas were designed to minimize noise and vibration, ensuring compliance with QCVN 26:2010/BTNMT (National Technical Regulation on Noise) and QCVN 27:2010/BTNMT (National Technical Regulation on Vibration). To further mitigate noise and vibration, the company implements regular maintenance plans for operational equipment, minimizing excessive noise and vibration levels. Additionally, personal protective equipment (PPE) for noise protection is provided to employees working in high-noise areas. Furthermore, the company reduces noise pollution by constructing perimeter walls and planting trees to create natural sound barriers.

As a result, the indicators related to wastewater discharge, emissions, dust, noise, and vibration from the plant consistently comply with the National Technical Regulations on

Environmental Standards.

Currently, the company has established and maintains a Health, Safety, and Environmental Management System in accordance with ISO 14001 and ISO 45001 standards.

The adoption of ISO 14001 and ISO 45001 reflects NT2's commitment to ensure the health and safety of its employees and fulfilling its responsibility to the community in terms of environmental protection.

7.1 Assessment of Energy-Saving Practices

Cost-Saving Initiatives: In 2025, NT2 continuously updated and reviewed actual expenses against planned budgets to ensure cost management aligned with business operations. Quarterly, the company held planning meetings in conjunction with electricity market analysis to review key areas, assess work progress, and adjust operational strategies in a timely and effective manner. On a monthly and quarterly basis, NT2 developed detailed cost breakdowns, prepared management reports and cost reports to analyze and implement the most efficient operational strategies while ensuring rational cost allocation. Additionally, NT2 strictly adhered to legal regulations on cost-saving and anti-waste practices, maximizing efficiency in business operations. As a result, the company achieved a total cost savings of 90.67 billion VND in 2025.

Energy conservation is also a key factor in environmental assessment. Among which, 185.229 Tr.BTU of natural gas and 1.929.696 kWh of self-consumed electricity were saved.

- + NT2 has proactively researched and thoroughly implemented anti-waste practices in energy consumption.

- + NT2 has issued an energy management regulation and energy policy.

- + NT2 has prepared an energy efficiency report and developed a five-year energy plan

The company strictly complies with environmental laws and regulations, including:

- + Conducting periodic environmental monitoring and sampling annually as required by law and submitting environmental impact assessment reports.
- + Renewing ISO 14001 and ISO 45001 certifications.

Through inspections by specialized agencies, NT2 has been highly rated for its environmental practices and has not faced any violations.

7.2 Assessment concerning the Labor Issues

NT2 always considers human resources as a core factor in the company's development. NT2's workforce is young, highly skilled, dynamic, and passionate. The company places great emphasis on developing and enhancing its human resources, recognizing that this is a key determinant of success in its business operations. In 2025, NT2 had a total of

170 employees. The workforce remains lean and efficient. As a company operating in a specialized production and business sector, NT2 values its employees as its most valuable asset and the core foundation of the company. NT2 strictly complies with labor laws in ensuring employee rights. 100% of NT2 employees are covered by social insurance, health insurance, and unemployment insurance in accordance with legal regulations. Additionally, the company provides enhanced healthcare insurance, voluntary pension insurance, and life insurance. Along with these insurance benefits, employees also receive additional allowances such as fuel subsidies, meal allowances, and housing support.

In addition to offering attractive salary and bonus policies, the company fosters a collaborative and competitive work environment that encourages employees to continuously learn and innovate. This enables employees to maximize their creativity and dynamism in their roles, contributing to high efficiency in production and business operations.

To enhance the quality of its workforce, the company emphasizes the role of employees in fostering creativity and proactivity in their tasks. With the motto "Friendly, Efficient, Safe," NT2 proactively builds a friendly working environment with well-equipped facilities, encouraging and creating favorable conditions for employees to maximize their professional capabilities and creativity in their work.

The Medical Department provides medical examinations, medication distribution, and first aid services on-site. Annual health check-up programs are fully implemented to ensure that employees receive the best healthcare.

Occupational Health, Safety, and Environment (HSE) are always given special attention, including the provision of uniforms and protective equipment, as well as training and fire safety drills.

Additionally, the company organizes annual travel and vacation programs to help employees rejuvenate and maintain their well-being.

7.3 Assessment concerning the Corporate Responsibility for the Local Community

NT2 recognizes that social welfare and corporate responsibility to the community are integral parts of its operations. Over the years, in addition to effective business operations, NT2 has always prioritized its commitment to the local community. NT2 considers community benefits as the foundation for all its activities. The total contribution to social welfare initiatives over the years has amounted to VND 40.13 billion. In 2025, NT2 actively participated in charitable activities, providing support for disaster and flood victims, and assisting underprivileged families in Nhon Trach District, Dong Nai Province. Specifically, in 2025, NT2 contributed VND 2,58 billion to social welfare programs. Despite ongoing challenges in business operations, NT2 has effectively managed market fluctuations, ensuring shareholder benefits while maintaining its commitment to the community and local development.

NT2's charitable activities demonstrate the company's responsibility as a corporate citizen toward the community. Every year, the company launches and regularly organizes blood donation drives to help save lives. NT2 actively participates in donation campaigns and volunteer initiatives to support disaster relief funds, assist flood victims, and contribute to the local economy. All of these efforts reflect NT2's commitment to solidarity and mutual support within the community.

Continuously striving for shared growth with the community and society, NT2 has made numerous positive contributions over the years, demonstrating its corporate responsibility toward the local community. This commitment remains a core principle throughout NT2's business operations, aiming for sustainable development.

IV. ASSESSING ACTIVITIES OF THE BOARD OF MANAGEMENT

1. Assessments of the Board of Directors on the Board of Management.

It can be said that in 2025, NT2 stood out as a bright spot in the power sector with the spirit of **"Safe production – steady progress"**, successfully overcoming the common difficulties of the economy amid numerous adverse factors that directly affected the Company's production and business activities.

From the beginning of 2025, NT2 developed an action program and effectively managed key performance indicators to ensure efficient production and business operations and the fulfillment of the approved plan. Facing multiple challenges such as low dispatched electricity output, rising gas prices, the rapid increase of renewable energy sources, the unrecovered investment costs related to the land handed over to Nhon Trach 3 & 4 Power Project Management Board, and the outstanding foreign exchange differences from the 2019–2021 period, the entire NT2 team made great efforts and remained determined to accomplish the tasks and targets assigned by the General Meeting of Shareholders. The Board of Directors complied with legal regulations and the Company's Charter in performing, supervising, and overseeing its duties, while supporting the Executive Management in the implementation of production and business activities. The Board of Management and all employees worked together to overcome difficulties and challenges, manage volatility, and successfully fulfill production and business objectives.

Based on the 2025 production and business plan approved by the General Meeting of Shareholders, the Board of Directors issued resolutions and decisions directing the Executive Management to urgently and effectively implement assigned tasks.

In terms of corporate governance, the Board of Directors and the Executive Management continued to improve the internal regulatory framework, review the organizational structure, and optimize human resources. The Board of Directors closely supervised planning management, commercial activities, power market participation, and financial operations. The Company regularly organized workshops to review plan implementation,

operate in line with the power market, and develop operating plans for subsequent months and quarters. Procurement of materials and equipment was conducted in compliance with regulations, and contract management followed the agreed schedules, ensuring quality and cost efficiency.

In 2025, Nhon Trach 2 Power Plant operated stably and maintained high availability in accordance with market requirements. A notable achievement during the year was the increase in contracted electricity output (Qc) to 3.48 billion kWh, the recovery of forest environmental service fees, the effective implementation of cost-saving measures, and the significant enhancement of the Company's profitability, thereby successfully fulfilling the 2025 production and business targets. NT2 remained committed to accompanying its shareholders and delivering the best possible value. In 2025, the Company completed the payment of a 15% cash dividend with a total value of VND 431.81 billion to shareholders. Financial and accounting activities were conducted transparently and strictly in compliance with regulations. NT2 consistently maintained a healthy financial position, ensured balanced cash flows, and created a solid foundation for sustainable development.

Training and capacity-building activities for employees were implemented according to approved plans, processes, and regulations. Social welfare activities continued to receive strong attention and active participation, with many programs approved by the Board of Directors. In 2025, NT2 contributed VND 207.65 billion to the State budget and VND 2.58 billion to social welfare activities. After more than 14 years of commercial operation, the cumulative electricity output of NT2 reached 60.48 billion kWh. In 2025 alone, total electricity output reached 3,117.5 million kWh, total revenue amounted to VND 7,978.15 billion, and profit after tax reached VND 1,130.28 billion, equivalent to 405.47% of the annual plan.

Thanks to these achievements, NT2 was honored with several prestigious awards, including Top 100 Most Sustainable Enterprises, Distinguished Enterprise for Employees Welfare, Top 500 Largest Enterprises in Vietnam, and Enterprise Meeting Listing Standards in 2025. NT2 continued to affirm its brand as a leading enterprise in the power generation and business sector, particularly in the competitive power generation market. The Company consistently adhered to its established strategy, fulfilled commitments to shareholders, and strictly complied with regulations on occupational safety, health, environment, and legal requirements throughout its operations. With the spirit of "Safe production – steady progress," 2025 marked a successful year in which NT2 exceeded its profit targets and ensured shareholders' interests. In the context of numerous difficulties and challenges, the achievement of profit exceeding the plan in 2025 reflected the tremendous efforts of the Board of Management and all employees of the Company.

2. Assessment of Board of Directors on the Board of Management performance

The Board of Directors of NT2 highly appreciates the achievements of the Executive Management and all employees of the Company in successfully fulfilling the production and business tasks in 2025. It was a successful year, yet full of challenges, as adverse factors such as contracted electricity output (Qc), rising gas prices, and increasing competition from renewable energy sources continued to persist. To ensure effective production and business operations, the Board of Directors and the Executive Management maintained strong unity and consensus in all aspects. The Board of Directors performed its role of directing and supervising the Executive Management's activities in production and business operations in line with the objectives and plans approved by the General Meeting of Shareholders. The Board of Directors highly values the efforts and determination of the Executive Management in operating the Company and successfully completing the assigned production and business plan for 2025.

In line with the unified direction, the Executive Management promptly implemented the resolutions of the Board of Directors, operated in accordance with its assigned functions and responsibilities, complied with internal regulations, and adhered to the Law on Enterprises and the Company's Charter. The Executive Management maintained regular weekly and monthly management meetings to address and resolve difficulties and obstacles arising in production and business activities. The Board of Directors and the Executive Management properly and fully exercised their functions, duties, and authorities as prescribed, jointly directing the Company's production and business activities to exceed the planned targets.

With the motto "Safe production, steady progress," NT2 operated Nhon Trach 2 Power Plant efficiently and safely in the competitive electricity generation market, continuously reinforcing its position in the power sector. In parallel, the Company closely coordinated with relevant parties to negotiate contracts that ensure the highest benefits for the Company and its shareholders. In 2025, the power purchase agreement was implemented effectively. The Company closely monitored and promptly grasped information on power system operations, organized quarterly electricity market operation conferences to develop appropriate bidding strategies, and conducted planning meetings to review costs and promote cost-saving practices, thereby enhancing production and business efficiency. Safe production was clearly demonstrated through the Company's well-recognized occupational health, safety, and environmental performance, with no incidents recorded. The Company incurred no penalties related to environmental violations. For many consecutive years, NT2 has been honored as one of the Top 100 Most Sustainable Enterprises. Alongside production and business activities, the Executive Management of NT2 consistently demonstrated corporate social responsibility, contributing 2.58 billion VND in social welfare activities in 2025 to support communities affected by natural disasters and assist disadvantaged households in Dong Nai Province.

In management and operational direction, the Board of Directors and the Executive Management maintained a high level of consensus, issuing appropriate solutions and decisions tailored to specific circumstances. The Executive Management demonstrated dynamism, creativity, and a strong sense of initiative, providing decisive and effective leadership that contributed to the successful achievement of production and business targets. In 2025, NT2 recorded total revenues of 7,978.15 billion VND and profit after tax of 1,130.28 billion VND, ensuring the interests of shareholders. The Board of Directors highly appreciates and sincerely acknowledges the efforts of the Executive Management in directing production and business activities to successfully exceed planned targets, despite the numerous challenges faced during 2025.

3. Plans and orientations of the Board of Directors for 2026

Building on the momentum achieved in 2025, the Board of Directors of NT2 has set the objective of “Safe production, steady progress” as the guiding principle for defining clear plans and operational directions for 2026, specifically as follows:

- Direct the safe, continuous, and efficient operation of Nhon Trach 2 Power Plant.
- Approve in detail and supervise the implementation of the 2026 production and business plan to be submitted to the General Meeting of Shareholders for approval
- Successfully organize the Annual General Meeting of Shareholders in 2026.
- Direct and oversee the Company's production and business operations to ensure safety and efficiency, striving to exceed the targets assigned by the General Meeting of Shareholders.
- Direct the Company to promptly recover receivables, including the remaining foreign exchange differences for the 2019–2021 period, in order to ensure balanced cash flows for production and business activities.
- Direct research and application of new technologies to improve the efficiency of generating units, thereby enhancing production and business performance.
- Strengthen coordination with relevant parties to ensure sufficient fuel supply for operations, achieving a balanced approach between electricity output and production and business profitability.
- Intensify the implementation of cost-saving and anti-waste practices.
- Urge the Company to accelerate research and application of technical and technological solutions to improve electricity generation efficiency.
- Perform supervision and inspection of the Executive Management and the Company's operations in accordance with the functions and responsibilities of the Board of Directors as stipulated by the Law on Enterprises and the Company's Charter.

V. CORPORATE GOVERNANCE

1. Board of Directors

1.1 Members and Structure of the Board of Directors

Full name	Position	Number of Shares Owned	Percentage	Notes
Mr. Ông Ngọc Hải	Chairman of the Board of Directors	42,170	0.015%	
Mr. Ngô Đức Nhân	Member of the Board of Directors	51,704	0.018%	
Mr. Lương Ngọc Anh	Member of the Board of Directors	0	0%	
Ms. Phan Thị Thúy Lan	Independent Member of the Board of Directors	0	0%	

1.2 Changes in the Members of the Board of Directors and the Board of Supervisors in 2025

In 2025, there is no personnel changes in the Board of Directors, Board of Management, and Board of Supervisors

1.3 The Committees of the Board of Directors

The Board of Directors does not establish committees under the Board but assigns tasks to each member in accordance with the Organizational and Operational Regulations of the Board of Directors, as stipulated in Decision No. 51/QĐ-CPNT2 dated November 17, 2021, of the Company's Board of Directors.

For important tasks requiring more manpower for focused direction, execution, and supervision, the Board of Directors will decide to establish a specialized council.

1.4 Activities of the Board of Directors

The number of Board of Directors Meetings

No.	Full name	Position	Number of Board Meetings Attended	Attendance Rate	Reason for Non-Attendance
1	Mr. Ông Ngọc Hải	Chairman of the Board of Directors	04	100%	
2	Mr. Ngô Đức Nhân	Member of the Board of Directors	04	100%	
3	Mr. Lương Ngọc Anh	Member of the Board of Directors	04	100%	

No.	Full name	Position	Number of Board Meetings Attended	Attendance Rate	Reason for Non-Attendance
4	Ms. Phan Thị Thúy Lan	Independent Member of the Board of Directors	04	100%	

The Board of Directors always fully performs its assigned duties and responsibilities, proactively collaborating with the Board of Management in managing all company activities to achieve the goal of fulfilling the business plan approved by the General Meeting of Shareholders. The Board of Directors directs, manages, and supervises the company's business operations, ensuring compliance with current legal regulations.

1.5 Contents and Results of the Board of Directors' Meetings

The Board of Directors always fully performs its assigned duties and responsibilities, proactively cooperating with the Board of Management in managing all company activities to achieve the goal of completing the business and production plan approved by the General Meeting of Shareholders. The Board of Directors directs, manages, and supervises the company's business and production activities, ensuring compliance with corporate regulations, state policies, and current laws.

Regularly organizing and presiding over meetings of the Board of Directors and the Board of Management, specifically:

- + Holding Board of Directors meetings to resolve matters within its authority.
- + Successfully organizing the 2025 Annual General Meeting of Shareholders.
- + Presiding over several important meetings related to business operations, investments, finance, and human resources.

In 2025, the Board of Directors successfully organized the Annual General Meeting of Shareholders, issued 13 Resolutions and 56 Decisions based on the Company's proposals, serving as a legal foundation and facilitating the Board of Management in effectively carrying out tasks and achieving the business plan approved by the General Meeting of Shareholders.

The Board of Directors, together with the Board of Management, has fully and properly performed the functions, duties, and powers as stipulated in the Company's Charter and NT2's Regulations.

Resolutions/Decisions of the Board of Directors:

No.	Resolution/Decision Number	Date of Signing	Contents	Approval Rate
-----	----------------------------	-----------------	----------	---------------

No.	Resolution/Decision Number	Date of Signing	Contents	Approval Rate
RESOLUTION				
1	01/NQ-HĐQT		Resolution on payment of the remaining dividend for 2023	100%
2	02/NQ-HĐQT	26/2/2025	Resolution on convening the Annual General Meeting of Shareholders for 2025	100%
3	04/NQ-HĐQT	8/4/2025	Resolution on adjustment of the plan for organizing the 2025 Annual General Meeting of Shareholders of NT2	100%
4	05/NQ-HĐQT	29/4/2025	Resolution approving certain matters at the 1st regular Board of Directors meeting on 29 April 2025	100%
5	07/NQ-HĐQT	22/7/2025	Resolution approving certain matters at the 2nd regular Board of Directors meeting on 22 July 2025	100%
6	09/NQ-HĐQT	12/09/2025	Resolution on the policy to extend framework contracts for DO fuel supply for Nhon Trach 2 Power Plant	100%
7	11/NQ-HĐQT	10/10/2025	Resolution on dividend payment from accumulated undistributed after-tax profits of NT2	100%
8	12/NQ-HĐQT	24/10/2025	Resolution approving certain matters at the 3rd regular Board of Directors meeting on 14 October 2025	100%
9	13/NQ-HĐQT	24/12/2025	Resolution approving certain matters at the 4th regular Board of Directors meeting on 24 December 2025	100%
DECISION				
1	01/QĐ-CPNT2	6/1/2025	Approval of the 2025 internal audit plan	100%
2	04/QĐ-CPNT2	10/1/2025	Approval of NT2's Internal Audit Procedures	100%
3	06/QĐ-CPNT2	14/1/2025	Decision on assessment of task completion for the last 6 months of 2024 of the Board of Directors and the Head of the Supervisory Board	100%

No.	Resolution/Decision Number	Date of Signing	Contents	Approval Rate
4	09/QĐ-CPNT2	17/1/2025	Approval of cost estimate and contractor selection plan for procurement of replacement gas turbine air filters in 2025	100%
5	10/QĐ-CPNT2	20/1/2025	Approval of amendments and supplements to the Salary Regulation	100%
6	14/QĐ-CPNT2	14/2/2025	Assignment of responsibilities for specialized fields and supervision of Company operations within the Board of Directors	100%
7	20/QĐ-CPNT2	19/3/2025	Approval of cost estimate and contractor selection plan for procurement of consumable materials for routine maintenance – Phase 1, 2025	100%
8	21/QĐ-CPNT2	19/3/2025	Approval of cost estimate and contractor selection plan for procurement of materials to handle abnormal electrical and CI issues – Phase 1, 2025 for NT2 Power Plant	100%
9	24/QĐ-CPNT2	14/4/2025	Approval of cost estimate and contractor selection plan for procurement of spare materials for the 2025 minor overhaul outage	100%
10	25/QĐ-CPNT2	17/4/2025	Approval of the list of materials for recovery and reuse	100%
11	31/QĐ-CPNT2	4/6/2025	Approval of liquidation and disposal of fixed assets and tools based on the inventory report as of 01 January 2025	100%
12	34/QĐ-CPNT2	18/6/2025	Approval of social welfare support funding for construction of a Community Cultural and Learning Center in Xuan Lung Commune, Quarter 8, Lam Thao District, Phu Tho Province	100%
13	36/QĐ-CPNT2	27/6/2025	Approval of contractor selection results for review of mid-year 2025 financial statements and audit of 2025 financial statements	100%

No.	Resolution/Decision Number	Date of Signing	Contents	Approval Rate
14	37/QĐ-CPNT2	14/7/2025	Assessment of task completion for the first 6 months of 2025 of the Board of Directors and the Head of the Supervisory Board	100%
15	38/QĐ-CPNT2	16/7/2025	Approval of NT2's Contractor Selection Regulation	100%
16	39/QĐ-CPNT2	17/7/2025	Amendments and supplements to NT2's Internal Expenditure Regulation	100%
17	40/QĐ-CPNT2	13/8/2025	Approval of the appendix contents of the entrusted contract for payment of forest environmental services of NT2	100%
18	41/QĐ-CPNT2	18/8/2025	Regulation on Fire Prevention, Firefighting and Rescue Operations of the Company	100%
19	43/QĐ-CPNT2	28/8/2025	Reappointment of Mr. Nguyen Van Quyen as Deputy General Director of NT2	100%
20	44/QĐ-CPNT2	04/09/2025	Labor norms for routine maintenance and repair of Nhon Trach 2 Power Plant	100%
21	45/QĐ-CPNT2	9/9/2025	Liquidation of fixed assets, tools and damaged, low-quality materials based on the inventory report at 00:00 on 01 July 2025	100%
22	46/QĐ-CPNT2	17/9/2025	Regulations on ensuring cybersecurity and information security for NT2's production and business information systems and for the SPPA-T3000 DCS industrial control system	100%
23	47/QĐ-CPNT2	17/9/2025	Leasing and pricing policy for leasing premises and apartments at NT2's service housing	100%
24	50/QĐ-CPNT2	21/10/2025	Contents of extension of framework contracts for DO fuel supply for Nhon Trach 2 Power Plant	100%
25	51/QĐ-CPNT2	02/12/2025	Contents of Amendment No. 17 to the Power Purchase Agreement of Nhon Trach 2 Power Plant	100%
26	52/QĐ-CPNT2	15/12/2025	Plan for liquidation of assets, tools and materials	100%

No.	Resolution/Decision Number	Date of Signing	Contents	Approval Rate
27	53/QĐ-CPNT2	25/12/2025	Temporary assignment of the 2026 production and business plan for NT2	100%
28	54/QĐ-CPNT2	29/12/2025	Economic and technical norms for 2026 of NT2	100%
29	55/QĐ-CPNT2	29/12/2025	Internal audit plan for 2026 of NT2	100%

1.6 Activities of the Board of Directors independent members.

Independent members of the Board of Directors work according to the tasks assigned by the Board, bringing positive effectiveness in their role as independent members:

- Enhancing the objectivity of the Board of Directors in resolutions and decisions guiding and directing
- the company.
- Strengthening transparency in the organization and operations of the Board of Directors and the company.
- Improving the effectiveness and quality of the Board of Directors' decisions.

1.7 Supervision Activities of the Board of Directors over the Board of Management

In 2025, the Board of Directors successfully organized the Annual General Meeting of Shareholders, issued 13 Resolutions and 56 Decisions to provide guidance and serve as the legal foundation for the Board of Management to effectively carry out tasks and fulfill the business plan approved by the General Meeting of Shareholders.

The Board of Directors issued regulations to ensure uniform implementation of activities within the Board. Each member of the Board worked according to the assignments agreed upon by the Board. The supervision and direction of the Board of Management in matters related to production and business activities were based on the issued decisions and resolutions.

The Board of Directors provided feedback on various matters through written opinion polls initiated by the Chairman of the Board, based on proposals from the Board of Management. This was done in a timely and comprehensive manner to facilitate the Board of Management in successfully executing the approved business operation plan.

The Board also conducted supervision, inspections, and monitoring of the company's business activities. Regular and timely exchanges of information between the Board of Directors and the Board of Management were carried out in a spirit of cooperation and mutual support, ensuring smooth coordination in working towards the company's overall success.

1.8 Training and capacity-building programs for corporate governance.

The company always focuses on training and capacity-building programs to enhance the knowledge of the Board of Directors, the Board of Management, and all employees, especially in corporate governance.

2. Board of Supervisors

2.1 Members and structure of the Board of Supervisors

Full name	Position	Number of shares owned	Percentage
Mr. Nguyễn Hữu Minh	Head of the Board of Supervisors	51,044	0.018%
Mr. Nguyễn Văn Kỳ	Supervisor	0	0%
Ms. Phan Lan Anh	Supervisor	0	0%

2.2 Activities of the Board of Supervisors

2.2.1 Number of Meetings of the Board of Supervisors

Full name	Position	Number of Board of Supervisors meetings	Attendance rate	Reason for non-attendance
Mr. Nguyễn Hữu Minh	Head of the Board of Supervisors	04	100%	
Mr. Nguyễn Văn Kỳ	Supervisor	04	100%	
Ms. Phan Lan Anh	Supervisor	03	75%	

2.2.2 Assessing activities of the Board of Supervisors

The activities of the Supervisory Board strictly comply with the operational regulations that have been issued. In 2025, the Board of Supervisors effectively implemented the action plan approved by the General Meeting of Shareholders. The Supervisory Board set out specific action programs, focusing on supervision and coordination with the Board of Directors and the Board of Management in adherence to the Company's Charter, the Resolutions of the General Meeting of Shareholders, operational regulations, procedures, and legal provisions.

Periodically, the Board of Supervisors holds meetings and provides opinions on various company matters, such as reviewing the quarterly financial statements. The Finance and Accounting Department collaborates with the Board of Supervisors in selecting the

auditing firm for financial statement audits, as authorized by the General Meeting of Shareholders. The Board of Supervisors continuously and systematically monitors compliance with regulations, procedures, and inspection activities to promptly assess the company's operational status and effectiveness.

The Board of Supervisors has fully participated in company briefing meetings and Board of Directors meetings. It has coordinated with the Board of Directors and the Board of Management in providing feedback and developing company regulations to serve as a legal basis for business management and operations.

2.3 Report on the Working Results of the Board of Supervisors

2.3.1 Results of Supervising the Company's Operations and Financial Situation

The Board of Directors and the Board of Management have exercised their rights and responsibilities with a high sense of duty, ensuring the legitimate interests of the Company and its shareholders. The Board of Directors has closely followed the objectives and directions set by the General Meeting of Shareholders, implementing specific tasks to achieve the best results.

Periodically, the Board of Supervisors reviews the Company's quarterly financial statements, the reviewed semi-annual financial statements, and audited financial reports. This process not only includes verifying documents, executed contracts, and related records but also involves issuing written recommendations to the Board of Directors and the Board of Management to ensure compliance and improve policies and regulations related to the Company's operations and financial situation. The recommendations made by the Board of Supervisors have been acknowledged and agreed upon by the Board of Directors and the Board of Management for corrective actions to enhance management effectiveness.

During the year, the Company did not encounter any disputes related to business operations, and the Board of Supervisors did not receive any petitions or requests from shareholders regarding inspections or verifications of management and operational issues.

The Company has fully complied with disclosure regulations applicable to listed companies, including financial reports, corporate governance reports, annual reports, disclosures on insider stock transactions, and dividend payments or advances. These disclosures have been made in a timely and comprehensive manner, ensuring shareholders and investors have access to official information.

2.3.2 Results of supervision over the members of the Board of Directors, the Board of Management, and other management personnel of the Company.

❖ Activities of the Board of Directors

The Board of Directors strictly implements the Resolutions of the General Meeting of Shareholders. The Board of Directors holds regular meetings to evaluate business performance and establish strategies and directions to achieve the business plan approved by the General Meeting of Shareholders. For urgent matters, the Board of Directors conducts written consultations within its decision-making authority.

In 2025, the Board of Directors successfully organized the Annual General Meeting of Shareholders, issued 13 Resolutions and 56 Decisions based on the company's proposals, serving as a legal basis and facilitating the Board of Management in effectively executing tasks and fulfilling the business plan approved by the General Meeting of Shareholders. These resolutions and decisions provide a foundation for procurement of materials and equipment, as well as internal regulations and policies in line with the current state policies, ensuring compliance with legal regulations and supporting the Board of Management in achieving the company's business objectives. The Board of Directors seriously implements the resolutions of the General Meeting of Shareholders. Periodically, the Board of Directors holds meetings to evaluate the results of production and business operations and to formulate strategies and directions to achieve the production and business plan approved by the General Meeting of Shareholders. For unforeseen issues, the Board of Directors conducts opinion polls within its decision-making authority.

❖ Activities of the Board of Management

The Board of Management always proactively proposes solutions and provides recommendations to the Board of Directors on matters within its authority.

The Board of Management consistently complies, coordinates, and facilitates the Board of Supervisors in performing its functions. The Board of Supervisors regularly participates in the Board of Management's weekly meetings, and all feedback from the Board of Supervisors is duly and promptly addressed.

3. Transactions, Remuneration, and Benefits of the Board of Directors, Board of Management, and Board of Supervisors

3.1 Remuneration, Rewards, and Other Benefits

The Board of Directors, Board of Management, and Board of Supervisors receive remuneration in accordance with the Resolution of the General Meeting of Shareholders

and the operating regulations of the Board of Directors and the Board of Supervisors.

3.2 Share Transactions by Internal Shareholders and the individuals related to the Internal Shareholders are as follows

STT	Person executing transaction	Internal shareholders affiliate	Beginning share balance		Final share balance		Reasons for changes (purchase, sale, conversion, bonus share allocation)
			Shares	Rate (%)	Share number	Rate (%)	
1	Mr Lương Ngọc Anh	Internal shareholders	24,510	0.0085 %	0	0%	Sale
2	Mr Trịnh Quốc Thắng	Internal shareholders	13,300	0.0046 %	0	0%	Sale
3	Mrs Đặng Thị Ngọc Bích	The affiliated person	0	0%	1,617,250	0,56 %	Purchase

3.3 Contracts or Transactions with Subsidiaries: None.

3.4 Implementation of regulations on corporate governance

NT2 consistently complies with all legal regulations regarding the corporate governance of listed companies. The company was established and has been operating as a joint-stock company since 2007, became a public company in 2009, and had its shares listed on the Ho Chi Minh City Stock Exchange in 2015. The company's governance and management structure are established and adhered to in accordance with the Law on Enterprises, the Law on Securities, and other relevant industry-specific legal regulations. The company ensures the appropriate ratio of non-executive board members and independent board members.

The General Meeting of Shareholders is held in full compliance with the legal regulations governing enterprises. Meetings of the Board of Directors are conducted and resolutions are passed in accordance with the company's Charter and the Law on Enterprises.

NT2 fully and promptly fulfills all periodic and extraordinary information disclosure obligations as required for public and listed companies.

The annual report and reports presented to the General Meeting of Shareholders are prepared with comprehensive content and information regarding business performance, governance, management, and supervisory activities.

The company strictly adheres to information disclosure regulations in the stock market and the corporate governance regulations applicable to listed companies.

The Board of Directors has developed and issued comprehensive internal governance regulations, established coordination mechanisms between the Board of Directors, the Board of Management, and the Supervisory Board, and implemented an evaluation system for assessing performance levels. To enhance corporate governance capacity and move towards international and regional governance standards, NT2 participates in governance training programs for members of the Board of Management, Board of Supervisors, and Board of Directors.

Thus, the Board of Directors has fully executed its responsibilities as required by law, with no pending governance obligations. The company's corporate governance practices strictly adhere to current regulations and have been recognized for transparency, as certified by Vietstock .

VI. SUSTAINABLE DEVELOPMENT REPORT

1. Overview of Sustainable Development

Sustainable development is defined as development that meets the needs of the present generation without compromising the ability of future generations to meet their own needs. It is a global issue, not just a concern for a single country. As economies grow, the scarcity of resources increases due to the depletion of non-renewable natural resources, leading to severe environmental degradation and ecological imbalances, which in turn result in catastrophic natural disasters. In particular, after the pandemic, nations, communities, businesses, and individuals have become more aware of their responsibilities—not only towards themselves and their families but also towards the broader community and global challenges. Issues such as non-traditional security threats and climate change demand greater attention and action. Thus, sustainable development is being widely promoted and implemented to ensure that progress in all aspects of society today does not hinder continued development in the long term.

This is a goal pursued by many countries worldwide. Each nation formulates its own strategy based on its unique economic, social, political, geographical, and cultural characteristics. Sustainable development is both a necessity and a challenge for all nations in the context of globalization and international economic integration. For both developed and developing countries, this issue is becoming increasingly urgent due to the growing need for global economic integration.

The United Nations Sustainable Development Summit in New York, USA, adopted the global sustainable development agenda until 2030, which includes 17 Sustainable

Development Goals (SDGs) and 169 targets aimed at ending poverty, combating inequality, and addressing climate change. Sustainable development involves the interconnected impact of three key factors: people, society, and the environment. A comprehensive approach to these issues requires economic development, environmental protection, social responsibility, and human resource development. People remain at the core of sustainable development. Businesses in Vietnam should set efficient production goals while also prioritizing environmental concerns, social welfare, and human well-being.

With over 18 years of development, PetroVietnam Nhon Trach 2 Power Joint Stock Company has consistently focused on efficient production aligned with sustainable development. In addition to annual revenue and profit targets, the company has made significant contributions to social welfare, totaling VND 40.13 billion, and has contributed over VND 3,872.84 billion to the state budget. NT2 is highly attentive to environmental issues, always assigning dedicated personnel to environmental management. Sustainable development remains a core principle in all of NT2's business activities, demonstrated through efforts in cost-saving and waste reduction. Every action taken by employees is directed toward a better and more sustainable future.

2. The company's green development orientation

Against the backdrop of climate change and the increasingly urgent need for global emission reductions, the energy sector is entering a period of significant transformation. As a gas-fired power plant, NT2 recognizes that green development is not just a trend, but a long-term commitment to the community, society, and the company.

Compared to other traditional power sources, gas-fired power plant has significantly lower CO₂, SO_x, and particulate matter emissions, thus reducing negative impacts on the environment and human health. NT2 utilizes combined-cycle gas turbine technology for high efficiency, fuel savings, and reduced emissions. This is one of the most advanced technologies currently available in the gas-fired power industry. NT2 uses environmentally friendly natural gas.

Green development is not just about technology, but also about operational methods, organization, and people. The company ensures safe production, builds an environmental management system according to international standards (ISO 14001), and continuously monitors: emissions, wastewater, noise, fuel consumption, and environmental impact.

In addition to operating the power plant, NT2 is also perfecting its corporate structure and participating in programs according to the government's development roadmap: competitive wholesale electricity market, Net Zero, digital transformation, etc. At the same

time, it ensures environmental health and safety, and is responsible to the community and society.

3. Implementation solutions to sustainable development assurance.

3.1 Maintaining and Improving the Health, Safety, and Environmental (HSE) System in Compliance with International Standards.

Like other industrial enterprises, NT2 inevitably has some impact on the environment. These environmental impacts vary in degree depending on the type, scale, and discharge levels of operations—NT2 is no exception. However, NT2 has effectively controlled management risks and minimized its environmental footprint. For many years, NT2 has successfully implemented an environmental management system in accordance with ISO 14001 and ISO 45001 international standards. In 2025, NT2 underwent evaluation and successfully renewed its ISO 14001 and ISO 45001 certifications. ISO 14001, an Environmental Management System (EMS) standard, was first introduced in 1996 by the International Organization for Standardization (ISO) and is now recognized in 138 countries and territories. NT2 was among the early adopters of this standard, ensuring full compliance with ISO 14001 and ISO 45001, which are the world's leading environmental management system standards. The benefits of implementing these standards include reducing environmental impact, minimizing waste and energy consumption, and cutting operational costs for the business.

The company has a team of internal assessment experts and an independent evaluation unit, BSI, that conducts annual reviews to ensure the continuous maintenance of the system. Additionally, any detected errors or violations are promptly corrected to ensure the safe operation of Nhon Trach 2 Power Plant without incidents. This also safeguards employees' health, which is why NT2 consistently receives high evaluations for its occupational safety practices each year.

3.2 Creating a clean and Organized environment through the Implementation of the 5S methodology.

The working environment is crucial for employees during their time at the company. To create a clean, organized, and systematic workplace, NT2 has implemented the 5S methodology (Sort – Set in order – Shine – Standardize – Sustain). This improvement method is simple, easy to understand for everyone, easy to implement, and cost-effective while delivering significant results. Therefore, PetroVietnam Power Nhon Trach 2 Joint Stock Company has successfully maintained its implementation for the past years. 5S plays a key role as a management tool, fostering a structured, clean, and organized work environment while encouraging creativity. As a result, employees develop strong habits and a high sense of self-discipline and responsibility.

In 2025, NT2 continues to maintain and implement the 5S methodology for all employees. 5S is a workplace organization method that promotes systematic and scientific arrangement. Employees who have attended training sessions have successfully applied 5S across the company. After completing the training, employees are equipped with fundamental knowledge, key principles, and essential requirements to effectively implement the program both at the departmental level and throughout the company.

3.3 Fire Prevention and Fighting (FPF) Work

PetroVietnam Power Nhon Trach 2 Joint Stock Company effectively implements occupational safety and fire prevention measures within the unit. NT2 conducts monthly inspections of occupational safety and workplace hygiene across the company and performs periodic checks on the Fire Prevention and Fighting (FPF) system at Nhon Trach 2 Power Plant.

At NT2, health, safety, and environmental (HSE) management is always ensured, with no incidents affecting plant operations. This is achieved through drills and training sessions to enhance professional skills, as follows:

- Participating in the Occupational Safety, Hygiene, and Fire Prevention Sports Competition and the Health, Safety, and Environment (HSE) Conference organized by PV Power.
- Organizing a fire prevention and fighting, as well as an oil spill response exercise, with the coordination of multiple forces.
- Inspecting certification of equipment subject to strict occupational safety requirements in accordance with regulations, along with safety checks of factory structures and signage during the storm season.
- Inspecting procedures/technical regulations, safety engineering, occupational hygiene, and electrical safety to ensure overall safety.
- Inspecting grounding resistance throughout the entire plant.
- Distributing of personal protective equipment (PPE) for all employees in 2025.

3.4 Environmental Protection Activities.

Environmental protection is the responsibility of PetroVietnam Power Nhon Trach 2 Joint Stock Company. Environmental quality monitoring aims to assess the potential impact of production activities on human health and the surrounding environment. This is also a strategic direction in the company's development.

In order to ensure sustainable economic development while integrating environmental protection in line with global sustainability trends, and to comply with the requirements outlined in the Environmental Impact Assessment Report Approval Decision No. 132/QĐ-BTNMT for the Nhon Trach 2 Combined Cycle Power Plant Project, issued by the Ministry of Natural Resources and Environment on January 22, 2008, NT2 has collaborated with a consulting firm to conduct surveys and monitor air quality, emissions, wastewater, and surface water over the past year. These efforts have been documented in the 2025 Environmental Protection Report. Environmental monitoring activities include:

- Compile statistics on wastewater, solid waste, and emissions sources from production activities; determine the quantity of waste (wastewater, solid waste, emissions, etc.) generated by the plant.
- Surveying and collecting information on environmental protection activities that have been and are being implemented at the plant.
- Monitoring of noise and vibration parameters in the ambient air and production areas.

- Monitoring of pollution parameters in emissions at the discharge source.
- Monitoring of pollution parameters in wastewater.
- Monitoring of pollution parameters in cooling wastewater.
- Monitoring of pollution parameters in surface water.
- Automatic and continuous wastewater monitoring. Monitoring data is transmitted directly to the Department of Natural Resources and Environment of Dong Nai Province
- Organization of World Environment Day awareness activities.

In 2025, safety, health, and environmental protection were consistently ensured, with no incidents affecting the operation of Nhon Trach 2 Power Plant. Additionally, the company actively promotes a green, clean, and beautiful environment by planting more trees around its premises.

4. Stakeholder Engagement

4.1 For Shareholders

NT2 has continued to meet information disclosure standards and fulfill its commitments to shareholders for many consecutive years. The company maintains transparency by publicly disclosing information through mass media and timely providing updates to shareholders in compliance with regulations. NT2 prioritizes profitability to safeguard shareholder interests.

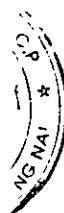
In 2025, with slogan **"Safe production, steadfast progress"**, despite challenges such as rising fuel prices and the increasing presence of renewable energy sources, NT2 exceeded its post-tax profit targets. In 2025, NT2 successfully distributed a 15% cash dividend, amounting to VND 431.81 billion.

Every month, NT2 updates shareholders on business operations, including electricity output, revenue, key events, and major company activities, ensuring timely access to essential information.

4.2 For Partners

With the motto **"Friendly – Efficient – Safe,"** NT2 always maintains a harmonious relationship with partners, fostering mutually beneficial cooperation while ensuring common interests. NT2 closely collaborates with NSMO/EVN dispatching and PVGas to effectively manage the gas-to-power supply chain, ensuring safe operations and stable electricity supply to the National Grid. The company continuously updates information and regulations, preparing for participation in the wholesale electricity market when implemented.

4.3 For the Government



The company complies with state regulations and laws. NT2 ensures stable business operations, focusing on its core value of electricity production and trading; it does not engage in scattered investments that could lead to waste or losses.

The power generated from the Nhon Trach 2 Power Plant contributes to national energy security. NT2 operates the plant in continuous shifts 24/7, ensuring a timely electricity supply as required by the system.

4.4 For the Community

Social welfare and community responsibility are always prioritized by NT2. In 2025, NT2 contributed VND 207.65 billion to the state budget and VND 2.58 billion to social welfare programs. Throughout its development, NT2 has paid over VND 3,872.84 billion in the state budget and contributed VND 40.13 billion to social welfare initiatives. Social welfare activities are carried out annually. The company regularly provides support to disaster-affected areas, donates gifts, and assists disadvantaged families in Dong Nai, etc.

4.5 For the Environment.

PetroVietnam Power Nhon Trach 2 Joint Stock Company conducts regular environmental inspections and submits periodic reports to relevant stakeholders. In 2025, NT2's health, safety, and environmental (HSE) efforts were highly regarded. Specifically, NT2 implements regular environmental monitoring and control as follows:

Frequency of environmental monitoring: every 3 months.

Frequency of environmental protection reporting: annually.

The 2025 environmental monitoring results were conducted to assess the environmental quality of PetroVietnam Power Nhon Trach 2 Joint Stock Company. These monitoring results serve as a basis for tracking environmental quality trends and implementing measures to mitigate and address negative environmental impacts.

NT2 always complies with legal requirements in the field of environmental protection and is highly regarded by relevant authorities for its environmental protection performance.

5. The impact of greenhouse emissions on the environment:

Greenhouse gases are gases capable of absorbing long wavelength (infrared) radiation that is reflected back from the surface of the earth when exposed to sunlight. And then they re-radiate heat back to the surface of the Earth — the greenhouse effect. The major greenhouse gases being water vapour, CO₂, CH₄, N₂O, O₃ and perfluorocarbons. They have a large effect on how warm the planet gets. In the absence of them, the average surface temperature of the Earth would be roughly 33 °C (59 °F) colder than it is now.

The emissions from the Nhon Trach 2 Power Plant mainly consist of NO_x, CO₂, and CO, released through its chimneys. However, the plant's CO₂ emissions are 30% lower than those of a coal-fired power plant with similar capacity. In 2025, the total greenhouse gas emissions amounted to 1,339,837 tons of CO₂ equivalent, a 13.85% increase compared to the total emissions of 1,177,038 tons of CO₂ equivalent in 2024. Greenhouse gas emissions are closely monitored. NT2 implements the following measures to reduce emissions:

- Utilizing gas turbines with advanced technology to enhance efficiency and reduce emissions per unit of fuel consumption.
- Strictly adhering to maintenance and servicing schedules as specified by the manufacturer.

According to the manufacturer's design, the gas turbine is equipped with 24 burners arranged in a circular pattern. The HR3 hybrid burners can operate on both natural gas and diesel oil (DO). Emission levels of NO_x, CO, and particulate matter do not exceed the limits set by the Vietnam National Standards 22:2009. Additionally, the plant is designed with a main chimney at least 60 meters high and branch chimneys at least 35 meters high, with a diameter of approximately 6.8 meters. This allows pollutants in the exhaust gases to disperse quickly, ensuring that NO_x and CO concentrations at the chimney top remain below the limits of the Vietnam National Standards 22:2009, while ambient air pollution levels stay within permissible levels. Furthermore, the plant is equipped with an automatic emissions monitoring system at the chimney top to track and analyze exhaust gas components in real time. This ensures timely adjustments to keep emissions compliant with the Vietnam National Standards 22:2009.

6. Management of materials

6.1. Use of materials

Materials have a strong impact on the environment, ecosystems, and sustainable development in general. Prolonged industrialization and modernization lead to increasing exploitation and use of materials. For the power trading and producing companies like NT2, material management and consumption have environmental effects. Accordingly, PetroVietnam Power Nhon Trach 2 Joint Stock Company always pays attention to environmental issues with emphasis on material management.

NT2 owns, operates, and manages Nhon Trach 2 Power Plant. The company primarily uses natural gas, sourced from the Sao Vang-Dai Nguyet, Hai Thach-Moc Tinh, and Nam Con Son fields. Besides natural gas, diesel oil (DO) serves as a backup fuel for the plant. NT2 is recognized as an "environmentally friendly" power plant, thanks to its combined-cycle gas turbine technology, which operates with minimal noise and uses natural gas—a cleaner fuel compared to other energy sources. In the power industry, different energy sources have varying environmental impacts. Hydropower affects ecosystems and water

flow, sometimes causing significant environmental disruption. Coal power contributes to air pollution, contaminates water used in processing, and degrades soil quality. In response to environmental concerns and the need to reduce greenhouse gas emissions, many countries are prioritizing renewable energy and natural gas power while limiting coal power. According to projections, coal-fired power, which accounted for 40% of electricity generation in 2012, is expected to decline to 29% by 2040. Meanwhile, renewable energy is set to rise from 22% to 29%, and gas-fired power, like NT2, is expected to grow from 22% to 28%. (source: www.eia.gov).

Nhon Trach 2 Power Plant mainly uses natural gas as its main fuel, with diesel oil (DO) serving only as a backup. The total amount of materials NT2 used in 2025 is 607.17 million Sm³. Additionally, electricity, as a unique product, is directly transmitted to the national grid without the need for storage, unlike industries such as consumer goods, construction, and pharmaceuticals, which require raw materials for inventory. This characteristic helps minimize resource consumption and contributes to environmental sustainability.

6.2. Recycling of materials

Since NT2's fuel source is mainly natural gas, which is transported via pipelines and directly used for power generation, there is no need for storage or recycling that could impact the environment, unlike other fuel sources. Additionally, Nhon Trach 2 power plant utilizes combined-cycle gas turbine technology, ensuring that the entire input gas is converted into electricity without emissions, helping to minimize waste and prevent an increase in environmental temperature.

7. Energy consumption

7.1 DO Gas and Diesel Oil (DO) Fuel

The Nhon Trach 2 power plant predominantly uses natural gas, sourced from the Sao Vang-Dai Nguyet, Hai Thach-Moc Tinh, and Nam Con Son fields. To protect the environment and promote sustainable development, many countries today are focusing on expanding gas-fired power and renewable energy sources such as wind and solar power. This shift aligns with the global trend toward sustainability, as hydropower impacts forest resources, while coal power continues to pose serious environmental threats, particularly affecting workers' health due to hazardous conditions and air pollution. As a result, gas-fired power and renewable energy are increasingly prioritized. However, natural gas resources are becoming scarcer, and reserves are gradually depleting. Therefore, it is essential to utilize gas efficiently while also exploring new alternative energy sources.

The gas consumption in 2025 is 607.17million Sm³, a 14.41% increase compared to 530.7 million Sm³ in 2024. In 2025, the Nhon Trach 2 Power Plant did not consume any diesel oil (DO).

- ❖ **Gas Fuel Savings:** In 2025, 185,229 BTU of natural gas was saved.
- ❖ **Self-Consumption Electricity Savings:** In 2025, 1,928,696 kWh of electricity was saved.

7.2 Electricity consumption

NT2 consistently prioritizes environmental protection and the efficient use of energy. For several consecutive years, NT2 has been recognized among the Top 100 Sustainable Development Enterprises. The company has a total of 170 employees, who primarily work in the administrative building and operational areas, resulting in relatively low electricity consumption. NT2 uses electricity for lighting across various areas, including the security post, administrative zone, cafeteria, central control room, GT5, GT6, and ST4 turbine halls, heat recovery steam generator, oil pump station, warehouse, security lighting, internal roads, and the security guard parking area.

The company's energy demand for the lighting system is substantial. The lighting system is installed across Nhon Trach 2 Power Plant, the operational area, the administrative building, and the surrounding premises. To maximize energy savings while ensuring sufficient illumination for efficient work, the entire plant's lighting system is regulated using timers and light sensors. These control devices are programmed according to seasonal conditions to optimize energy savings while maintaining appropriate lighting levels. The company has instructed all departments and employees to practice energy conservation and minimize waste. Office spaces maximize the use of natural daylight during the day to reduce energy consumption. Light switches in office workspaces, hallways, and control rooms within the building are arranged in separate groups, allowing selective activation based on actual usage needs.

Lighting switches in office workspaces, hallways, and control rooms within the building are arranged in groups, allowing switches to be turned on only as needed. Workspaces are designed to maximize natural daylight, helping to save energy. In workshops area, machine halls, and internal pathways, the primary lighting includes 250W and 400W high-pressure sodium lamps, 200W floodlights, and standard and explosion-proof T8 fluorescent tubes. Additionally, compact fluorescent lamps, T5 tubes, and LED lights are used for energy efficiency. These lights are strategically arranged with alternating switching mechanisms to minimize power consumption in areas not in use.

To conserve energy, NT2 is gradually transitioning to LED lights, which reduce power consumption by up to 50%.

7.3 Emissions

7.3.1 Emissions from Vehicles

❖ Impact

Although emissions from NT2's vehicles are not significant, they still have some environmental impact. These emissions primarily come from vehicles used for

transporting raw materials and fuel at the oil import port, as well as for internal transport within the plant. The vehicles, which mainly run on gasoline and diesel, release exhaust gases containing various air pollutants, including CO_x, NO_x, SO₂, hydrocarbons, aldehydes, and particulate matter. However, this pollution source is dispersed and remains negligible.

❖ **Methods:**

Since the number of transportation vehicles at the plant is limited, emissions from these vehicles are sporadic and dispersed. To minimize emissions, Nhon Trach 2 Power Plant has implemented the following measures :

- Regularly inspecting and maintaining transport vehicles to optimize performance, prevent fuel loss, and ensure good technical conditions ;
- Adding more potted plants and greenery within the company premises to help improve air quality.

7.3.2 Emissions from Turbines

❖ **Impact**

The plant operates with two gas turbines in a combined-cycle system, generating emissions primarily composed of NO_x, CO, particulate matter, and a small amount of SO₂. However, since natural gas—considered an environmentally friendly fuel—is the primary energy source, emissions remain relatively low. Diesel oil (DO) serves as a backup fuel in case of gas supply disruptions and is stored in an 8,000 m³ tank, though such occurrences are rare. When DO is used, combustion emissions mainly consist of NO_x, SO_x, CO, and particulate matter.

❖ **Methods:**

operation of gas turbines continuously releases NO_x, CO₂, and CO into the environment through chimneys. The following measures have been implemented to reduce turbine emissions :

- Utilizing gas turbines with advanced technology to enhance efficiency and reduce emissions per unit of fuel consumption;
- Strictly adhering to maintenance and servicing schedules as specified by the manufacturer ;
- According to the manufacturer's design, each gas turbine is equipped with 24 burners arranged in a circular pattern. The HR3 hybrid burners can operate on both natural gas and diesel oil (DO). Emission levels of NO_x, CO, and particulate matter do not exceed Vietnam National Standards 22:2009. Additionally, the plant is designed with a main chimney at least 60 meters high and branch chimneys at least 35 meters high, with a diameter of approximately 6.8 meters. This design ensures that pollutants disperse quickly, keeping NO_x and CO concentrations at the chimney top below Vietnam National Standards 22:2009 and maintaining ambient air pollution levels

within Vietnam National Standards 05:2009. Furthermore, the plant has installed an automatic emissions monitoring system at the chimney top to track and analyze exhaust gas components in real time. This allows for timely adjustments to ensure compliance with Vietnam National Standards 22:2009.

7.3.3 Total emissions

The total emissions in 2025 amounted to 23.321.860.380 m³, a 39,6% decrease compared to 38.624.522.040 m³ in 2024. This reflects the company's efforts in environmental protection and greenhouse gas reduction.

8. Water consumption

8.1 Water Supply Source

Nhon Trach 2 Power Plant uses two main water sources: municipal water and surface water. Municipal water, supplied by Dong Nai Water Supply Company, is used for both production and domestic purposes at NT2, with a total consumption of 81.606 m³ in 2025. Surface water is used for cooling plant equipment and is extracted from the Dong Tranh River under Water Extraction and Utilization Permit No. 381/GP-BTNMT, issued on September 27, 2024. The total volume of surface water extracted and used in 2025 was 340.896.552 m³.

According to statistics, before 2015, Vietnam primarily relied on hydropower, followed by coal-fired power, both of which consume a significant amount of water. Nearly all activities related to power generation, distribution, consumption, and disposal at the end of a power plant's lifecycle involve water usage or contribute to water pollution.

While every stage in the lifecycle of coal—from mining, processing, transportation, to combustion for power generation—has negative impacts on water resources, gas-fired power plants like Nhon Trach 2 Power Plant offer significant advantages in water conservation and environmental protection.

8.2 Recycled and Reused Water Volume

Due to the nature of power production, NT2 primarily uses water for cooling purposes and does not recycle it, thus having no impact on the environment.

8.3 Water-Saving methods

Clean water sources are increasingly diminishing due to pollution and wastewater discharge. Recognizing this issue, NT2 has implemented water-saving measures not only in power generation but also in daily operations. The company applies the ISO 14001 environmental management system, with a strong focus on water resource control.

To conserve water and prevent waste, NT2 conducts regular pipeline inspections to detect and prevent leaks, installs certified water meters, tracks and records water consumption monthly, and promotes water-saving awareness. The company frequently inspects pipelines for leaks by checking water meter readings before and after a two-hour

non-usage period. If any leakage is detected, immediate repairs are carried out to prevent water loss.

Additionally, NT2 develops annual water usage plans and consumption benchmarks for both the plant's operations and domestic use.

1.1 Wastewater Treatment

NT2 was granted Wastewater Discharge Permit No. 1907/GP-BTNMT by the Ministry of Natural Resources and Environment on July 29, 2015.

In compliance with environmental protection principles and impact reduction measures, Nhon Trach 2 Power Plant strictly follows periodic wastewater monitoring as required by law and its approved Wastewater Discharge Permit. Additionally, the plant has installed an automated continuous monitoring system for cooling water to track wastewater quality. All wastewater from the plant is treated according to Vietnam National Standards before being discharged into the environment. The wastewater sources within the plant include thermal wastewater, oil-contaminated wastewater, chemical wastewater, and domestic wastewater. The wastewater treatment system collects treated water from various wastewater treatment stations, ensuring it meets industrial discharge standards before being released into the environment.

a) Domestic Wastewater

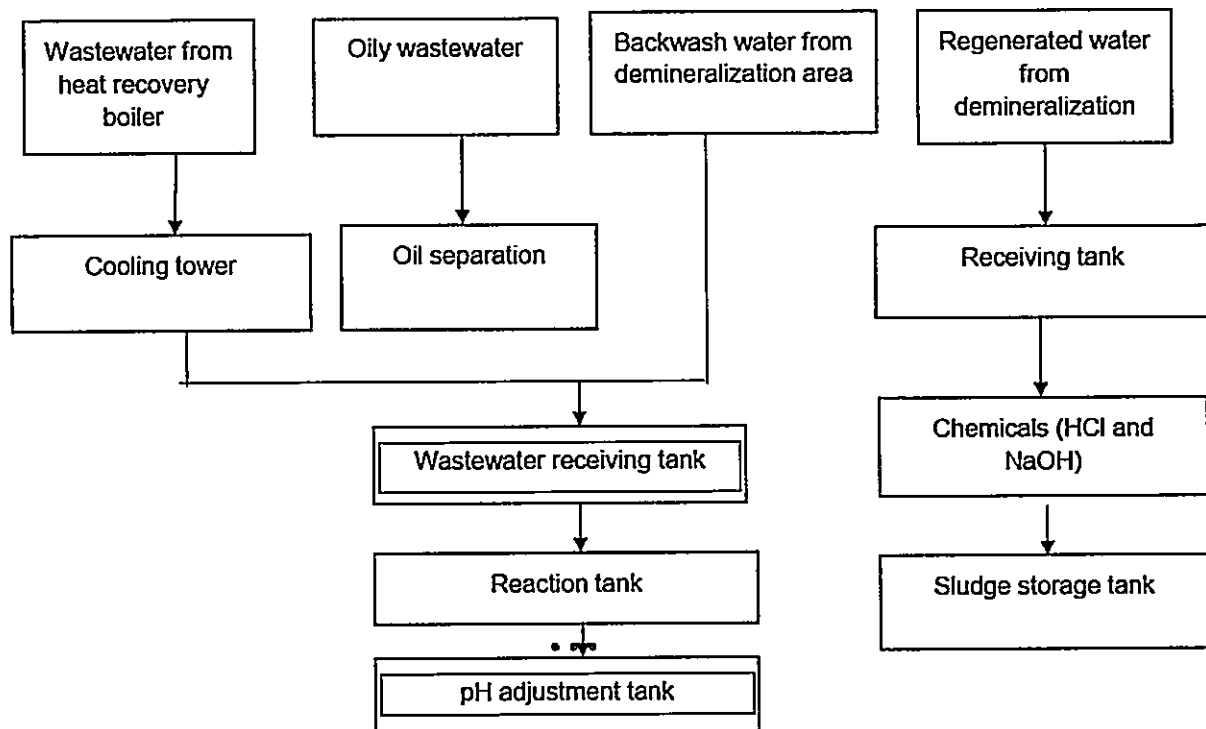
❖ Impact

- The average domestic water supply in 2025 is 25 m³ per day-night, based on the Building Code of Vietnam 33:2006 - Section 3.7 – Table 3.4: Water supply standards for industrial production facilities.
- Thus, the average domestic wastewater volume is approximately 20 m³ per day. The presence of high organic content and microorganisms in the wastewater reduces dissolved oxygen levels, which can negatively impact aquatic life and the self-purification capacity of the river.

❖ Methods:

To minimize the impact of domestic wastewater, Nhon Trach 2 Power Plant has implemented the following wastewater treatment process:

Process Wastewater Treatment



b) Industrial Wastewater:

❖ Cooling Wastewater

• Impact :

Cooling water is sourced from the Dong Tranh river through the main cooling water pump system, with a maximum intake capacity of 16.4 m³/s. Since cooling water does not participate in any chemical or industrial processes and is used solely for heat exchange, it is classified as clean wastewater and does not require treatment before being discharged into the environment.

The average cooling water consumption in 2025 is approximately 973,990 m³ per day-night, showing a decrease compared to 2025, which was around 884,039 m³ per day-night.

• Methods:

The water intake and cooling water discharge points are at least 1 km apart. Additionally, the discharge channel is designed to create waves, enhancing heat dissipation and preventing thermal recirculation of hot wastewater;

The cooling water discharge flow is regulated to enhance heat dissipation and improve heat exchange efficiency with the receiving environment. The plant continuously monitors and supervises the intake and discharge water temperatures at the plant's outflow point and the external water environment to ensure that the temperature difference does not exceed 5°C. This allows for timely corrective actions in adverse situations, ensuring compliance with Vietnam National Standards 40:2011 issued by

the Ministry of Natural Resources and Environment.

Chlorination is applied to prevent algae and biofouling in the cooling water system. Chlorine is injected at a controlled rate, ensuring that the remaining concentration at the discharge point is below 0.02 ppm, which does not cause any significant environmental impact. Regarding Total Suspended Solids (TSS), levels may increase by 15-20% compared to the initial concentration. However, due to pre-settling processes in the conveyance channels and pump pits, the discharged TSS level always remains equal to or lower than the natural TSS levels in the Long Tau River. During the rainy season, if the Dong Tranh River experiences acidification, a controlled amount of NaOH is added to the cooling water to maintain a pH of at least 6. Despite differences in pH, TSS, and temperature, the discharged cooling water does not significantly affect the water quality of the Long Tau river.

❖ Wastewater from the Demineralization System

During the demineralization process and the regeneration of ion exchange resins, the use of corresponding acid and base solutions is required. The plant's continuous wastewater discharge from the demineralization system is approximately 30 m³ per day-night.

❖ Oil-Contaminated Wastewater

Oil-contaminated wastewater mainly consists of rainwater mixed with oil, which is collected from the oil storage area and the main turbine hall. However, oil leaks from storage tanks and pipelines are rare, so the oil concentration in this wastewater is minimal. The average volume of oil-contaminated wastewater at the plant is approximately 60 m³ per day-night.

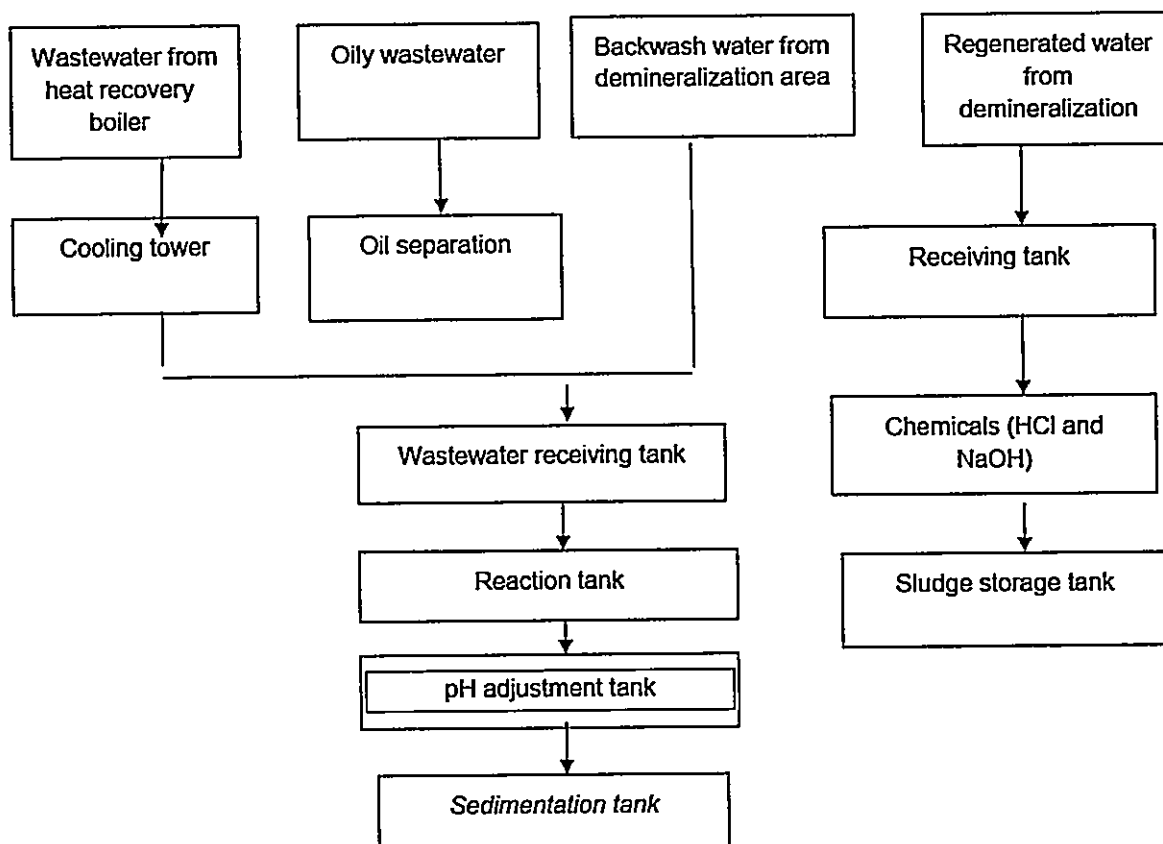
❖ Wastewater from the Heat Recovery Steam Generator (HRSG)

This wastewater is continuously generated at a rate of 5 m³ per day-night.

Wastewater from the Heat Recovery Steam Generator (HRSG): The feedwater for the HRSG comes from the demineralization system, meaning its composition is relatively clean. Wastewater is only discharged when it fails to meet required parameters such as conductivity and pH levels. As a result, HRSG wastewater is first collected in the Blowdown wastewater tank, then pumped to the general wastewater storage tank, and finally treated to meet standards before being discharged into the Dong Tranh River.

All wastewater from the HRSG, oil-contaminated wastewater, and wastewater from the demineralization system undergoes preliminary treatment before being processed in the central wastewater treatment system.

The process flow diagram for industrial wastewater treatment is illustrated in the following figure:



❖ Total Wastewater Volume

In 2025, the total volume of industrial wastewater discharged by NT2 was **35,330 m³**, marking a 9.66% increase compared to **39,107m³** in 2023. The total treatment system capacity for industrial wastewater is 859 m³ per day, with 100% of the wastewater being treated. Wastewater monitoring was conducted four times throughout the year.

The total volume of cooling water used by Nhon Trach 2 Power Plant was 280,240,310 m³, with an average temperature of 34°C.

All wastewater discharge and treatment processes fully comply with Vietnam National Standards 40:2011.

9. Waste Management

9.1 Domestic Solid Waste

❖ Sources of impact:

Waste is generated from the daily activities of company employees and from debris collected from the Dong Tranh River at the trash screen of the plant's cooling water circulation pump station.

9.2 Generated Waste

Waste is generated from the daily activities of company employees. The composition of domestic solid waste at the plant includes:

- Organic waste: leftover food, vegetables, fruits, etc.
- Paper-based products: paper, cardboard, newspapers, etc.
- Inorganic materials: plastics, PVC, glass, etc.
- Metals: metal cans, containers, etc.

If domestic waste is not properly collected and treated, it can negatively impact both the workplace environment and the surrounding ecosystem. The decomposition of organic waste, such as leftover food and vegetables, produces unpleasant odors and contributes to environmental pollution.

Non-biodegradable waste, including plastic bags, paper, and aluminum cans, can accumulate in soil and water, affecting aesthetics and waterway traffic. Over time, these materials break down into toxic compounds, contaminating soil and water, and disrupting the growth and development of microorganisms in both terrestrial and aquatic ecosystems.

❖ Methods

To control pollution from domestic solid waste, the plant has implemented the following measures:

- Selecting appropriate materials that generate less waste or can be reused whenever possible;
- Sorting waste at the source to facilitate proper collection, treatment, and disposal;
- Placing waste collection bins in suitable locations, accompanied by instructional signs to support efficient waste management and prevent spillage within the plant;
- NT2 has signed a contract with Long Tho Environmental Service Cooperative to ensure waste collection and treatment in compliance with regulations.

❖ Total Domestic Solid Waste Volume

In 2025, the total volume of domestic solid waste was 74.130 kg, representing a 1.7% decrease compared to 75,410 kg in 2024, with 100% of the waste properly treated. NT2 has contracted Long Tho Environmental Service Cooperative to handle waste disposal.

9.3 General Industrial Solid Waste

❖ Sources of impact:

General industrial solid waste is primarily generated during major maintenance periods at the plant. This includes discarded air filters, packaging materials for supplies and equipment, pallets, wooden crates, plywood, and furnace slag. This waste is collected, transported, and properly treated by Viet Uc Environmental Joint Stock Company in compliance with regulations.

❖ Methods:

NT2 has signed a contract with Viet Uc Environmental Joint Stock Company for the

collection, transportation, and treatment of general industrial solid waste in accordance with Government Decree 08/2022, dated January 10, 2022, which provides detailed regulations on certain provisions of the Law on Environmental Protection.

Generated waste is collected and classified by type before being handed over to the contractor for proper collection, transportation, and treatment in compliance with current legal regulations.

❖ **Total Volume of General Industrial Solid Waste :**

In 2025, the total volume of general industrial solid waste generated was 19.050 kg, marking a 2.336% decrease compared to 782 kg in 2024. This significant reduction was due to the scheduled plant maintenance and repairs in 2025. All generated waste was 100% properly treated.

9.4 Hazardous Waste

❖ **Sources of impact:**

Hazardous waste is generated from the plant's operations, particularly during major maintenance periods. This includes sludge waste, contaminated filters and rags, discarded fluorescent lamps, metal and plastic containers with hazardous residues, welding slag with heavy metals, used engine oil, paint residues, waste paint and varnish with organic solvents, and furnace slag. NT2 has signed a contract with Viet Uc Environmental Joint Stock Company for the collection, transportation, and treatment of hazardous waste in compliance with regulations.

❖ **Methods:**

NT2 has been granted a Hazardous Waste Generator Registration Certificate No. 358/Registration Book - Sub-Department of Environmental Protection by the Department of Natural Resources and Environment of Dong Nai Province on December 5, 2013 (3rd issuance).

NT2 has signed a contract with Viet Uc Environmental Joint Stock Company for the collection, transportation, and treatment of hazardous waste in compliance with the current environmental protection regulations.

Hazardous waste generated at the source is collected and classified by type, stored in appropriate packaging, and kept in the company's hazardous waste storage facility. This storage area is equipped with warning signs, meets technical safety requirements, and is properly labeled in accordance with government regulations before being handed over to a licensed waste treatment unit.

The company also monitors and verifies the collection, transportation, storage, treatment, and disposal of hazardous waste to ensure it is handled at the designated location and facility as specified in the contract.

❖ **Total Volume of Hazardous Waste :**

In 2025, the total volume of hazardous waste generated was 12,494 kg, marking a 72,54% decrease compared to 7,241 kg in 2024. Due to the scheduled plant maintenance and repairs in 2025. All generated waste was 100% properly treated.

NT2 has contracted Viet Uc Environmental Joint Stock Company for the collection, transportation, and treatment of hazardous waste in compliance with Government Decree 08/2022, dated January 10, 2022.

10. Noise

Nhon Trach 2 Power Plant is designed to minimize noise levels, ensuring a safe working environment for employees at NT2 and the surrounding area.

Under normal operating conditions, noise levels are maintained below 85 dB(A) at a distance of 1 meter from noise-generating equipment and 1.5 meters above the equipment surface.

To limit noise levels and ensure safe working conditions while complying with environmental standards, NT2 has implemented the following measures :

- Gas turbines are soundproofed.
- Air ducts of the gas turbines are equipped with soundproofing insulation.

Additionally, smaller machinery components are designed with noise reduction features and are encased in additional soundproofing materials. Lubricating and control oils for various components are stored in separate filtration chambers. The walls of both the gas and steam turbine halls are designed with soundproofing materials and are engineered to enhance sound absorption. Nhon Trach 2 Power Plant is built to strict noise reduction standards, ensuring a safe working environment for employees and minimizing impact on the surrounding area.

11. Initiatives of efficiently using energy.

11.1 Specific Initiatives

NT2 always encourages employees to promote initiatives and technical improvements to contribute to environmental protection. The company regularly encourages employees to promote technical innovations, in which initiatives related to energy saving are primary concerned. To encourage this movement, NT2 that has established a Science and Technology Council, issued regulations and rules to encourage and motivate employees to compete in creativity, contributing to the sustainable development of the company. In 2025, NT2 saved 90.67 billion VND, part of which was saved from efficient energy use.

First initiative, the company's offices are designed to be open and well-ventilated, with glass windows and surrounding curtains, allowing employees to utilize natural daylight during working hours, thereby reducing the need for artificial lighting.

Second initiative, timers and light sensors are installed and adjusted seasonally to automate the switching of the lighting system throughout the plant, ensuring energy

savings while maintaining adequate illumination for operations.

Third initiative, the company has replaced its entire lighting system with new-generation energy-saving LED lights.

NT2 emphasizes its commitment to sustainable and environmentally friendly development. Additionally, the company actively integrates advanced information technology solutions into management and operations to reduce production costs, enhance energy efficiency, and protect the environment.

11.2 Energy Savings Level

Implementing energy savings in production and business operations is a core principle of the company's management, aimed at reducing costs and protecting the environment. In 2025, PetroVietnam Power Nhon Trach 2 Joint Stock Company successfully optimized operations with the following energy-saving results:

- ❖ **Gas fuel savings:** 185,229 Tr.BTU in 2025.
- ❖ **Self-consumption electricity savings:** 1,928,696 kWh in 2025.

12. Compliance with the law on environmental protection

In 2025, NT2 was recognized as a sustainable enterprise, consistently complying with environmental protection laws, pollution control, waste recycling, and resource conservation. The government enacts environmental protection laws along with accompanying regulations and procedures to safeguard and restore the environment, ensuring a clean and livable future for the next generations. In addition to adhering to existing legal frameworks such as the Enterprise Law, Labor Code, Environmental Protection Law, and Inspection Law, NT2 prioritizes compliance with environmental regulations as a fundamental responsibility and obligation. Every action taken by NT2 considers its impact on the environment and community well-being, including pollution control and treatment, waste recycling, and resource conservation.

To promote environmental protection and sustainable development, NT2 collaborated with consulting units to prepare the Environmental Impact Assessment (EIA) Report for Nhon Trach 2 Power Plant, under Decision No. 132 issued by the Ministry of Natural Resources and Environment on January 22, 2008. The company also works with consultants to conduct surveys and environmental monitoring of air quality, emissions, wastewater, and sediments, and prepares the annual Environmental Protection Report during plant operations.

According to evaluations from specialized inspection teams, NT2 has consistently received high marks for compliance with environmental regulations. In 2025, its health, safety, and environmental performance is highly evaluated, demonstrating NT2's strong commitment. So far, NT2 has not been fined for any environmental violations by regulatory authorities. Beyond compliance, NT2 actively promotes energy conservation

and environmental awareness through internal policies and initiatives, such as: Turning off unnecessary electrical and water devices, reducing at least 50% of general lighting in hallways and lobbies, maximizing natural daylight and ventilation, organizing energy-saving training courses for all company employees.

13. Environmental Health and Safety Policy

The Environmental Health and Safety Policy is implemented daily by the company's employees in all activities. NT2 applies all appropriate measures to eliminate or minimize risks that may cause occupational accidents, property damage, or environmental pollution.

To achieve these objectives, NT2 is committed to establishing and maintaining an Environmental, Health, and Safety (EHS) management system that ensures:

- Compliance with legal regulations and meeting the requirements of relevant stakeholders.
- Providing necessary resources for risk management and supervision. Strictly controlling hazardous factors that may cause occupational accidents, work-related illnesses, property damage, and environmental pollution.
- Facilitating internal and external communication regarding EHS matters. Timely recognizing and rewarding teams and individuals for outstanding achievements while strictly addressing any violations of EHS regulations.
- Training employees to enhance their knowledge of EHS policies, increasing awareness and responsibility for compliance.
- Ensuring that the emergency response plan is regularly updated, remains effective, and has sufficient capacity to respond to emergencies.
- Conducting periodic inspections and evaluations of EHS practices to identify opportunities for continuous improvement.
- Ensuring that all employees are responsible for fully implementing and complying with the approved EHS policy.

14. Policies related to employees

14.1. Brief information on the employee's policies.

a) Training Policy

Training and human resource development play a critical role in business operations and sustainable growth. NT2 prioritizes this by establishing policies, regulations, and structured training programs that encourage employees to enhance their professional knowledge and skills. Internal training remains a key focus and is recognized as the most effective training method.

NT2 regularly organizes training sessions and updates for employees on new laws and regulations, including the Labor Law, Enterprise Law, Investment Law, and Securities

Law. This ensures that employees continue to develop their expertise, operate Nhon Trach 2 Power Plant safely and efficiently, master business and distribution systems, and adapt to operational changes.

- For the technical team: The technical department arranges internal training workshops before scheduled maintenance and repairs. Senior engineers develop training programs and provide guidance to junior staff. Regular workshops are organized to share experiences and strengthen specialized knowledge of the plant.
- For the operations team (PXVH): Succession planning and continuous skill development are emphasized. Before each scheduled maintenance, the operations team is trained on specific work items and learns from industry best practices. Employees regularly participate in skill competitions and scenario-based training to improve equipment operation and troubleshooting, ensuring stable, safe, and efficient plant operations.
- For office staff: Personalized training programs are gradually replacing traditional training models. This approach helps employees assess their capabilities, take initiative in self-learning, and develop their professional skills independently.

After completing training programs, employees in all business areas successfully meet job requirements, particularly in plant operations and technical roles. As a result, NT2's workforce has matured into a highly skilled team, capable of operating Nhon Trach 2 Power Plant safely, efficiently, and cost-effectively.

b) Salary and bonus regime

NT2 has implemented a new salary scale and structure tailored to the company's operational needs, in compliance with the Labor Code and regulations, Invalids, and Social Affairs. The goal is to align salaries with market levels, minimizing brain drain and attracting highly skilled workers. The salary system is continuously reviewed and adjusted to reflect both legal requirements and the company's business conditions.

The company's organizational structure and workforce management ensure a rational and scientific approach, placing the right people in the right jobs, effectively measuring performance and competence, and ensuring that salary and bonuses are distributed fairly and accurately.

Additionally, employees receive performance-based salaries and bonuses through a quarterly evaluation system. Bonuses for outstanding teams and individuals, including exemplary employees and those with innovative contributions, are funded by the Company's Reward and Welfare Fund. NT2 also provides holiday incentives, offering bonuses for major occasions such as National Day, International Workers' Day, and the company's founding anniversary. The company also recognizes employees' children with academic achievements on International Children's Day, with awards sourced from the Reward and Welfare Fund.

NT2 fully complies with policies on social insurance, health insurance, unemployment insurance, occupational accident and disease insurance, and retirement benefits, following the Social Insurance Law and government regulations. Additionally, during the annual Employee Conference, management and the company's trade union representatives sign a collective labor agreement, which is revised and updated yearly to reflect the company's actual conditions.

This agreement includes comprehensive employee welfare policies and additional benefits for highly skilled workers and management personnel, covering salary, bonuses, training, study programs, leave, accommodation, and other benefits. To retain employees in key technical and technological roles, NT2 has established a specialist salary system with higher pay levels, ensuring the company can attract and retain top talent.

c) Recruitment Policy

The recruitment process is carried out in strict compliance with the company's hiring procedures, ensuring that personnel selection aligns with business requirements. This approach helps maintain a stable, high-quality workforce that meets the company's operational needs, with a particular focus on attracting talented and experienced professionals. Currently, NT2 has built a workforce of highly skilled and ethical employees, who contribute significantly to achieving the company's business and production goals.

d) Other Employee Benefits and Policies

In addition to fully complying with labor regulations, internal work rules, and the collective labor agreement, NT2 provides enhanced employee benefits to encourage long-term commitment and dedication. Each year, the company purchases premium healthcare insurance for 100% of employees, along with life insurance and voluntary retirement insurance to support employees' well-being. The company has established a Labor Protection Council, prioritizing occupational safety, hygiene, and fire prevention measures.

To ensure stable living conditions for employees, NT2 has invested in and developed official housing facilities, enabling employees to focus on their work. Additionally, the company continuously reviews and develops new policies to retain talent and attract high-quality personnel in the future.

To promote work-life balance and strengthen team cohesion, NT2 organizes annual vacations, company trips, sports activities, cultural events, and traditional family gatherings. These initiatives provide employees with opportunities to connect, interact, and build strong relationships within the company.

15. Number of Employees and Average wages of workers

15.1 Number of Employees:

Year	2021	2022	2023	2024	2025
Number of Employees (persons)	173	176	172	168	170

15.2 Average Wages of Workers

Year	2021	2022	2023	2024	2025
Average Employee Income (million VND/month)	24,85	25,87	25,95	26,5	27,2

16. Labor policies to ensure health, safety and welfare of workers.

Relationship Between Management and Employees – Maintaining Sustainable Values

16.1 Ensuring Workforce Quality

NT2's training programs have effectively provided employees with knowledge, skills, and updates on legal regulations, supporting business operations and the development of a Human Resource Management System.

Key training initiatives include:

- Developing long-term training programs, with a focus on technical operations, maintenance, and leaders training for key engineers and managers.
- Expanding internal training programs to enhance efficiency.
- Implementing a job classification system for all employees, reviewing job functions, and analyzing job responsibilities to ensure proper workforce allocation. Each employee is provided with a job description as a basis for performance evaluation.
- Establishing and enforcing corporate culture regulations.
- Conducting employee competency assessments, reviewing job classifications, and planning annual training programs based on performance evaluations.
- Ensuring competitive and stable salaries so employees remain committed to the company. Salaries, bonuses, and other benefits are based on actual performance and contributions.
- Providing regular and special performance-based bonuses, including innovation awards, safety operation bonuses, and holiday incentives.
- Conducting periodic health check-ups and monitoring employee health conditions.
- Strictly adhering to safety, health, and environmental standards, creating a modern, professional, and technologically advanced working environment.

Each year, NT2's management and the company's trade union sign a collective labor

agreement during the Employee Conference. This ensures that wages, benefits, and employee rights are maintained while fostering career development and succession planning.

To maximize internal resources, NT2 prioritizes internal job rotations over external recruitment, creating more job opportunities for existing employees and ensuring long-term career stability.

NT2 has also established a Code of Conduct, reinforcing the company's values and promoting a positive corporate culture. The company upholds workplace democracy, ensuring:

- Employees are informed, consulted, and involved in discussions regarding their rights, responsibilities, and obligations.
- Management takes responsibility for ensuring harmonious labor relations, supporting political and social organizations (Party, Trade Union, Youth Union, Veterans Association) in accordance with legal regulations, and facilitating employee dialogues within the company.

16.2 Occupational Health, Safety, and Environmental Protection

As a power generation and supply company, NT2 has prioritized occupational health, safety, and environmental protection (HSE) since its establishment. This is a key factor that directly impacts the company's reputation and brand value. Strong HSE performance provides a competitive advantage, especially in the context of international cooperation. A robust and unified HSE management system is consistently implemented across all departments and operational units within the company. In all business and production activities, NT2 strictly complies with legal regulations on safety, health, and environmental protection, proactively preventing risks to people, assets, and the environment. Each year, NT2 implements employee health programs, equips staff with comprehensive safety measures, and promotes an eco-friendly working environment while ensuring full compliance with both Vietnamese and international laws.

Ensuring zero environmental incidents and maintain full compliance with environmental protection laws.

- Key HSE (Health, Safety, and Environmental Protection) Objectives for 2025:
 - Ensure absolute safety in production operations.
 - Maintain occupational hygiene standards and conduct regular health check-ups for all employees.
 - Strengthen emergency response teams and enhance disaster preparedness to mitigate risks and minimize damage from storms and natural disasters.
 - Optimize energy efficiency in production and business operations, reducing management costs.

The achievements in 2025 and the goals set for 2026 demonstrate NT2's continuous efforts in HSE excellence, reinforcing the company's brand and reputation for safety and sustainable development.

a) Environmental Protection Efforts

NT2 consistently considers Health, Safety, and Environmental Protection (HSE) a core priority throughout the safe operation of Nhon Trach 2 Power Plant. Therefore, the company proactively implements and strictly complies with environmental regulations, including:

- Working conditions and occupational safety are key concerns for NT2's leaders, as they directly impact the company's business operations. Ensuring safe working conditions and occupational safety are closely linked. Each year, NT2 conducts environmental monitoring in compliance with legal regulations and the approved Environmental Impact Assessment (EIA) report.
- The company was granted Environmental Certification No. 207 on March 1, 2012. Additionally, the Ministry of Natural Resources and Environment approved the Environmental Impact Assessment (EIA) Report for the Nhon Trach 2 Combined Cycle Power Plant under Decision No. 132, issued on January 22, 2008.

In 2025, NT2 continued implementing the 5S methodology across all departments to enhance workplace quality by promoting organization, cleanliness, efficiency, and safety for employees. NT2 also actively participated in environmental protection initiatives, including the Earth Hour campaign at its official housing facilities.

Each year, NT2 invests in infrastructure and equipment to support business operations and employee health and safety. The company ensures a well-ventilated, climate-controlled, and well-lit workplace with air conditioning, exhaust fans, ventilation systems, and fire prevention measures. Employees are provided with protective gear in full compliance with the Labor Code, and NT2 organizes awareness programs on environmental protection and hazardous waste management compliance.

With these continuous efforts in Health, Safety, and Environmental Protection (HSE), NT2 has successfully maintained ISO 14001 and ISO 45001 certifications issued by BSI (British Standards Institution).

b) Safety, Fire Prevention, and Emergency Response methods

With the principle "Safety for Production – Production Must Be Safe," NT2 continuously promotes awareness and responsibility in ensuring workplace safety and fire prevention in all business and production activities. Over the years, NT2 has consistently invested in infrastructure and safety equipment, while regularly organizing training programs on occupational safety, fire prevention, and rescue operations for 100% of employees. These initiatives help employees enhance their skills and awareness of safety practices. In 2025, NT2 successfully maintained safe operations, ensuring zero workplace accidents

and fire incidents at the Nhon Trach 2 Power Plant.

Key safety, security, fire prevention, and emergency response activities carried out in 2025 include:

- Implementation of OHSAS 18001:2007, ISO 14001, and ISO 45001 to enhance plant operational safety management.
- Organized fire prevention and firefighting drills at the plant, with regular and ad-hoc inspections to ensure compliance with fire safety regulations.
- Conducted annual chemical spill response drills at least once per year, following the approved Chemical Incident Response Plan issued by the Ministry of Industry and Trade.
- Enhanced security and fire prevention measures during national holidays and festive periods.
- Promoted awareness and training programs on fire prevention and rescue operations, ensuring employees are well-informed and compliant with legal safety requirements.

The company is fully equipped with fire prevention and firefighting systems, including automatic water-based fire suppression systems, automatic CO₂ fire suppression systems and automatic foam-based fire suppression systems. Additionally, weekly fire safety inspections are conducted every Friday to ensure all firefighting equipment remains in a reliable and ready-to-use condition. The company also regularly inspects and assesses its rescue and emergency response equipment to ensure sufficiency and operational effectiveness in workplace safety.

In 2025, NT2 successfully maintained zero fire incidents, ensuring uninterrupted plant operations.

c) Employee Health Care Initiatives

To ensure employee health and prevent occupational diseases, NT2 strictly implements and maintains the following activities:

- Equipping the company with a medical room and first aid kits for emergency care.
- Organizing periodic health check-ups and occupational disease screenings at reputable hospitals for 100% of employees.
- Providing nutritious and hygienic meals, ensuring strict control over food sources, with all ingredients clearly sourced and supplied by reputable providers to maintain high product quality and food safety.

In 2025, NT2 successfully implemented comprehensive employee health care initiatives, continuing its health insurance program to support employees with medical examinations, treatments, and hospitalization assistance. Additionally, NT2 strengthened preventive measures to protect employees working in high-noise environments, ensuring their well-being. The company also effectively monitored the work environment and enforced

occupational safety measures, safeguarding employees' health and preventing occupational diseases.

d) Provision of Personal Protective Equipment (PPE)

Providing personal protective equipment (PPE) is an essential measure to help employees minimize exposure to workplace hazards, such as heat, noise, dust, and other dangerous or harmful conditions. All PPE meets strict quality standards, ensuring functionality, safety, comfort, and durability.

Each year, NT2 procures and fully equips employees with PPE in full compliance with legal regulations. Employees are required to wear and use PPE properly throughout their working hours to ensure maximum protection.

e) Occupational Safety and Hygiene

NT2 maintains and enhances the effectiveness of its occupational safety and hygiene network, regularly conducting workplace safety inspections and ensuring proper record-keeping and documentation in compliance with regulations. Monthly, cross-inspections between departments and operational units are conducted to review and improve safety measures, with meetings to analyze lessons learned and propose enhancements for occupational safety and hygiene.

Key Occupational Safety and Hygiene Activities in 2025:

- Participated in the National Occupational Safety and Hygiene Week, promoting a green, clean, and safe workplace.
- Conducted workplace environmental measurements to monitor and improve working conditions.
- Provided regular occupational safety and hygiene training for all employees.
- Trained chemical safety and electrical safety.
- Trained the occupational safety and hygiene network.
- Performed regular inspections on occupational safety, fire prevention, and emergency evacuation.
- Conducted safety card assessments and re-certifications for both operational and administrative employees.
- Carried out safety and industrial hygiene inspections.
- Organized periodic health check-ups for employees.
- Conducted occupational disease screening for direct production workers.
- Organized and participated in occupational safety and hygiene programs hosted by relevant authorities and organizations.

17. Training Programs and Training Hours

17.1 Training Programs

Human resource development and training play a crucial role in business operations and sustainable growth. NT2 is committed to establishing structured training policies that encourage employees to enhance their professional knowledge and skills. In 2025, internal training programs continued to be a key focus and were recognized as highly effective. NT2 conducted timely training sessions for employees, covering updates on the Labor Law, Enterprise Law, Amended Investment Law, and Securities Law. This ensured that employees developed their expertise and were able to safely and efficiently operate Nhon Trach 2 Power Plant.

- For the technical team: Internal training sessions were conducted before scheduled maintenance and repairs. Senior engineers designed structured training programs and provided hands-on guidance to junior staff. Regular workshops were held to share experiences and deepen technical knowledge of the plant.
- For the operating department: Succession planning and skill enhancement were prioritized through continuous, structured training. Before each scheduled maintenance, the operating department received specific task training and reviewed best practices from industry peers. Employees also participated in technical competitions and scenario-based training to strengthen problem-solving skills and plant operation efficiency.
- For office staffs: Individualized training programs were developed to nurture high-quality human resources. This approach allowed employees to assess their capabilities, take initiative in self-learning, and enhance their professional skills.

After training, employees across all business and production sectors successfully met job requirements, especially the operations and technical teams. As a result, NT2's workforce has developed into a highly skilled team, ensuring that Nhon Trach 2 Power Plant is operated safely, efficiently, economically, and sustainably.

17.2 Training Hours

NT2 has successfully conducted timely training sessions for employees, covering updates on the Labor Law, Enterprise Law, Amended Investment Law, and Securities Law. In 2025, the total training expenditure amounted to 284,58 million VND, with 98 participants attending various training sessions.

No	Training courses	Number of trainees	Amount (million VND)
1	Management training	4	21.4
1	APC Program – Accountant 2025	2	21.4
2	Corporate governance capacity enhancement	2	

II	Regular refresher training and professional/operational knowledge updates	94	263.18
1	Train the Trainer	16	120
2	Training on updates and key changes of the Labor Code, Law on Social Insurance, and Law on Health Insurance effective from 01 July 2025	3	4.74
3	Update on tax policies and tax administration 2025	1	0.8
4	Refresher training in accounting knowledge	2	7
5	Renewal of operation certification for Nhon Trach 2 Power Plant	7	0
6	Investment project appraisal	2	9.6
7	Training for operational positions	63	121.04
III	Total implementation cost in 2025	98	284.58

18. Employee Skill Development Program

Enhancing the capabilities of managers and employees in the company's talent pipeline is a key focus. NT2 ensures that employees stay updated on government decrees, circulars, and guidelines related to financial reporting, taxation, policies, labor regulations, salaries, health insurance (BHYT), social insurance (BHXH), and occupational safety laws. The company also organizes professional training courses on plant operation management, maintenance, and repair to strengthen expertise.

Additionally, NT2 arranges site visits, learning exchanges, and networking opportunities with both industry and non-industry power plants, allowing employees to gain insights, exchange experiences, and explore innovative solutions to improve plant operations.

19. Report on responsibility for local community

Throughout its development journey, NT2 has not only excelled as a leader in the gas power industry, consistently achieving outstanding performance in business operations, revenue, profitability, and tax contributions, but has also taken the lead in social welfare initiatives. NT2 recognizes that fulfilling social responsibilities and supporting local communities is a crucial corporate duty.

- Company's leaders prioritizes employee well-being, ensuring stable living conditions for all staff by constructing high-quality official housing facilities, complete with modern amenities and a sports complex, providing a comfortable living environment for employees and their families in Nhon Trach.
- Providing financial support and gifts to employees and their families during illness, hardships, or difficult circumstances.

- Donating Tet gifts to underprivileged households in four local communes: Dong Nai, helping them celebrate the Lunar New Year.

It can be said that NT2's efforts in social welfare over the years reflect a deeply humanistic corporate culture and a long-standing tradition upheld by company's leaders and employees. Social welfare initiatives have significantly contributed to poverty reduction efforts and community support programs, helping improve the living conditions and cultural well-being of underprivileged households. Many local communes have transformed after receiving NT2's support, with notable improvements in their infrastructure and quality of life. In 2025, NT2 contributed 207.65 billion VND to the state budget and 2,58 billion VND to social welfare programs.

VII. FINANCIAL STATEMENT

1. Auditor's opinions

Auditor's Opinion – Deloitte Vietnam company limited:

"In our opinion, the financial statements present fairly, in all material respects, the financial position of the company as of december 31st, 2025, as well as its business and production statement and cash flows for the fiscal year then ended, in accordance with Vietnamese accounting standards, the Vietnamese accounting system for enterprises, and relevant legal regulations on the preparation and presentation of financial statements."

2. Audited financial statements

The Audited financial statements for the fiscal year which ended December 31st, 2025 are attached as an appendix.

 PVPOWER NT2 JOINT STOCK COMPANY
 LEGAL REPRESENTATIVE   




GIÁM ĐỐC
Ngô Đức Nhân



CÔNG TY CỔ PHẦN ĐIỆN LỰC DẦU KHÍ NHƠN TRẠCH 2
(Thành lập tại nước Cộng hoà Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam)

BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025



MỤC LỤC

<u>NỘI DUNG</u>	<u>TRANG</u>
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	1 - 2
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	3
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	4 - 5
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	6
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ	7
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH	8 - 29

HOI
K
D
V
NH
///

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Điện lực Dầu khí Nhơn Trạch 2 (gọi tắt là "Công ty") đệ trình báo cáo này cùng với báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc Công ty, Kế toán trưởng và Ban Kiểm soát Công ty trong năm và đến ngày lập báo cáo này gồm:

Hội đồng Quản trị

Ông Ưông Ngọc Hải	Chủ tịch
Ông Ngô Đức Nhân	Thành viên
Ông Lương Ngọc Anh	Thành viên
Bà Phan Thị Thúy Lan	Thành viên độc lập

Ban Giám đốc/Kế toán trưởng

Ông Ngô Đức Nhân	Giám đốc
Bà Nguyễn Thị Hà	Phó Giám đốc
Ông Nguyễn Văn Quyền	Phó Giám đốc
Ông Nguyễn Trung Thu	Phó Giám đốc
Ông Lê Việt An	Kế toán trưởng

Ban Kiểm soát

Ông Nguyễn Hữu Minh	Trưởng ban
Ông Nguyễn Văn Kỳ	Thành viên
Bà Phan Lan Anh	Thành viên

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2025, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Trong việc lập báo cáo tài chính này, Ban Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hay không;
- Lập báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng số kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính tuân thủ chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC (Tiếp theo)

Ban Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính.

Thay mặt và đại diện cho Ban Giám đốc,



Ngô Đức Nhân
Giám đốc

Ngày 25 tháng 02 năm 2026

3/0
TY
AM
DẦU
AC
3
10-
TY
ĐAI
FT
AM
HP

Số: 0500 /VN1A-HN-BC

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Các Cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc
Công ty Cổ phần Điện lực Dầu khí Nhơn Trạch 2

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Điện lực Dầu khí Nhơn Trạch 2 (gọi tắt là "Công ty") được lập ngày 25 tháng 02 năm 2026, từ trang 04 đến trang 29, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2025, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, Kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2025, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.



Phạm Nham Hoàng
Phó Tổng Giám đốc

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán
số 0929-2024-001-1

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN DELOITTE VIỆT NAM

Ngày 25 tháng 02 năm 2026

Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

Đỗ Trần Mạnh
Kiểm toán viên

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán
số 6141-2023-001-1

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
 Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025

Đơn vị: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		8.033.411.736.979	5.773.811.804.064
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5	22.303.884.186	56.958.238.240
1. Tiền	111		22.303.884.186	6.958.238.240
2. Các khoản tương đương tiền	112		-	50.000.000.000
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120	6	3.757.490.790.416	2.273.490.790.416
1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		3.757.490.790.416	2.273.490.790.416
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		3.894.770.485.839	2.988.656.591.746
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	7	3.770.172.114.590	2.933.275.806.587
2. Phải thu ngắn hạn khác	136	8	124.598.371.249	79.696.611.412
3. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	9	-	(24.315.826.253)
IV. Hàng tồn kho	140	10	354.104.290.287	332.599.835.856
1. Hàng tồn kho	141		354.104.290.287	332.599.835.856
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		4.742.286.251	122.106.347.806
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	13	4.742.286.251	4.749.424.813
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		-	117.356.922.993
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		1.239.899.489.024	2.924.035.246.214
I. Tài sản cố định	220		896.787.319.618	1.441.668.582.940
1. Tài sản cố định hữu hình	221	11	874.937.746.704	1.419.617.676.690
- Nguyên giá	222		11.344.018.677.286	11.332.539.745.648
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(10.469.080.930.582)	(9.912.922.068.958)
2. Tài sản cố định vô hình	227	12	21.849.572.914	22.050.906.250
- Nguyên giá	228		31.602.900.921	31.602.900.921
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(9.753.328.007)	(9.551.994.671)
II. Tài sản dài hạn khác	260		343.112.169.406	1.482.366.663.274
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	13	343.112.169.406	1.482.366.663.274
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270=100+200)	270		9.273.311.226.003	8.697.847.050.278

Các thuyết minh kèm theo là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (Tiếp theo)
 Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025

Đơn vị: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
C. NỢ PHẢI TRẢ	300		4.413.910.356.228	4.508.766.939.857
1. Nợ ngắn hạn	310		4.413.910.356.228	4.508.766.939.857
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	14	1.234.301.645.364	2.252.855.930.357
2. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	15	88.899.468.180	23.443.418.143
3. Phải trả người lao động	314		53.129.462.033	20.967.804.184
4. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	16	1.216.257.398.049	1.153.671.392.026
5. Phải trả ngắn hạn khác	319	17	49.505.973.867	49.029.932.349
6. Vay ngắn hạn	320	18	1.762.306.137.095	996.392.854.961
7. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		9.510.271.640	12.405.607.837
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		4.859.400.869.775	4.189.080.110.421
1. Vốn chủ sở hữu	410	19	4.859.400.869.775	4.189.080.110.421
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		2.878.760.290.000	2.878.760.290.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		2.878.760.290.000	2.878.760.290.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		(457.500.000)	(457.500.000)
3. Quỹ đầu tư phát triển	418		226.065.784.162	226.065.784.162
4. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		1.755.032.295.613	1.084.711.536.259
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước	421a		624.747.492.759	1.001.817.575.869
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm nay	421b		1.130.284.802.854	82.893.960.390
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440=300+400)	440		9.273.311.226.003	8.697.847.050.278



Lê Văn Tú
 Người lập biểu



Lê Việt An
 Kế toán trưởng



Ngô Đức Nhân
 Giám đốc

Ngày 25 tháng 02 năm 2026

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
 Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Đơn vị: VND

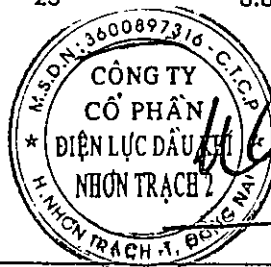
CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01		7.958.219.701.044	5.943.678.536.835
2. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10=01)	10	22	7.958.219.701.044	5.943.678.536.835
3. Giá vốn hàng bán	11		6.710.408.394.098	5.892.165.694.504
4. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20=10-11)	20		1.247.811.306.946	51.512.842.331
5. Doanh thu hoạt động tài chính	21	24	170.382.076.671	99.945.036.035
6. Chi phí tài chính	22	25	66.376.841.522	38.657.504.508
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		64.690.698.207	34.929.818.001
7. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	26	84.909.939.058	81.167.554.815
8. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30=20+(21-22)-26)	30		1.266.906.603.037	31.632.819.043
9. Thu nhập khác	31	27	4.245.657.022	73.204.926.673
10. Chi phí khác	32		3.187.905.500	881.093.583
11. Lợi nhuận khác (40=31-32)	40		1.057.751.522	72.323.833.090
12. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+40)	50		1.267.964.354.559	103.956.652.133
13. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	28	137.679.551.705	21.062.691.743
14. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60=50-51)	60		1.130.284.802.854	82.893.960.390
15. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	29	3.829	190



Lê Văn Tú
 Người lập biểu



Lê Việt An
 Kế toán trưởng





Ngô Đức Nhân
 Giám đốc

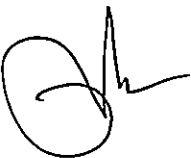
Ngày 25 tháng 02 năm 2026

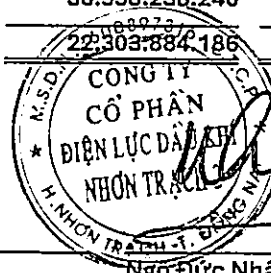
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
 Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Năm nay	Năm trước
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
1. Lợi nhuận trước thuế	01	1.267.964.354.559	103.956.652.133
2. Điều chỉnh cho các khoản:			
Khấu hao tài sản cố định	02	556.350.994.956	687.070.057.755
Các khoản dự phòng	03	(24.315.826.253)	-
Lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04	-	(3.502.473.467)
Lãi từ hoạt động đầu tư	05	(167.461.621.311)	(94.722.847.394)
Chi phí lãi vay	06	64.690.698.207	34.929.818.001
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	1.697.228.600.158	727.731.207.028
Thay đổi các khoản phải thu	09	(717.834.654.439)	(717.465.515.882)
Thay đổi hàng tồn kho	10	(21.504.454.431)	(72.243.206.300)
Thay đổi các khoản phải trả	11	(915.412.280.588)	600.627.373.340
Thay đổi chi phí trả trước	12	1.139.261.632.430	73.299.034.686
Tiền lãi vay đã trả	14	(62.594.662.829)	(32.890.473.946)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(84.903.322.849)	(20.094.861.731)
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	(31.036.136.193)	(31.254.889.012)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	1.003.204.721.259	527.708.668.183
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
1. Tiền chi mua sắm, xây dựng TSCĐ	21	(9.174.238.842)	(3.557.135.613)
2. Tiền thu thanh lý, nhượng bán TSCĐ	22	-	63.974.747
3. Tiền chi đầu tư các khoản đầu tư ngắn hạn	23	(4.957.490.790.416)	(4.110.440.790.416)
4. Tiền thu hồi các khoản đầu tư ngắn hạn	24	3.473.490.790.416	3.937.340.790.416
5. Tiền thu lãi tiền gửi ngân hàng	27	120.855.130.903	109.745.715.230
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(1.372.319.107.939)	(66.847.445.636)
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
1. Tiền thu từ đi vay	33	3.750.146.403.659	2.354.643.589.722
2. Tiền trả nợ gốc vay	34	(2.984.233.121.525)	(2.558.250.734.761)
3. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(431.453.249.508)	(201.448.708.230)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	334.460.032.626	(405.055.853.269)
Lưu chuyển tiền thuần trong năm (50=20+30+40)	50	(34.654.354.054)	55.805.369.278
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	56.958.238.240	1.152.868.962
Tiền và tương đương tiền cuối năm (70=50+60)	70	22.303.884.186	56.958.238.240


 Lê Văn Tú
 Người lập biểu


 Lê Việt An
 Kế toán trưởng




 Ngô Đức Nhân
 Giám đốc

Ngày 25 tháng 02 năm 2026

Các thuyết minh kèm theo là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT

Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Điện lực Dầu khí Nhơn Trạch 2 (gọi tắt là “Công ty”) được thành lập tại Việt Nam theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh số 4703000396 ngày 20 tháng 6 năm 2007 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Đồng Nai cấp và giấy chứng nhận điều chỉnh gần nhất số 3600897316 ngày 21 tháng 9 năm 2022.

Cổ phiếu của Công ty được niêm yết tại Sở giao dịch chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh theo thông báo số 614/TB-SGDHCM vào ngày 03 tháng 6 năm 2015 của Sở Giao dịch Chứng khoán Hồ Chí Minh với mã chứng khoán là NT2.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 là 170 người (tại ngày 31 tháng 12 năm 2024: 168 người).

Ngành nghề kinh doanh

Ngành nghề kinh doanh của Công ty là:

- Sản xuất, truyền tải và phân phối điện;
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường thủy;
- Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan;
- Kho bãi và lưu giữ hàng hóa;
- Vận tải hàng hóa đường bộ;
- Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan;
- Bán buôn thiết bị vật tư, phụ tùng máy khác;
- Hoạt động chuyên môn, khoa học và công nghệ khác;
- Giáo dục nghề nghiệp;
- Vận tải hàng hóa đường thủy nội địa;
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải; và
- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê; cho thuê, điều hành quản lý nhà và đất ở; cho thuê, điều hành, quản lý nhà đất và đất không để ở.

Hoạt động chính

Hoạt động chính của Công ty trong năm là quản lý, vận hành Nhà máy nhiệt điện Nhơn Trạch 2 tọa lạc tại Ấp 3, Xã Đại Phước, Tỉnh Đồng Nai, CHXHCN Việt Nam.

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty được thực hiện trong thời gian không quá 12 tháng.

Thuyết minh về khả năng so sánh thông tin trên báo cáo tài chính

Số liệu so sánh là số liệu của báo cáo tài chính của Công ty đã được kiểm toán cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024.

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ NĂM TÀI CHÍNH

Cơ sở lập báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (“VND”), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Báo cáo tài chính kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 đến ngày 31 tháng 12.

3. HƯỚNG DẪN KẾ TOÁN MỚI ĐÃ ĐƯỢC BAN HÀNH NHƯNG CHƯA CÓ HIỆU LỰC

Ngày 27 tháng 10 năm 2025, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 99/2025/TT-BTC ("Thông tư 99") hướng dẫn chế độ kế toán doanh nghiệp. Thông tư 99 có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2026 và áp dụng cho năm tài chính bắt đầu từ hoặc sau ngày 01 tháng 01 năm 2026. Thông tư này thay thế cho các văn bản như sau:

- Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính ("Thông tư 200") hướng dẫn chế độ kế toán doanh nghiệp (trừ các nội dung liên quan đến kế toán cổ phần hóa doanh nghiệp Nhà nước),
- Thông tư số 75/2015/TT-BTC ngày 18 tháng 5 năm 2015 của Bộ Tài chính về sửa đổi, bổ sung Điều 128 Thông tư 200, và
- Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21 tháng 3 năm 2016 của Bộ Tài chính về sửa đổi, bổ sung một số Điều của Thông tư 200.

Ban Giám đốc Công ty đang đánh giá mức độ ảnh hưởng của việc áp dụng Thông tư 99 đến các báo cáo tài chính của Công ty cho các kỳ kế toán trong tương lai, bắt đầu từ hoặc sau ngày 01 tháng 01 năm 2026.

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính:

Ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính tuân thủ theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính: Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó. Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền và các khoản tương đương tiền, đầu tư ngắn hạn, các khoản phải thu khách hàng và các khoản phải thu khác.

Công nợ tài chính: Tại ngày ghi nhận ban đầu, công nợ tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó. Công nợ tài chính của Công ty bao gồm các khoản vay, các khoản phải trả người bán, phải trả khác và chi phí phải trả.

Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn (không quá 03 tháng) có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn thể hiện các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận bắt đầu từ ngày mua và được xác định giá trị ban đầu theo giá mua và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư. Thu nhập từ lãi của các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở dự thu.

Nợ phải thu

Nợ phải thu là số tiền có thể thu hồi của khách hàng hoặc các đối tượng khác. Nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản nợ phải thu đã quá hạn thanh toán mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp và các chi phí liên quan trực tiếp phát sinh, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho. Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất và trong trường hợp giá gốc của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình do tự làm, tự xây dựng bao gồm chi phí xây dựng, chi phí sản xuất thực tế phát sinh cộng chi phí lắp đặt và chạy thử.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, cụ thể như sau:

	Số năm
Nhà xưởng, vật kiến trúc	05 – 20
Máy móc, thiết bị	05 – 14
Phương tiện vận tải	06 – 10
Thiết bị văn phòng	03 – 06

Các khoản lãi, lỗ phát sinh khi thanh lý, bán tài sản là chênh lệch giữa thu nhập thuần do thanh lý tài sản và giá trị còn lại của tài sản và được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Thuê tài sản

Một khoản thuê được xem là thuê hoạt động khi bên cho thuê vẫn được hưởng phần lớn các quyền lợi và phải chịu rủi ro về quyền sở hữu tài sản. Chi phí thuê hoạt động được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian thuê.

Tài sản cố định vô hình và khấu hao

Tài sản cố định vô hình thể hiện giá trị quyền sử dụng đất và phần mềm. Giá trị quyền sử dụng đất không có thời hạn được trình bày theo nguyên giá và không tính khấu hao. Phần mềm được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính từ 03 đến 06 năm.

Các khoản trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều niên độ kế toán. Các khoản trả trước bao gồm chi phí trả trước ngắn hạn và chi phí trả trước dài hạn.

Chi phí trả trước ngắn hạn thể hiện khoản phí bảo hiểm nhà máy và các khoản bảo hiểm khác được phân bổ theo phương pháp đường thẳng và có thời hạn phân bổ trong vòng một năm.

Chi phí trả trước dài hạn bao gồm các khoản chi phí đại tu Nhà máy Điện Tuabin khí Chu trình hỗn hợp Nhơn Trạch 2; phí thanh toán lần đầu Hợp đồng bảo trì, sửa chữa dài hạn thiết bị chính giai đoạn 100.000 EOH tiếp theo; chi phí thuê đất dự án Nhà máy Điện Tuabin khí Chu trình hỗn hợp Nhơn Trạch 2 được trình bày chi tiết tại Thuyết minh số 13 và các khoản chi phí trả trước dài hạn khác.

Các khoản chi phí trả trước dài hạn khác bao gồm giá trị công cụ, dụng cụ và các chi phí khác được coi là có khả năng đem lại lợi ích kinh tế trong tương lai cho Công ty. Các chi phí này được vốn hóa dưới hình thức các khoản trả trước dài hạn và được phân bổ vào kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng trong vòng hai đến ba năm theo các quy định hiện hành.

Chi phí phải trả

Khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp trong năm nhưng thực tế chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ và chứng từ kế toán nhưng đã được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm.

Các khoản dự phòng phải trả

Các khoản dự phòng phải trả được ghi nhận khi Công ty có nghĩa vụ nợ hiện tại do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra, và Công ty có khả năng phải thanh toán nghĩa vụ này. Các khoản dự phòng được xác định trên cơ sở ước tính của Ban Giám đốc về các khoản chi phí cần thiết để thanh toán nghĩa vụ nợ này tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Ghi nhận doanh thu

Doanh thu bán điện

Doanh thu bán điện được ghi nhận khi kết quả giao dịch được xác định một cách đáng tin cậy và Công ty có khả năng thu được các lợi ích kinh tế từ giao dịch này. Doanh thu bán điện được ghi nhận khi có biên bản xác nhận lượng điện phát lên lưới điện Quốc gia.

Doanh thu bán điện phát sinh từ chênh lệch tỷ giá giữa tỷ giá tại thời điểm trả nợ gốc vay của khoản vay để đầu tư Nhà máy điện Nhơn Trạch 2 và tỷ giá trong phương án giá điện của Nhà máy điện Nhơn Trạch 2 được ghi nhận khi có sự kiểm tra, chấp thuận của Bộ Công thương và thống nhất giữa Công ty và Tập đoàn Điện lực Việt Nam/Công ty Mua bán Điện trong thực hiện Hợp đồng mua bán điện theo quy định hiện hành.

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.

Ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính được chuyển đổi theo tỷ giá mua vào của Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam tại ngày này. Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm được hạch toán vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Phân phối quỹ và phân chia cổ tức

Quỹ khen thưởng, phúc lợi, thường Người quản lý; Quỹ đầu tư và phát triển và khoản chia cổ tức cho các Cổ đông được trích lập từ lợi nhuận sau thuế của Công ty theo Điều lệ và đề xuất của Hội đồng Quản trị của Công ty và được Đại hội đồng Cổ đông phê duyệt.

Tạm ứng cổ tức trong năm được Hội đồng Quản trị quyết định chi trả cho cổ đông dựa trên (i) tình hình sản xuất - kinh doanh hiện tại và kết quả kinh doanh dự kiến trong năm tới, (ii) mức cổ tức dự kiến của từng năm đã được Đại hội đồng Cổ đông thường niên thông qua và (iii) đảm bảo tuân thủ Điều lệ của Công ty và các quy định pháp lý của Việt Nam cũng như cân đối được nguồn tiền chi trả và các nghĩa vụ tài chính khác sau khi tạm ứng cổ tức.

Số liệu sau cùng liên quan đến việc phân phối các quỹ và chia cổ tức nêu trên từ lợi nhuận sau thuế hàng năm sẽ được các cổ đông phê duyệt trong Đại hội đồng Cổ đông thường niên của Công ty.

Chi phí đi vay

Chi phí lãi vay được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh, trừ khi được vốn hoá theo quy định của Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 16 "Chi phí đi vay".

Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế phải trả hiện tại được tính dựa trên thu nhập tính thuế trong năm. Thu nhập tính thuế khác với lợi nhuận trước thuế được trình bày trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập tính thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí chịu thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chỉ tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính và được ghi nhận theo phương pháp Bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Việc xác định thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp và thuế thu nhập hoãn lại của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

5. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Tiền mặt	132.156.578	125.289.733
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	22.171.727.608	6.832.948.507
Các khoản tương đương tiền	-	50.000.000.000
	<u>22.303.884.186</u>	<u>56.958.238.240</u>

6. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH NGẮN HẠN

Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn có số dư tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 thể hiện các khoản tiền gửi bằng Đồng Việt Nam có kỳ hạn trên 03 tháng và dưới 01 năm tại các ngân hàng thương mại và hưởng lãi suất từ 4,2%/năm đến 6%/năm (tại ngày 31 tháng 12 năm 2024: từ 4,2%/năm đến 5,5%/năm).

Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 bao gồm số dư khoản tiền gửi có kỳ hạn 12 tháng với mức lãi suất 4,2%/năm tại Ngân hàng Thương mại TNHH MTV Việt Nam Hiện Đại với giá trị là 490.790.416 đồng đang bị hạn chế giao dịch. Ban Giám đốc đánh giá khoản tiền này sẽ được giao dịch trở lại trong tương lai khi có những quy định cụ thể của Ngân hàng Nhà nước.

7. PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Công ty Mua bán Điện ("EPTC")	3.770.159.720.120	2.933.258.613.166
Các khoản phải thu khách hàng khác	12.394.470	17.193.421
	<u>3.770.172.114.590</u>	<u>2.933.275.806.587</u>

Toàn bộ khoản phải thu ngắn hạn với Công ty Mua bán Điện ("EPTC") là khoản tiền điện phải thu Công ty Mua bán Điện ("EPTC") tính đến thời điểm 31 tháng 12 năm 2025 được xác định theo giá bán điện chính thức được quy định tại Hợp đồng mua bán điện số 07/2012/HĐ-NMĐ-NT2 ("Hợp đồng mua bán điện 07") được ký vào ngày 06 tháng 7 năm 2012; Hợp đồng cung cấp dịch vụ phụ trợ số 01/2023/DVPT/NT2-EVN ký ngày 10 tháng 09 năm 2023 và các Phụ lục/Hợp đồng sửa đổi bổ sung khác của Hợp đồng mua bán điện 07 giữa Công ty và Tập đoàn Điện lực Việt Nam ("EVN")/Công ty Mua bán Điện ("EPTC").

8. PHẢI THU NGẮN HẠN KHÁC

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Lãi dự thu tiền gửi	82.370.251.792	35.763.761.384
Lãi trả chậm dự thu Công ty Mua Bán Điện ("EPTC") (*)	42.153.554.457	42.153.554.457
Siemens Energy Global	-	1.526.376.282
Phải thu khác	74.565.000	252.919.289
	<u>124.598.371.249</u>	<u>79.696.611.412</u>

(*) Khoản lãi trả chậm dự thu của Công ty Mua bán Điện ("EPTC") theo điều khoản của Hợp đồng mua bán điện số 07/2012/HĐ-NMĐ-NT2 ngày 06 tháng 7 năm 2012 giữa Công ty và EVN/EPTC phát sinh đến ngày 31 tháng 12 năm 2012.

9. DỰ PHÒNG PHẢI THU NGẮN HẠN KHÓ ĐÒI

Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi tại ngày kết thúc niên độ kế toán được Công ty trích lập trên cơ sở đánh giá của Ban Giám đốc về khả năng thu hồi, chi tiết như sau:

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	VND		VND	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
Giá trị khoản phải thu khó có khả năng thu hồi				
Công ty Mua bán Điện (EPTC)	-	- 80.494.444.352		56.178.618.099
Dự phòng		-		24.315.826.253

10. HÀNG TỒN KHO

Giá trị hàng tồn kho tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 và 31 tháng 12 năm 2024 thể hiện giá trị dầu DO được nhập kho phục vụ cho hoạt động sản xuất điện và các vật tư tiêu hao, vật tư dự phòng phục vụ quá trình vận hành thương mại, bảo dưỡng Nhà máy Điện Tuabin khí Chu trình hỗn hợp Nhơn Trạch 2.

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	VND		VND	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Vật tư, thiết bị sản xuất	289.184.309.958	-	267.604.801.750	-
Dầu DO 0,05% S	64.919.980.329	-	64.995.034.106	-
	354.104.290.287	-	332.599.835.856	-

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐIỆN LỰC DẦU KHÍ NHƠN TRẠCH 2
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MÃU SỐ B 09-DN

11. TĂNG, GIẢM TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà xưởng và vật kiến trúc VND	Máy móc và thiết bị VND	Phương tiện vận tải VND	Thiết bị văn phòng VND	Tổng VND
NGUYÊN GIÁ					
Số dư đầu năm	2.972.510.902.136	8.312.185.485.163	35.945.649.692	11.897.708.657	11.332.539.745.648
Tăng trong năm	1.417.442.796	-	4.834.604.751	5.226.884.091	11.478.931.638
Số dư cuối năm	2.973.928.344.932	8.312.185.485.163	40.780.254.443	17.124.592.748	11.344.018.677.286
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ					
Số dư đầu năm	1.965.142.359.863	7.903.223.828.856	33.533.579.639	11.022.300.600	9.912.922.068.958
Khấu hao trong năm	148.896.379.520	405.639.497.249	890.570.884	732.413.971	556.158.861.624
Số dư cuối năm	2.114.038.739.383	8.308.863.326.105	34.424.150.523	11.754.714.571	10.469.080.930.582
GIÁ TRỊ CÒN LẠI					
Tại ngày đầu năm	1.007.368.542.273	408.961.656.307	2.412.070.053	875.408.057	1.419.617.676.690
Tại ngày cuối năm	859.889.605.549	3.322.159.058	6.356.103.920	5.369.878.177	874.937.746.704

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025, nguyên giá của tài sản cố định bao gồm các tài sản cố định đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng với giá trị 8.353.230.655.906 đồng (tại ngày 31 tháng 12 năm 2024: 73.774.469.739 đồng).

12. TĂNG, GIẢM TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

	Quyền sử dụng đất VND	Phần mềm máy tính VND	Tổng VND
NGUYÊN GIÁ			
Số dư đầu năm	21.602.554.546	10.000.346.375	31.602.900.921
Số dư cuối năm	21.602.554.546	10.000.346.375	31.602.900.921
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ			
Số dư đầu năm	-	9.551.994.671	9.551.994.671
Khấu hao trong năm	-	201.333.336	201.333.336
Số dư cuối năm	-	9.753.328.007	9.753.328.007
GIÁ TRỊ CÒN LẠI			
Tại ngày đầu năm	21.602.554.546	448.351.704	22.050.906.250
Tại ngày cuối năm	21.602.554.546	247.018.368	21.849.572.914

Giá trị quyền sử dụng đất lâu dài là quyền sử dụng đất tại khu đất thuộc Chung cư CC1.2 - Đơn vị ở số 1 - Khu dân cư Phước An - Long Thọ, Tỉnh Đồng Nai.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025, nguyên giá của tài sản cố định bao gồm các tài sản cố định vô hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng với giá trị là 9.396.346.375 đồng (tại ngày 31 tháng 12 năm 2024: 9.396.346.375 đồng).

13. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
a. Ngắn hạn		
Phí bảo hiểm nhà máy và các khoản bảo hiểm khác	4.742.286.251	4.749.424.813
	4.742.286.251	4.749.424.813
b. Dài hạn		
Chi phí đại tu nhà máy điện tại 100.000 EOH (i)	213.495.219.381	301.702.397.469
Phí thanh toán lần đầu Hợp đồng bảo trì, sửa chữa dài hạn thiết bị chính giai đoạn 100.000 EOH tiếp theo (ii)	125.809.742.176	137.131.381.946
Chi phí đền bù giải phóng mặt bằng (iii)	2.999.826.324	3.352.747.068
Chi phí nhiên liệu khí trả trước theo hợp đồng mua bán khí (iv)	-	1.039.511.914.882
Các khoản khác	807.381.525	668.221.909
	343.112.169.406	1.482.366.663.274

Chi phí trả trước dài hạn bao gồm các chi phí:

- (i) Chi phí đại tu Nhà máy Điện Tuabin khí Chu trình hỗn hợp Nhơn Trạch 2 tại 100.000 giờ vận hành EOH phát sinh khi mỗi tổ máy của nhà máy đạt đến 100.000 giờ vận hành EOH và Công ty phải thực hiện việc đại tu định kỳ theo yêu cầu kỹ thuật. Theo đó, chi phí đại tu này được ghi nhận và phân bổ vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong vòng 33.333 giờ vận hành EOH tiếp theo của mỗi tổ máy.
- (ii) Phí thanh toán lần đầu theo Hợp đồng bảo trì, sửa chữa dài hạn thiết bị chính Nhà máy Điện Tuabin khí Chu trình hỗn hợp Nhơn Trạch 2 giai đoạn 100.000 giờ vận hành EOH tiếp theo cho mỗi tổ máy giữa Công ty và liên danh Siemens Energy Global GmbH & Co. KG/ Siemens Energy Limited Company ký ngày 28 tháng 7 năm 2023. Theo đó, phí thanh toán lần đầu này được ghi nhận và phân bổ vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong vòng 100.000 giờ vận hành EOH tiếp theo của mỗi tổ máy.

- (iii) Chi phí thuê đất đã được Công ty trả trước thông qua việc đền bù giải phóng mặt bằng tương ứng với phần diện tích đất thuê tại xã Đại Phước, tỉnh Đồng Nai với diện tích 129.188 m² cho giai đoạn từ ngày 27 tháng 6 năm 2009 đến ngày 9 tháng 10 năm 2014 và với diện tích 294.724,8 m² cho giai đoạn từ ngày 27 tháng 6 năm 2009 đến ngày 30 tháng 6 năm 2034. Chi phí này được Công ty phân bổ vào chi phí sản xuất kinh doanh trong năm theo phương pháp đường thẳng và bù trừ tương ứng với số tiền thuê phải trả theo hợp đồng thuê đất trong suốt thời gian thuê.
- (iv) Khoản chi phí nhiên liệu khí vận hành nhà máy điện Nhơn Trạch 2 trả trước theo nghĩa vụ bao tiêu nhiên liệu khí được quy định tại Hợp đồng mua bán khí số 44/2010/PVGas/KHTH-PVPOWER NT2/84 ngày 06 tháng 4 năm 2010 và phụ lục hợp đồng bổ sung giữa Công ty và Tổng Công ty Khí Việt Nam - CTCP ("PVGas"). Trong một số tháng của các năm trước, sản lượng điện phát của Công ty không đủ để đảm bảo nghĩa vụ bao tiêu nhiên liệu khí theo quy định tại Hợp đồng mua bán khí, tuy nhiên Công ty vẫn có nghĩa vụ phải trả cho PVGas số tiền tương ứng với lượng khí bằng lượng khí bao tiêu trừ đi lượng khí thực tế tiêu thụ trong kỳ ("lượng khí trả trước"). Công ty sẽ có quyền nhận từ PVGas một lượng khí tương đương khí trả trước trong vòng bốn (04) năm kể từ năm phát sinh và có thể khấu trừ vào nghĩa vụ bao tiêu mà không phải chịu bất kỳ một chi phí nào khác. Tiền khí trả trước tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 đã được khấu trừ vào nghĩa vụ bao tiêu trong năm 2025 theo thỏa thuận giữa 2 bên.

14. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
a. Các khoản phải trả người bán là bên thứ ba		
Siemens Energy Global GmbH & Co.KG	-	90.148.277.384
Phải trả cho các đối tượng khác	7.545.083.344	3.083.403.312
	<u>7.545.083.344</u>	<u>93.231.680.696</u>
b. Phải trả người bán là các bên liên quan (Thuyết minh số 32)		
Tổng Công ty Khí Việt Nam - CTCP	1.221.675.676.974	2.153.018.063.190
Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Điện lực Dầu khí Việt Nam	5.080.885.046	6.606.186.471
	<u>1.226.756.562.020</u>	<u>2.159.624.249.661</u>
Tổng cộng	<u>1.234.301.645.364</u>	<u>2.252.855.930.357</u>

Công ty có khả năng thanh toán toàn bộ số dư phải trả người bán ngắn hạn tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

15. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	Số đầu năm VND	Số phải nộp VND	Số đã thực nộp VND	Số cuối năm VND
Thuế giá trị gia tăng	-	47.913.068.135	34.892.039.141	13.021.028.994
Thuế nhập khẩu	-	1.145.678.953	1.145.678.953	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	14.862.579.743	137.679.551.705	84.903.322.849	67.638.808.599
Thuế thu nhập cá nhân	537.170.938	13.385.665.144	13.906.018.755	16.817.327
Thuế tài nguyên	3.678.461.520	40.907.586.240	40.923.884.040	3.662.163.720
Phí dịch vụ môi trường rừng	4.363.616.250	17.044.827.600	16.849.809.550	4.558.634.300
Các loại thuế khác	1.589.692	15.025.852.874	15.025.427.326	2.015.240
	<u>23.443.418.143</u>	<u>273.102.230.651</u>	<u>207.646.180.614</u>	<u>88.899.468.180</u>

16. CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Chi phí nhiên liệu (i) (Thuyết minh số 32)	1.153.056.893.161	1.116.609.913.314
Chi phí bảo trì (ii)	57.990.251.026	32.939.774.371
Chi phí lãi vay	4.924.420.529	2.828.385.151
Các khoản trích trước khác	285.833.333	1.293.319.190
	<u>1.216.257.398.049</u>	<u>1.153.671.392.026</u>

Chi phí phải trả ngắn hạn tại ngày kết thúc niên độ kế toán chủ yếu bao gồm các chi phí:

- (i) Chi phí nhiên liệu khí vận hành Nhà máy điện Nhơn Trạch 2 trong tháng 11 và tháng 12 năm 2025 chưa nhận được hoá đơn tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 và được ghi nhận theo thông báo trước tiền khí từ Chi nhánh Tổng Công ty Khí Việt Nam – CTCP - Công ty Vận chuyển Khí Đông Nam Bộ.
- (ii) Chi phí bảo trì, sửa chữa nhà máy được trích theo Hợp đồng bảo trì, sửa chữa dài hạn thiết bị chính Nhà máy Điện Tuabin khí Chu trình hỗn hợp Nhơn Trạch 2 giai đoạn 100.000 giờ vận hành EOH tiếp theo của mỗi tổ máy giữa Công ty và liên danh Siemens Energy Global GmbH & Co. KG/Siemens Energy Limited Company ký ngày 28 tháng 7 năm 2023.

17. PHẢI TRẢ NGẮN HẠN KHÁC

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Lãi chậm thanh toán phải trả Tổng Công ty Khí Việt Nam - CTCP (*) (Thuyết minh số 32)	39.278.284.374	39.278.284.374
Cổ tức, lợi nhuận phải trả	9.375.618.076	9.014.824.084
Các khoản phải trả, phải nộp khác	852.071.417	736.823.891
	<u>49.505.973.867</u>	<u>49.029.932.349</u>

(*) Khoản lãi trả chậm dự trả tiền khí cho Tổng Công ty Khí Việt Nam – CTCP (“PVGas”) theo điều khoản của Hợp đồng mua bán khí số 44/2010/PVGas/KTTT-PVPower NT2/B4 ngày 06 tháng 4 năm 2010 giữa Công ty và PVGas phát sinh đến ngày 31 tháng 12 năm 2012.

18. VAY NGẮN HẠN

	Số đầu năm VND	Trong năm		Số cuối năm VND
		Tăng VND	Giảm VND	
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam (*)	996.392.854.961	3.750.146.403.659	2.984.233.121.525	1.762.306.137.095
	<u>996.392.854.961</u>	<u>3.750.146.403.659</u>	<u>2.984.233.121.525</u>	<u>1.762.306.137.095</u>

(*) Ngày 14 tháng 3 năm 2025, Công ty đã ký hợp đồng vay tín chấp ngắn hạn số 010/TT.KHDN/25NH với Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam với tổng hạn mức vay là 2.000.000.000.000 đồng phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh điện. Thời hạn được cấp hạn mức tín dụng tính từ ngày ký hợp đồng vay đến hết ngày 25 tháng 3 năm 2026. Lãi suất cho vay được xác định tại thời điểm giải ngân vốn cho vay theo thông báo lãi suất cho vay của Ngân hàng trong từng thời kỳ và được ghi trên từng Giấy nhận nợ. Lãi vay được trả định kỳ hàng tháng. Thời hạn của mỗi khoản nợ tối đa là 06 tháng kể từ ngày tiếp theo của ngày giải ngân vốn vay và được ghi trên từng Giấy nhận nợ.

Công ty có khả năng thanh toán toàn bộ số dư nợ vay ngắn hạn tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

19. VỐN CHỦ SỞ HỮU

Cổ phiếu	Số cuối năm	Số đầu năm
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	287.876.029	287.876.029
Cổ phiếu phổ thông	287.876.029	287.876.029
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	287.876.029	287.876.029
Cổ phiếu phổ thông	287.876.029	287.876.029

Công ty chỉ phát hành một loại cổ phiếu phổ thông không được hưởng lợi tức cố định với mệnh giá là 10.000 đồng một cổ phiếu. Cổ đông sở hữu cổ phần phổ thông được nhận cổ tức khi được công bố và có quyền biểu quyết theo tỉ lệ một quyền biểu quyết cho mỗi cổ phần sở hữu tại các cuộc họp cổ đông của Công ty. Tất cả các cổ phần đều có quyền thừa hưởng như nhau đối với tài sản thuần của Công ty.

Chi tiết các cổ đông tại ngày kết thúc niên độ kế toán như sau:

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	VND	%	VND	%
Tổng công ty Điện lực Dầu Khí Việt Nam - CTCP	1.709.260.800.000	59,37%	1.709.260.800.000	59,37%
Công ty TNHH Phát triển Công nghệ	237.961.150.000	8,27%	237.961.150.000	8,27%
Các cổ đông khác	931.538.340.000	32,36%	931.538.340.000	32,36%
	2.878.760.290.000	100%	2.878.760.290.000	100%

Thay đổi trong vốn chủ sở hữu trong năm như sau:

	Vốn góp của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Tổng cộng
	VND	VND	VND	VND	VND
Số dư đầu năm trước	2.878.760.290.000	(457.500.000)	226.065.784.162	1.231.480.796.169	4.335.849.370.331
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	82.893.960.390	82.893.960.390
Chi trả cổ tức còn lại từ lợi nhuận năm 2023	-	-	-	(201.513.220.300)	(201.513.220.300)
Phân phối từ lợi nhuận năm 2023	-	-	-	(28.150.000.000)	(28.150.000.000)
Số dư đầu năm nay	2.878.760.290.000	(457.500.000)	226.065.784.162	1.084.711.536.259	4.189.080.110.421
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	1.130.284.802.854	1.130.284.802.854
Chi trả cổ tức còn lại từ lợi nhuận năm 2023	-	-	-	(230.300.823.200)	(230.300.823.200)
Chi trả cổ tức từ nguồn lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế	-	-	-	(201.513.220.300)	(201.513.220.300)
Phân phối từ lợi nhuận năm 2024	-	-	-	(28.150.000.000)	(28.150.000.000)
Số dư cuối năm nay	2.878.760.290.000	(457.500.000)	226.065.784.162	1.755.032.295.613	4.859.400.869.775

Theo Nghị quyết số 01/NQ-CPNT2 ngày 08 tháng 01 năm 2025, Hội đồng Quản trị của Công ty đã thông qua việc chi trả cổ tức còn lại năm 2023 bằng tiền từ nguồn lợi nhuận sau thuế chưa phân phối của năm 2023 với tỷ lệ 8%/mệnh giá, tương ứng với số tiền 230.300.823.200 VND. Theo Nghị quyết số 11/NQ-CPNT2 ngày 10 tháng 10 năm 2025, Hội đồng Quản trị của Công ty đã thông qua việc chi trả cổ tức từ nguồn lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến ngày 31 tháng 12 năm 2024 với tỷ lệ 7%/mệnh giá, tương ứng với số tiền 201.513.220.300 VND. Trong năm, Công ty đã thực hiện chi trả cổ tức theo các nghị quyết nêu trên và số cổ tức còn lại phải trả là 9.375.618.076 đồng (Thuyết minh số 17).

Theo Nghị quyết số 06/NQ-CPNT2 ngày 28 tháng 5 năm 2025, Đại hội đồng Cổ đông thường niên của Công ty đã thông qua phương án trích lập Quỹ khen thưởng, phúc lợi, thưởng Người quản lý từ lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm 2024 với số tiền là 28.150.000.000 đồng.

20. CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Vật tư nhận giữ hộ

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 và ngày 31 tháng 12 năm 2024, theo Hợp đồng bảo trì, sửa chữa dài hạn thiết bị chính Nhà máy Điện Tuabin khí Chu trình hỗn hợp Nhơn Trạch 2, Công ty nhận giữ hộ một số vật tư phụ tùng thuộc sở hữu của nhà thầu Siemens Energy Global GmbH nhằm mục đích phục vụ cho nhu cầu bảo trì bảo dưỡng của nhà máy. Các vật tư này sẽ được quyết toán sau thời điểm kết thúc hợp đồng sửa chữa dài hạn đã được ký kết với Công ty.

21. BỘ PHẬN THEO LĨNH VỰC KINH DOANH VÀ BỘ PHẬN THEO KHU VỰC ĐỊA LÝ

Hoạt động sản xuất kinh doanh chính của Công ty là sản xuất và bán điện trong nội địa. Hoạt động sản xuất kinh doanh khác của Công ty chiếm tỷ trọng rất nhỏ trong tổng doanh thu và kết quả hoạt động của Công ty trong năm cũng như các niên độ kế toán trước. Theo đó, thông tin tài chính trình bày trên Bảng cân đối kế toán cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025 và ngày 31 tháng 12 năm 2024 cũng như toàn bộ doanh thu, chi phí trình bày trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh cho năm tài chính kết thúc cùng ngày đều liên quan đến hoạt động sản xuất kinh doanh chính. Do đó, không có báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh và khu vực địa lý cần phải trình bày.

22. DOANH THU THUẦN VỀ BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

Doanh thu bán điện trong năm được ghi nhận hàng tháng theo sản lượng điện sản xuất phát lên lưới điện quốc gia có sự xác nhận hàng tháng của Công ty Mua bán Điện ("EPTC") theo giá bán điện được quy định tại Hợp đồng mua bán điện số 07/2012/HĐ-NMĐ-NT2 ngày 06 tháng 7 năm 2012 ("Hợp đồng mua bán điện 07"), Hợp đồng cung cấp dịch vụ phụ trợ số 01/2023/DVPT/NT2-EVN ngày 10 tháng 9 năm 2023 và các phụ lục/Hợp đồng sửa đổi bổ sung khác của Hợp đồng mua bán điện giữa Công ty và Tập đoàn Điện lực Việt Nam ("EVN")/ Công ty Mua bán Điện ("EPTC").

23. CHI PHÍ SẢN XUẤT, KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	Năm nay VND	Năm trước VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	5.598.862.596.824	4.793.336.570.949
Chi phí nhân công	132.037.964.569	82.903.970.338
Chi phí khấu hao tài sản cố định	556.350.994.956	687.070.057.755
Hoàn nhập dự phòng phải thu khó đòi	(24.315.826.253)	-
Chi phí sửa chữa bảo dưỡng	378.204.603.293	267.699.105.858
Chi phí dịch vụ mua ngoài	85.606.388.294	85.264.414.506
Chi phí khác bằng tiền	68.571.611.473	57.059.129.913
	<u>6.795.318.333.156</u>	<u>5.973.333.249.319</u>

24. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Năm nay VND	Năm trước VND
Lãi tiền gửi	167.461.621.311	94.658.872.647
Lãi chênh lệch tỷ giá	2.920.455.360	5.286.163.388
	<u>170.382.076.671</u>	<u>99.945.036.035</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐIỆN LỰC DẦU KHÍ NHƠN TRẠCH 2
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN

25. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	<u>Năm nay</u> <u>VND</u>	<u>Năm trước</u> <u>VND</u>
Lãi tiền vay	64.690.698.207	34.929.818.001
Lỗ chênh lệch tỷ giá	1.686.143.315	3.727.686.507
	<u>66.376.841.522</u>	<u>38.657.504.508</u>

26. CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	<u>Năm nay</u> <u>VND</u>	<u>Năm trước</u> <u>VND</u>
Chi phí nhân viên quản lý	59.289.658.858	37.027.856.614
Chi phí đồ dùng văn phòng	2.417.776.426	2.239.175.271
Chi phí khấu hao tài sản cố định	6.824.798.975	6.725.906.735
Chi phí sửa chữa bảo dưỡng	5.291.551.778	796.299.205
Thuế, phí và lệ phí	366.622.862	350.739.170
Chi phí dịch vụ mua ngoài	33.108.988.805	31.933.012.610
Hoàn nhập dự phòng phải thu khó đòi	(24.315.826.253)	-
Các khoản chi phí quản lý doanh nghiệp khác	1.926.367.607	2.094.565.210
	<u>84.909.939.058</u>	<u>81.167.554.815</u>

27. THU NHẬP KHÁC

	<u>Năm nay</u> <u>VND</u>	<u>Năm trước</u> <u>VND</u>
Thu nhập từ ghi nhận tăng giá trị vật tư dự phòng ISP (*)	-	70.294.128.000
Thu từ thanh lý tài sản	-	63.974.747
Thu nhập khác	4.245.657.022	2.846.823.926
	<u>4.245.657.022</u>	<u>73.204.926.673</u>

(*) Thu nhập khác năm trước phản ánh giá trị vật tư còn lại chưa sử dụng sau quá trình quyết toán giữa Công ty và liên danh Siemens AG/Siemens Ltd. Vietnam ("liên danh") theo Hợp đồng bảo trì thiết bị dài hạn giữa Công ty và liên danh cho công tác bảo trì máy móc, thiết bị chính cho Nhà máy Điện Tuabin khí chu trình hỗn hợp Nhơn Trạch 2 trong giai đoạn 100.000 giờ vận hành đầu tiên của mỗi tổ máy.

28. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	<u>Năm nay</u> <u>VND</u>	<u>Năm trước</u> <u>VND</u>
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành		
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành	134.608.811.325	21.062.579.743
Ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành của các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế	2.440.022.255	-
Điều chỉnh chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp của các năm trước vào chi phí thuế thu nhập hiện hành năm nay	630.718.125	112.000
Tổng chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	<u>137.679.551.705</u>	<u>21.062.691.743</u>

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành trong năm được tính như sau:

	Năm nay			Năm trước
	Hoạt động chính VND	Hoạt động khác VND	Tổng VND	Tổng VND
Lợi nhuận trước thuế	1.164.253.479.832	103.710.874.727	1.267.964.354.559	103.956.652.133
Cộng: Các chi phí không được trừ	4.290.452.605	372.719.436	4.663.172.041	1.356.246.581
Trừ: Các khoản không chịu thuế	(25.473.404.536)	(2.574.801.487)	(28.048.206.023)	-
Thu nhập chịu thuế năm hiện hành	1.143.070.527.901	101.508.792.676	1.244.579.320.577	105.312.898.714
Thu nhập tính thuế năm hiện hành	1.143.070.527.901	101.508.792.676	1.244.579.320.577	105.312.898.714
Thuế suất	10%	20%		
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên thu nhập tính thuế năm hiện hành	114.307.052.790	20.301.758.535	134.608.811.325	21.062.579.743
Ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành của các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế	2.428.950.831	11.071.424	2.440.022.255	-
Điều chỉnh chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp của các năm trước	115.757.828	514.960.297	630.718.125	112.000
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	116.851.761.449	20.827.790.256	137.679.551.705	21.062.691.743

Công ty có nghĩa vụ phải nộp thuế thu nhập doanh nghiệp theo tỷ lệ 10% tính trên thu nhập tính thuế từ hoạt động sản xuất và kinh doanh điện năng (hoạt động chính) trong 15 năm kể từ năm đầu tiên có doanh thu (năm 2011) và 20% cho những năm tiếp theo (từ năm 2026).

Công ty có nghĩa vụ phải nộp thuế thu nhập doanh nghiệp theo tỷ lệ 20% tính trên thu nhập từ các hoạt động khác theo Nghị định số 320/2025/NĐ-CP ngày 15 tháng 12 năm 2025 do Chính phủ ban hành.

29. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu phân bổ cho các cổ đông sở hữu cổ phần phổ thông của Công ty được thực hiện trên cơ sở các số liệu như sau:

		Năm nay	Năm trước
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	VND	1.130.284.802.854	82.893.960.390
Trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi, thưởng Người quản lý (*)	VND	28.150.000.000	28.150.000.000
Lợi nhuận để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	VND	1.102.134.802.854	54.743.960.390
Số bình quân giá quyền của cổ phiếu phổ thông để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	Cổ phiếu	287.876.029	287.876.029
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	VND	3.829	190

(*) Quỹ khen thưởng, phúc lợi, thưởng Người quản lý dùng để tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu cho năm 2025 là số liệu ước tính dựa trên kế hoạch phân phối lợi nhuận của năm 2025 theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên số 06/NQ-CPNT2 ngày 28 tháng 5 năm 2025 của Công ty. Theo Nghị quyết này, Công ty dự định trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi, thưởng Người quản lý với số tiền là 28.150.000.000 đồng.

Quỹ khen thưởng, phúc lợi, thưởng Người quản lý dùng để tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 được trình bày lại dựa trên Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên số 06/NQ-CPNT2 ngày 28 tháng 5 năm 2025 của Công ty thông qua phương án phân phối lợi nhuận sau thuế năm 2024.

Trong năm và đến ngày lập báo cáo tài chính này, Công ty không có cổ phiếu phổ thông tiềm năng. Do đó, lãi suy giảm trên cổ phiếu bằng lãi cơ bản trên cổ phiếu.

30. CÁC KHOẢN CAM KẾT

Cam kết bán hàng

Công ty đã ký kết với Công ty Mua bán Điện ("EPTC") bằng Hợp đồng mua bán điện số 07/2012/HĐ-NMĐ-NT2 ngày 06 tháng 7 năm 2012 và các Hợp đồng, sửa đổi bổ sung có liên quan. Theo đó, toàn bộ sản lượng điện sản xuất theo lệnh điều động của Cục Điều tiết Điện lực sẽ được bao tiêu bởi EPTC trong thời hạn là 25 năm kể từ ngày Nhà máy Điện Tuabin khí Chu trình hỗn hợp Nhơn Trạch 2 chính thức vận hành thương mại vào ngày 16 tháng 10 năm 2011. Giá bán điện được thỏa thuận theo các điều khoản trong Hợp đồng mua bán điện và các phụ lục hợp đồng kèm theo.

Cam kết mua hàng

Công ty đã ký kết với Tổng Công ty Khí Việt Nam – CTCP ("PVGas") bằng Hợp đồng mua bán khí số 44/2010/PVGas/KTTT-PVPower NT2/B4 ngày 06 tháng 4 năm 2010. Theo đó, giá bán khí được thỏa thuận theo các điều khoản trong Hợp đồng mua bán khí và các phụ lục hợp đồng kèm theo và Công ty có trách nhiệm phải mua và thanh toán một lượng khí tối thiểu năm trong suốt thời hạn của hợp đồng cho đến khi kết thúc hợp đồng này vào ngày 31 tháng 12 năm 2036.

31. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH

Quản lý rủi ro vốn

Công ty quản lý nguồn vốn nhằm đảm bảo rằng Công ty có thể vừa hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của các cổ đông thông qua tối ưu hóa số dư nguồn vốn và công nợ.

Cấu trúc vốn của Công ty gồm có các khoản nợ thuần (bao gồm các khoản vay như đã trình bày tại Thuyết minh số 18 trừ đi tiền và tương đương tiền) và phần vốn của các cổ đông của Công ty (bao gồm vốn góp, thặng dư vốn cổ phần, quỹ đầu tư phát triển và lợi nhuận sau thuế chưa phân phối).

Hệ số đòn bẩy tài chính

Hệ số đòn bẩy tài chính của Công ty tại ngày kết thúc niên độ kế toán như sau:

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Các khoản vay	1.762.306.137.095	996.392.854.961
Trừ: Tiền và các khoản tương đương tiền	22.303.884.186	56.958.238.240
Nợ thuần	1.740.002.252.909	939.434.616.721
Vốn chủ sở hữu	4.859.400.869.775	4.189.080.110.421
Tỷ lệ nợ thuần trên vốn chủ sở hữu	0,36	0,22

Các chính sách kế toán chủ yếu

Chi tiết các chính sách kế toán chủ yếu và các phương pháp mà Công ty áp dụng (bao gồm các tiêu chí để ghi nhận, cơ sở xác định giá trị và cơ sở ghi nhận các khoản thu nhập và chi phí) đối với từng loại tài sản tài chính và công nợ tài chính được trình bày tại Thuyết minh số 4.

Các loại công cụ tài chính

	Số cuối năm VND	Giá trị ghi sổ Số đầu năm VND	Số cuối năm VND	Giá trị hợp lý(*) Số đầu năm VND
Tài sản tài chính				
Tiền và các khoản tương đương tiền	22.303.884.186	56.958.238.240	22.303.884.186	56.958.238.240
Phải thu khách hàng và phải thu khác	3.894.770.485.839	3.012.972.417.999	3.894.770.485.839	3.012.972.417.999
Đầu tư tài chính ngắn hạn	3.757.490.790.416	2.273.490.790.416	3.757.490.790.416	2.273.490.790.416
	<u>7.674.565.160.441</u>	<u>5.343.421.446.655</u>	<u>7.674.565.160.441</u>	<u>5.343.421.446.655</u>
Công nợ tài chính				
Các khoản vay	1.762.306.137.095	996.392.854.961	1.762.306.137.095	996.392.854.961
Phải trả người bán và phải trả khác	1.283.807.619.231	2.301.885.862.706	1.283.807.619.231	2.301.885.862.706
Chi phí phải trả	<u>1.216.257.398.049</u>	<u>1.153.671.392.026</u>	<u>1.216.257.398.049</u>	<u>1.153.671.392.026</u>
	<u>4.262.371.154.375</u>	<u>4.451.950.109.693</u>	<u>4.262.371.154.375</u>	<u>4.451.950.109.693</u>

(*) Công ty chưa đánh giá giá trị hợp lý của tài sản tài chính và công nợ tài chính tại ngày kết thúc niên độ kế toán do Thông tư số 210/2009/TT-BTC do Bộ Tài chính đã ban hành ngày 06 tháng 11 năm 2009 ("Thông tư 210") cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và công nợ tài chính. Thông tư 210 yêu cầu áp dụng Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế về việc trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận công cụ tài chính bao gồm cả áp dụng giá trị hợp lý, nhằm phù hợp với Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế.

Mục tiêu quản lý rủi ro tài chính

Công ty đã xây dựng hệ thống quản lý rủi ro nhằm phát hiện và đánh giá các rủi ro mà Công ty phải chịu, thiết lập các chính sách và quy trình kiểm soát rủi ro ở mức chấp nhận được. Hệ thống quản lý rủi ro được xem xét lại định kỳ nhằm phản ánh những thay đổi của điều kiện thị trường và hoạt động của Công ty.

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (bao gồm rủi ro lãi suất và rủi ro về giá), rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

Rủi ro thị trường

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về tỷ giá hối đoái, lãi suất và giá. Công ty không thực hiện các biện pháp phòng ngừa rủi ro này do thiếu thị trường hoạt động giao dịch các công cụ tài chính này.

Quản lý rủi ro tỷ giá

Công ty thực hiện một số giao dịch có gốc ngoại tệ. Theo đó, Công ty sẽ chịu rủi ro khi có biến động về tỷ giá. Công ty chủ yếu chịu ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá của Đô la Mỹ và Euro.

Trong năm nay và năm trước, Công ty đã trả hết phần lớn các khoản công nợ/vay có gốc ngoại tệ nên tại thời điểm cuối năm không còn rủi ro trọng yếu về tỷ giá.

Quản lý rủi ro lãi suất

Công ty chịu rủi ro lãi suất phát sinh từ các khoản vay chịu lãi suất đã được ký kết. Rủi ro này sẽ được Công ty quản lý bằng cách duy trì ở mức độ hợp lý các khoản vay và phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được lãi suất có lợi cho Công ty từ các nguồn cho vay thích hợp.

Độ nhạy của lãi suất

Độ nhạy của các khoản vay đối với sự thay đổi lãi suất có thể xảy ra ở mức độ hợp lý trong lãi suất được thể hiện dưới đây. Với giả định là các biến số khác không thay đổi và giả định số dư tiền vay cuối năm là số dư tiền vay trong suốt năm tài chính, nếu lãi suất của các khoản vay với lãi suất cố định tăng/giảm 200 điểm cơ bản thì lợi nhuận trước thuế của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025 sẽ giảm/tăng 35.246.122.742 đồng (cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024, lợi nhuận trước thuế sẽ giảm/tăng 19.927.857.099 đồng).

Quản lý rủi ro về giá khí gas nguyên liệu

Công ty mua khí gas nguyên liệu từ nhà cung cấp trong nước để sản xuất điện. Do vậy, Công ty sẽ chịu rủi ro từ việc thay đổi giá bán của khí gas nguyên liệu. Rủi ro này sẽ được Công ty quản lý bằng cách ký hợp đồng bao tiêu và mua khí dài hạn để hạn chế ở mức thấp nhất việc thay đổi giá bán khí gas nguyên liệu trong quá trình sản xuất kinh doanh.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng xảy ra khi một khách hàng hoặc đối tác không đáp ứng được các nghĩa vụ trong hợp đồng dẫn đến các tổn thất tài chính cho Công ty. Công ty có chính sách tín dụng phù hợp và thường xuyên theo dõi tình hình để đánh giá xem Công ty có chịu rủi ro tín dụng hay không. Tại ngày kết thúc niên độ kế toán, Công ty có khoản rủi ro tín dụng tập trung khá lớn từ khoản phải thu do bán điện cho Công ty Mua bán Điện ("EPTC") - Tập đoàn Điện lực Việt Nam và tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn dưới 01 năm phát sinh cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025.

Công ty quản lý rủi ro tín dụng khách hàng thông qua các chính sách, thủ tục và quy trình kiểm soát của Công ty có liên quan đến việc quản lý rủi ro tín dụng khách hàng. Công ty thường xuyên theo dõi các khoản phải thu khách hàng chưa thu. Tại ngày kết thúc niên độ kế toán, Công ty thực hiện xem xét sự suy giảm trong chất lượng tín dụng theo bản chất, nội dung của từng số dư khoản phải thu từ khách hàng EPTC.

Công ty có các biện pháp phù hợp để giảm thiểu rủi ro tín dụng và tìm cách duy trì kiểm soát chặt chẽ đối với các khoản phải thu tồn đọng.

Tiền gửi ngân hàng của Công ty chủ yếu được gửi tại các tổ chức danh tiếng. Ban Giám đốc không nhận thấy có rủi ro tín dụng trọng yếu nào từ các khoản tiền gửi này và không cho rằng các tổ chức tài chính này có thể mất khả năng trả nợ và gây tổn thất cho Công ty.

Quản lý rủi ro thanh khoản

Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai. Tính thanh khoản cũng được Công ty quản lý nhằm đảm bảo mức phụ trội giữa công nợ đến hạn và tài sản đến hạn trong năm ở mức có thể được kiểm soát đối với số vốn mà Công ty tin rằng có thể tạo ra trong năm đó. Chính sách của Công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo Công ty duy trì đủ mức dự phòng tiền mặt, các khoản vay và đủ vốn mà các cổ đông cam kết góp nhằm đáp ứng các quy định về tính thanh khoản ngắn hạn và dài hạn hơn.

Các bảng dưới đây trình bày chi tiết các mức đáo hạn theo hợp đồng còn lại đối với tài sản tài chính và công nợ tài chính phi phái sinh và thời hạn thanh toán như đã được thỏa thuận. Các bảng này được trình bày dựa trên dòng tiền chưa chiết khấu của tài sản tài chính và dòng tiền chưa chiết khấu của công nợ tài chính tính theo ngày sớm nhất mà Công ty phải trả. Việc trình bày thông tin tài sản tài chính phi phái sinh là cần thiết để hiểu được việc quản lý rủi ro thanh khoản của Công ty khi tính thanh khoản được quản lý trên cơ sở công nợ và tài sản thuần.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐIỆN LỰC DẦU KHÍ NHƠN TRẠCH 2
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN

	<u>Dưới 1 năm</u>	<u>Trên 1 năm</u>	<u>Tổng</u>
	<u>VND</u>	<u>VND</u>	<u>VND</u>
31/12/2025			
Tiền và các khoản tương đương tiền	22.303.884.186	-	22.303.884.186
Phải thu khách hàng và phải thu khác	3.894.770.485.839	-	3.894.770.485.839
Đầu tư tài chính ngắn hạn	3.757.490.790.416	-	3.757.490.790.416
	<u>7.674.565.160.441</u>	<u>-</u>	<u>7.674.565.160.441</u>
31/12/2025			
Các khoản vay	1.762.306.137.095	-	1.762.306.137.095
Phải trả người bán và phải trả khác	1.283.807.619.231	-	1.283.807.619.231
Chi phí phải trả	1.216.257.398.049	-	1.216.257.398.049
	<u>4.262.371.154.375</u>	<u>-</u>	<u>4.262.371.154.375</u>
Chênh lệch thanh khoản thuần	<u>3.412.194.006.066</u>	<u>-</u>	<u>3.412.194.006.066</u>
	<u>Dưới 1 năm</u>	<u>Trên 1 năm</u>	<u>Tổng</u>
	<u>VND</u>	<u>VND</u>	<u>VND</u>
31/12/2024			
Tiền và các khoản tương đương tiền	56.958.238.240	-	56.958.238.240
Phải thu khách hàng và phải thu khác	3.012.972.417.999	-	3.012.972.417.999
Đầu tư tài chính ngắn hạn	2.273.490.790.416	-	2.273.490.790.416
	<u>5.343.421.446.655</u>	<u>-</u>	<u>5.343.421.446.655</u>
31/12/2024			
Các khoản vay	996.392.854.961	-	996.392.854.961
Phải trả người bán và phải trả khác	2.301.885.862.706	-	2.301.885.862.706
Chi phí phải trả	1.153.671.392.026	-	1.153.671.392.026
	<u>4.451.950.109.693</u>	<u>-</u>	<u>4.451.950.109.693</u>
Chênh lệch thanh khoản thuần	<u>891.471.336.962</u>	<u>-</u>	<u>891.471.336.962</u>

Ban Giám đốc đánh giá mức rủi ro thanh khoản ở mức thấp. Ban Giám đốc tin tưởng rằng Công ty có thể tạo ra đủ nguồn tiền để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn.

32. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Danh sách các bên liên quan có số dư và giao dịch chủ yếu trong năm:

<u>Bên liên quan</u>	<u>Mối quan hệ</u>
Tổng công ty Điện lực Dầu Khí Việt Nam - CTCP	Công ty mẹ
Tập đoàn Công nghiệp - Năng lượng Quốc gia Việt Nam ("PVN")	Tập đoàn
Tổng Công ty Khí Việt Nam - CTCP	Công ty cùng Tập đoàn
Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Điện lực Dầu khí Việt Nam	Công ty cùng Tập đoàn
Tổng Công ty Bảo hiểm PVI	Công ty cùng Tập đoàn
Ngân hàng TMCP Đại chúng Việt Nam	Công ty cùng Tập đoàn
Công ty TNHH Thương mại dịch vụ Kiểm định Dầu khí Việt Nam	Công ty cùng Tập đoàn
Trường Cao đẳng Dầu khí	Công ty cùng Tập đoàn
Công ty Điện lực Dầu khí Nhơn Trạch	Chi nhánh của Công ty mẹ

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐIỆN LỰC DẦU KHÍ NHƠN TRẠCH 2
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN

Trong năm, Công ty đã có các giao dịch chủ yếu sau với các bên liên quan:

	Năm nay VND	Năm trước VND
Mua hàng và sử dụng dịch vụ		
Tổng Công ty Khí Việt Nam - CTCP	5.576.893.617.075	4.598.379.923.853
Tổng Công ty Bảo hiểm PVI	33.177.345.330	33.179.054.593
Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Điện lực Dầu khí Việt Nam	19.540.363.960	51.030.401.555
Tập đoàn Công nghiệp - Năng lượng Quốc gia Việt Nam	1.039.566.521	5.136.016.199
Công ty TNHH Thương mại dịch vụ Kiểm định Dầu khí Việt Nam	750.506.400	27.000.000
Trường Cao đẳng Dầu khí	120.000.000	-
Công ty Điện lực Dầu khí Nhơn Trạch	77.838.125	77.838.125
	<u>5.631.599.237.411</u>	<u>4.687.830.234.325</u>

Doanh thu tài chính

Lãi tiền gửi từ Ngân hàng TMCP Đại Chúng Việt Nam	2.016	15.529
Thu nhập khác		
Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Điện lực Dầu khí Việt Nam	42.827.272	-
Chi trả cổ tức		
Tổng Công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam - CTCP	256.389.120.000	119.648.256.000

Tổng thu nhập Ban Giám đốc, Kế toán trưởng và thù lao của Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát được chi trả trong năm như sau:

	Năm nay VND	Năm trước VND
Hội đồng Quản trị		
Ông Ưông Ngọc Hải	1.356.496.272	1.242.106.355
Ông Lương Ngọc Anh	96.000.000	96.000.000
Ông Ngô Đức Nhân	(*)	(*)
Ông Nguyễn Công Dũng	45.348.258	265.842.489
(miễn nhiệm ngày 01 tháng 3 năm 2024)		
Bà Phan Thị Thủy Lan	96.000.000	96.000.000
	<u>1.593.844.530</u>	<u>1.699.948.844</u>

(*) Đã được trình bày ở phần thu nhập của Ban Giám đốc như chi tiết bên dưới.

	Năm nay VND	Năm trước VND
Ban Giám đốc/Kế toán trưởng		
Ông Ngô Đức Nhân	1.343.715.392	1.238.407.349
Bà Nguyễn Thị Hà	1.198.065.337	1.127.800.038
Ông Nguyễn Văn Quyền	1.040.534.832	959.484.746
Ông Nguyễn Trung Thu	1.113.617.734	1.052.728.331
Ông Lê Việt An	999.180.134	904.544.706
	<u>5.695.113.429</u>	<u>5.282.965.170</u>

	Năm nay VND	Năm trước VND
Ban Kiểm soát		
Ông Nguyễn Hữu Minh	1.025.186.490	959.189.043
Ông Nguyễn Văn Kỳ	60.000.000	60.000.000
Bà Phan Lan Anh	60.000.000	60.000.000
	<u>1.145.186.490</u>	<u>1.079.189.043</u>

Chi phí hoạt động của Hội đồng Quản trị và Ban Kiểm soát trong năm như sau:

	<u>Năm nay</u> <u>VND</u>	<u>Năm trước</u> <u>VND</u>
Chi phí hoạt động trong năm của Hội đồng Quản trị	163.829.133	183.349.932
Chi phí hoạt động trong năm của Ban kiểm soát	48.004.811	49.426.148

Số dư chủ yếu với các bên liên quan tại ngày kết thúc niên độ kế toán như sau:

	<u>Số cuối năm</u> <u>VND</u>	<u>Số đầu năm</u> <u>VND</u>
Phải trả người bán ngắn hạn		
Tổng Công ty Khí Việt Nam - CTCP	1.221.675.676.974	2.153.018.063.190
Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Điện lực Dầu khí Việt Nam	5.080.885.046	6.606.186.471
	<u>1.226.756.562.020</u>	<u>2.159.624.249.661</u>
Chi phí phải trả ngắn hạn		
Tổng Công ty Khí Việt Nam - CTCP	1.153.056.893.161	1.116.609.913.314
Công ty Điện lực Dầu khí Nhơn Trạch	77.838.125	-
	<u>1.153.134.731.286</u>	<u>1.116.609.913.314</u>
Phải trả khác ngắn hạn		
Tổng Công ty Khí Việt Nam - CTCP	39.278.284.374	39.278.284.374
	<u>39.278.284.374</u>	<u>39.278.284.374</u>

33. TÀI SẢN, CÔNG NỢ TIỀM TÀNG

Theo Nghị quyết số 1944/NQ-DKVN ngày 02 tháng 4 năm 2018 của Tập đoàn Dầu khí Việt Nam (nay được đổi tên thành Tập đoàn Công nghiệp – Năng lượng Quốc gia Việt Nam (“PVN”) về việc ngừng áp dụng Nghị quyết số 1827/NQ-DKVN ngày 19 tháng 3 năm 2013 của PVN về việc chấp thuận phương án hạch toán kế toán đối với các khoản doanh thu/chi phí liên quan đến việc chậm thanh toán tiền điện/tiền khí. Theo đó, Công ty sẽ phải tiến hành ghi nhận khoản thu tiền lãi trả chậm phát sinh từ Công ty Mua bán Điện (“EPTC”) và ghi nhận khoản phải trả cho PVGas dựa theo ngày chậm trễ/quá hạn thanh toán theo đúng quy định của hợp đồng nguyên tắc và các phụ lục bổ sung được ký giữa Công ty và PVGas (Hợp đồng mua bán khí) và giữa Công ty và EPTC (Hợp đồng mua bán điện). Công ty đã làm việc với EPTC và PVGas về tình hình thực hiện hợp đồng mua bán điện/khí và đang trao đổi lại với PVN cũng như Công ty mẹ - Tổng Công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam – CTCP về phương pháp cụ thể, về tính hiệu lực của Nghị quyết số 1944/NQ-DKVN có được áp dụng cho các khoản lãi chậm nộp có số dư phát sinh từ những năm/kỳ trước hay không để làm cơ sở cho việc hạch toán chính xác và đầy đủ các khoản lãi phạt/chi phí, phải thu/phải trả liên quan đến việc chậm thanh toán tiền điện/tiền khí đã phát sinh trong thời gian tới. Tại ngày phát hành báo cáo tài chính này, Công ty chưa nhận được hướng dẫn cụ thể, quyết định xử lý của PVN về các khoản dự thu/dự trả nói trên nên chưa có cơ sở chắc chắn để ghi nhận bất cứ điều chỉnh nào trên báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025.

Liên quan đến việc thanh tra chấp hành pháp luật về thuế tại Công ty Cổ phần Điện lực Dầu khí Nhơn Trạch 2 theo Quyết định số 1632/QĐ-TCT ngày 08/11/2019 của Tổng Cục thuế cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018, đối với một số vấn đề vướng mắc do đặc thù ngành nghề liên quan đến thời điểm kê khai thuế giá trị gia tăng của doanh thu từ bán điện và chi phí tương ứng từ việc mua khí để sản xuất điện, Công ty đang tiếp tục giải trình và kiến nghị với Đoàn thanh tra – Tổng Cục thuế và các cơ quan hữu quan có liên quan để có kết luận cuối cùng về việc thanh tra chấp hành pháp luật về thuế tại Công ty Cổ phần Điện lực Dầu khí Nhơn Trạch 2. Tại ngày phát hành báo cáo tài chính này, Công ty vẫn chưa nhận được kết luận cuối cùng về việc thanh tra chấp hành pháp luật thuế tại Công ty Cổ phần Điện lực Dầu khí Nhơn Trạch 2 liên quan đến thời điểm kê khai thuế giá trị gia tăng của doanh thu từ bán điện và chi phí tương ứng từ việc mua khí để sản xuất điện của Tổng Cục Thuế và cơ quan hữu quan nên chưa có cơ sở chắc chắn để ghi nhận bất cứ điều chỉnh nào trên báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025.

Ngày 09 tháng 11 năm 2021, Ủy ban Nhân dân huyện Nhơn Trạch, tỉnh Đồng Nai (Nay là Ủy ban Nhân dân xã Nhơn Trạch, tỉnh Đồng Nai) đã ra Quyết định số 4267/QĐ-UBND về việc thu hồi diện tích đất 116.482 m² của Công ty để thực hiện dự án Nhà máy điện Nhơn Trạch 3 và Nhà máy điện Nhơn Trạch 4 tại khu công nghiệp Ông Kèo, xã Đại Phước, tỉnh Đồng Nai do Tổng Công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam – CTCP làm chủ đầu tư. Theo đó, Công ty vẫn đang tiếp tục làm việc với các bên liên quan và cơ quan hữu quan để thống nhất, thu hồi chi phí bồi thường giải phóng mặt bằng và các chi phí khác liên quan đến diện tích đất thu hồi.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025, Ban Giám đốc đánh giá rằng Công ty có nghĩa vụ thu dọn, khôi phục và hoàn trả mặt bằng vào cuối thời hạn thuê hoặc thời hạn kết thúc dự án của nhà máy điện. Hiện tại, Công ty chưa ước tính giá trị của nghĩa vụ hoàn nguyên này vì chưa thu thập đủ thông tin đáng tin cậy về chi phí có thể phát sinh cũng như đánh giá các ảnh hưởng có thể có liên quan đến việc tính giá thành điện. Theo đó, Công ty đang làm việc với các cơ quan hữu quan để có thêm hướng dẫn để có đủ thông tin cần thiết cho việc ước tính.

34. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Thông tin bổ sung cho các khoản phi tiền tệ

Thu lãi tiền gửi trong năm không bao gồm số tiền 82.370.251.792 đồng (năm 2024: 35.763.761.384 đồng) là số tiền lãi dự thu phát sinh trong năm mà chưa được nhận. Vì vậy, một khoản tiền tương ứng đã được điều chỉnh trên phần thay đổi các khoản phải thu.

Tiền lãi vay đã trả trong năm không bao gồm số tiền 4.924.420.529 đồng (năm 2024: 2.828.385.151 đồng) là số tiền lãi phải trả trong năm mà chưa thanh toán. Vì vậy, một khoản tiền tương ứng đã được điều chỉnh trên phần thay đổi của các khoản phải trả.

Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu trong năm không bao gồm số tiền 9.375.618.076 đồng (năm 2024: 9.014.824.084 đồng) là số cổ tức, lợi nhuận chưa thanh toán hết cho cổ đông. Vì vậy, một khoản tiền tương ứng đã được điều chỉnh trên phần thay đổi các khoản phải trả.

Tiền thu từ đi vay/Tiền trả nợ gốc vay trình bày trên cơ sở thuần số tiền thu từ đi vay và tiền trả nợ gốc vay của các khoản vay ngắn hạn không quá 03 tháng. Vì vậy, chỉ tiêu “Tiền thu từ đi vay” và “Tiền trả nợ gốc vay” cùng được điều chỉnh giảm tương ứng một khoản tiền 0 đồng (năm 2024: 485.564.324.510 đồng).

35. SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC NIÊN ĐỘ KẾ TOÁN

Không có sự kiện nào phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính có ảnh hưởng trọng yếu hoặc có thể gây ảnh hưởng trọng yếu đến hoạt động của Công ty và tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động của Công ty cần phải điều chỉnh hoặc thuyết minh trên báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025 của Công ty.

Lê Văn Tú
Người lập biểu

Lê Việt An
Kế toán trưởng



Ngô Đức Nhân
Giám đốc

Ngày 25 tháng 02 năm 2026

Deloitte.

PETROVIETNAM POWER NHON TRACH 2 JOINT STOCK COMPANY
(Incorporated in the Socialist Republic of Vietnam)

**AUDITED FINANCIAL
STATEMENTS**

For the year ended 31 December 2025



TABLE OF CONTENTS

<u>CONTENTS</u>	<u>PAGE(S)</u>
STATEMENT OF THE BOARD OF MANAGEMENT	1 - 2
INDEPENDENT AUDITORS' REPORT	3
BALANCE SHEET	4 - 5
INCOME STATEMENT	6
CASH FLOW STATEMENT	7
NOTES TO THE FINANCIAL STATEMENTS	8 - 29

STATEMENT OF THE BOARD OF MANAGEMENT

The Board of Management of PetroVietnam Power Nhon Trach 2 Joint Stock Company (the "Company") presents this report together with the Company's financial statements for the year ended 31 December 2025.

THE BOARDS OF DIRECTORS AND MANAGEMENT

The members of the Board of Directors, Board of Management, Chief Accountant and Board of Supervisors of the Company during the year and to the date of this report are as follows:

Board of Directors

Mr. Uong Ngoc Hai	Chairman
Mr. Ngo Duc Nhan	Member
Mr. Luong Ngoc Anh	Member
Ms. Phan Thi Thuy Lan	Independent member

Board of Management/Chief Accountant

Mr. Ngo Duc Nhan	Director
Ms. Nguyen Thi Ha	Deputy Director
Mr. Nguyen Van Quyen	Deputy Director
Mr. Nguyen Trung Thu	Deputy Director
Mr. Le Viet An	Chief Accountant

Board of Supervisors

Mr. Nguyen Huu Minh	Head of the Board of Supervisors
Mr. Nguyen Van Ky	Member
Ms. Phan Lan Anh	Member

BOARD OF MANAGEMENT'S STATEMENT OF RESPONSIBILITY

The Board of Management of the Company is responsible for preparing the financial statements, which give a true and fair view of the financial position of the Company as at 31 December 2025 and its financial performance and its cash flows for the year ended in accordance with Vietnamese Accounting Standards, accounting regime for enterprises and legal regulations relating to financial reporting. In preparing these financial statements, the Board of Management is required to:

- select suitable accounting policies and then apply them consistently;
- make judgments and estimates that are reasonable and prudent;
- state whether applicable accounting principles have been followed, subject to any material departures disclosed and explained in the financial statements;
- prepare the financial statements on the going concern basis unless it is inappropriate to presume that the Company will continue in business; and
- design and implement an effective internal control system for the purpose of properly preparing and presenting the financial statements so as to minimize errors and frauds.

The Board of Management is responsible for ensuring that proper accounting records are kept, which disclose, with reasonable accuracy at any time, the financial position of the Company and that the financial statements comply with Vietnamese Accounting Standards, accounting regime for enterprises and legal regulations relating to financial reporting. The Board of Management is also responsible for safeguarding the assets of the Company and hence for taking reasonable steps for the prevention and detection of frauds and other irregularities.

STATEMENT OF THE BOARD OF MANAGEMENT (Continued)

The Board of Management confirms that the Company has complied with the above requirements in preparing these financial statements.

For and on behalf of the Board of Management,



Ngo Duc Nhan
Director

25 February 2026

3/6
FY
AN
DẦU
CÁC

12
N
N
O
T
/PH

No.: 0500 /VN1A-HN-BC

INDEPENDENT AUDITORS' REPORT

To: The Shareholders, the Boards of Directors and Management
PetroVietnam Power Nhon Trach 2 Joint Stock Company

We have audited the accompanying financial statements of PetroVietnam Power Nhon Trach 2 Joint Stock Company (the "Company"), prepared on 25 February 2026 as set out from page 04 to page 29, which comprise the balance sheet as at 31 December 2025, the income statement and cash flow statement for the year then ended, and a summary of significant accounting policies and other explanatory information.

Board of Management's Responsibility for the Financial Statements

The Board of Management is responsible for the preparation and fair presentation of these financial statements in accordance with Vietnamese Accounting Standards, accounting regime for enterprises and legal regulations relating to financial reporting, and for such internal control as the Board of Management determines is necessary to enable the preparation of financial statements that are free from material misstatement, whether due to fraud or error.

Auditors' Responsibility

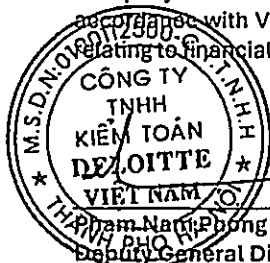
Our responsibility is to express an opinion on these financial statements based on our audit. We conducted our audit in accordance with Vietnamese Standards on Auditing. Those standards require that we comply with ethical requirements and plan and perform the audit to obtain reasonable assurance about whether the financial statements are free from material misstatement.

An audit involves performing procedures to obtain audit evidence about the amounts and disclosures in the financial statements. The procedures selected depend on the auditors' judgment, including the assessment of the risks of material misstatement of the financial statements, whether due to fraud or error. In making those risk assessments, the auditors consider internal control relevant to the Company's preparation and fair presentation of the financial statements in order to design audit procedures that are appropriate in the circumstances, but not for the purpose of expressing an opinion on the effectiveness of the Company's internal control. An audit also includes evaluating the appropriateness of accounting policies used and the reasonableness of accounting estimates made by the Board of Management, as well as evaluating the overall presentation of the financial statements.

We believe that the audit evidence we have obtained is sufficient and appropriate to provide a basis for our audit opinion.

Auditors' Opinion

In our opinion, the financial statements present fairly, in all material respects, the financial position of the Company as at 31 December 2025, and its financial performance and its cash flows for the year then ended in accordance with Vietnamese Accounting Standards, accounting regime for enterprises and legal regulations relating to financial reporting.



Phạm Nam Phong
Deputy General Director

Audit Practising Registration Certificate
No. 0929-2024-001-1

DELOITTE VIETNAM AUDIT COMPANY LIMITED

25 February 2026
Hanoi, S.R. Vietnam

Do Tran Manh
Auditor
Audit Practising Registration Certificate
No. 6141-2023-001-1

BALANCE SHEET
As at 31 December 2025

Unit: VND

ASSETS	Codes	Notes	Closing balance	Opening balance
A. CURRENT ASSETS	100		8,033,411,736,979	5,773,811,804,064
I. Cash and cash equivalents	110	5	22,303,884,186	56,958,238,240
1. Cash	111		22,303,884,186	6,958,238,240
2. Cash equivalents	112		-	50,000,000,000
II. Short-term financial investments	120	6	3,757,490,790,416	2,273,490,790,416
1. Held-to-maturity investments	123		3,757,490,790,416	2,273,490,790,416
III. Short-term receivables	130		3,894,770,485,839	2,988,656,591,746
1. Short-term trade receivables	131	7	3,770,172,114,590	2,933,275,806,587
2. Other short-term receivables	136	8	124,598,371,249	79,696,611,412
3. Provision for short-term doubtful debts	137	9	-	(24,315,826,253)
IV. Inventories	140	10	354,104,290,287	332,599,835,856
1. Inventories	141		354,104,290,287	332,599,835,856
V. Other short-term assets	150		4,742,286,251	122,106,347,806
1. Short-term prepayments	151	13	4,742,286,251	4,749,424,813
2. Value added tax deductibles	152		-	117,356,922,993
B. NON-CURRENT ASSETS	200		1,239,899,489,024	2,924,035,246,214
I. Fixed assets	220		896,787,319,618	1,441,668,582,940
1. Tangible fixed assets	221	11	874,937,746,704	1,419,617,676,690
- Cost	222		11,344,018,677,286	11,332,539,745,648
- Accumulated depreciation	223		(10,469,080,930,582)	(9,912,922,068,958)
2. Intangible assets	227	12	21,849,572,914	22,050,906,250
- Cost	228		31,602,900,921	31,602,900,921
- Accumulated amortisation	229		(9,753,328,007)	(9,551,994,671)
II. Other long-term assets	260		343,112,169,406	1,482,366,663,274
1. Long-term prepayments	261	13	343,112,169,406	1,482,366,663,274
TOTAL ASSETS (270=100+200)	270		9,273,311,226,003	8,697,847,050,278

The accompanying notes are an integral part of these financial statements

BALANCE SHEET (Continued)
As at 31 December 2025

Unit: VND

RESOURCES	Codes	Notes	Closing balance	Opening balance
C. LIABILITIES	300		4,413,910,356,228	4,508,766,939,857
1. Current liabilities	310		4,413,910,356,228	4,508,766,939,857
1. Short-term trade payables	311	14	1,234,301,645,364	2,252,855,930,357
2. Taxes and amounts payable to the State budget	313	15	88,899,468,180	23,443,418,143
3. Payables to employees	314		53,129,462,033	20,967,804,184
4. Short-term accrued expenses	315	16	1,216,257,398,049	1,153,671,392,026
5. Other current payables	319	17	49,505,973,867	49,029,932,349
6. Short-term loans	320	18	1,762,306,137,095	996,392,854,961
7. Bonus and welfare funds	322		9,510,271,640	12,405,607,837
D. EQUITY	400		4,859,400,869,775	4,189,080,110,421
I. Owners' equity	410	19	4,859,400,869,775	4,189,080,110,421
1. Owners' contributed capital	411		2,878,760,290,000	2,878,760,290,000
- Ordinary shares carrying voting rights	411a		2,878,760,290,000	2,878,760,290,000
2. Share premium	412		(457,500,000)	(457,500,000)
3. Investment and development fund	418		226,065,784,162	226,065,784,162
4. Retained earnings	421		1,755,032,295,613	1,084,711,536,259
- Retained earnings accumulated to prior year-end	421a		624,747,492,759	1,001,817,575,869
- Retained earnings of the current year	421b		1,130,284,802,854	82,893,960,390
TOTAL RESOURCES (440=300+400)	440		9,273,311,226,003	8,697,847,050,278

Le Van Tu
Preparer

Le Viet An
Chief Accountant



Ngo Duc Nhan
Director

25 February 2026

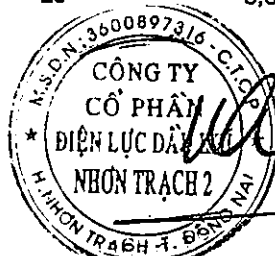
INCOME STATEMENT
 For the year ended 31 December 2025

Unit: VND

ITEMS	Codes	Notes	Current year	Prior year
1. Gross revenue from goods sold and services rendered	01		7,958,219,701,044	5,943,678,536,835
2. Net revenue from goods sold and services rendered (10=01)	10	22	7,958,219,701,044	5,943,678,536,835
3. Cost of sales	11		6,710,408,394,098	5,892,165,694,504
4. Gross profit from goods sold and services rendered (20=10-11)	20		1,247,811,306,946	51,512,842,331
5. Financial income	21	24	170,382,076,671	99,945,036,035
6. Financial expenses	22	25	66,376,841,522	38,657,504,508
- In which: Interest expense	23		64,690,698,207	34,929,818,001
7. General and administration expenses	26	26	84,909,939,058	81,167,554,815
8. Operating profit (30=20+(21-22)-26)	30		1,266,906,603,037	31,632,819,043
9. Other income	31	27	4,245,657,022	73,204,926,673
10. Other expenses	32		3,187,905,500	881,093,583
11. Profit from other activities (40=31-32)	40		1,057,751,522	72,323,833,090
12. Accounting profit before tax (50=30+40)	50		1,267,964,354,559	103,956,652,133
13. Current corporate income tax expense	51	28	137,679,551,705	21,062,691,743
14. Net profit after corporate income tax (60=50-51)	60		1,130,284,802,854	82,893,960,390
15. Basic earnings per share	70	29	3,829	190

Le Van Tu
 Preparer

Le Viet An
 Chief Accountant



Ngo Duc Nhan
 Director

25 February 2026

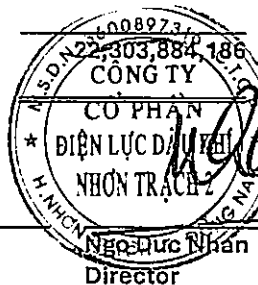
CASH FLOW STATEMENT
For the year ended 31 December 2025

Unit: VND

ITEMS	Codes	Current year	Prior year
I. CASH FLOWS FROM OPERATING ACTIVITIES			
1. Profit before tax	01	1,267,964,354,559	103,956,652,133
2. Adjustments for:			
Depreciation and amortisation of fixed assets	02	556,350,994,956	687,070,057,755
Provisions	03	(24,315,826,253)	-
Foreign exchange (gain) arising from translating foreign monetary items	04	-	(3,502,473,467)
Gain from investing activities	05	(167,461,621,311)	(94,722,847,394)
Interest expense	06	64,690,698,207	34,929,818,001
3. Operating profit before movements in working capital	08	1,697,228,600,158	727,731,207,028
Changes in receivables	09	(717,834,654,439)	(717,465,515,882)
Changes in inventories	10	(21,504,454,431)	(72,243,206,300)
Changes in payables	11	(915,412,280,588)	600,627,373,340
Changes in prepaid expenses	12	1,139,261,632,430	73,299,034,686
Interest paid	14	(62,594,662,829)	(32,890,473,946)
Corporate income tax paid	15	(84,903,322,849)	(20,094,861,731)
Other cash outflows	17	(31,036,136,193)	(31,254,889,012)
Net cash generated by operating activities	20	1,003,204,721,259	527,708,668,183
II. CASH FLOWS FROM INVESTING ACTIVITIES			
1. Acquisition and construction of fixed assets	21	(9,174,238,842)	(3,557,135,613)
2. Proceeds from sale, disposal of fixed assets	22	-	63,974,747
3. Cash outflow for bank deposits	23	(4,957,490,790,416)	(4,110,440,790,416)
4. Cash recovered from bank deposits	24	3,473,490,790,416	3,937,340,790,416
5. Interest earned	27	120,855,130,903	109,745,715,230
Net cash used in investing activities	30	(1,372,319,107,939)	(66,847,445,636)
III. CASH FLOWS FROM FINANCING ACTIVITIES			
1. Proceeds from borrowings	33	3,750,146,403,659	2,354,643,589,722
2. Repayment of borrowings	34	(2,984,233,121,525)	(2,558,250,734,761)
3. Dividends and profits paid	36	(431,453,249,508)	(201,448,708,230)
Net cash generated by/(used in) financing activities	40	334,460,032,626	(405,055,853,269)
Net (decrease)/increase in cash (50=20+30+40)	50	(34,654,354,054)	55,805,369,278
Cash and cash equivalents at the beginning of the year	60	56,958,238,240	1,152,868,962
Cash and cash equivalents at the end of the year (70=50+60)	70	22,303,884,186	56,958,238,240

Le Van Tu
Preparer

Le Viet An
Chief Accountant



25 February 2026

The accompanying notes are an integral part of these financial statements

NOTES TO THE FINANCIAL STATEMENTS

These notes are an integral part of and should be read in conjunction with the accompanying financial statements

1. GENERAL INFORMATION

Structure of ownership

PetroVietnam Power Nhon Trach 2 Joint Stock Company (the "Company") was incorporated in Vietnam under Business Registration Certificate No. 4703000396 dated 20 June 2007 issued by the Department of Planning and Investment of Dong Nai Province, and the latest amendment of Business Registration Certificate No. 3600897316 dated 21 September 2022.

The Company's shares are listed on Ho Chi Minh Stock Exchange according to Notice No. 614/TB-SGDHCM issued on 3 June 2015 by Ho Chi Minh Stock Exchange with the stock code named NT2.

The number of the Company's employees as at 31 December 2025 was 170 (31 December 2024: 168).

Operating industry

The business operations of the Company are:

- Production, transmission and distribution of power;
- Direct support services for transportation by waterway;
- Wholesale of solid fuel, liquid, gas and other relative products;
- Warehouse and storage;
- Road transportation;
- Architecture and technical consultancy;
- Wholesale of equipment, materials and other spare parts;
- Professional activities, other scientific and technological;
- Vocational education;
- Domestic waterway transportation;
- Other transportation support services; and
- Trading of own or rented properties and land use rights; leasing, operation, and management of residential and non-residential properties.

Principal activities

Principal activities of the Company is to manage and operate Nhon Trach 2 Thermal Power Plant located at Hamlet 3, Dai Phuoc Commune, Dong Nai Province, S.R of Vietnam.

Normal production and business cycle

The Company's normal production and business cycle is carried out for a period of 12 months or less.

Disclosure of information comparability in the financial statements

Comparative figures are the figures of the Company's audited financial statements for the year ended 31 December 2024.

2. ACCOUNTING CONVENTION AND FINANCIAL YEAR

Accounting convention

The accompanying financial statements, expressed in Vietnam Dong ("VND"), are prepared under the historical cost convention and in accordance with Vietnamese Accounting Standards, accounting regime for enterprises and legal regulations relating to financial reporting.

The accompanying financial statements are not intended to present the financial position, results of operations and cash flows in accordance with accounting principles and practices generally accepted in countries and jurisdictions other than Vietnam.

Financial year

The Company's financial year begins on 1 January and ends on 31 December.

3. NEW ACCOUNTING GUIDANCE IN ISSUE BUT NOT YET ADOPTED EFFECTIVE

On 27 October 2025, the Ministry of Finance issued Circular No. 99/2025/TT-BTC ("Circular 99") guiding the application of accounting regime for enterprises. Circular 99 are effective from 1 January 2026 and apply for financial years beginning on or after 01 January 2026. This Circular will supersede the following regulations:

- Circular No. 200/2014/TT-BTC dated 22 December 2014 of the Ministry of Finance ("Circular 200") providing guidance on the corporate accounting regime (except for contents relating to accounting guidance for the equitization of State-owned enterprises);
- Circular No. 75/2015/TT-BTC dated 18 May 2015 of the Ministry of Finance on amendments to Article 128 of Circular 200; and
- Circular No. 53/2016/TT-BTC dated 21 March 2016 of the Ministry of Finance amending and adding some articles of Circular 200.

The Board of Management is considering the extent of impact of the adoption of Circular 99 on the Company's financial statements for future accounting periods, beginning on or after 1 January 2026.

4. SUMMARY OF SIGNIFICANT ACCOUNTING POLICIES

The significant accounting policies, which have been adopted by the Company in the preparation of these financial statements, are as follows:

Estimates

The preparation of financial statements in conformity with Vietnamese Accounting Standards, accounting regime for enterprises and legal regulations relating to financial reporting requires the Board of Management to make estimates and assumptions that affect the reported amounts of assets, liabilities and disclosures of contingent assets and liabilities at the date of the financial statements and the reported amounts of revenues and expenses during the financial year. Although these accounting estimates are based on the Board of Management's best knowledge, actual results may differ from those estimates.

Financial instruments

Initial recognition

Financial assets: At the date of initial recognition, financial assets are recognized at cost plus transaction costs that are directly attributable to the acquisition of the financial assets. Financial assets of the Company comprise cash and cash equivalents, short-term investments and trade receivables and other receivables.

Financial liabilities: At the date of initial recognition, financial liabilities are recognized at cost plus transaction costs that are directly attributable to the issue of the financial liabilities. Financial liabilities of the Company comprise borrowings, trade payables and other payables, and accrued expenses.

Subsequent measurement after initial recognition

Currently, there are no requirements for the subsequent measurement of the financial instruments after initial recognition.

Cash and cash equivalents

Cash and cash equivalents comprise cash on hand, bank demand deposits, and short-term, highly liquid investments (not exceeding 3 months) that are readily convertible to known amounts of cash and which are subject to an insignificant risk of changes in value.

Held-to-maturity investments

Held-to-maturity investments represent term deposits with maturity. Held-to-maturity investments are recognised on a trade date basis and are initially measured at acquisition price plus directly attributable transaction costs. Interest income from held-to-maturity investments is recognized in the income statement on accrual basis.

Receivables

Receivables represent the amounts recoverable from customers or other debtors and are stated at book value less provision for doubtful debts.

Provision for doubtful debts is made for receivables that are overdue when the debtor is in dissolution, in bankruptcy, or is experiencing similar difficulties and so may be unable to repay the debt.

Inventories

Inventories are stated at the lower of cost and net realisable value. Cost comprises direct materials and where applicable, direct labour costs and those overheads that have been incurred in bringing the inventories to their present location and condition. The Company applies perpetual method to account for inventories. Cost is calculated using the weighted average method. Net realisable value represents the estimated selling price less all estimated costs to completion and costs to be incurred in marketing, selling and distribution.

The evaluation of necessary provision for inventory obsolescence follows current prevailing accounting regulations which allow provisions to be made for obsolete, damaged, or sub-standard inventories and for those which have book value higher than net realisable values as at the balance sheet date.

Tangible fixed assets and depreciation

Tangible fixed assets are stated at cost less accumulated depreciation. The costs of purchased tangible fixed assets comprise their purchase prices and any directly attributable costs of bringing the assets to their working condition and location for their intended use. The costs of self-constructed or manufactured assets are the actual construction or manufacturing cost plus installation and test running costs.

Tangible fixed assets are depreciated using the straight-line method over their estimated useful lives as follows:

	Years
Buildings and structures	05 – 20
Machinery and equipment	05 – 14
Motor vehicles	06 – 10
Office equipment	03 – 06

Loss or gain resulting from sales and disposals of tangible fixed assets is the difference between the net proceeds from sales or disposals of assets and their carrying amount and is recognized in the income statement.

Leasing

Leases where substantially all the rewards and risks of ownership of assets remain with the leasing company are accounted for as operating leases. Rentals payable under operating leases are charged to the income statement on a straight-line basis over the lease term.

Intangible assets and amortization

Intangible assets represent land use rights and software. Value of indefinite land use rights are stated at cost and not amortized. Software is amortized using the straight-line method over the estimated useful life of 3 to 6 years.

Prepayments

Prepayments are expenses which have already been paid but relate to results of operations of multiple financial years, including short-term and long-term prepayments.

Short-term prepayments represent insurance for power plants and other insurance, allocated on a straight-line basis within one year.

Long-term prepaid expenses include the overhaul costs for the Nhon Trach 2 Combined Cycle Gas Turbine Power Plant; the initial payment for the long-term maintenance and repair contract for the main equipment in the next 100,000 EOH phase; project land lease costs for the Nhon Trach 2 Combined Cycle Gas Turbine Power Plant, detailed in Note 13 and other long-term prepaid expenses.

Other types of long-term prepayments comprise costs of tools, supplies and other expenditures which are expected to provide future economic benefits to the Company. These expenditures have been capitalized as long-term prepayments and are allocated to the income statement using the straight-line method over the period from two to three years in accordance with current prevailing regulations.

Accrued expenses

Accrued expenses are those liabilities of merchandises and services received from suppliers and recognized as expenses for the year but not yet settled due to lack of supporting documentation.

Payable provisions

Payable provisions are recognized when the Company has a present obligation as a result of a past event, and it is probable that the Company will be required to settle that obligation. Provisions are measured at the Board of Management's best estimate of the expenditure required to settle the obligation as at the balance sheet date.

Revenue recognition

Electricity sales revenue

Electricity sales revenue is recognized when the transaction outcome can be reliably determined, and the Company has the ability to obtain economic benefits from this transaction. Electricity sales revenue is recorded when there is a record confirming the amount of electricity generated to the National grid.

Electricity sales revenue arising from the exchange rate difference between the exchange rate at the time of repaying the principal of the loan for investing in Nhon Trach 2 Power Plant and the exchange rate in the pricing plan of Nhon Trach 2 Power Plant is recognized upon inspection, approval by the Ministry of Industry and Trade and upon agreement between the Company and Vietnam Electricity/ Electric Power Trading Company in the implementation of the Power Purchase Agreement according to current regulations.

Interest income is accrued on a time basis, by reference to the principal outstanding and at the applicable interest rate.

Foreign currencies

Transactions arising in foreign currencies are translated at exchange rates ruling at the transaction date. The balances of monetary items denominated in foreign currencies as at the balance sheet date are translated at the buying rate of Joint Stock Commercial Bank for Foreign Trade of Vietnam on the same date. Exchange differences arising from the translation of these accounts are recognized in the income statement.

Fund distribution and profit appropriation

Bonus and welfare fund, Management bonus, development and investment fund and dividends for shareholders are distributed from the Company's retained earnings in accordance with the Company's Charter as proposed by the Board of Directors and approved by Shareholders in the General Shareholders' Meeting.

Dividend payment for the year is decided by the Board of Directors based on (i) current business situation and operating results in the coming year, (ii) provisional dividend payout rate that has been approved by Shareholders in the General Shareholders' Meeting, and (iii) the Company's Charter and other Vietnamese regulations in order to balance between source of funds for dividend payment and other financial obligations.

The final figures relating to the distribution mentioned as above for funds and dividends from annual retained earnings are approved by Shareholders during the Company's Annual General Shareholders' Meeting.

Borrowing costs

Borrowing costs are recognized in the income statement when incurred unless they are capitalized in accordance with Vietnamese Accounting Standard No. 16 "Borrowing costs".

Taxation

Income tax expense represents the sum of the tax currently payable and deferred tax.

The tax currently payable is based on taxable profit for the year. Taxable profit differs from profit before tax as reported in the income statement because it excludes items of income or expense that are taxable or deductible in other years (including loss carried forward, if any) and it further excludes items that are never taxable or deductible.

Deferred tax is recognized on significant differences between carrying amounts of assets and liabilities in the financial statements and the corresponding tax bases used in the computation of taxable profit and is accounted for using balance sheet liability method. Deferred tax liabilities are generally recognized for all temporary differences and deferred tax assets are recognized to the extent that it is probable that taxable profit will be available against which deductible temporary differences can be utilized.

Deferred tax is calculated at the tax rates that are expected to apply in the year when the liability is settled or the asset realized. Deferred tax is charged or credited to profit or loss, except when it relates to items charged or credited directly to equity, in which case the deferred tax is also dealt with in equity.

Deferred tax assets and liabilities are offset when there is a legally enforceable right to set off current tax assets against current tax liabilities and when they relate to income taxes levied by the same tax authority and the Company intends to settle its current tax assets and liabilities on a net basis.

The determination of the tax currently payable is based on the current interpretation of tax regulations. However, these regulations are subject to yearic variation, and their ultimate determination depends on the results of the tax authorities' examinations.

Other taxes are paid in accordance with the prevailing tax laws in Vietnam.

5. CASH AND CASH EQUIVALENTS

	<u>Closing balance</u> VND	<u>Opening balance</u> VND
Cash on hand	132,156,578	125,289,733
Bank demand deposits	22,171,727,608	6,832,948,507
Cash equivalents	-	50,000,000,000
	<u>22,303,884,186</u>	<u>56,958,238,240</u>

6. SHORT-TERM FINANCIAL INVESTMENTS

Short-term financial investments as at 31 December 2025 represent deposits in Vietnam Dong with terms of more than 3 months and less than 1 year at commercial banks, earning interest rates ranging from 4.2% per annum to 6% per annum (as at 31 December 2024: 4.2% per annum to 5.5% per annum).

Short-term financial investments as at 31 December 2025 include the balance of a 12-month term deposit with an interest rate of 4.2% per annum at Vietnam Modern Commercial Joint Stock Bank with a value of VND 490,790,416 which is subject to transaction restrictions. The Board of Management assesses that this amount will be re-traded in the future when there are specific regulations from the State Bank.

7. SHORT-TERM TRADE RECEIVABLES

	<u>Closing balance</u> VND	<u>Opening balance</u> VND
Electricity Power Trading Company ("EPTC")	3,770,159,720,120	2,933,258,613,166
Others	12,394,470	17,193,421
	<u>3,770,172,114,590</u>	<u>2,933,275,806,587</u>

The short-term trade receivable from Electricity Power Trading Company ("EPTC") as at 31 December 2025 is determined according to the official electricity selling price specified in the Power Purchase Agreement No. 07/2012/HD-NMD-NT2 ("Power Purchase Agreement 07") signed on 6 July 2012; Contract to provide auxiliary services No. 01/2023/DVPT/NT2-EVN signed on 10 September 2023, and other amendments to the Power Purchase Agreement 07 between the Company and the Vietnam Electricity ("EVN")/ Electricity Power Trading Company ("EPTC").

8. OTHER SHORT-TERM RECEIVABLES

	<u>Closing balance</u> VND	<u>Opening balance</u> VND
Interest accrued	82,370,251,792	35,763,761,384
Interest on deferred payment of the Electricity Trading Company ("EPTC") (*)	42,153,554,457	42,153,554,457
Siemens Energy Global	-	1,526,376,282
Other receivables	74,565,000	252,919,289
	<u>124,598,371,249</u>	<u>79,696,611,412</u>

(*) Interest on late payment receivable from EPTC accrued up to 31 December 2012 according to the terms of the Power Purchase Agreement No. 07/2012/HD-NMD-NT2 dated 06 July 2012 between Company and EVN/EPTC.

9. PROVISION FOR SHORT-TERM DOUBTFUL DEBTS

Provision for short-term doubtful debts at the balance sheet date is made upon the Board of Management's assessment of recoverability, details as follow:

	Closing balance		Opening balance	
	VND		VND	
	Cost	Recoverable amount	Cost	Recoverable amount
Total amount of receivables unlikely to be recovered				
Electricity Power Trading Company (EPTC)	-	-	80,494,444,352	56,178,618,099
Provision		-		24,315,826,253

10. INVENTORIES

Inventories as at 31 December 2025 and 31 December 2024 represent diesel oil which has been stored to use for electricity production, consumables and spare parts use for commercial operations and maintenance activities of Nhon Trach 2 Combined Cycle Gas Turbine Power Plant.

	Closing balance		Opening balance	
	VND		VND	
	Cost	Provision	Cost	Provision
Consumables and materials	289,184,309,958	-	267,604,801,750	-
DO 0.05% S	64,919,980,329	-	64,995,034,106	-
	354,104,290,287	-	332,599,835,856	-

11. INCREASES, DECREASES IN TANGIBLE FIXED ASSETS

	Buildings and structures	Machinery and equipment	Motor vehicles	Office equipment	Total
	VND	VND	VND	VND	VND
COST					
Opening balance	2,972,510,902,136	8,312,185,485,163	35,945,649,692	11,897,708,657	11,332,539,745,648
Additions	1,417,442,796	-	4,834,604,751	5,226,884,091	11,478,931,638
Closing balance	2,973,928,344,932	8,312,185,485,163	40,780,254,443	17,124,592,748	11,344,018,677,286
ACCUMULATED DEPRECIATION					
Opening balance	1,965,142,359,863	7,903,223,828,856	33,533,579,639	11,022,300,600	9,912,922,068,958
Charge for the year	148,896,379,520	405,639,497,249	890,570,884	732,413,971	556,158,861,624
Closing balance	2,114,038,739,383	8,308,863,326,105	34,424,150,523	11,754,714,571	10,469,080,930,582
NET BOOK VALUE					
Opening balance	1,007,368,542,273	408,961,656,307	2,412,070,053	875,408,057	1,419,617,676,690
Closing balance	859,889,605,549	3,322,159,058	6,356,103,920	5,369,878,177	874,937,746,704

As at 31 December 2025, the cost of fixed assets includes VND 8,353,230,655,906 (as at 31 December 2024: VND 73,774,469,739) of fixed assets which have been fully depreciated but are still in use.

12. INCREASES, DECREASES IN INTANGIBLE ASSETS

	Land use rights	Computer software	Total
	VND	VND	VND
COST			
Opening balance	21,602,554,546	10,000,346,375	31,602,900,921
Closing balance	21,602,554,546	10,000,346,375	31,602,900,921
ACCUMULATED AMORTIZATION			
Opening balance	-	9,551,994,671	9,551,994,671
Charge for the year	-	201,333,336	201,333,336
Closing balance	-	9,753,328,007	9,753,328,007
NET BOOK VALUE			
Opening balance	21,602,554,546	448,351,704	22,050,906,250
Closing balance	21,602,554,546	247,018,368	21,849,572,914

Indefinite land use rights represent land use rights for the land lot of the CC1.2 apartment complex - Unit No. 1 - Phuoc An - Long Tho Residential Area, Dong Nai Province.

As at 31 December 2025, the cost of intangible assets includes VND 9,396,346,375 (as at 31 December 2024: VND 9,396,346,375) of fixed assets which have been fully amortized but are still in use.

13. PREPAYMENTS

	Closing balance	Opening balance
	VND	VND
a. Current		
Insurance fee for factory and other insurance	4,742,286,251	4,749,424,813
	4,742,286,251	4,749,424,813
b. Non-current		
Overhaul expenses to be allocated at 100000 EOH	213,495,219,381	301,702,397,469
(i)		
Initial fee for long-term maintenance and repair contract of main equipment for the next 100,000 EOH period (ii)	125,809,742,176	137,131,381,946
Compensation for site clearance (iii)	2,999,826,324	3,352,747,068
Advanced gas fuel cost (iv)	-	1,039,511,914,882
Others	807,381,525	668,221,909
	343,112,169,406	1,482,366,663,274

Long-term prepayments include expenditures as follows:

- (i) Overhaul costs of Nhon Trach 2 Combined Cycle Gas Turbine Power Plant at 100,000 EOH (operating hours) arise when the plant reaches 100,000 EOH operating hours and the Company must carry out periodic overhauls as required technical demand. Accordingly, this overhaul cost is recorded and allocated to the corresponding income statement over the next 33,333 EOH for each generating unit.
- (ii) The initial payment fee under the long-term maintenance and repair contract for Nhon Trach 2 Combined Cycle Gas Turbine Power Plant for the next 100,000 operating hours EOH for each unit between the Company and the joint venture of Siemens Energy Global GmbH & Co. KG / Siemens Energy Limited Company, signed on 28 July 2023. Accordingly, this initial payment fee is recorded and allocated in the income statement over the next 100,000 EOH for each unit.

- (iii) Land rentals have been prepaid by the Company through compensation for site clearance corresponding to the area rented in Dai Phuoc Commune, Dong Nai Province for an area of 129,188 m² for the period from 27 June 2009 to 9 October 2014 and for an area of 294,724.8 m² for the period from 27 June 2009 to 30 June 2034. These prepayments are charged to the income statement using the straight-line method over the land lease term and the rental payables under the land lease contract shall be deducted accordingly throughout the lease term.
- (iv) The prepayment for the fuel cost for operating the Nhon Trach 2 Power Plant, as stipulated in the gas purchase contract No. 44/2010/PVGas/KHTH-PVPOWER NT2/B4 dated 6 April 2010, and the meeting minutes, as well as the supplementary contract appendices between the Company and PetroVietnam Gas Joint Stock Corporation ("PVGas"). In some months, the Company's electricity output does not meet the obligation to purchase the gas as specified in the gas purchase contract. However, the Company is still obligated to pay PVGas an amount corresponding to the gas volume committed minus the actual gas consumed during the year ('prepaid gas volume'). The Company will have the right to receive from PVGas a gas volume equivalent to the advanced gas volume within four (04) years from the occurrence and may offset it against the purchase obligation without incurring any additional costs. The advanced gas fuel cost as of 31 December 2024 has been deducted by PVGas against the purchase obligation for the year 2025 in accordance with the agreement between the two parties.

14. SHORT-TERM TRADE PAYABLES

	Closing balance VND	Opening balance VND
a. Short-term trade payables to third parties		
Siemens Energy Global GmbH & Co.KG	-	90,148,277,384
Other suppliers	7,545,083,344	3,083,403,312
	<u>7,545,083,344</u>	<u>93,231,680,696</u>
b. Short-term trade payables to related parties (Note 32)		
PetroVietnam Gas Joint Stock Corporation	1,221,675,676,974	2,153,018,063,190
PetroVietnam Power Technical Services Joint Stock Company	5,080,885,046	6,606,186,471
	<u>1,226,756,562,020</u>	<u>2,159,624,249,661</u>
Total	<u>1,234,301,645,364</u>	<u>2,252,855,930,357</u>

The Company is able to pay all short-term trade payables as of the balance sheet date.

15. TAXES AND AMOUNTS PAYABLE TO THE STATE BUDGET

	Opening balance VND	Payable during the year VND	Paid during the year VND	Closing balance VND
Value added tax	-	47,913,068,135	34,892,039,141	13,021,028,994
Imported tax	-	1,145,678,953	1,145,678,953	-
Corporate income tax	14,862,579,743	137,679,551,705	84,903,322,849	67,638,808,599
Personal income tax	537,170,938	13,385,665,144	13,906,018,755	16,817,327
Natural resources tax	3,678,461,520	40,907,586,240	40,923,884,040	3,662,163,720
Forest Environmental Services Fee	4,363,616,250	17,044,827,600	16,849,809,550	4,558,634,300
Other taxes	1,589,692	15,025,852,874	15,025,427,326	2,015,240
	<u>23,443,418,143</u>	<u>273,102,230,651</u>	<u>207,646,180,614</u>	<u>88,899,468,180</u>

16. SHORT-TERM ACCRUED EXPENSES

	Closing balance	Opening balance
	VND	VND
Cost of gas fuel (i) (Note 32)	1,153,056,893,161	1,116,609,913,314
Maintenance expenses (ii)	57,990,251,026	32,939,774,371
Accrued interest expenses	4,924,420,529	2,828,385,151
Other accruals	285,833,333	1,293,319,190
	<u>1,216,257,398,049</u>	<u>1,153,671,392,026</u>

Short-term accrued expenses at the balance sheet date mainly include the following:

- (i) The cost of gas fuel to operate the Nhon Trach 2 Power Plant in November 2025 and December 2025 that has not yet been billed as of the balance sheet date and is recognized according to the notice on advance payment for gas from the Branch of PetroVietnam Gas Joint Stock Corporation - Southeast Gas Transmission Company.
- (ii) Plant maintenance and repair costs are deducted according to the long-term maintenance and repair contract for main equipment of Nhon Trach 2 Combined Cycle Gas Turbine Power Plant phase 100,000 hours of subsequent EOH operation for each unit between the Company and the joint venture of Siemens Energy Global GmbH & Co. KG/Siemens Energy Limited Company signed on 28 July 2023.

17. OTHER CURRENT PAYABLES

	Closing balance	Opening balance
	VND	VND
Interest on late payment payable to PetroVietnam Gas Joint Stock Corporation (*) (Note 32)	39,278,284,374	39,278,284,374
Dividends, profits payable	9,375,618,076	9,014,824,084
Other payables	852,071,417	736,823,891
	<u>49,505,973,867</u>	<u>49,029,932,349</u>

(*) The interest on late payment of gas charges payable to PetroVietnam Gas Joint Stock Corporation (PVGas) in accordance with the terms of the Gas Purchase Agreement No. 44/2010/PVGas/KTTT-PVPower NT2/B4 dated 6 April 2010 between the Company and PVGas incurred up to 31 December 2012.

18. SHORT-TERM LOANS

	Opening balance	In the year		Closing balance
	VND	Increase	Decrease	VND
		VND	VND	
Joint Stock Commercial Bank for Foreign Trade of Vietnam (*)	996,392,854,961	3,750,146,403,659	2,984,233,121,525	1,762,306,137,095
	<u>996,392,854,961</u>	<u>3,750,146,403,659</u>	<u>2,984,233,121,525</u>	<u>1,762,306,137,095</u>

(*) On 14 March 2025, the Company signed a short-term unsecured loan contract No. 010/TT.KHDN/25NH with the Joint Stock Commercial Bank for Foreign Trade of Vietnam with a total loan limit of VND 2,000,000,000,000 for electricity production and business activities. The credit limit is effective from the date of signing the loan contract to 25 March 2026. The interest rate is determined based on the announcement of the Bank on interest rate prevailing at the time of loan disbursement and is specified in the relevant debt acknowledgement document. Interest is payable monthly. The term of each loan shall not exceed 6 months from the day following the disbursement date, as specified in each debt acknowledgement document.

All short-term loans are able to be paid off by the Company at the balance sheet date.

PETROVIETNAM POWER NHON TRACH 2 JOINT STOCK COMPANY
NOTES TO THE FINANCIAL STATEMENTS (Continued)

FORM B 09-DN

19. OWNERS' EQUITY

Shares	Closing balance	Opening balance
Number of shares issued to the public	287,876,029	287,876,029
Ordinary shares	287,876,029	287,876,029
Number of outstanding shares in circulation	287,876,029	287,876,029
Ordinary shares	287,876,029	287,876,029

The Company has one type of ordinary share which carries no right to fixed income and par value is 10,000 per share. The shareholders of ordinary shares are entitled to receive dividends as declared from time to time and are entitled to one vote per share at the Company's shareholders' meetings. All shares rank equally with regard to the Company's residual assets.

Details of shareholders as at the balance sheet date are as follows:

	Closing balance		Opening balance	
	VND	%	VND	%
PetroVietnam Power Corporation	1,709,260,800,000	59.37%	1,709,260,800,000	59.37%
Technology Development Company Limited	237,961,150,000	8.27%	237,961,150,000	8.27%
Other shareholders	931,538,340,000	32.36%	931,538,340,000	32.36%
	<u>2,878,760,290,000</u>	<u>100%</u>	<u>2,878,760,290,000</u>	<u>100%</u>

Movement in owners' equity:

	Owners' contributed capital	Share premium	Investment and Development fund	Retained earnings	Total
	VND	VND	VND	VND	VND
Prior year's opening balance	2,878,760,290,000	(457,500,000)	226,065,784,162	1,231,480,796,169	4,335,849,370,331
Profit for the year	-	-	-	82,893,960,390	82,893,960,390
Dividends paid from 2023 profit	-	-	-	(201,513,220,300)	(201,513,220,300)
Fund appropriation from 2023 profit	-	-	-	(28,150,000,000)	(28,150,000,000)
Current year's opening balance	<u>2,878,760,290,000</u>	<u>(457,500,000)</u>	<u>226,065,784,162</u>	<u>1,084,711,536,259</u>	<u>4,189,080,110,421</u>
Profit for the year	-	-	-	1,130,284,802,854	1,130,284,802,854
Remaining dividends paid from 2023 profit	-	-	-	(230,300,823,200)	(230,300,823,200)
Dividends paid from accumulated retained earnings	-	-	-	(201,513,220,300)	(201,513,220,300)
Fund appropriation from 2024 profit	-	-	-	(28,150,000,000)	(28,150,000,000)
Current year's closing balance	<u>2,878,760,290,000</u>	<u>(457,500,000)</u>	<u>226,065,784,162</u>	<u>1,755,032,295,613</u>	<u>4,859,400,869,775</u>

According to Resolution No. 01/NQ-CPNT2 dated 08 January 2025 of the Board of Directors, the Company has approved the payment of the remaining dividends for 2023 in cash from the retained earnings of 2023 at the rate of 8% of par value, equivalent to VND 230,300,823,200. According to Resolution No. 11/NQ-CPNT2 dated 10 October 2025 of the Board of Directors, the Company has approved the payment of the dividends in cash from the accumulated retained earnings as at 31 December 2024 at the rate of 7% of par value, equivalent to VND 201,513,220,300. During the year, the Company paid dividends according to the above resolutions, with the remaining payable dividends amounting to VND 9,375,618,076 (Note 17).

According to Resolution No. 06/NQ-CPNT2 dated 28 May 2025, the Annual General Meeting of Shareholders approved the distribution plan of retained earnings up to the end of 2024. Accordingly, the Bonus and Welfare Fund and Management bonus fund are appropriated with the amount of VND 28,150,000,000.

20. OFF BALANCE SHEET ITEMS

Assets held under trust

On 31 December 2025 and 31 December 2024, according to the long-term maintenance and repair contract for main equipment of Nhon Trach 2 Combined Cycle Gas Turbine Power Plant, the Company received and kept a number of materials and spart parts owned by the contractor Siemens Energy Global GmbH with aim to serve the plant's maintenance needs. These materials will be settled after the end of the long-term maintenance and repair contract entered into by the Company.

21. BUSINESS AND GEOGRAPHICAL SEGMENTS

The Company's principal activities are to produce and sell electricity domestically. Other business activities account for a small portion of total revenue and operating result of the Company in this year as well as previous years. Consequently, financial information presented in the balance sheet as at 31 December 2025 and 31 December 2024, revenue and expenses presented in the income statement for the year then ended are relevant to principal activities. Hence, no segment reports by business lines and geographical areas need to be presented.

22. NET REVENUE FROM GOODS SOLD AND SERVICES RENDERED

Electricity revenue in the year is recognized monthly according to the electricity output generated to the national grid with the monthly confirmation of the Electricity Power Trading Company ("EPTC") at the electricity selling price stated in the Power Sales Agreement No. 07/2012/HD-NMD-NT2 dated 06 July 2012, Service Contract No. 01/2023/DVPT/NT2-EVN dated 10 September 2023, and their appendices/amendments signed between the Company and EVN/EPTC.

23. PRODUCTION COST BY NATURE

	Current year VND	Prior year VND
Raw materials and consumables	5,598,862,596,824	4,793,336,570,949
Labour	132,037,964,569	82,903,970,338
Depreciation and amortisation	556,350,994,956	687,070,057,755
Reversal of allowances for doubtful debts	(24,315,826,253)	-
Repair and maintenance costs	378,204,603,293	267,699,105,858
Out-sourced services	85,606,388,294	85,264,414,506
Other monetary expenses	68,571,611,473	57,059,129,913
	<u>6,795,318,333,156</u>	<u>5,973,333,249,319</u>

24. FINANCIAL INCOME

	Current year VND	Prior year VND
Bank interest income	167,461,621,311	94,658,872,647
Foreign exchange gain	2,920,455,360	5,286,163,388
	<u>170,382,076,671</u>	<u>99,945,036,035</u>

PETROVIETNAM POWER NHON TRACH 2 JOINT STOCK COMPANY
NOTES TO THE FINANCIAL STATEMENTS (Continued)

FORM B 09-DN

25. FINANCIAL EXPENSES

	Current year VND	Prior year VND
Loan interest	64,690,698,207	34,929,818,001
Foreign exchange loss	1,686,143,315	3,727,686,507
	<u>66,376,841,522</u>	<u>38,657,504,508</u>

26. GENERAL AND ADMINISTRATION EXPENSES

	Current year VND	Prior year VND
Administrative staff	59,289,658,858	37,027,856,614
Office supplies	2,417,776,426	2,239,175,271
Depreciation and amortization	6,824,798,975	6,725,906,735
Repair and maintenance costs	5,291,551,778	796,299,205
Taxes, fees and charges	366,622,862	350,739,170
Out-sourced services	33,108,988,805	31,933,012,610
Reversal of provisions for doubtful debts	(24,315,826,253)	-
Others	1,926,367,607	2,094,565,210
	<u>84,909,939,058</u>	<u>81,167,554,815</u>

27. OTHER INCOME

	Current year VND	Prior year VND
Income from recognizing the value of ISP backup tools (*)	-	70,294,128,000
Income from liquidation of assets	-	63,974,747
Other income	4,245,657,022	2,846,823,926
	<u>4,245,657,022</u>	<u>73,204,926,673</u>

(*) Other income of prior year represents the remaining unused spare parts after the settlement process between the Company and the consortium Sieme AG/Siemens Ltd. Vietnam ("the consortium") according to the long-term equipment maintenance contract between the Company and the consortium for the maintenance of machinery and major equipment for the Nhon Trach 2 Combined Cycle Gas Turbine Power Plant during the first 100,000 operating hours for each generating unit.

28. CURRENT CORPORATE INCOME TAX EXPENSE

	Current year VND	Prior year VND
Current corporate income tax expense	134,608,811,325	21,062,579,743
Corporate income tax expense based on taxable profit in the current year	2,440,022,255	-
Recognition of the current tax expense of taxable temporary differences	630,718,125	112,000
Adjustments for corporate income tax expense in previous years to the current year	<u>137,679,551,705</u>	<u>21,062,691,743</u>
Total current corporate income tax expense		

PETROVIETNAM POWER NHON TRACH 2 JOINT STOCK COMPANY
NOTES TO THE FINANCIAL STATEMENTS (Continued)

FORM B 09-DN

The current corporate income tax expense for the year was computed as follows:

	Current year			Prior year
	Main activities VND	Other activities VND	Total VND	Total VND
Profit before tax	1,164,253,479,832	103,710,874,727	1,267,964,354,559	103,956,652,133
Add back non-deductible expenses	4,290,452,605	372,719,436	4,663,172,041	1,356,246,581
Less: non-taxable income	(25,473,404,536)	(2,574,801,487)	(28,048,206,023)	-
Current taxable income	1,143,070,527,901	101,508,792,676	1,244,579,320,577	105,312,898,714
Taxable profit of the current year	1,143,070,527,901	101,508,792,676	1,244,579,320,577	105,312,898,714
Tax rate	10%	20%		
Corporate income tax expense based on taxable profit in the current year	114,307,052,790	20,301,758,535	134,608,811,325	21,062,579,743
Recognition of the current tax expense of taxable temporary differences	2,428,950,831	11,071,424	2,440,022,255	
Adjustment of corporate income tax expenses of previous years	115,757,828	514,960,297	630,718,125	112,000
Current corporate income tax expense	116,851,761,449	20,827,790,256	137,679,551,705	21,062,691,743

The Company is obliged to pay corporate income tax at the rate of 10% of its taxable profit from electricity production and trading (main activities) for 15 years from the first year of revenue (2011) and 20% for the following years (from 2026).

The Company is obliged to pay corporate income tax at the rate of 20% on income from other activities according to Decree No. 320/2025/ND-CP dated 15 December 2025 issued by the Government of Vietnam.

29. BASIC EARNINGS PER SHARE

The calculation of the basic earnings per share attributable to the ordinary shareholders of the Company is based on the data below:

	Current year	Prior year
Accounting profit after corporate income tax	VND 1,130,284,802,854	82,893,960,390
Appropriation to bonus and welfare funds and management bonus (*)	VND 28,150,000,000	28,150,000,000
Profit for calculating basic earnings per share	VND 1,102,134,802,854	54,743,960,390
Weighted average number of ordinary shares for the purposes of calculating basic earnings per share	Share 287,876,029	287,876,029
Basic earnings per share	VND 3,829	190

(*) Bonus and Welfare fund and management bonus used to calculate basic earnings per share for the year ended 31 December 2025 is based on the profit distribution plan of 2025 according to Resolution No. 06/NQ-CPNT2 dated 28 May 2025 approved by the Company's General Meeting of Shareholders. According to this Resolution, the Company intends to appropriate to the Bonus and Welfare fund and management bonus with the amount of VND 28,150,000,000.

B Bonus and Welfare fund and management bonus used to calculate basic earnings per share for the year ended 31 December 2024 is restated based on the Resolution No. 06/NQ-CPNT2 dated 28 May 2025 issued by the Company's General Meeting of Shareholders approving the 2024 profit after tax distribution plan.

During the year and up to the date of these financial statements, there have been no other transactions involving potential ordinary shares. Therefore, diluted earnings per share equals to basic earnings per shares.

30. COMMITMENTS

Selling Commitments

The Company signed Power Purchase Contract No. 07/2012/HD-NMD-NT2 dated 6 July 2012 with Electric Power Trading Company ("EPTC") and other amendments. Accordingly, all electricity production produced under orders of Electricity Regulatory Authority of Vietnam is exclusively underwritten by EPTC within 25 years from 16 October 2011 the date Nhon Trach 2 Combined Cycle Gas Turbine Power Plant officially commenced its commercial operation. The selling price of electricity was negotiated in according to terms of Power Purchase Agreement and its amendments.

Purchasing Commitments

The Company has signed the Gas Purchase Contract No. 44/2010/PVGas/KTTT-PVPower NT2/B4 dated 06 April 2010 with PetroVietnam Gas Joint Stock Corporation. Accordingly, the selling price of gas is negotiated according to the terms of this contract, as amended; and the Company has a responsibility of purchasing and paying for a minimum volume of gas during the terms of contract till the end of this contract on 31 December 2036.

31. FINANCIAL INSTRUMENTS

Capital risk management

The Company manages its capital to ensure that the Company will be able to continue as a going concern while maximising the return to shareholders through the optimisation of the debt and equity balance.

The capital structure of the Company consists of net debt (borrowings as disclosed in Note 18 offset by cash and cash equivalents) and owners' equity (comprising contributed capital, share premium, investment and development fund and retained earnings).

Gearing ratio

The gearing ratio of the Company as at the balance sheet date was as follows:

	Closing balance	Opening balance
	VND	VND
Borrowings	1,762,306,137,095	996,392,854,961
Less: Cash and cash equivalents	22,303,884,186	56,958,238,240
Net debt	1,740,002,252,909	939,434,616,721
Equity	4,859,400,869,775	4,189,080,110,421
Net debt to equity ratio	0.36	0.22

Significant accounting policies

Details of the significant accounting policies and methods adopted (including the criteria for recognition, the bases of measurement, and the bases for recognition of income and expenses) for each class of financial assets and financial liabilities are disclosed in Note 4.

PETROVIETNAM POWER NHON TRACH 2 JOINT STOCK COMPANY
NOTES TO THE FINANCIAL STATEMENTS (Continued)

FORM B 09-DN

Categories of financial instruments

	Carrying amounts		Fair value (*)	
	Closing balance VND	Opening balance VND	Closing balance VND	Opening balance VND
Financial assets				
Cash and cash equivalents	22,303,884,186	56,958,238,240	22,303,884,186	56,958,238,240
Trade and other receivables	3,894,770,485,839	3,012,972,417,999	3,894,770,485,839	3,012,972,417,999
Short-term financial investments	3,757,490,790,416	2,273,490,790,416	3,757,490,790,416	2,273,490,790,416
	<u>7,674,565,160,441</u>	<u>5,343,421,446,655</u>	<u>7,674,565,160,441</u>	<u>5,343,421,446,655</u>
Financial liabilities				
Borrowings	1,762,306,137,095	996,392,854,961	1,762,306,137,095	996,392,854,961
Trade and other payables	1,283,807,619,231	2,301,885,862,706	1,283,807,619,231	2,301,885,862,706
Accrued expenses	1,216,257,398,049	1,153,671,392,026	1,216,257,398,049	1,153,671,392,026
	<u>4,262,371,154,375</u>	<u>4,451,950,109,693</u>	<u>4,262,371,154,375</u>	<u>4,451,950,109,693</u>

(*) The Company has not yet assessed fair value of its financial assets and liabilities as at the balance sheet date since there is no comprehensive guidance under Circular No. 210/2009/TT-BTC issued by the Ministry of Finance on 6 November 2009 ("Circular 210") and other relevant prevailing regulations to determine fair value of these financial assets and liabilities. While Circular 210 refers to the application of International Financial Reporting Standards ("IFRS") on presentation and disclosures of financial instruments, it did not adopt the equivalent guidance for the recognition and measurement of financial instruments, including application of fair value, in accordance with IFRS.

Financial risk management objectives

The Company has set up risk management system to identify and assess the risks exposed by the Company and designed control policies and procedures to manage those risks at an acceptable level. Risk management system is reviewed on a regular basis to reflect changes in market conditions and the Company's operations.

Financial risks include market risk (including interest rate risk and price risk), credit risk and liquidity risk.

Market risk

The Company's activities expose it primarily to the financial risks of changes in foreign currency exchange rates, interest rates and prices. The Company does not hedge these risk exposures due to the lack of active market for the trading activities of financial instruments.

Foreign currency risk management

The Company undertakes certain transactions denominated in foreign currencies; consequently, exposures to exchange rate fluctuations arise. The Company is mainly exposed to exchange rate risk of United States Dollar and Euro.

In the current year and prior year, the Company has paid off most of loans/trade payables denominated in foreign currencies, so there is no material risk on exchange rate at the balance sheet date.

Interest rate risk management

The Company has significant interest rate risks arising from interest bearing loans which are arranged. The risk is managed by the Company by maintaining an appropriate level of borrowings and analysing market competition to enjoy favorable interest rates from appropriate lenders.

Interest rate sensitivity

The loan's sensitivity to interest rate changes which may arise at an appropriate level is presented as follows. Assuming all other variables were held constant and the loan balance at the balance sheet date were the outstanding amount for the whole year, if interest rates applicable to fixed interest bearing loans had been 200 basis points higher/lower, the Company's profit before tax for the year ended 31 December 2025 would have decreased/increased by VND 35,246,122,742 (for the year ended 31 December 2024: VND 19,927,857,099).

Gas price risk management

The Company purchases natural gas from local suppliers for power production. Therefore, the Company is exposed to the risk of changes in selling price of gas. The Company has managed this risk by signing the monopoly and long-term contracts to minimize the change of unit price of gas during the period of business.

Credit risk

Credit risk refers to the risk that counterparty will default on its contractual obligations resulting in financial loss to the Company. The Company has a credit policy in place and the exposure to credit risk is monitored on an ongoing basis. At the balance sheet date, there is a significant concentration of credit risk arising from sales to Electricity Power Trading Company (EPTC) - Vietnam Electricity and under-one-year term cash deposits with banks for the year ended 31 December 2025.

The Company manages credit risk to its customers through the Company's control policies, procedures and processes related to credit risk management. The Company monitored on an ongoing basis to uncollected customer receivables. As at the balance sheet date, the Company considers the deterioration in credit quality according to the nature and content of each balance of receivables from EPTC.

The Company has appropriate measures in place to minimize credit risk and maintains a closely control over its outstanding receivables.

Since cash is deposited at reputable financial institutions, the Board of Management perceived no material credit risk relating to the deposits and assumed that these financial institutions shall not cause any losses to the Company.

Liquidity risk management

The purpose of liquidity risk management is to ensure the availability of funds to meet present and future financial obligations. Liquidity is also managed by ensuring that the excess of maturing liabilities over maturing assets in any year is kept to manageable levels relative to the amount of funds that the Company believes can generate within that year. The Company policy is to regularly monitor current and expected liquidity requirements to ensure that the Company maintains sufficient reserves of cash, borrowing and adequate committed funding from its shareholders to meet its liquidity requirements in the short and longer term.

The following table details the Company's remaining contractual maturity for its non-derivative financial assets and financial liabilities with agreed repayment years. The tables have been drawn up based on the undiscounted cash flows of financial assets and undiscounted cash flows of financial liabilities based on the earliest date on which the Company can be required to pay. The inclusion of information on non-derivative financial assets is necessary in order to understand the Company's liquidity risk management as the liquidity is managed on a net asset and liability basis.

PETROVIETNAM POWER NHON TRACH 2 JOINT STOCK COMPANY
NOTES TO THE FINANCIAL STATEMENTS (Continued)

FORM B 09-DN

	Less than 1 year	Over 1 year	Total
	VND	VND	VND
31/12/2025			
Cash and cash equivalents	22,303,884,186	-	22,303,884,186
Trade and other receivables	3,894,770,485,839	-	3,894,770,485,839
Short-term financial investments	3,757,490,790,416	-	3,757,490,790,416
	<u>7,674,565,160,441</u>	<u>-</u>	<u>7,674,565,160,441</u>
31/12/2025			
Borrowings	1,762,306,137,095	-	1,762,306,137,095
Trade and other payables	1,283,807,619,231	-	1,283,807,619,231
Accrued expenses	1,216,257,398,049	-	1,216,257,398,049
	<u>4,262,371,154,375</u>	<u>-</u>	<u>4,262,371,154,375</u>
Net liquidity gap	<u>3,412,194,006,066</u>	<u>-</u>	<u>3,412,194,006,066</u>
	Less than 1 year	Over 1 year	Total
	VND	VND	VND
31/12/2024			
Cash and cash equivalents	56,958,238,240	-	56,958,238,240
Trade and other receivables	3,012,972,417,999	-	3,012,972,417,999
Short-term financial investments	2,273,490,790,416	-	2,273,490,790,416
	<u>5,343,421,446,655</u>	<u>-</u>	<u>5,343,421,446,655</u>
31/12/2024			
Borrowings	996,392,854,961	-	996,392,854,961
Trade and other payables	2,301,885,862,706	-	2,301,885,862,706
Accrued expenses	1,153,671,392,026	-	1,153,671,392,026
	<u>4,451,950,109,693</u>	<u>-</u>	<u>4,451,950,109,693</u>
Net liquidity gap	<u>891,471,336,962</u>	<u>-</u>	<u>891,471,336,962</u>

The Board of Management assessed the liquidity risk at low level. The Board of Management believes that the Company will be able to generate sufficient funds to meet its financial obligations as and when they fall due.

32. RELATED PARTY TRANSACTIONS AND BALANCES

List of related parties with major balances and transactions during the year:

Related parties	Relationship
PetroVietnam Power Corporation - JSC	The Parent Company
Vietnam National Industry - Energy Group ("PVN")	Ultimate Parent Company
PetroVietnam Gas Joint Stock Corporation	The same group
PetroVietnam Power Technical Services Joint Stock Company	The same group
PVI Insurance Corporation	The same group
Vietnam Public Joint Stock Commercial Bank	The same group
PetroVietnam Trading Service Registration Company Limited	The same group
PetroVietnam College	The same group
PetroVietnam Nhon Trach Power Company	The Parent Company's branch

PETROVIETNAM POWER NHON TRACH 2 JOINT STOCK COMPANY
NOTES TO THE FINANCIAL STATEMENTS (Continued)

FORM B 09-DN

During the year, the Company entered into the following significant transactions with related parties:

	Current year VND	Prior year VND
Purchases		
PetroVietnam Gas Joint Stock Corporation	5,576,893,617,075	4,598,379,923,853
PVI Insurance Corporation	33,177,345,330	33,179,054,593
PetroVietnam Power Technical Services Joint Stock Company	19,540,363,960	51,030,401,555
Vietnam National Industry - Energy Group	1,039,566,521	5,136,016,199
PetroVietnam Trading Service Registration Company Limited	750,506,400	27,000,000
PetroVietnam College	120,000,000	-
PetroVietnam Nhon Trach Power Company	77,838,125	77,838,125
	<u>5,631,599,237,411</u>	<u>4,687,830,234,325</u>
Financial income		
Interest income from deposits at Vietnam Public Joint Stock Commercial Bank	2,016	15,529
Other income		
PetroVietnam Power Technical Services Joint Stock Company	42,827,272	-
Dividend paid		
PetroVietnam Power Corporation - JSC	<u>256,389,120,000</u>	<u>119,648,256,000</u>

Remuneration paid to the Company's Board of Directors, Chief accountant and Board of Management, Board of Supervisors during the year was as follows:

	Current year VND	Prior year VND
Board of Directors		
Mr. Uong Ngoc Hai	1,356,496,272	1,242,106,355
Mr. Luong Ngoc Anh	96,000,000	96,000,000
Mr. Ngo Duc Nhan	(*)	(*)
Mr. Nguyen Cong Dung (resigned on 01 March 2024)	45,348,258	265,842,489
Ms. Phan Thi Thuy Lan	96,000,000	96,000,000
	<u>1,593,844,530</u>	<u>1,699,948,844</u>

(*) Presented in the income of the Board of Management as detailed below:

	Current year VND	Prior year VND
Board of Management/Chief Accountant		
Mr. Ngo Duc Nhan	1,343,715,392	1,238,407,349
Ms. Nguyen Thi Ha	1,198,065,337	1,127,800,038
Mr. Nguyen Van Quyen	1,040,534,832	959,484,746
Mr. Nguyen Trung Thu	1,113,617,734	1,052,728,331
Mr. Le Viet An	999,180,134	904,544,706
	<u>5,695,113,429</u>	<u>5,282,965,170</u>
Board of Supervisors		
Mr. Nguyen Huu Minh	1,025,186,490	959,189,043
Mr. Nguyen Van Ky	60,000,000	60,000,000
Ms. Phan Lan Anh	60,000,000	60,000,000
	<u>1,145,186,490</u>	<u>1,079,189,043</u>

PETROVIETNAM POWER NHON TRACH 2 JOINT STOCK COMPANY
NOTES TO THE FINANCIAL STATEMENTS (Continued)

FORM B 09-DN

Operating expenses of the Board of Directors and Board of Supervisors during the year are as follows:

	Current year	Prior year
	VND	VND
Operating expenses during the year of the Board of Directors	163,829,133	183,349,932
Operating expenses during the year of the Board of Supervisors	48,004,811	49,426,148

Related party significant balances as at the balance sheet date were as follows:

	Closing balance	Opening balance
	VND	VND
Short-term trade payables		
PetroVietnam Gas Joint Stock Corporation	1,221,675,676,974	2,153,018,063,190
PetroVietnam Power Technical Services Joint Stock Company	5,080,885,046	6,606,186,471
	<u>1,226,756,562,020</u>	<u>2,159,624,249,661</u>
Short-term accrued expenses		
PetroVietnam Gas Joint Stock Corporation	1,153,056,893,161	1,116,609,913,314
PetroVietnam Nhon Trach Power Company	77,838,125	-
	<u>1,153,134,731,286</u>	<u>1,116,609,913,314</u>
Other current payables		
PetroVietnam Gas Joint Stock Corporation	39,278,284,374	39,278,284,374
	<u>39,278,284,374</u>	<u>39,278,284,374</u>

33. CONTINGENT ASSETS AND LIABILITIES

According to Resolution No. 1944/NQ-DKVN dated 2 April 2018, by PetroVietnam Oil and Gas Group (currently known as Vietnam National Industry - Energy Group) ("PVN"), regarding the cessation of PVN's Resolution No. 1827/NQ-DKVN dated 19 March 2013, which approved the accounting treatment for revenues/expenses related to delayed payments for electricity/gas, the Company will need to recognize interest income from late payments by Electricity Trading Company ("EPTC") and recognize payables to PV GAS based on the payment delays/overdue periods as per the terms of the framework agreement and appendices signed between PVNT2 and PV GAS (Gas Purchase Agreement) and between PVNT2 and Electricity Trading Company (Electricity Purchase Agreement). The Company has been working with Electricity Trading Company of EVN, PV GAS on the implementation of the electricity/gas purchase agreements and is in discussions with PVN as well as its parent company - PVPower - JSC about the specific method and the applicability of Resolution No. 1944/NQ-DKVN to late payment interest balances arising from previous years/periods. This is to ensure accurate and complete accounting for penalty interest/expenses, receivables/payables related to delayed payments for electricity/gas in the future. As of the issuance date of these financial statements, the Company has not yet received specific guidance or decisions from PVN regarding the aforementioned receivables/payables, and therefore, there is no firm basis to record any adjustments in the financial statements for the year ended 31 December 2025.

PetroVietnam Power Nhon Trach 2 Joint Stock Company received Decision No. 1632/QD-TCT dated 8 November 2019 of the General Department of Taxation related to the tax audit for the fiscal year ended 31 December 2018. Regarding some problems due to the specific industry in relation to the time of VAT declaration on the revenue from selling electricity and the corresponding costs from buying gas to produce electricity, the Company is continuing to explain and recommend to the inspectors of the General Department of Taxation and relevant authorities to have the final conclusion on the inspection of tax law observance by PetroVietnam Power Nhon Trach 2 Joint Stock Company. At the date of these financial statements, the Company has not yet received the conclusion of its tax law compliance inspection by PetroVietnam Power Nhon Trach 2 Joint Stock Company related to the time of declaring VAT on revenue from selling electricity and corresponding costs from buying gas to produce electricity by the General Department of Taxation and relevant agencies, so there is no firm basis to record any adjustment in the financial statements for the year ended 31 December 2025.

On 9 November 2021, the People's Committee of Nhon Trach District, Dong Nai Province (currently known as the People's Committee of Nhon Trach Commune, Dong Nai Province) issued Decision No. 4267/QĐ-UBND regarding the recovery of 116,482 square meters of land from the Company for the implementation of the Nhon Trach 3 and Nhon Trach 4 Power Plant projects at Ong Keo Industrial Park, Dai Phuoc Commune, Dong Nai Province, with PetroVietnam Power Corporation - JSC as the investor. Accordingly, the Company is continuing to work with relevant parties and authorities to reach an agreement on the compensation for site clearance and other costs related to the recovered land.

As of 31 December 2025, the Board of Management has assessed that the Company has an obligation to decommission, restore, and return the site at the end of the lease term or the project completion date of the power plant. Currently, the Company has not yet estimated the value of this remediation obligation because sufficient and reliable information regarding potential costs that may arise, as well as the assessment of possible impacts relevant to determining production costs, has not been obtained. Consequently, the Company is working with the relevant authorities for more specific guidance and is monitoring updates on the policy mechanisms for remediation provisions applicable in the electricity production sector to estimate the value of this obligation.

34. SUPPLEMENTAL DISCLOSURES OF CASH FLOW INFORMATION

Supplemental non-cash disclosures

Interest earned on deposits during the year excluded an amount of VND 82,370,251,792 (in 2024: VND 35,763,761,384), representing accrued interest during the year that has not been received. Consequently, changes in accounts receivable have been adjusted by the same amount.

Interest paid during the year excluded an amount of VND 4,924,420,529 (in 2024: VND 2,828,385,151) representing interest expense that has not been paid. Consequently, changes in accounts payable have been adjusted by the same amount.

Dividends paid to shareholders during the year excluded an amount of VND 9,375,618,076 (in 2024: VND 9,014,824,084) representing dividends and profits have not been paid fully to shareholders. Consequently, changes in accounts payable have been adjusted by the same amount.

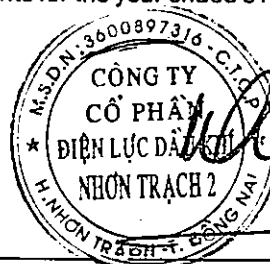
Proceeds from borrowings and repayment of borrowings represent net amount between loan withdrawal and repayment amount of short-term loans with payment term of no more than 3 months. Consequently, the "Proceeds from borrowings" and "Repayment of borrowings" items have been respectively decreased by the same amount of VND nil (in 2024: VND 485,564,324,510).

35. SUBSEQUENT EVENTS

There were no subsequent events after the end of the financial year that had, or could have had, a material effect on the Company's operations, financial position, or operating results requiring adjustment or disclosure in the financial statements for the year ended 31 December 2025.

Le Van Tu
Preparer

Le Viet An
Chief Accountant



Ngô Đức Nhân
Director

25 February 2026